LUẬN GIẢI THI TỤNG MƯỜI BỨC TRANH CHĂN TRÂU

GIẢNG GIẢI

LỜI DẪN

Quyển Thập Mục Ngưu Đồ Tụng Luận Giải hay Luận Giải Thi Tụng Mười Bức Tranh Chăn Trâu của thiền sư Quảng Trí đời Lê, trước đây được Phật tử Trần Đình Sơn dịch và chú thích. Nay có bản dịch của Thông Phương và chúng tôi giảng ngay trong bản mới dịch này.

Thiền sư Quảng Trí ở vào đời vua Lê Dụ Tông, thời Lê trung hưng. Rất tiếc là tiểu sử của ngài và chùa ngài ở chưa tìm được. Đây là một thiếu sót trong sử Phật giáo Việt Nam, do vì các nhà ghi sử thời Lê trọng Nho khinh Phật nên không nêu cái hay của nhà Phật, khiến cho phần sử liệu Phật học thiếu sót nhiều.

Bản Luận Giải Thi Tụng Mười Bức Tranh Chăn Trâu của thiền sư Quảng Trí là một vinh hạnh cho nền Phật học Việt Nam. Bản này không tìm thấy trong

các thư viện, nhưng Phật tử Trần Đình Sơn có được là do một người bạn ở Đà Lạt tặng. Khi ông dịch bản này và phát hành thì chúng tôi có được bản chữ Hán. Xem kỹ lại chúng tôi thấy rất hay nên mới đem vào chương trình học, để chúng ta thấy rằng mãn đời Trần đến đời Lê vẫn có những thiền sư xuất sắc chứ không phải là bặt dấu. Song vì chúng ta không tìm ra tư liệu nên đành để quên đi.

BIỂU DÂNG VUA LÊ DỤ TÔNG

Kính dâng Thánh thượng bản sớ giải về những lời tụng Tranh chăn trâu.

Tăng Pháp Thông, hiệu Quảng Trí ở chùa Trấn Hải (Trấn Hải Quan tự) kính ghi.

Vào tháng ba năm Kỷ Hợi (1719) được Thánh thượng ngự đến chùa nhân ngày lễ vía đức Di-đà, chính khi ấy chúng tăng kính cẩn nghênh đón. Tôi đặc biệt được gọi vào, thọ ơn Thánh thượng đem lòng mến thương, ban cho ngồi uống trà và thêm ân cần hỏi han trước sau. Lòng tôi run sợ, theo đó vừa đáp vừa tỏ bày, mắt chẳng dám nhìn, chỉ cúi đầu cung kính.

Đội ân đức rộng lớn mênh mông của Thánh thượng, ngài hỏi thăm từ duyên lúc còn ở ngoài đời, cho đến việc đi xuất gia: "Đã bỏ những tạo tác

ở thế tục bao lâu, để chí nơi suối rừng từng làm được sự nghiệp gì?"

Tôi kính xem thấy đấng thiên tử có tâm Phật, thường chẳng quên lời vàng đã phó chúc, biết sửa đổi những điều cũ xưa làm cho mới mẻ trở lại, khiến khuôn phép nơi đất Phật được chuyển thông, thật là thích ứng cho khắp cả quân dân. Xem kỹ quả có đức "thành", nhìn kỹ quả có đức "chủ". Nhờ đem chủng nhân đó dạy dỗ muôn dân, thì có thể dứt điều tội lỗi, đem đến phước lành, lại thêm bồi đắp quả tốt về sau. Cứ mỗi kỳ rằm lớn (tam nguyên) ngài đem tiền bạc, vật báu vô số đến cúng dường luôn luôn, ý mong cho Phật pháp được thịnh vượng. Lại thêm bốn mùa cấp dưỡng không thiếu thốn. Bọn tôi lòng rất đỗi vui mừng khôn xiết!

Kế lại được ngài hỏi đến ý nghĩa chăn trâu, khi ấy tôi trình bày chẳng được rành rẽ chi lắm. Nay đây, tôi kính cẩn đem phần giải thích nơi bản xưa, mở ra xem lại, hoặc có chỗ nào lý giải chưa sáng tỏ, thì lý giải thêm ít lời, hoặc chỗ nào rườm rà không cần thiết thì lược bỏ bớt, biên thành một bản. Lại trên mỗi bức tranh vẽ thêm một tranh, xong đóng thành quyển kính dâng lên. Ngưỡng mong Thánh thượng khi muôn việc rỗi rảnh mở xem một phen. Hoặc lời lẽ trong đó có giải lầm, xin ngài cứ xóa bỏ đi. Còn nếu trong đó có điều xác đáng, mong ngài cho được truyền rộng ra khiến người học chẳng đến nỗi quên mất việc học thuở trước, cũng như ngày càng mở rộng thêm sự hiểu biết mới,

và người sau này cũng được tiện lợi. Đó thật là điều rất bổ ích với hàng tu tiến. Song với lời giải thích cạn cợt, ngôn từ vụng về, chẳng đáng làm phiền ngài xem qua. Tôi thầm xét thấy cơ Tổ tinh tế và sâu kín, tạm mượn việc chăn trâu. Sức học của ngài uyên thâm hỏi đến trí điều phục trâu, chúng tôi chẳng ngại sự kém cỏi của mình, trình bày đầy đủ ra đây, kính dâng lên để Thánh thượng được rõ.

Niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ mười sáu (1720)

Ngày rằm tháng năm.

Giảng:

Kính dâng Thánh thượng bản sớ giải về những lời tụng Tranh chăn trâu.

Tăng Pháp Thông, hiệu Quảng Trí ở chùa Trấn Hải kính ghi. Tác giả quyển Luận Giải Thi Tụng Mười Bức Tranh Chăn Trâu là thiền sư hiệu Quảng Trí, tự Pháp Thông, có chỗ nói hiệu là Pháp Thông, tự là Quảng Trí, nhưng Quảng Trí được nhiều người chú ý, nên Quảng Trí là pháp hiệu, Pháp Thông là pháp tự thì hợp lý hơn.

Ngôi chùa ngài ở gọi là chùa Trấn Hải, ở kinh đô Thăng Long. Nhưng khi ra Thăng Long tức hiện nay là Hà Nội, chúng ta không biết chùa Trấn Hải ở chỗ nào, chỉ có chùa Trấn Quốc, tra lại tên trước là Khai Quốc, chứ chưa bao giờ có tên là Trấn Hải. Vì thế chúng tôi ngờ không biết có phải ngài Quảng Trí ở chùa Trấn Quốc hay không, chỉ biết ngài ở chùa tại kinh đô Thăng Long. Nghi vấn này để sau chúng ta tra khảo kỹ lại.

Vào tháng ba năm Kỷ Hợi (1719) được Thánh thượng ngự đến chùa nhân ngày lễ vía đức Di-đà, chính khi ấy chúng tăng kính cẩn nghênh đón. Tôi đặc biệt được gọi vào, thọ ơn Thánh thượng đem lòng mến thương, ban cho ngồi uống trà và thêm ân cần hỏi han trước sau. Lòng tôi run sợ, theo đó vừa đáp vừa tỏ bày, mắt chẳng dám nhìn, chỉ cúi đầu cung kính. Đây là tư cách của người dân đối với vua. Khi xưa vua chúa đi đến đâu thì dân chúng không được ngước nhìn mà phải cúi đầu xuống. Vì vậy trong khi uống trà đối đáp, ngài Quảng Trí tuy ngồi chung mà không dám nhìn mặt vua, chỉ cúi đầu cung kính.

Vua Lê Hy Tông lên ngôi năm 1675 và nhường ngôi cho con là vua Lê Dụ Tông năm 1705. Vua Lê Dụ Tông lên ngôi rồi nhường ngôi cho con năm 1729. Vua Lê Hy Tông chúng ta đã được biết qua thiền sư Tông Diễn và thiền sư Chân Nguyên, vua Lê Dụ Tông chúng ta biết qua thiền sư Quảng Trí và thiền sư Hương Hải. Hai vua đều có tâm hâm mộ Phật pháp, thường đến chùa gặp chư tăng hỏi đạo lý nên Phật giáo trong thời Lê, từ cuối thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XVIII, được vua chúa kính trọng và có cơ hội phát triển.

Đội ân đức rộng lớn mênh mông của Thánh thượng, ngài hỏi thăm từ duyên lúc còn ở ngoài đời, cho đến việc đi xuất gia: "Đã bỏ những tạo tác ở thế tục bao lâu, để chí nơi suối rừng từng làm được sự nghiệp gì?" Khi ngồi uống trà, nhà vua mới hỏi lúc ở ngoài đời ngài đã làm gì và từ khi đi tu đến nay đã làm được những gì trong đạo. Đó là hai câu hỏi cho biết nhà vua rất chú ý đến ngài.

Tôi kính xem thấy đấng thiên tử có tâm Phật, thường chẳng quên lời vàng đã phó chúc, biết sửa đổi những điều cũ xưa làm cho mới mẻ trở lại, khiến khuôn phép nơi đất Phật được chuyển thông, thật là thích ứng cho khắp cả quân dân. Ở đây ngài tán thán nhà vua có tâm Phật và không quên lời vàng phó chúc của đức Phật. Đức Phật phó chúc cho vua lúc nào? Theo trong kinh, có đoạn đức Phật phó chúc cho tất cả chư thiên và những vị vua chúa trên nhân gian sau này là những người ủng hộ chánh pháp để lưu truyền mãi mãi. Đây là dẫn kinh xưa chứ không phải đức Phật trực tiếp phó chúc cho vua Lê Dụ Tông. Vì thế nên nhà vua biết sửa đổi những điều cũ xưa, làm lại những điều mới mẻ, khiến cho khuôn phép nơi đất Phật được chuyển thông. Khi trước, ngài Chân Nguyên tôn vua Lê Hy Tông là Giác vương, còn ở đây ngài Quảng Trí tán thán vua Lê Dụ Tông là người biết chuyển đổi cho xứ sở mình, cho đất Phật của mình được chuyển thông, được thích ứng với tất cả quân dân. Thế nên trong thời này Phật giáo rất là hưng thịnh.

Xem kỹ quả có đức "thành", nhìn kỹ quả có đức "chủ". Nhờ đem chủng nhân đó dạy dỗ muôn dân, thì có thể dứt điều tội lỗi, đem đến phước lành, lại thêm bồi đắp quả tốt về sau. Cứ mỗi kỳ rằm lớn (tam nguyên) ngài đem tiền bạc vật báu vô số đến cúng dường luôn luôn, ý mong cho Phật pháp được thịnh vượng. Lại thêm bốn mùa cấp dưỡng không thiếu thốn. Bọn tôi lòng rất đỗi vui mừng khôn xiết! Ngài Quảng Trí nhìn kỹ nhà vua quả có đức chân thành và đức làm chủ muôn dân. Mỗi kỳ rằm lớn, vua cho quân lính đem tiền bạc

vật dụng đến chùa cúng dường và quanh năm thường cấp dưỡng đầy đủ cho chư tăng tu hành được an ổn. Vì vậy những người tu trong chùa rất vui mừng, rất quý trọng nhà vua.

Kế lại được ngài hỏi đến ý nghĩa chăn trâu, khi ấy tôi trình bày chẳng được rành rẽ chi lắm. Nay đây, tôi kính cẩn đem phần giải thích nơi bản xưa, mở ra xem lại, hoặc có chỗ nào lý giải chưa sáng tỏ, thì lý giải thêm ít lời, hoặc chỗ nào rườm rà không cần thiết thì lược bỏ bớt, biên thành một bản. Lại trên mỗi bức tranh vẽ thêm một tranh, xong đóng thành quyển kính dâng lên. Ngưỡng mong Thánh thượng khi muôn việc rỗi rảnh mở xem một phen. Hoặc lời lẽ trong đó có giải lầm, xin ngài cứ xóa bỏ đi. Còn nếu trong đó có điều xác đáng, mong ngài cho được truyền rộng ra khiến người học chẳng đến nỗi quên mất việc học thuở trước, cũng như ngày càng mở rộng thêm sự hiểu biết mới, và người sau này cũng được tiện lợi. Đó thật là điều rất bổ ích với hàng tu tiến. Song với lời giải thích cạn cợt, ngôn từ vụng về, chẳng đáng làm phiền ngài xem qua. Tôi thầm xét thấy cơ Tổ tinh tế và sâu kín, tạm mượn việc chăn trâu. Sức học của ngài uyên thâm hỏi đến trí điều phục trâu, chúng tôi chẳng ngại sự kém cỏi của mình, trình bày đầy đủ ra đây, kính dâng lên để Thánh thượng được rõ.

Niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ mười sáu (1720)

Ngày rằm tháng năm.

Đây là lý do ngài Quảng Trí giảng về những lời tụng mười bức tranh chăn trâu.

Sau khi hỏi thăm ngài lúc ở ngoài đời đã làm gì và khi xuất gia ở chùa đã làm được những gì, vua lại hỏi thêm về ý nghĩa chăn trâu. Khi bị hỏi bất chợt, ngài trình bày không được rành rẽ lắm. Như chúng ta hiện giờ khi gặp Thủ tướng đến thăm và hỏi bất chợt, chắc chúng ta trả lời cũng không được suôn sẻ vì không chuẩn bị trước. Lại khi xưa là thời phong kiến, vua là trên hết, có quyền sanh sát trong tay, cho nên trình thưa lời gì cũng phải cẩn mật rành rẽ, nếu bất chợt bị hỏi làm sao trả lời cho rành! Vì vậy ngài nói rất là thành thật: *khi ấy tôi trình bày chẳng được rành rẽ chi lắm*, tức là trình bày còn luộm thuộm chưa được rõ ràng.

Nay đây, tôi kính cẩn đem phần giải thích nơi bản xưa, mở ra xem lại, hoặc có chỗ nào lý giải chưa sáng tỏ, thì lý giải thêm ít lời, hoặc chỗ nào rườm rà không cần thiết thì lược bỏ bớt, biên thành một bản. Nay ngài xem kỹ lại mười bức tranh chăn trâu trong sách xưa, chỗ nào thấy thiếu thì ngài bổ túc, chỗ nào thấy dư thì lược bớt.

Lại trên mỗi bức tranh vẽ thêm một tranh, xong đóng thành quyển kính dâng lên. Trên mỗi bức tranh ngài vẽ thêm một tranh. Thí dụ như trên bức tranh "Vị mục" hay "Chưa chăn", ngài vẽ các ông quan ngồi uống trà uống rượu, khi đó là chưa chăn. Đến bức "Hồi thủ" hay "Quày đầu", ngài vẽ thêm một thầy tu ngồi tự tại. Qua sáng kiến vẽ thêm tranh của ngài, chúng ta thấy tinh thần của một thiền sư nhân cái xưa mà phụ họa cái nay, để chúng ta dễ hiểu hơn.

Ngưỡng mong Thánh thượng khi muôn việc rảnh rỗi mở xem một phen. Đây là lời nói khiêm nhường của thiền sư. Khi nào rảnh, vua mở xem một lần.

Hoặc lời lẽ trong đó có giải lầm, xin ngài cứ xóa bỏ đi. Nếu tôi có giảng sai, vua cứ bỏ bớt đi.

Còn nếu trong đó có điều xác đáng, mong ngài cho được truyền rộng ra, khiến người học chẳng đến nỗi quên mất việc học thuở trước... Nếu vua xét thấy trong đó là đúng là hợp lý thì xin ngài cho in ra. Nhờ vậy mà bản Luận Giải Thi Tụng Mười Bức Tranh Chăn Trâu còn lưu truyền mãi đến ngày nay.

Song với lời giải thích cạn cợt, ngôn từ vụng về, chẳng đáng làm phiền ngài xem qua. Lời giải thích cạn cợt, ngôn từ vụng về, chẳng đáng cho bậc vua chúa phải xem.

Tôi thầm xét thấy, cơ Tổ tinh tế và sâu kín, tạm mượn việc chăn trâu. Sức học của ngài uyên thâm hỏi đến trí điều phục trâu, chúng tôi chẳng ngại sự kém cỏi của mình, trình bày đầy đủ ra đây kính dâng lên để Thánh thượng được rõ. Đây là những lời đề cao nhà vua để tránh lỗi cho rằng ngài xem thường vua.

Niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ mười sáu (1720) ngày rằm tháng năm. Bản Luận Giải Thi Tụng Mười Bức Tranh Chăn Trâu ra đời năm 1720, tức là đầu thế kỷ XVIII dưới thời vua Lê Dụ Tông.

Bài này nói rõ lý do vì sao thiền sư Quảng Trí viết quyển Luận Giải này.

LỜI TỰA TRANH CHĂN TRÂU

Xét bởi, Phật tổ ra đời đều nhân vì mang nặng tâm nguyện lợi ích chúng sanh và cảm sâu lòng thương xót muôn vật, nên mới lập bày nhiều môn. Dù nói rằng, người người vốn đủ, một tánh sáng tròn, nhưng đều do vô minh vọng niệm, nên chợt đó liền chịu luân hồi chưa từng tỉnh giác trở lại.

Bấy giờ, đức Phật Thích-ca Văn bỏ hoàng cung đi thẳng vào núi Tuyết, thị hiện sáu năm khổ hạnh, sau đó mới thuyết pháp lợi sanh. Ngài mở rộng lòng từ to lớn thương tất cả, nhổ sạch gốc rễ tối tăm trong nhiều kiếp. Một tâm bi cùng tột phát ra lời chân thật tận cả cội nguồn. Bởi người quá mê mờ bỏ mất bản tánh, nên mới có giáo pháp ba thừa, Phật tùy cơ nói ra tự tại. Song đối với diệu đạo Nhất thừa, thì một bề chỉ thẳng là đốn, là viên. Hoặc trên trời hay trong nhân gian đều chẳng trái với giáo chỉ.

Hoặc khổ thú hay trầm luân, vẫn càng gần với ý Phật, không ngăn cách một mảy trần. Dù tối tăm che lấp cũng trông thấy sáng ngời, mọi đức tròn đủ. Dù người không có duyên, cũng đều được thu nhiếp trao cho.

Đợi đến tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang, mở ra việc nhìn vách chín năm. Sau đó dùng chỉ thẳng truyền riêng, lấy tâm ấn tâm, lại phát xuất Nhị tổ Thần Quang đứng trong tuyết tham thỉnh, chặt tay cầu an tâm, nên nói "được người tiếp nối". Từ đây trở xuống, Tổ Tổ nối tiếp nhau, hoặc thức ngủ hiện bày chân thật, hoặc đề cao đường giác, hoặc nói pháp ngữ, hoặc cho tiểu tham, hoặc khai thị, hoặc cảnh sách (đánh thức khuyên răn), hoặc châm minh (ghi sâu nhắc nhở), mỗi mỗi thúc đẩy dẫn dụ cho người tiến lên, nếu biên góp lại thì có rất nhiều nói không thể hết.

Nay pháp môn Tranh chăn trâu này, chưa biết bắt nguồn từ tay người nào. Có điều cũng phỏng theo kinh Phật, rồi kết tụ với Tổ giáo mà sắp xếp thành mười mục: ban đầu từ chưa chăn, sau cùng mất cả hai. Con trâu, lúc đầu đen rồi trắng dần, cho đến hoàn toàn trắng sạch. Thiền sư Phổ Minh còn dùng lời tụng, tụng thêm ở mỗi mục. Về tranh, thì hình ảnh rõ ràng, ý lại sâu kín. Về tụng, thì lời gần mà ý chỉ cao xa. Thật là ân huệ lớn lao cho người học, có bổ ích rất nhiều, phương tiện cũng quá đầy đủ.

Thế nhưng, tranh ấy chính là pháp môn chỉ thẳng, mà đáng tiếc thiếu không có phần dẫn thẳng.

Tôi chẳng ngại sự kém cỏi của mình, thầm lấy những lời có sẵn của người xưa, lại chọn kỹ văn kinh, gạn xét chín chắn làm y cứ, phụ xen vào một hai ý mình, muốn tạm dùng để bù vào chỗ thiếu sót, đâu đáng gọi là biên soạn! Ví như bệnh không phải chỉ có một chứng, thuốc không hạn cuộc một phương (toa); vì vậy nói: Bệnh lành thì thuốc quý, dù nước tiểu cũng là cam lồ. Chứng bệnh khác mà chấp vào một toa, thì dù nhân sâm, phục linh cũng trở thành thuốc độc. Há cho ngọc tiết, san hô là diệu dược vô thượng sao? Nếu như hàng sơ cơ đệ tử Phật, quý việc tu thân thì hãy soi xét lại mình. Kẻ thích theo cuồng tuệ, hẳn có khinh thường và sẽ chê cười tôi. Tôi cũng không bắt ép ai. Vậy nên viết thành lời tựa.

Niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ mười lăm (1720) ngày Phật thành đạo, mùng tám tháng chạp năm Kỷ Hợi.

Kính ghi ở Hải Thiên Phật Quốc.

Giảng:

Xét bởi, Phật tổ ra đời đều nhân vì mang nặng tâm nguyện lợi ích chúng sanh và cảm sâu lòng thương xót muôn vật, nên mới lập bày nhiều môn. Dù nói rằng, người người vốn đủ, một tánh sáng tròn, nhưng đều do vô minh vọng niệm, nên chợt đó liền chịu luân hồi chưa từng tỉnh giác trở lại.

Mở đầu Lời Tựa Tranh Chăn Trâu, ngài Quảng Trí đi thẳng vào giáo lý: Lý do Phật tổ ra đời nhân vì mang nặng tâm nguyện lợi ích chúng sanh và lòng thương xót

muôn vật, nên lập ra nhiều pháp môn, như trong kinh nói có tám muôn bốn ngàn pháp môn. Lẽ ra Phật dạy một pháp cho tất cả người tu, vì sao Phật lại dạy nhiều pháp môn như vậy? Là vì chúng sanh tâm niệm sai biệt, kẻ trình độ cao, người trình độ thấp, kẻ thích thứ này, người ưa thứ kia, mỗi người mỗi bệnh khác nhau, nếu dạy một pháp thì không thể nào khắp được các căn cơ, thế nên Phật mới lập bày nhiều pháp môn để đối trị.

Dù nói rằng, người người vốn đủ, một tánh sáng tròn, nhưng đều do vô minh vọng niệm, nên chợt đó liền chịu luân hồi chưa từng tỉnh giác trở lại. Trong kinh nói: Ai ai cũng có sẵn tánh giác tròn sáng, không thiếu không khuyết, nhưng vì vô minh vọng niệm cho nên luân hồi không biết tỉnh giác trở lại. Như vậy trong kinh nói rõ tất cả chúng ta ai cũng có tánh Phật, mà tại sao lại làm chúng sanh? Tại vì vô minh vọng niệm cho nên đi theo luân hồi sanh tử. Thật ra trên thế gian ai cũng thấy mình tương đối là khôn chứ không phải dại. Đâu có ai nói tôi dại triệt để, nếu có dại thì cũng dại bậc trung, vậy là dại lắm rồi! Ai cũng thầm nghĩ mình là khôn, nghĩ mình khôn mà không chịu sống với tánh giác, lại đi luân hồi làm chúng sanh! Sống với tánh giác là Phật, đi luân hồi là chúng sanh nên phải khổ! Tại sao đi trong luân hồi, tại sao làm kẻ mê, mà không nhận mình ngu? Phật nói chữ vô minh là nói nhẹ, vô minh là không sáng, chứ không nói là tối mò. Còn nói thẳng, nói nặng thì nói ngu. Vì vô minh nên phải chịu luân hồi!

Thế nào là vô minh? Chúng tôi định nghĩa lại cho tất cả được rõ. Trong kinh Viên Giác, Bồ-tát Văn-thù

hỏi Phật: Thế nào là vô minh? Phật giải thích: Người nào chấp thân tứ đại hòa hợp này là thân mình thật, chấp tâm suy nghĩ chạy theo bóng dáng sáu trần là tâm mình thật, đó là người vô minh. Xin hỏi có người nào luôn luôn thấy thân này là giả, thấy tâm chạy theo sáu trần là vọng tưởng hư dối chăng? Hay thấy thân này là thật, tâm suy nghĩ theo sáu trần là tâm mình thật, thấy như vậy là vô minh. Còn nếu thấy thân này là giả, mà thấy tâm suy nghĩ chạy theo bóng dáng sáu trần là thật, đó là bán phần vô minh, tức là phân nửa vô minh. Chúng ta hãy tự kiểm xem chúng ta có vô minh không.

Như vậy vô minh là gốc mê lầm của tất cả chúng sanh. Là con người, ai cũng đều thấy thân này là thân mình thật, cho nên chạy tìm kiếm đủ thứ để thỏa mãn những nhu cầu nó đòi hỏi, nào ăn, nào mặc, nào danh vọng địa vị v.v..., vì vậy mà suốt một đời không bao giờ ngừng được. Chúng ta nghĩ thỏa mãn cái thân là để nó sống lâu chứ gì? Thí dụ như một bữa cơm chúng ta ăn độ ba chén là no, là vừa bao tử, nhưng gặp bữa cơm ngon thì cái lưỡi muốn ăn thêm, để thỏa mãn nó nên bao tử bị khổ! Thế thì vì cảm giác của lưỡi mà chúng ta đi quá đà, tưởng làm thỏa mãn nhu cầu của thân, trái lại làm cho nó mau bại hoại! Do đó những người đi tiệc tùng liên miên thì dễ chết sớm, còn những người sống trên núi rừng ăn uống đạm bạc lại sống dai!

Người ở thế gian muốn thỏa mãn nhu cầu của thân, mà thân này trong nhà Phật gọi là mụt ghẻ, nó không bao giờ vừa ý, được một nó đòi hai, được hai nó đòi ba bốn, nó đòi mãi không thôi. Thí dụ bữa nay

được món ăn ngon này, ngày mai nó đòi món ăn ngon khác, nó đòi hỏi mãi không biết dừng! Như vậy những đòi hỏi của thân, của cảm giác quá nhiều, mà càng theo nó thì càng bại hoại. Vì vô minh chấp thân là thật, cho nên người ta mê chạy theo nhu cầu của nó để thỏa mãn cảm giác, mà cảm giác là không thật, trong nhà Phật gọi là thọ, tất cả thọ đều là vô thường là khổ.

Kế đến là chấp vọng tưởng là tâm mình thật, cho nên cả ngày sống trong điên đảo, không bao giờ được an ổn, yên vui, đó là gốc đau khổ từ vô minh mà ra. Ai còn bị chìm trong vô minh thì người đó còn đang đau khổ.

Ngài Quảng Trí lấy ý trong kinh để chỉ cho chúng ta thấy ai ai cũng có tánh giác tròn đầy trong sáng, nhưng vì vô minh nên phải chịu đi trong luân hồi sanh tử mà không thức tỉnh trở lại. Như hiện giờ tất cả tăng ni và Phật tử có mặt ở giảng đường này, quý vị có thức tỉnh trở lại hay chưa? Tuy chưa tỉnh trọn vẹn nhưng cũng có tỉnh một ít nên mới đến đây ngồi nghe. Nếu không thức tỉnh thì chắc còn chạy đi nơi này nơi kia để thỏa mãn những đòi hỏi của các giác quan mình.

Bấy giờ, đức Phật Thích-ca Văn bỏ hoàng cung đi thẳng vào núi Tuyết, thị hiện sáu năm khổ hạnh, sau đó mới thuyết pháp lợi sanh. Ngài mở rộng lòng từ to lớn thương tất cả, nhổ lên gốc rễ tối tăm trong nhiều kiếp. Một tâm bi cùng tột phát ra lời chân thật tột cả cội nguồn. Bởi người quá mê mờ bỏ mất bản tánh, nên mới có giáo pháp ba thừa, Phật tùy cơ nói ra tự tại. Song đối với diệu đạo Nhất thừa, thì một bề chỉ thẳng là đốn, là viên.

Hoặc trên trời hay trong nhân gian đều chẳng trái với giáo chỉ. Hoặc khổ thú hay trầm luân, vẫn càng gần với ý Phật, không ngăn cách một mảy trần. Dù tối tăm che lấp cũng trông thấy sáng ngời, mọi đức tròn đủ. Dù người không có duyên, cũng đều được thu nhiếp trao cho.

Đoạn này nói tóm tắt giáo lý của Phật trong cuộc giáo hóa.

Trước hết, *đức Phật Thích-ca Văn bỏ hoàng cung đi thẳng vào núi Tuyết, thị hiện sáu năm tu khổ hạnh, sau đó mới thuyết pháp lợi sanh.* Đây nói đức Phật tu sáu năm khổ hạnh ở núi Tuyết, cho nên có tượng đức Phật ngồi thân thể gầy khô, đó là tượng khổ hạnh ở núi Tuyết. Nhưng khi đến Ấn Độ mới biết đức Phật ở xứ Népal tức là miền Bắc Ấn gần núi Tuyết (gần rặng Hy-mã-lạp sơn). Khi đi tu, ngài không có lên núi Tuyết mà đi trở về Trung Ấn bên cạnh sông Hằng, tức là chỗ Bồ-đề đạo tràng hiện nay, cách xa núi Tuyết đến mấy trăm cây số. Nói theo xưa là ngài lên Tuyết Sơn tu khổ hạnh, nhưng đó là lầm vì chúng ta không nắm vững sử liệu. *Thị hiện sáu năm khổ hạnh, sau đó mới thuyết pháp lợi sanh.* Đây là kể lại thời gian đi tu của đức Phật.

Ngài mở rộng lòng từ to lớn thương tất cả, nhổ sạch gốc rễ tối tăm trong nhiều kiếp. Do lòng từ, tức là lòng ban vui, ngài thương tất cả mọi người, muốn cho tất cả đều không còn tối tăm mà phải thức tỉnh, phải giác ngộ để hết khổ đau. *Một tâm bi cùng tột phát ra lời chân thật tột cả cội nguồn.* Do lòng bi ngài chỉ chân lý, chỉ lẽ thật cho chúng ta nhận chân được nguồn cội của mình

là sẵn có tánh giác. *Bởi người quá mê mờ bỏ mất bản tánh, nên mới có giáo pháp ba thừa, Phật tùy cơ nói ra tự tại.* Bởi vì chúng ta mê lầm bỏ quên tánh giác của mình, cho nên Phật mới nói ra ba thừa, tức là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa. Phật tùy theo căn cơ của chúng sanh, có khi nói Thanh văn thừa, có khi nói Duyên giác thừa, có khi nói Bồ-tát thừa.

Song đối với diệu đạo Nhất thừa, thì một bề chỉ thẳng là đốn, là viên. Song đối với đạo mầu nhiệm chỉ có một thừa, ngài một bề chỉ thẳng giáo lý đốn viên. Nói về giáo lý đốn viên, các tông phái ở Trung Hoa như trong tông Hoa Nghiêm thì ngài Hiền Thủ phán giáo, chia giáo pháp của Phật ra mấy phần như Tiểu thừa giáo, Đại thừa thủy giáo, Đại thừa chung giáo, rồi đốn giáo viên giáo. Đốn là nhanh chóng, viên là tròn đủ. Đốn giáo viên giáo là giáo cao tột. Như vậy, đối với diệu đạo Nhất thừa, Phật chỉ thẳng giáo lý nhanh chóng tròn đủ, chứ không có cấp bậc thứ tự, cũng không phải chỉ có một phần.

Hoặc trên trời hay trong nhân gian đều chẳng trái với giáo chỉ. Dù là chư thiên hay là con người, ai muốn tu cũng đều có thể thực hiện được giáo lý do đức Phật nêu bày ra. *Hoặc khổ thú hay trầm luân, vẫn càng gần với ý Phật, không ngăn cách một mảy trần.* Dù sanh trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh v.v... cũng vẫn gần được với ý Phật, chứ không có cách xa. Tại sao? Như con bò, con chó tuy có hình thức khác với con người, nhưng chúng vẫn có cái biết, vẫn có tánh giác chứ chẳng phải không. Tuy chúng đang ở trong loài thấp kém ngu độn

mà cũng không mất tánh giác, vì vậy mà nói "không ngăn cách một mảy trần".

Dù tối tăm che lấp cũng trông thấy sáng ngời, mọi đức tròn đủ. Dù ai bị mờ mịt tối tăm che lấp, nhưng tánh giác của họ vẫn tròn đủ chứ không thiếu thốn. *Dù người không có duyên, cũng đều được thu nhiếp trao cho.* Dù người không có duyên đến với Phật pháp, nhưng Phật cũng tuyên bố rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có tánh giác. Thế thì có ai ngoài đạo Phật chăng? Nếu có tánh giác tức là có đạo Phật. Dù người đó theo đạo gì cũng có tánh giác, thì cũng là Phật, nhưng là Phật chưa thành. Đạo Phật không kỳ thị ai, không kỳ thị tôn giáo nào. Bởi vì từ con người cho đến súc sanh, tất cả đều có tánh giác, có tánh giác thì đều đồng với nhau. Ai biết trở về đều được giác ngộ, giác ngộ thì như nhau. Như vậy để thấy đạo Phật không có một cái nhìn riêng tư kỳ thị, mà nhìn chung tất cả mọi người đều có tánh giác.

Đợi đến tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang, mở ra việc nhìn vách chín năm. Sau đó dùng chỉ thẳng truyền riêng, lấy tâm ấn tâm, lại phát xuất Nhị tổ Thần Quang đứng trong tuyết tham thỉnh, chặt tay cầu an tâm, nên nói "được người tiếp nối". Từ đây trở xuống, Tổ Tổ nối tiếp nhau, hoặc thức ngủ hiện bày chân thật, hoặc đề cao đường giác, hoặc nói pháp ngữ, hoặc cho tiểu tham, hoặc khai thị, hoặc cảnh sách (đánh thức khuyên răn), hoặc châm minh (ghi sâu nhắc nhở), mỗi mỗi thúc đẩy dẫn dụ cho người tiến lên, nếu biên góp lại thì có rất nhiều nói không thể hết.

Đoạn trên dẫn sự truyền bá của Phật, đến đây dẫn sự kế thừa của chư Tổ.

Đợi đến tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang, mở ra việc nhìn vách chín năm. Tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa, lên chùa Thiếu Lâm, chín năm ngồi xây mặt vào vách. *Sau đó dùng chỉ thẳng truyền riêng, lấy tâm ấn tâm.* Đến khi truyền bá chánh pháp Tổ tuyên bố câu: Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật, cho nên gọi là chỉ thẳng truyền riêng, lấy tâm ấn tâm.

Lại phát xuất Nhị tổ Thần Quang đứng trong tuyết tham thỉnh chặt tay cầu an tâm, nên nói "được người tiếp nối". Ngài Thần Quang đứng trong tuyết chặt tay cầu an tâm, nên từ đó mới có sự kế thừa. Từ tổ Đạt-ma là người Ấn Độ đến tổ Thần Quang là người Trung Hoa, sự truyền thừa được tiếp nối ở Trung Hoa và mãi đến Việt Nam. Đoạn này dẫn cho chúng ta thấy rõ đường lối tu, trên là Phật kế là tổ có sự kế thừa rõ ràng đầy đủ, chứ không phải là sự ngẫu nhiên.

Đến đây chúng tôi nhắc lại câu chuyện tổ Thần Quang, trong sử thường gọi là tổ Huệ Khả. Ngài Thần Quang là một vị sư tu thiền nhưng chưa ngộ được lý của thiền tông. Tuy tu thiền mà ngài luôn luôn thấy tâm bất an. Nghe tổ Đạt-ma sang ở chùa Thiếu Lâm, ngài đến đó để cầu học. Khi ấy vào tháng chạp mùa đông, ở miền bắc Trung Hoa có tuyết rơi, Tổ ngồi xây mặt vào vách, không đoái hoài đến, ngài Thần Quang không biết làm sao thưa thỉnh. Để tỏ lòng quyết tâm cầu đạo, ngài đứng ngoài tuyết chắp tay hướng về Tổ. Từ đầu hôm cho đến sáng,

tuyết rơi ngập đầu gối mà gương mặt ngài vẫn thản nhiên. Tổ xây ra nhìn thấy thương tình mới hỏi: "Ông đến đây cầu việc gì mà khổ hạnh như vậy?" Ngài thưa: "Con đến đây cầu Hòa thượng dạy pháp môn cam lồ", hay nói cách khác là pháp môn giải thoát. Tổ mới quở: "Xưa kia các Bồ-tát đi cầu đạo có khi phải bỏ thân mạng, hoặc chẻ xương làm viết, lấy máu làm mực v.v... để cầu đạo còn chưa xứng được. Nay ông dùng chút khổ hạnh đó làm sao cầu được pháp môn giải thoát?"

Chúng ta thấy ngài Thần Quang đứng ngoài tuyết suốt đêm mà mặt mày vẫn tỉnh, không buồn bực, không sợ hãi, thế mà cũng bị Tổ chê là chút ít khổ hạnh. Còn chúng ta hiện nay đến chùa cầu đạo thì thế nào? Vào lễ Hòa thượng ba lễ xin nhập chúng, nếu bảo "không được" thì giận ngay, phủi áo bỏ đi. Còn ngài Thần Quang đứng trong tuyết suốt đêm mà bị chê là chút ít khổ hạnh, cho nên ngài vào nhà sau mượn dao chặt một cánh tay dâng lên Tổ để tỏ lòng thiết tha cầu đạo. Tổ bảo: "tâm cầu đạo như thế cũng khá" và nhận ngài làm đệ tử.

Câu chuyện chặt tay này cũng hơi khó hiểu, giảng về sử thì như thế. Nhưng khi chặt tay quỳ dâng lên Tổ mà không băng bó, máu tuôn ra làm sao chịu nổi? Có thể đây là ngụ ý ngài tha thiết quên mình để cầu đạo, cho nên Tổ khen "được" và nhận làm đệ tử.

Một hôm ngài Thần Quang thưa: "Bạch Hòa thượng tâm con không an, xin Ngài dạy con pháp an tâm." Như vậy câu "chặt tay cầu an tâm" là chặt tay để cầu được chấp nhận làm đệ tử và sau đó hỏi pháp an tâm.

Tổ Đạt-ma liền nhìn thẳng ngài bảo: "Ngươi đem tâm ra đây, ta an cho." Khi ấy ngài chới với, làm sao đem tâm ra được! Như hiện nay nếu có người hỏi tôi: "tâm con lăng xăng quá, xin Thầy dạy con cách an tâm", tôi bảo: "đem tâm ra, tôi an cho", người ấy có chới với không? Biết nó ở đâu mà đem! Nhưng với tinh thần thiết tha cầu đạo, ngài Thần Quang liền xoay lại tìm cái tâm không an đó xem nó ở đâu đặng đem ra. Tìm một lúc nó mất tiêu, càng tìm càng vắng bóng, ngài không còn cách nào khác hơn là thưa: "Bạch Hòa thượng con tìm tâm không được." Lời thưa hết sức là chân thành! Tổ bảo: "Ta an tâm cho ngươi rồi." Câu đáp thật là nhẹ. Qua câu "ta an tâm cho ngươi rồi", ngài Thần Quang liền ngộ được pháp an tâm và được đổi tên là Huệ Khả.

Đây là chỗ khi xưa tôi đọc mấy phen, cứ nghĩ các tổ như đùa với nhau, chứ không dạy gì cả. Người cầu an tâm rất là tha thiết. Tổ bảo: "Đem tâm ra ta an cho." Người tìm tâm một lúc không thấy, thưa: "Con tìm tâm không được." Tổ bảo: "Ta an tâm cho ngươi rồi." An lúc nào? An bằng cách gì? Thế mà ngài Thần Quang biết được phương pháp an tâm. Chính chỗ đó, sau này khi lãnh hội được, tôi mới thấy thiền tông từ tổ Đạt-ma sang Trung Hoa truyền trực tiếp cho tổ Huệ Khả là một yếu chỉ mà chúng ta không thể nào thấy khác hơn được. Yếu chỉ đó là phản quan. Bảo tìm tâm, thì phải làm sao? Nếu ngó ra thì làm sao tìm, tức phải quay lại tìm xem cái tâm lăng xăng của mình ở đâu? Khi tìm thì không thấy nó, bởi khi tìm thì nó mất. Khi cái tâm lăng xăng mất, lúc đó an chưa? Tìm lại không còn thấy lăng xăng, tức là đã an.

Cho nên Tổ bảo: "Ta an tâm cho ngươi rồi." An tâm là không cho thêm cái gì cả, mà bắt phải quay lại tìm cái tâm lăng xăng. Khi tìm, nó mất thì tự nó an chứ không có gì lạ. Như vậy cửa vào nhà thiền rất là đơn giản.

Thế nên sau này chư tổ, như ngài Đức Sơn thường nói câu: "Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người." Đâu có pháp gì để cho, không có gì để thêm. An tâm là tự mình quay lại để thấy rõ tâm lăng xăng đó là cái gì? Vừa tìm lại thì nó mất, đó là an tâm. Ngài Tuệ Trung thượng sĩ nói: "Phản quan tự kỷ bổn phận sự, bất tùng tha đắc", tức là soi sáng lại chính mình, đó là phận sự chánh, không phải từ ngoài mà được. Phản quan là cái gốc tìm tâm không thể được của tổ Huệ Khả. Chúng ta thấy từ Ấn Độ sang Trung Hoa, người đầu tiên thừa hưởng pháp này là tổ Huệ Khả. Ở Việt Nam, ngài Tuệ Trung thượng sĩ là một cư sĩ chỉ cho vua Trần Nhân Tông là Sơ tổ Trúc Lâm cũng câu "Phản quan tự kỷ", nghĩa là quay lại chính mình chứ không có việc gì khác, nếu từ ngoài mà được là sai, gốc thiền tông rất là rõ ràng, rất là cụ thể.

Ở đây chúng tôi dạy tu thiền, những người sơ cơ muốn phản quan không biết làm sao, chúng tôi khuyên nên mượn hơi thở vô ra, đếm hoặc theo hơi thở, đó là phương tiện phản quan. Được một thời gian bỏ theo hơi thở, chỉ thấy tâm mình, nó dấy lên nhìn coi nó ra sao, nó là vọng rồi nó mất.

Như vậy tinh thần phản quan phát xuất từ tổ Huệ Khả đến ngài Tuệ Trung thượng sĩ và hiện giờ

chúng ta đang ứng dụng. Nó có hệ thống rõ ràng, chứ không phải chuyện tu do tự ý mình đặt ra, tự ý mình bày nên. Vì thế khi tổ Huệ Khả ngộ rồi, từ đó về sau "được người tiếp nối", tức là được người thay cho tổ Bồ-đề-đạt-ma, từ đó truyền mãi về sau.

Từ đây trở xuống, Tổ Tổ nối tiếp nhau, hoặc thức ngủ hiện bày chân thật, hoặc đề cao đường giác. Hoặc khi thức, hoặc khi ngủ, cái chân thật không bao giờ mất, hoặc luôn luôn đề cao đường tỉnh giác. *Hoặc nói pháp ngữ, hoặc cho tiểu tham.* Hoặc dùng những câu nói pháp, hoặc là cho tiểu tham. *Hoặc khai thị, hoặc cảnh sách (đánh thức khuyên răn), hoặc châm minh (ghi sâu nhắc nhở), mỗi mỗi thúc đẩy dẫn dụ cho người tiến lên, nếu biên góp lại thì có rất nhiều nói không thể hết.* Chính nơi nhà giảng này chúng tôi để tên là Tham Vấn Đường, tức là quý vị đến đây để tham cứu, thưa hỏi cho rõ về ý nghĩa tu thiền. Nhưng vì chưa có ai được giỏi để tham vấn, nên chúng tôi giảng tức là khai thị cho quý vị hiểu để ứng dụng tu.

Nay pháp môn Tranh chăn trâu này, chưa biết bắt nguồn từ tay người nào. Có điều cũng phỏng theo kinh Phật, rồi kết tụ với Tổ giáo mà sắp xếp thành mười mục. Mười bức tranh chăn trâu này, không biết rõ phát xuất từ quyển kinh nào hay từ tay người nào vẽ ra, nhưng đều là phỏng theo trong kinh, thí dụ như kinh Tứ Thập Nhị Chương v.v... Phật dạy phải chăn trâu, rồi kết hợp với Tổ giáo tức là lời dạy của chư tổ, sắp xếp thành mười mục.

Ban đầu từ chưa chăn, sau cùng là mất cả hai. Con trâu, lúc đầu đen rồi trắng dần, cho đến hoàn toàn

trắng sạch. Thiền sư Phổ Minh còn dùng lời tụng, tụng thêm ở mỗi mục. Về tranh, thì hình ảnh rõ ràng, ý lại sâu kín. Về tụng, thì lời gần mà ý chỉ cao xa. Thật là ân huệ lớn lao cho người học, có bổ ích rất nhiều, phương tiện cũng quá đầy đủ. Mười bức tranh này, từ ban đầu chưa chăn cho tới cuối cùng là mất cả trâu và chăn. Mỗi bức tranh có một bài tụng của thiền sư Phổ Minh. Nói rõ ra thì mười bức tranh mang một ý nghĩa tượng trưng để chúng ta tự quay lại nhìn mình từng chặng cho dễ nhớ dễ tiến. Về hình ảnh thì rõ ràng, nhưng ý nghĩa lại sâu kín. Phần tụng lại càng rất hay, rất cao xa. Đây là một phương tiện lớn cho người học, có thể nhờ đó mà dễ thấy được tâm mình, dễ thấy được sự tiến lùi trên đường tu của chính mình.

Thế nhưng, tranh ấy chính là pháp môn chỉ thẳng, mà đáng tiếc thiếu không có phần dẫn thẳng. Tôi chẳng ngại sự kém cỏi của mình, thầm lấy những lời có sẵn của người xưa, lại chọn kỹ văn kinh, gạn xét chín chắn làm y cứ, phụ xen vào một hai ý mình, muốn tạm dùng để bù vào chỗ thiếu sót, đâu đáng gọi là biên soạn! Ví như bệnh không phải chỉ có một chứng, thuốc không hạn cuộc một phương (toa); vì vậy nói: Bệnh lành thì thuốc quý, dù nước tiểu cũng là cam lồ. Chứng bệnh khác mà chấp vào một toa, thì dù nhân sâm, phục linh cũng trở thành thuốc độc. Há cho ngọc tiết, san hô là diệu dược vô thượng sao? Nếu như hàng sơ cơ đệ tử Phật, quý việc tu thân thì hãy soi xét lại mình. Kẻ thích theo cuồng tuệ, hẳn có khinh thường và sẽ chê cười tôi. Tôi cũng không bắt ép ai. Vậy nên viết thành lời tựa.

Đến đây ngài nói rõ thêm, pháp môn chăn trâu này là pháp môn chỉ thẳng, nhưng ngài than rằng thiếu chỗ dẫn thẳng. Ngài bổ túc bằng cách xem văn kinh, chọn kỹ lại, rồi thêm vài ý để bù vào những chỗ thiếu sót. Như vậy chỉ là bổ túc thôi, chứ không phải là biên soạn, nhưng tạm gọi là biên soạn.

Ngài nói: *Ví như bệnh không phải chỉ có một chứng, thuốc không hạn cuộc một toa.* Bệnh thì mỗi người mỗi bệnh khác nhau, thuốc thì cũng mỗi toa mỗi khác, giá trị ở chỗ *bệnh lành thì thuốc quý*, nghĩa là thuốc nào trị được bệnh thì đó là thuốc quý. Không nhất định phải thứ thuốc đắt tiền hiếm có mới là quý, cốt là thuốc để trị lành bệnh, dù thuốc tầm thường mà trị hết bệnh cũng là quý. *Dù nước tiểu cũng là cam lồ.* Gần đây người ta có nói dùng nước tiểu để trị bệnh, giả sử nước tiểu mà trị lành bệnh thì nước tiểu cũng là quý. Khi xưa, đầu thế kỷ XVII đã biết trị bệnh bằng nước tiểu. Hiện nay có nhiều bác sĩ cũng nói dùng nước tiểu để trị bệnh. Thế thì giá trị không phải ở thuốc mà ở chỗ đúng bệnh đúng thuốc. Cho nên nói: *Chứng bệnh khác mà chấp vào một toa.* Như người đau đầu, người đau bụng mà uống một toa thuốc, có được không? Cũng không thể được. *Thì dù nhân sâm, phục linh cũng trở thành thuốc độc. Há cho ngọc tiết san hô là diệu dược vô thượng sao?* Chúng ta nghĩ ngọc tiết san hô là quý, nhưng có thể trị được hết bệnh của con người sao? *Nếu như hàng sơ cơ đệ tử Phật, quý việc tu thân thì hãy soi xét lại mình. Kẻ thích theo cuồng tuệ, hẳn có khinh thường và sẽ chê cười tôi.* Người nào quyết tu thì hãy quay lại nhìn mình,

xem các lời nói ở đây có thích hợp, có đúng bệnh mình hay không, nếu đúng như vậy thì có lợi ích. Còn ai muốn nói văn chương, nói ý siêu thoát mà cho rằng hay thì người đó sẽ coi thường những lời dạy, những lời giải thích của ngài.

Để kết thúc, ngài nói: *Tôi cũng không bắt ép ai. Vậy nên viết thành lời tựa.*

Niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ mười lăm (1720) ngày Phật thành đạo, mùng tám tháng chạp năm Kỷ Hợi.

Kính ghi ở Hải Thiên Phật Quốc. Hải Thiên Phật Quốc, Phật Quốc là nước Phật, Hải Thiên là góc biển, là chân trời, vì chùa của ngài là chùa Trấn Hải, có thể là ở ngoài góc biển.

Phần này là Lời Tựa Tranh Chăn Trâu. Bắt đầu vào trong bài, ngài nói thật là cẩn thận và người học cũng cần nên chăm chú lãnh hội đừng bỏ mất những ý hay.

LUẬN GIẢI VỀ LỜI TỤNG TRANH CHĂN TRÂU

Tại kinh đô Việt Nam,
Tỳ-kheo Pháp Thông hiệu Quảng Trí
luận giải.

Phần I

- Nói thẳng về chưa chăn.
- Luận thẳng về chưa chăn.
- Nói thẳng về mới điều phục.
- Luận thẳng về mới điều phục.

NÓI THẲNG VỀ CHƯA CHĂN

Kính lễ bậc Giác biết cùng khắp,
Nương về kinh Pháp mười hai bộ,
Nam-mô mười phương các Thánh hiền,
Đồng chấn uy quang soi xét đến.

Từng bảo: Thuốc, không hẳn sâm, linh, đan, thạch, hết bệnh là thuốc hay. Lời không hẳn bàn giỏi, luận thông, mở sạch điều mê là lời khéo. Vì thế, chỗ thầy thuốc tầm thường bỏ đi, chính là chỗ Lô Biển thu lấy. Điều hạng dở coi khinh, chính là điều bậc trí quý trọng. Mới biết, lập ngôn chẳng quý bàn suông vô ích, mà thật quý là lời cảnh tỉnh được người. Người xưa nói: Do nghi mới đến hỏi, kiếm báu rời khỏi vỏ vì chém việc bất bình; dẫn lời đáp để phá nghi, linh đơn ra khỏi đỉnh (bình), là muốn trị lành bệnh vậy.

Các nhân giả! Mỗi người hãy ngay đây định tỉnh tinh thần, một niệm hồi quang, thì rỗng toang

tự soi sáng. Khác chi vầng hồng trong hư không, một mình vận hành vô tư. Hay như minh châu trên mâm, chẳng đẩy mà tự lăn. Lúc này nếu chẳng xét tột cội nguồn, liền đợi về sau hỏi đức Di-lặc, sao quá chậm vậy?

Tôi dù tối dốt, học vấn sơ sài, hạnh giải mỏng manh, cũng thấy được những lời tụng tranh chăn trâu, chính là việc trên bổn phận của người học đạo. Song văn ít mà nghĩa sâu, ý thâm mà hình ảnh rõ ràng, nên trong một niệm phấn khởi, tôi liền tạm viết lời chú giải, để mọi người cùng rõ biết. Theo lời trình bày trên giấy mực, lại có thêm phần nói thẳng, lược dẫn ít điều. Nếu như lý tột chưa được sáng tỏ, bàn lầm nghĩa sai trái, mong cho tôi được sám hối. Hoặc giả lời lẽ đúng lý, xin cho rộng lưu thông, để khỏi cô phụ chí nguyện này.

Lời rằng: "Thánh nhân luống phí tâm lão bà, tri âm nào phải kêu nói mãi." Giờ đây đối với mục ban đầu chưa chăn, xin hãy tạm nêu ra.

Chỉ vì khi mê cần nhờ có giáo lý ba thừa. Sau khi ngộ mới biết một chữ cũng không. Xưa đức Thích-ca Như Lai đi thẳng vào núi Tuyết, bỏ cả sự vinh hoa, phú quý ở đời, chịu sáu năm đói lạnh, đến đêm mùng tám tháng chạp thấy sao mai mọc liền thành Chánh giác, cảm than rằng: "Lạ thay! Có tâm là có Phật. Chỉ vì tất cả chúng sanh có đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, nhưng đều do vọng tưởng chấp trước mà chẳng chứng được." Do đó,

ở đạo tràng Bồ-đề, ngài nói kinh Hoa Nghiêm, chính là pháp môn "Nhất thừa viên đốn vi diệu", mở bày cho chúng sanh thấy tánh thành Phật. Đó thật là kinh điển bí yếu.

Lại, sách Đại Học của họ Khổng để lại, nói: "Từ thiên tử cho đến dân thường, thảy đều lấy việc tu thân làm gốc." Song pháp môn này, trước nói chưa chăn, giống như nói chưa giác. Chưa giác tức là chưa tu, mà chưa tu chính là chưa chăn. Như trong lời trên: "từ thiên tử cho đến dân thường" có thể biết đã ngầm nêu hết những hàng vương hầu, công khanh sĩ đại phu v.v... ở trong đó.

Từ bậc thiên tử chưa chăn, nghĩa là sao? Đây là thân ở cảnh phú quý, con trai, con gái, lụa ngọc, trân báu, kho tàng, hằng ngày ứng tiếp muôn việc, đâu rảnh mà hồi quang phản tỉnh để chăn cho được?

Đến như ngôi vị vương hầu chưa chăn, là sao? Cũng đều do con cái, lụa ngọc thê thiếp dính bận nơi tâm, lại có quyền hành đi đánh dẹp, mưu tính xâm lăng, nhân đó nên không thể chăn.

Tới hàng công khanh, sĩ đại phu v.v... thì a dua theo quyền thế, say sưa với bổng lộc, khoe khoang tiếng tăm, hoặc lo hưởng ân huệ trên trước người dân, chỉ mưu quý hiển một thân mình, nhân đó không thể chăn.

Còn hạng học trò, thì lao tâm khổ chí, lo lấy công danh vinh hiển, đâu rảnh mà chăn?

Cho đến kẻ ruộng vườn, thợ thầy, buôn bán, hết thảy mọi người làm ăn kiếm sống, gieo giống cấy mạ, gánh nước bửa củi, giặt nhuộm may vá, dệt vải, gặt, phơi, xay, giã, nắm bắt tạo bày, khổ nhọc chăm lo, bề bộn rộn ràng để kiếm dùng hằng ngày. Sớm tối nghĩ suy, trăm phương ngàn kế; nếu nói việc ngay trong nhà thôi, thì cũng biết bao thứ nhỏ nhặt, bút không thể chép hết. Chỉ vì nghiệp căn sâu nặng, lăng xăng cả ngày, thế nào chăn được?

Trên từ vua chúa, dưới đến dân thường, hãy gác lại chớ bàn. Ngay như xứ này, hàng bốn chúng đệ tử Phật, vốn đã có chút ít duyên lành đời trước được sanh làm người, may còn gặp nề nếp từ xưa truyền lại, được đi xuất gia, cạo tóc mặc áo nhuộm, lạm nhận sự cung kính, cứ "ăn rồi tụ đầu nói chuyện ồn ào, chỉ nói toàn chuyện thế gian tạp nhạp; ham ăn ham uống qua ngày, lần lựa ở trong đời, bèn thành quê dốt". Rồi trở lại đi theo cúng tụng để lo lợi dưỡng, quên mất tâm ban đầu, thật là cô phụ chí xuất gia vậy. Bao giờ mới dừng ý quên duyên, hồi quang phản tỉnh mà chịu chăn? Cứ suy theo đó thì thảy đều là chưa chăn hết.

Giảng:

Kính lễ bậc Giác biết cùng khắp,
Nương về kinh Pháp mười hai bộ,
Nam-mô mười phương các Thánh hiền,
Đồng chấn uy quang soi xét đến.

Mở đầu bài tụng ngài Quảng Trí kính lễ Tam bảo:

Kính lễ bậc Giác biết cùng khắp là kính lễ Phật, *nương về kinh Pháp mười hai bộ* là kính lễ Pháp, *nam-mô mười phương các Thánh hiền* là kính lễ Thánh hiền tăng. *Đồng chấn uy quang soi xét đến*, cầu Tam bảo soi xét đến những lời chỉ dạy nhắc nhở của ngài cho mọi người cùng thấy cùng biết.

Từng bảo: Thuốc, không hẳn sâm, linh, đan, thạch, hết bệnh là thuốc hay. Lời không hẳn bàn giỏi, luận thông, mở sạch điều mê là lời khéo. Vì thế, chỗ thầy thuốc tầm thường bỏ đi, chính là chỗ Lô Biển thu lấy. Điều hạng dở coi khinh, chính là điều bậc trí quý trọng. Mới biết, lập ngôn chẳng quý bàn suông vô ích, mà thật quý là lời cảnh tỉnh được người. Người xưa nói: Do nghi mới đến hỏi, kiếm báu rời khỏi vỏ vì chém việc bất bình; dẫn lời đáp để phá nghi, linh đơn ra khỏi đỉnh (bình), là muốn trị lành bệnh vậy.

Ngài bảo: Người ta thường nói thuốc không phải là sâm, là linh, đan, thạch, miễn thuốc nào trị hết bệnh, đó là thuốc hay. Còn lời không hẳn là bàn giỏi luận thông, miễn lời nói để người mở sạch được điều mê là lời khéo.

Vì thế ở đây mới dẫn chứng: *Chỗ thầy thuốc tầm thường bỏ đi, chính là chỗ Lô Biển thu lấy.* Lô Biển là ông Biển Thước ở đất Lô, làm thầy thuốc nổi tiếng ở Trung Hoa. Chỗ những thầy thuốc tầm thường chê, chính là chỗ thầy thuốc nổi danh dùng lấy. *Điều hạng dở coi khinh, chính là điều bậc trí quý trọng.* Điều mà những kẻ dở xem thường, chính là điều người trí thấy hay. *Mới biết, lập ngôn chẳng quý bàn suông vô ích,*

mà thật quý là lời cảnh tỉnh được người. Nói nhiều, nói hay, văn chương lưu loát mà không dính dấp đến sự tu hành, không đúng với bệnh của người thì cũng không lợi ích gì, cho nên lời nói để người thức tỉnh là lời quý. *Người xưa nói: Do nghi mới đến hỏi, kiếm báu rời khỏi vỏ vì chém việc bất bình.* Do nghi mới đến hỏi, dụ như kiếm báu rút ra khỏi vỏ vì có những việc bất bình ở ngoài cần sát phạt. Cũng như vậy, vì ôm ấp cái nghi trong lòng cho nên mới đến các thiện tri thức để thưa hỏi. *Dẫn lời đáp để phá nghi, linh đơn ra khỏi đỉnh (bình) là muốn trị lành bệnh vậy.* Lời đáp lại của thiện tri thức là để phá cái nghi của người hỏi, giống như viên thuốc linh đơn trút ra khỏi bình là để trị bệnh cho người. Như vậy thiền khách đến thưa hỏi với thiện tri thức là giống như cây kiếm ở trong vỏ tuốt ra để giải quyết việc bất bình. Còn thiện tri thức đáp giải nghi cho người hỏi giống như thuốc linh đơn ở trong bình trút ra để trị bệnh. Hai hình ảnh này rất là rõ ràng.

Các nhân giả! Mỗi người hãy ngay đây định tỉnh tinh thần, một niệm hồi quang, thì rỗng toang tự soi sáng. Khác chi vầng hồng trong hư không, một mình vận hành vô tư. Hay như minh châu trên mâm, chẳng đẩy mà tự lăn. Lúc này nếu chẳng xét tột cội nguồn, liền đợi về sau hỏi đức Di-lặc, sao quá chậm vậy?

Câu này ngài đánh thức chúng ta. *Các nhân giả* là tất cả chúng ta. *Mỗi người hãy ngay đây định tỉnh tinh thần*, tức là mình định tỉnh tinh thần lại. *Một niệm hồi quang* là một cái nhìn quay lại *thì rỗng toang tự soi sáng*. Cũng như tổ Huệ Khả quay lại tìm tâm, tìm tâm

thì tâm lặng, đó là rỗng toang tự soi sáng. Khi đó *khác chi vầng hồng trong hư không, một mình vận hành vô tư.* Khi quay lại nhìn thì những niệm lăng xăng lặng, chỉ còn một tâm thể tròn sáng giống như vầng mặt trời đi tự tại trong hư không. *Hay như minh châu trên mâm, chẳng đẩy mà tự lăn*, như hạt minh châu tròn để trên mâm thì lăn, tức là nó tới lui tự tại.

Đoạn này ngài muốn chỉ cho chúng ta ai ai cũng sẵn có tánh giác, chỉ cần quay lại soi sáng để những ý niệm lặng đi thì tánh giác hiện tiền, giống như mặt trời đi giữa hư không, như hạt châu lăn trên mâm vậy.

Lúc này nếu chẳng xét tột cội nguồn, ngay đây mà không chịu tu, không chịu quán sát trở lại, *liền đợi về sau hỏi đức Di-lặc, sao quá chậm vậy*. Hiện nay có nhiều người tu lại nghĩ: Thôi mình tu để gieo nhân chờ đức Phật Di-lặc ra đời, gặp Phật mình tu, Phật chỉ thẳng cho mình giác ngộ. Có nên chờ như vậy không? Chúng ta đã có sẵn tánh giác mà không lo quay trở lại, chờ đến đức Di-lặc ra đời lâu quá, sao không tiếc thời giờ? *Sao quá chậm vậy*, đó là lời trách.

Tôi dù tối dốt, học vấn sơ sài, hạnh giải mỏng manh, cũng thấy được những lời tụng tranh chăn trâu, chính là việc trên bổn phận của người học đạo. Song văn ít mà nghĩa sâu, ý thâm mà hình ảnh rõ ràng, nên trong một niệm phấn khởi, tôi liền tạm viết lời chú giải, để mọi người cùng rõ biết. Theo lời trình bày trên giấy mực, lại có thêm phần nói thẳng, lược dẫn ít điều. Nếu như lý tột chưa được sáng tỏ, bàn lầm nghĩa sai trái,

mong cho tôi được sám hối. Hoặc giả lời lẽ đúng lý, xin cho rộng lưu thông, để khỏi cô phụ chí nguyện này.

Trước tiên ngài khiêm tốn nói:

Tôi dù tối dốt, học vấn sơ sài, hạnh giải mỏng manh. Ngài nói ngài tối dốt, học vấn sơ sài hạnh giải yếu ớt, nhưng *cũng thấy được những lời tụng tranh chăn trâu* chính là bổn phận của mình, cần phải giúp cho những người học đạo cùng biết. *Song văn ít mà nghĩa sâu, ý thâm mà hình ảnh rõ ràng, nên trong một niệm phấn khởi, tôi liền tạm viết lời chú giải, để mọi người cùng rõ biết.* Nhìn những bức tranh chăn trâu, đọc những lời tụng, ngài lãnh hội được nên mới viết lời chú giải để trình ra đây cho mọi người cùng rõ. *Theo lời trình bày trên giấy mực, lại có thêm phần nói thẳng, lược dẫn ít điều. Nếu như lý tột chưa được sáng tỏ, bàn lầm nghĩa sai trái, mong cho tôi được sám hối.* Nếu như lời giải thích lý cao tột chưa được sáng tỏ, rồi bàn giải sai lầm, đó là lỗi của ngài, ngài xin sám hối. *Hoặc giả lời lẽ đúng lý, xin cho rộng lưu thông, để khỏi cô phụ chí nguyện này.* Nếu lời lẽ hay đúng thì cho lưu thông để hợp chí nguyện của ngài muốn lợi ích cho nhiều người.

Lời rằng: "Thánh nhân luống phí tâm lão bà, tri âm nào phải kêu nói mãi." Giờ đây đối với mục ban đầu chưa chăn, xin hãy tạm nêu ra.

Đến đây ngài dẫn: *Lời rằng* là lời của một vị thánh trước. *Thánh nhân luống phí tâm lão bà*, các bậc thánh nhân thương chúng sanh như tâm của mẹ già thương con, lúc nào cũng nhớ con không nỡ quên. Thánh nhân vì thương chúng sanh cho nên lúc nào cũng muốn

nhắc nhở, mà người không lưu tâm, không để ý thì lời nhắc nhở đó là phí công vô ích. *Tri âm nào phải kêu nói mãi.* Nếu là người tri âm, chỉ nói vài câu thì đã lãnh hội. Lãnh hội rồi thì ứng dụng thực hành. Cũng như Bá Nha Tử Kỳ, người này khảy đàn người kia nghe, lãnh hội được liền thông cảm nhau. Nếu người nghe không phải là tri âm thì tâm lão bà phí tổn rất nhiều. Nói khô môi rát cổ năm này tháng kia, mà lâu lâu nhìn lại thì bệnh thiên hạ cũng y nguyên, đó là phí tâm lão bà! Những câu này nói ra để chúng ta hiểu người lớn đối với người nhỏ như thế nào! *Giờ đây đối với mục ban đầu chưa chăn, xin hãy tạm nêu ra.* Bây giờ nói đến việc chưa chăn.

Chỉ vì khi mê cần nhờ có giáo lý ba thừa. Sau khi ngộ mới biết một chữ cũng không. Xưa đức Thích-ca Như Lai đi thẳng vào núi Tuyết, bỏ cả sự vinh hoa, phú quý ở đời, chịu sáu năm đói lạnh, đến đêm mùng tám tháng chạp thấy sao mai mọc liền thành Chánh giác, cảm than rằng: "Lạ thay! Có tâm là có Phật. Chỉ vì tất cả chúng sanh có đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, nhưng đều do vọng tưởng chấp trước mà chẳng chứng được." Do đó, ở đạo tràng Bồ-đề, ngài nói kinh Hoa Nghiêm, chính là pháp môn "Nhất thừa viên đốn vi diệu", mở bày cho chúng sanh thấy tánh thành Phật. Đó thật là kinh điển bí yếu.

Đoạn này ngài dẫn kinh để chứng minh. Ngài nói khi xưa đức Phật đi tu, đã từ bỏ tất cả sự vinh hoa phú quý, chịu khổ hạnh đói lạnh, đến ngày mùng tám tháng chạp khi sao mai mọc, ngài thành đạo. Theo kinh Hoa Nghiêm, hai mươi mốt ngày đầu, ở tại cội bồ-đề, đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm, có đoạn nói rằng:

Lạ thay! Có tâm là có Phật. Chỉ vì tất cả chúng sanh có đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, nhưng đều do vọng tưởng chấp trước mà chẳng chứng được. Như vậy kinh nói ai *có tâm là có Phật*. Nay thử hỏi có người nào không có tâm chăng? Ai cũng có tâm, thì ai cũng có Phật. Thế mà chúng ta cứ mải lo chuyện thế gian, không nhớ đến Phật. Có Phật mà bỏ quên Phật, nên trong kinh nói: Chúng ta bỏ Phật, chứ Phật không bỏ chúng sanh. Chỉ vì tất cả chúng sanh có đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, nhưng đều do vọng tưởng chấp trước mà chẳng chứng được. Chúng ta do vọng tưởng chấp trước, cho nên đức tướng trí tuệ Như Lai biến mất, điều này được xác nhận rõ ràng trong kinh Hoa Nghiêm. *Do đó ở đạo tràng Bồ-đề, ngài nói kinh Hoa Nghiêm, chính là pháp môn "Nhất thừa viên đốn vi diệu"*, mở bày cho chúng sanh thấy tánh thành Phật. Đó thật là kinh điển bí yếu. Kinh Hoa Nghiêm chỉ thẳng cho mọi người thấy mình có sẵn tâm Phật, có sẵn tánh giác, để tu thành Phật. Vậy kinh Hoa Nghiêm cũng không khác với thiền tông, chỉ rõ chỗ chí yếu cho tất cả chúng ta. Đoạn kế tiếp ngài dẫn sách Nho để chứng minh.

Lại, sách Đại Học của họ Khổng để lại, nói: "Từ thiên tử cho đến dân thường, thảy đều lấy việc tu thân làm gốc." Song pháp môn này, trước nói chưa chăn, giống như nói chưa giác. Chưa giác tức là chưa tu, mà chưa tu chính là chưa chăn. Như trong lời trên: "từ thiên tử cho đến dân thường" có thể biết đã ngầm nêu hết những hàng vương hầu, công khanh sĩ đại phu v.v... ở trong đó.

Sách Đại Học của Khổng Tử nói: *Từ thiên tử cho đến dân thường, thảy đều lấy việc tu thân làm gốc.* Từ thiên tử cho đến dân thường là gồm cả vương hầu công khanh v.v... cho đến thứ dân kẻ làm ruộng người buôn bán, ai cũng phải lấy việc tu thân làm gốc.

Từ bậc thiên tử chưa chăn, nghĩa là sao? Đây là thân ở cảnh phú quý, con trai, con gái, lụa ngọc, trân báu, kho tàng, hằng ngày ứng tiếp muôn việc, đâu rảnh mà hồi quang phản tỉnh để chăn cho được? Đây chỉ lý do vì sao bậc thiên tử chưa chăn: Vì thân ở trong cảnh phú quý, có con trai con gái, có lụa ngọc trân báu kho tàng, hằng ngày lo ứng tiếp muôn việc, đâu rảnh mà hồi quang phản chiếu, vì vậy mà gọi là chưa chăn.

Đến như ngôi vị vương hầu chưa chăn, là sao? Cũng đều do con cái, lụa ngọc thê thiếp dính bận nơi tâm, lại có quyền hành đi đánh dẹp, mưu tính xâm lăng, nhân đó nên không thể chăn. Đến các quan võ không có chăn, tức là không có tu thân, là tại sao? Là cũng do có con cái, lụa là châu ngọc, thêm thê thiếp vướng bận, lại có quyền hành đi đánh giặc, vì vậy đâu có rảnh mà chăn, cho nên chưa chăn.

Tới hàng công khanh, sĩ đại phu v.v... thì a dua theo quyền thế, say sưa với bổng lộc, khoe khoang tiếng tăm, hoặc lo hưởng ân huệ trên trước người dân, chỉ mưu quý hiển một thân mình, nhân đó không thể chăn. Đến các quan văn mà không chăn là tại sao? Vì a dua theo quyền thế, say sưa với bổng lộc, khoe khoang tiếng tăm, lo hưởng ân huệ trên trước người dân, mưu sự hiển vinh cho thân mình, nhân đó mà không thể chăn.

Trên đây đã kể ra ba hạng chưa chăn: vua chúa, quan võ, quan văn.

Còn hạng học trò, thì lao tâm khổ chí, lo lấy công danh vinh hiển, đâu rảnh mà chăn? Đến học trò cũng không chăn, vì bận lao tâm khổ chí học hành thi cử, gầy dựng công danh sự nghiệp, nên đâu có rảnh mà chăn!

Cho đến kẻ ruộng vườn, thợ thầy, buôn bán, hết thảy mọi người làm ăn kiếm sống, gieo giống cấy mạ, gánh nước bửa củi, giặt nhuộm may vá, dệt vải, gặt, phơi, xay, giã, nắm bắt tạo bày, khổ nhọc chăm lo, bề bộn rộn ràng để kiếm dùng hằng ngày. Sớm tối nghĩ suy, trăm phương ngàn kế; nếu nói việc ngay trong nhà thôi, thì cũng biết bao thứ nhỏ nhặt, bút không thể chép hết. Chỉ vì nghiệp căn sâu nặng, lăng xăng cả ngày, thế nào chăn được? Đây kể chung tất cả, những người làm ruộng vườn, làm thợ thầy, làm tất cả ngành để kiếm cơm sinh sống, lăng xăng suốt ngày, rốt cuộc rồi cũng không chăn.

Thế là từ vua chúa đến quan võ quan văn không chăn, cho đến học trò và thường dân cũng không chăn!

Đến phần kết thúc:

Trên từ vua chúa, dưới đến dân thường, hãy gác lại chớ bàn. Ngay như xứ này, hàng bốn chúng đệ tử Phật, vốn đã có chút ít duyên lành đời trước được sanh làm người, may còn gặp nề nếp từ xưa truyền lại, được đi xuất gia, cạo tóc mặc áo nhuộm, lạm nhận sự cung kính, cứ "ăn rồi tụ đầu nói chuyện ồn ào, chỉ nói toàn chuyện thế gian tạp nhạp; ham ăn ham uống qua ngày,

lần lựa ở trong đời, bèn thành quê dốt". Rồi trở lại đi theo cúng tụng để lo lợi dưỡng, quên mất tâm ban đầu, thật là cô phụ chí xuất gia vậy. Bao giờ mới dừng ý quên duyên, hồi quang phản tỉnh mà chịu chăn? Cứ suy theo đó thì thảy đều là chưa chăn hết.

Phần kết thúc này nghe buồn làm sao! Rốt cuộc rồi toàn là chưa ai chịu chăn cả, chưa chăn tức là chưa tu!

Đoạn trên ngài nêu nào là vua chúa, rồi tới kẻ nông phu, người thợ thầy v.v... vì bận rộn quá không ai chăn được.

Đến phần kết thúc, ngài nói thẳng *bốn chúng đệ tử Phật*. Bốn chúng đệ tử Phật là ai? Là những người có căn duyên trong đạo: cao ở trên là Tỳ-kheo, kế là Tỳ-kheo-ni, kế đến là Sa-di và Sa-di-ni. Có chỗ nói bốn chúng là: chư tăng, chư ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Những người này đã có chút duyên trong đạo, cho nên: *Được sanh làm người, may còn gặp nề nếp từ xưa truyền lại, được đi xuất gia, cạo tóc mặc áo nhuộm, lạm nhận sự cung kính*. Chữ này hơi đau một chút, "lạm nhận sự cung kính", nói theo thế thường là lạm dụng sự cung kính của người. *Ăn rồi tụ đầu nói chuyện ồn ào, chỉ nói toàn chuyện thế gian tạp nhạp; ham ăn ham uống qua ngày, lần lựa ở trong đời, bèn thành quê dốt.* Đây là dẫn lời trong Quy Sơn Cảnh Sách quở nặng vì không chịu chăn.

Sau đây lại quở thêm: *Rồi trở lại đi theo cúng tụng để lo lợi dưỡng*. Lo đi cúng tụng để được thù lao chút ít, rồi *quên mất tâm ban đầu*. Chúng ta đi tu là để thành một người xuất gia tu đạo giải thoát, chứ đâu phải

đi tu để trở thành người làm ra tiền để sống. Thế mà chúng ta *quên mất tâm ban đầu, thật là cô phụ chí xuất gia vậy*. Thật là chúng ta đã bỏ mất ý chí xuất gia của mình, như vậy thì: *Bao giờ mới dừng ý quên duyên, hồi quang phản tỉnh mà chịu chăn?* Ngay bây giờ có chịu chăn hay chưa? Dừng ý quên duyên là lặng ý không chạy theo duyên bên ngoài. Hồi quang phản tỉnh là xoay ánh sáng lại phản tỉnh nơi mình. Như thế mới là người biết chăn. *Cứ suy theo đó thì thảy đều là chưa chăn hết.* Như vậy kể cả thế gian và người tu hình như chưa ai chịu chăn hết.

Đây là nói tổng quát về chưa chịu chăn.

LUẬN THẲNG VỀ CHƯA CHĂN

Bởi tất cả tình mê đều nương các kiến chấp mà dấy lên. Giẫm vào đó thì khác chi rừng rậm, chìm trong đó nào khác biển sôi. Như tằm làm kén, cái ổ tốt là nhân nhận lấy trói buộc. Giống như con thiêu thân lao vào đèn, theo ánh sáng làm gốc hủy mình. Nên bậc thông suốt nói: "Kẻ bỏ nhà lang thang mới cảm thông với người lữ khách, người lạnh lẽo cô đơn, mới biết rõ nỗi khổ của kẻ cùng đường." Không pháp gì cứu được. Đó là cái thấy hẳn nên quở trách. Hãy thuận lời Phật, chớ theo lời dạy của ma. Nay tôi nói phá rành rõ, nhưng nói phá lại bị người ghét. Người xưa nói: "Lời nói đúng lý chẳng sợ bị cắt lưỡi." Do đó, tôi tạm nêu lên ở cõi này trong hàng tăng có năm hạng đọa, năm hạng lười cộng chung thành mười hạng người chưa chịu chăn.

1. Rơi vào cuồng vọng buông thả mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Trong giáo nói: Có những kẻ dân ma, chuyên thích cuồng tuệ, chẳng chịu trì giới tu hành,

vọng chấp những lời lẽ tương tự trong kinh điển, như câu: "phiền não tức Bồ-đề, dâm nộ si tức Phạm hạnh", rồi theo lời sanh hiểu, theo cái hiểu lại phát độc, mặc tình nói năng ngông cuồng, tội lỗi không lường được. Họ chỉ có giải thoát trên môi lưỡi, thừa và giới đều mất hết, hoàn toàn chẳng tu hành gì. Nên hòa thượng Vĩnh Minh nói: "Còn mang tập khí vẫn bị nghiệp cảnh lôi đi, hiện hành đâu khỏi duyên ràng buộc." Như nói: "Học hiểu ngàn ngày, chẳng bằng trì giới một bữa." Tại sao tham hư danh trên ngữ giải, nhận thật họa nơi địa ngục, dối mình lừa người, cam bị chìm đắm? Đấy chỉ là bọn sủa ngông cuồng, thật đáng thương xót!

Những người hạng này tức chẳng chịu chăn.

2. Rơi vào chia chẻ mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Tổ sư nói: Phần nhiều người có thông minh, học chăm săn tìm nơi giáo điển, ghi chú chương cú, chấp vào tên giả pháp thân, chia chẻ rành mạch trên danh tướng, gom góp chỗ này, vá víu chỗ kia, suốt cả năm tháng. Mỗi người do tranh giành cái thấy của mình, mà không có chỗ sống thật. Thế nên phải biết, trẻ đói đi ngang qua hàng thịt, miệng nhai ngồm ngoàm, chỉ thêm lòng thèm khát, không giúp gì được bụng đói. Hạng người này chỉ lo nói thiền trên miệng, dù ghi nhớ chương cú, chỉ ôm lòng ngã mạn để lấn lướt người. Đây là hạng thô hạnh thứ nhất trong hàng tăng. Huống nữa, không có công phu tu hành chân thật, luống thêm khẩu nghiệp, rất đáng thương xót!

Kẻ như thế nên chẳng chịu chăn.

3. Rơi vào si không mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Người xưa nói: Kẻ học đạo dòm thấy một chút pháp không, rồi nghe người tụng kinh, niệm Phật, lễ bái, thực hành các thứ hạnh, liền bảo: "Pháp lìa danh tự, nếu theo danh giả thuyết quyền, càng thêm hư vọng." Đây là hạng người trong tâm ngoài miệng trái nhau. Đâu chẳng thấy kinh Lăng-nghiêm nói: "Nếu ở trong định kia, các thiện nam thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm sáng tỏ, tự cho mình đã đủ, thì có một phần đại ngã mạn, bị ma nhập tâm phủ. Họ bảo, một niệm vượt qua ba vô số kiếp, trong tâm còn xem thường cả mười phương Như Lai, huống chi hàng Thanh văn, Duyên giác ở bậc dưới. Chẳng lễ tháp miếu, khinh thường kinh tượng, cho đây là đồng, vàng, gỗ, đất. Và bảo nhục thân là chân thường mà chẳng tự cung kính, lại đi sùng mộ gỗ đất, thật là điên đảo. Quả làm nghi lầm người sau vậy."

Phải biết, chấp không mà phá tướng như thế, đều là quyến thuộc của ma. Mặc cho tất cả đều không, sanh không, tử cũng không, nhưng vua Diêm-la chẳng không thì làm sao đây? Thật đáng thương xót!

Hạng người chấp không này tức chẳng chịu chăn.

4. Rơi vào tùy duyên mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Người xưa nói: "Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, hồn nhiên mặc áo xiêm." Chỉ thuận theo thiên chân, muôn hạnh tự tròn đủ. Giở chân, hạ chân, cái gì chẳng phải là nghiệp thanh tịnh, cần chi nhiều thứ tạo tác?

Lại bậc tiên đức nói: "Tức tâm tức Phật, đâu nhờ tu hành?" Hạng người này như con chó đuổi theo hòn đất, chẳng biết là lời nói nhất thời trong cửa tổ sư, nhân bệnh mà cho thuốc. Vì vậy nên biết "tùy duyên, mặc tình", chẳng phải là không làm gì. Nhận lầm cơ tổ, nắm đá sỏi cho là ngọc, thật đáng xót thương!

Hạng hiểu sai lầm này, tức chẳng chịu chăn.

5. Rơi vào dua nịnh theo quyền thế mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Chỉ vì chẳng biết xấu hổ, cứ lo khoe khoang tiếng tăm, quên mất cả đạo đức, bỏ bê phép tắc luật nghi, không còn gì là chừng mực, buông lung theo tình riêng mà đến nỗi như vậy.

Trái lại, họ chê người thật thà chất phác là quê mùa, và ca ngợi kẻ huênh hoang tự đắc là lanh lợi. Do đó, cứ buông thả tình dục, chẳng biết hổ thẹn. Tự hay nịnh hót kẻ thế lực, nương gá nơi cửa quyền quý để mưu lấy tiếng tăm, lợi lộc. Thường thì hạng người này chẳng nhận rõ gốc đạo, đắm đuối nơi sông ái, biển dục, đành tự cam chịu chìm lịm. Một mai họa đầy phước hết, bị người trời chán bỏ, thầy bạn chịu lây.

Hạng người như thế nên chẳng chịu chăn.

6. Thân tuy xuất gia mà chẳng chịu an tâm vào đạo, lại thuận theo pháp rỗng, chỉ lo giữ gìn thân huyễn, trau chuốt dáng vẻ bề ngoài, biếng nhác mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Hòa thượng Thiên Như nói: Thời gần đây có một hạng xuất gia, tuy nói lìa tục,

mà thói tục chẳng trừ. Trọn nói xuất trần mà duyên trần chẳng cắt đứt. Kinh giáo vốn không rõ biết, tham thiền lại chẳng nhận hiểu. Tâm vượn chạy mãi, ý ngựa ruổi rong, thành bầy thành đội, ồn ào cả ngày. Chẳng những luống hao của tín thí, cũng là chôn vùi tánh linh chính mình. Đến khi nhắm mắt, đường trước chẳng biết đi đâu, thật là uổng vào nơi cửa không, sống đã vô ích, chết lại lạc loài.

Hạng người như trên, là vì cơm áo, vì cầu an vui. Xuất gia như vậy, thật đáng đau xót! Đâu chẳng biết kinh Bảo Tích nói: "Quán nơi thân có bốn mươi thứ lỗi lầm, hoặc nói nó là ngục tù tham dục, hằng bị phiền não trói cột, là hố nhơ nhớp, luôn bị các trùng rúc rỉa. Tợ nhà xí với năm điều bất tịnh. Như túi lủng với chín lỗ thường chảy ra. Rắn độc nóng giận dấy lên thì làm hại tâm và thương tổn tuệ mạng. Quỷ la-sát ngu si, chấp ngã kiến mà nhai nuốt trí thân. Giống như giặc dữ, cả thế gian đều muốn tránh. Đồng với chó chết, các Thánh hiền đều xa bỏ. Chẳng bền chắc như cây chuối, hòn bọt v.v... Vô thường như lửa nháng, điện chớp. Dù cho nó ăn uống mà trở lại thành thù địch. Thường đem đồ nuôi dưỡng mà không biết đền ơn v.v..." Điều đáng chê trách rất nhiều, khó nói đủ hết. Nếu chẳng xét kỹ lỗi lầm sâu nặng này, bèn lo bồi bổ giữ kỹ lấy nó. Mê điều này, vì đó mà chẳng tiến tu thì sẽ thiếu kém cả hai trí và hạnh, mất cả hai lý và sự. Cần trước hết chán ghét, biết quấy, lửa ham muốn sẽ ngầm tiêu dứt. Nếu thiết tha đối trị tận gốc, thì cái chân thật vốn sẵn tự hiện.

Thường hạng này đều bởi bên trong không có trí sáng soi, bỏ gốc chạy theo ngọn, sáng chiều toàn theo những thứ động mà làm rối mất nguồn chân mờ đục nước tánh.

Hạng người như trên đây, hẳn chẳng chịu chăn.

7. Đuổi theo bám víu việc đời, ngày càng tinh chuyên, tâm động mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Kinh Pháp Cú Thí Dụ nói: "Như giấy gói hương, dây buộc cá." Vật vốn trong sạch, đều bởi duyên mà dấy thành tội phước. Bạn hiền minh thì đạo nghĩa ngày thêm đầy. Bạn ngu tối thì ngày càng gom tụ họa ương. Giống như giấy và dây, gần hương thì thơm, gần hôi thì tanh. Nó thấm dần trở thành thói quen, đều chẳng tự hay biết. Nên bậc tiên đức nói: "Dừng dừng dừng, kíp tu mau. Trời trong chẳng chịu đi, đợi đến mưa ướt đầu."

Hạng người trên đây, thuận theo bánh xe nghiệp, chính mình bỏ mất gốc đạo nên chẳng chịu chăn.

8. Đem Phật pháp làm theo tình đời, tâm động mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Nhân vì tài trí chẳng đủ, thấy biết chẳng sáng mà đến như thế! Hòa thượng Dụ hiệu Phật Trí nói: "Ngựa hay chạy nhanh mà chẳng dám thả chân bước càn, là nhờ dây cương kìm chế. Ý thức trôi nổi mà chẳng dám vin theo duyên, là nhờ sức giác chiếu." Than ôi! Đem Phật pháp làm theo tình đời, quả là kẻ ngoắt đuôi cầu xin thương xót. Đó là không có giác chiếu vậy.

Hạng người như trên nên chẳng chịu chăn.

9. Ngu điếc, giải đãi, biếng nhác cầu an mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Chỉ vì tự phụ, tự bỏ nên như thế. Bậc tiên đức nói: "Chỗ tài năng chứa đựng của con người tự có lớn nhỏ, thật không thể dạy." Nên nói: "Giấy nhỏ chẳng gói được vật lớn, dây kéo nước ngắn chẳng thể múc được sâu. Chim cú ban đêm vạch bắt bọ chét, thấy rõ từng sợi lông tơ, nhưng sáng ra thì mắt mờ chẳng thấy gò núi, vốn đã phân định rồi vậy." Người như trên là tự chấp cho mình đã đủ, nên không thấy trước thật xa. Sống đã không ích gì hiện tại, chết cũng không tiếng tăm về sau.

Nói chung, hạng người như thế nên chẳng chịu chăn.

10. Cờ bạc vô dụng, tụ nhóm thành bè thành lũ, biếng nhác nên chẳng chịu chăn. Vì sao? Chỉ mong lợi nhỏ trước mắt mà ôm lòng tính toán cẩu thả. Lại nói rằng, việc cầu đạo quá viển vông, chẳng bằng cầu lợi thực tế hơn. Do đó họ đua theo thói phù hoa, so đo nhỏ nhặt. Bởi vậy, không ai chịu toan tính trọn năm, huống là lo nghĩ đến sanh tử? Đó là lý do học đạo ngày càng tệ, pháp môn ngày càng xuống dốc.

Nói chung, hạng người như thế nên chẳng chịu chăn.

Mười hạng người trên đây, tuy nói là xuất gia mà không có hạnh dứt khỏi trần tục. Luống mang thân nam tử mà không có chí trượng phu. Nên tổ Quy Sơn nói: "Đáng tiếc một đời qua suông, gặp việc thì ngó vách." Chỉ vì trọn ngày lăng xăng, cả đêm

mê mệt. Rơi vào hầm vô tri, ngồi trong ngục hắc ám. Chẳng thông suốt ý chỉ tức sự tức lý. Chỉ nhớ suông lời phá bệnh phá chấp. Người trí rất thương hại, kẻ ngu lại bắt chước theo. Đã thành lối mòn, muốn dứt bỏ nhanh đi càng rất khó! Vì vậy mới dẫn rộng ra.

Thâm tâm của Phật tổ đã bày rõ đủ hết đại ý kinh luận. Mong người chừa bỏ những chấp cũ, để sửa đổi điều sai quấy trước, mà đồng bước theo dấu vết của bậc tiên thánh còn để lại, và cùng chung lãnh nhận lời răn bảo của đức Phật. Như thế mới không khuyết tổn bản chí, khỏi cô phụ bốn ân, cùng nhau bước lên cửa giải thoát và tiến vào đường thẳng tắt tu hành chân thật, thành tựu đạo nghiệp của chư Phật, đầy đủ đại Bồ-đề. Ngăn bít nẻo tà mà mở ra lối chánh, vững niềm tin mà nhổ bật gai chấp trước. Vượt bến khổ nơi ba cõi, vào nguyện hải Phổ Hiền. Qua cảnh lênh đênh nơi pháp giới, tiến vào thành lớn Niết-bàn.

Ngưỡng mong mắt Phật chứng cho chút lòng thành và khắp vì người đương thời, xin kính dẫn tập này.

Giảng:

Bởi tất cả tình mê đều nương các kiến chấp mà dấy lên. Giẫm vào đó thì khác chi rừng rậm, chìm trong đó nào khác biển sôi. Như tằm làm kén, cái ổ tốt là nhân nhận lấy trói buộc. Giống như con thiêu thân lao vào đèn, theo ánh sáng làm gốc hủy mình. Nên bậc thông suốt nói:

"Kẻ bỏ nhà lang thang mới cảm thông với người lữ khách, người lạnh lẽo cô đơn, mới biết rõ nỗi khổ của kẻ cùng đường." Không pháp gì cứu được. Đó là cái thấy hẳn nên quở trách. Hãy thuận lời Phật, chớ theo lời dạy của ma. Nay tôi nói phá rành rõ, nhưng nói phá lại bị người ghét. Người xưa nói: "Lời nói đúng lý chẳng sợ bị cắt lưỡi." Do đó, tôi tạm nêu lên ở cõi này, trong hàng tăng có năm hạng đọa, năm hạng lười cộng chung thành mười hạng người chưa chịu chăn.

Trong bài này, thiền sư Quảng Trí nói những lời rất là thẳng thắn để cho mọi người hiểu mà tự sửa.

Trước tiên ngài nói: *Bởi tất cả tình mê đều nương các kiến chấp mà dấy lên.* Tất cả cái mê của chúng ta đều gốc từ các kiến chấp sai lầm, chứ không phải bỗng dưng mà có. *Giẫm vào đó thì khác chi rừng rậm, chìm trong đó nào khác biển sôi.* Những ai ôm nhiều kiến chấp thì như người lạc trong rừng rậm, như người chìm trong biển nước sôi, khổ sở vô cùng vô tận.

Như tằm làm kén, cái ổ tốt là nhân nhận lấy trói buộc. Như con tằm làm kén, cái ổ kén càng tốt thì con tằm càng bị trói chặt hơn, lại còn bị bỏ vào nước sôi! Như vậy điều làm chúng ta khổ không phải do ai khác mà do chính chúng ta tự tạo rồi tự chịu lấy khổ. *Giống như con thiêu thân lao vào đèn, theo ánh sáng làm gốc hủy mình.* Thử hỏi con thiêu thân, khi chúng ta đốt đèn có phải để cho nó bay vào để chết không? Chúng ta đốt ngọn đèn sáng để làm việc, trái lại con thiêu thân thấy ánh sáng liền nhào vào rồi chết. Như vậy nó chết là vì đuổi theo ánh sáng,

mà quên đi ánh sáng là cái cớ để giết nó. Cũng như vậy, hiện giờ những người ham xì-ke ma túy thuốc phiện, biết đó là chỗ chết mà cứ lao mình vào rồi chết. Xì-ke ma túy thuốc phiện khi còn ở ngoài có làm cho ai chết không? Tại vì người ta thích nó, muốn thử nó nên mới nhào vô rồi chết, giống hệt như con thiêu thân vậy.

Nên bậc thông suốt nói: "Kẻ bỏ nhà lang thang mới cảm thông với người lữ khách, người lạnh lẽo cô đơn mới biết rõ nỗi khổ của kẻ cùng đường." Những bậc thông suốt trước kia có nói ai ở trong cảnh mới cảm thông được cái khổ của người trong cảnh. Còn người ngoài cảnh thì không thế nào cảm thông được. Ngài Quảng Trí dẫn câu này ý muốn nói ngài là một tu sĩ, ở trong cảnh tu sĩ mới hiểu được cái lầm chấp của người tu, nếu ở ngoài thì đâu có thấy, đâu có biết. Ngài dẫn thêm: *Không pháp gì cứu được.* Người mê lầm như vậy, cố chấp như vậy thì không thể cứu được. *Đó là cái thấy hẳn nên quở trách.* Nếu cái thấy đó mà không quở không trách thì họ chìm luôn. Vì vậy mà phải quở trách. Căn cứ vào đâu quở trách? *Hãy thuận lời Phật, chớ theo lời dạy của ma.* Chúng ta phải sống phải tu theo lời Phật, chứ đừng theo lời ma. Theo lời Phật thì đúng, theo lời ma thì lạc đường tà. *Nay tôi nói phá rành rõ, nhưng nói phá lại bị người ghét.* Nay ngài nói phá một cách rành rõ cho mọi người nghe, nói phá tức là chỉ trích. Chỉ trích người có lỗi, người ta ghét, cho nên nói nhưng nói phá lại bị người ghét. Đó là một lẽ thật ở thế gian.

Người xưa nói: "Lời nói đúng lý chẳng sợ bị cắt lưỡi." Ngài dẫn câu này để thấy việc làm đúng, thì dù có ai

muốn hại, mình cũng không sợ. Nếu chúng ta biết điều đó là sai, biết chắc như vậy không nghi ngờ, mà không nói, tức là chúng ta có lỗi a dua theo cái sai. Còn nếu thấy sai, chúng ta nói thẳng đó là sai, thì dù người có ghét nhưng lòng mình được yên. Cái gì biết, chúng ta đã nói đã chỉ chứ không giấu, cũng không bỏ qua. Có nói có chỉ mà người ta không sửa thì đó là lỗi tại người, chứ không phải tại mình. Vì vậy người tu, nếu có can đảm, biết việc đó là sai là lỗi mà không chỉ không nhắc cho nhau, là điều không thể chấp nhận được.

Vì thế thiền sư Quảng Trí ở gần cuối đời Lê thấy những điều tệ trong giới tu hành, ngài không thể nào làm thinh được, cho nên ngài nói: *Do đó, tôi tạm nêu lên ở cõi này, trong hàng tăng có năm hạng đọa, năm hạng lười, cộng chung thành mười hạng người chưa chịu chăn.* Nghe ngài nói chúng ta cũng đau xót, thử nhìn lại xem trong mười hạng tăng, chúng ta có nằm trong hạng nào hay không, để rồi ráng mà tu chỉnh lại. Có tất cả là mười hạng tăng chưa chịu chăn trâu, tức là chưa chịu tu. Đây là cái nhìn của ngài Quảng Trí ở cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII. Còn chúng ta hiện giờ là ở cuối thế kỷ XX so lại coi chúng ta có tiến bộ được nhiều ít, mà tiến bộ về mặt nào sánh với khi xưa.

Có mười hạng tăng chưa chịu chăn trâu:

1. Rơi vào cuồng vọng buông thả mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Trong giáo nói: Có những kẻ dân ma, chuyên thích cuồng tuệ, chẳng chịu trì giới tu hành, vọng chấp những lời lẽ tương tự trong kinh điển, như câu: "phiền não tức Bồ-đề, dâm nộ si tức Phạm hạnh",

rồi theo lời sanh hiểu, theo cái hiểu lại phát độc, mặc tình nói năng ngông cuồng, tội lỗi không lường được.

Đây là bệnh nặng. Cuồng vọng là cái hiểu biết cuồng vọng, rồi không chịu tu. Lại dẫn kinh làm chứng để cho rằng cái không tu của mình là đúng. *Chuyên thích cuồng tuệ mà chẳng chịu trì giới tu hành, vọng chấp những lời lẽ tương tự trong kinh điển như câu: "phiền não tức Bồ-đề, dâm nộ si tức Phạm hạnh".* Câu này xuất xứ từ kinh Viên Giác, kinh Duy-ma-cật, kinh Lăng-già... Lẽ ra người tu chúng ta, như cư sĩ tại gia thì giữ năm giới, tu sĩ xuất gia thì giữ mười giới căn bản hoặc hai trăm năm mươi giới, song chúng ta thọ giới mà không chịu giữ, lâu lâu lại có tham sân si (dâm là tham, nộ là sân), lại cho tham sân si là Phạm hạnh, là hạnh trong sạch, đó là vì hiểu quá lầm lẫn.

Đến câu phiền não tức Bồ-đề. Câu này chắc Phật tử ai cũng thuộc lòng. Nhưng chúng ta có "tức Bồ-đề" chưa? Như khi nghe ai nói trái tai thì nổi giận, lúc đó phiền não có tức Bồ-đề chưa, hay phiền não là si mê?

Tại sao trong kinh lại nói phiền não tức Bồ-đề? Chúng tôi cho một thí dụ, quý vị theo dõi để hiểu. Như ở trên bàn, chúng ta để một tượng Phật rất đẹp, kế bên để một tượng quỷ rất quái dị. Đối trước hai tượng, chúng ta để một cái gương, khi nhìn vào gương chúng ta thấy gì? Thấy trong gương tượng Phật đẹp đẽ trang nghiêm, tượng quỷ quái dị đáng sợ. Nhưng chúng ta dùng trí quán sát thì có sợ không? Phật và quỷ ở trong gương đều là cái bóng, quỷ là bóng, Phật cũng là bóng.

Quỷ là dụ cho phiền não, Phật là dụ cho Bồ-đề. Phiền não Bồ-đề nói trên ngôn từ cũng là cái bóng, là bóng thì đâu có khác nhau. Thế thì phiền não tức Bồ-đề, Bồ-đề tức phiền não là như vậy. Phật là bóng, quỷ cũng là bóng vì không thật, như vậy để thấy Phật quỷ không khác, quỷ tức là Phật, Phật tức là quỷ vì đều là bóng không thật. Đó là chặng thứ nhất.

Qua chặng thứ hai, dẹp cái gương đi, quan sát kỹ tượng Phật tượng quỷ làm bằng gì? Tượng Phật làm bằng thạch cao, tượng quỷ cũng làm bằng thạch cao. Tượng Phật tượng quỷ cũng từ thạch cao nặn lên, Phật thạch cao, quỷ cũng thạch cao thì quỷ tức là Phật, Phật tức là quỷ vì thể nó không hai.

Đến chặng thứ ba là cái tưởng tượng của người nghệ sĩ đắp tượng. Khi muốn đắp tượng, người nghệ sĩ cũng dùng bao nhiêu thứ thạch cao, màu sắc để đắp và vẽ thành tượng Phật đẹp đẽ trang nghiêm, rồi cũng đắp và vẽ thành tượng quỷ lạ lùng kinh sợ. Như vậy hai tượng được đắp và vẽ thành hình gốc từ cái tưởng tượng của người nghệ sĩ, thế thì cái tưởng tượng đó có thật không? Tượng quỷ cũng là tưởng tượng, tượng Phật cũng là tưởng tượng, hai cái đều là tưởng tượng thì "tức" với nhau chứ gì. Phật tức là quỷ, quỷ tức là Phật. Như thế Bồ-đề phiền não có khác nhau không? Thấu suốt được lẽ đó mới thấy phiền não Bồ-đề không khác. Nếu chưa thấu suốt thấy tượng Phật là thật, tượng quỷ là thật, thấy tượng Phật thì mừng lạy, thấy tượng quỷ thì run sợ thì khi ấy Bồ-đề phiền não là hai. Như vậy trong kinh Phật nói phiền não tức Bồ-đề, Bồ-đề tức phiền não,

là nhắm thẳng cái thể không thật trên tánh giác. Nói Bồ-đề, nói phiền não là hai lối nói, là hai cái đối đãi, mà đối đãi là không thật. Tất cả sự vật ở thế gian này đều không thật, bởi do không thật cho nên nó "tức" với nhau.

Dâm nộ si tức Phạm hạnh nghĩa là tham sân si tức là hạnh thanh tịnh, vì đứng về mặt thể nó là hư dối, vì hư dối cho nên cái này cũng tức là cái kia, cái kia cũng tức là cái này. Còn chúng ta khi nổi sân, lúc đó thấy là dối hay là thật? Nếu khi nổi sân biết là dối thì tự cười chứ không có giận. Còn nếu đang nổi sân mà thấy sân là thật thì cùng với Phạm hạnh làm sao giống được, hai cái khác nhau.

Thế nên lời Phật dạy các vị Bồ-tát là đến chỗ cứu cánh, thể của các pháp không khác. Chúng ta là phàm phu đủ tất cả các tật xấu, thấy cái gì cũng thật, sao lại lấy câu của Phật tổ nói để che lỗi mình? Thí dụ như chúng ta tu mà bị ai chọc giận thì nổi sân la lối, có người Phật tử đứng gần bên thưa: "Thầy tu mà sao còn sân như vậy?" Thầy liền nói: "Phiền não tức Bồ-đề mà." Thôi thì người Phật tử chịu thua, hết nhắc nổi. Đó là bệnh. Như người tu giữ giới luật không được phép ngồi quán uống rượu, nhưng một hôm thấy người tu ngồi quán uống rượu, Phật tử tới thưa: "Thưa Thầy, theo giới luật thì người tu đâu có được ngồi quán, đâu có được uống rượu. Tại sao Thầy ngồi quán uống rượu?" Thầy nói: "Dâm nộ si là Phạm hạnh mà, Phật tử nói gì vậy." Người tu dẫn kinh để nộ lại, người Phật tử đành chịu thua. Như vậy có đúng không? Cái đó là lời nói của ma! Lời Phật nói có tính

cách khác, lời ma nói có tính cách khác. Ma nói để dọa, để áp đảo thế gian, còn Phật nói để chỉ cho chúng ta thấy chỗ tột cùng chân thật. Những kẻ ma lợi dụng lời Phật nói để dọa nạt người rằng mình hiểu kinh hiểu luật và để gạt lừa thiên hạ. Đó là bệnh rất trầm trọng, thế mà hiện nay có vài người tu làm như vậy và nói như vậy. Khi xưa hồi thế kỷ XVII có việc đó, đến cuối thế kỷ XX này chắc cũng không khác bao nhiêu, thỉnh thoảng có xảy ra sự việc như vậy, ngài Quảng Trí gọi đó là bệnh hết sức trầm trọng.

Cho nên ngài mới nói: *Rồi theo lời sanh hiểu, theo hiểu lại phát độc, mặc tình nói năng ngông cuồng, tội lỗi không lường được.* Họ phát những lời nói độc hại: Không cần tu, không cần chứng, tu chứng là chấp tướng. Đó là lối nói ngông cuồng, tội lỗi không thể lường được.

Họ chỉ có giải thoát trên môi lưỡi, thừa và giới đều mất hết, hoàn toàn chẳng tu hành gì. Nên hòa thượng Vĩnh Minh nói: "Còn mang tập khí vẫn bị nghiệp cảnh lôi đi, hiện hành đâu khỏi duyên ràng buộc." Như nói: "Học hiểu ngàn ngày, chẳng bằng trì giới một bữa."

Họ chỉ có giải thoát trên môi lưỡi, thừa và giới đều mất hết, hoàn toàn chẳng tu hành gì. Họ chỉ có giải thoát trên đầu môi chót lưỡi, rồi nói tôi là người quyết tâm cầu giải thoát, nhưng nói ngoài miệng chứ không hành trong tâm. Thừa là giáo lý, giới là giới luật, đều mất hết, giáo lý không thông, giới luật không giữ, hoàn toàn chẳng tu hành gì cả, chỉ có nói dối để gạt người thôi.

Nên hòa thượng Vĩnh Minh nói: "Còn mang tập khí vẫn bị nghiệp cảnh lôi đi." Theo lời ngài Vĩnh Minh nói nếu người tu dù có hiểu được đôi chút giáo lý, nhưng tập khí muôn đời của mình vẫn còn nặng, nếu không chịu tu thì làm sao dẹp được, mà không dẹp được tập khí thì vẫn bị nghiệp cảnh lôi đi. *Hiện hành đâu khỏi duyên ràng buộc.* Trong cái hiện hành của mình tức là cái công dụng trên việc làm hằng ngày khó mà tránh khỏi các duyên ràng buộc.

Như vậy tuy chúng ta tu rất cẩn thận, rất chín chắn, dù có thấy đạo, có hiểu đạo, song những lời của Phật của tổ nói chúng ta phải dè dặt không nên dùng nó để che lỗi mình, không nên dùng nó để dọa nạt người. Chúng ta phải kính cẩn lời Phật lời tổ rồi ráng tu hành dẹp sạch tập khí và dẹp hết nghiệp để khỏi bị nó lôi kéo vào trong ba đường ác.

Như nói: "Học hiểu ngàn ngày, chẳng bằng trì giới một bữa." Đây ngài muốn dẫn cái hiểu với cái hành. Hiểu là do học, học được hiểu nhiều, nhưng giới luật không giữ thì cái hiểu đó không đi tới đâu. Cũng như có một số Phật tử ngày nay học đạo hiểu đạo, rồi biết nói những lời rất hay rất đúng với Phật tổ, nhưng năm giới không chịu giữ, gặp rượu thì ngồi vào bàn, nói toàn chuyện trên trời trên mây mà rượu thì không bỏ nổi. Như vậy được chưa? Hiểu đạo mà giới không giữ cũng chưa xứng đáng với cái hiểu. Người tu càng cẩn thận hơn, dù chúng ta hiểu, nói người ta hoan nghênh, người ta hưởng ứng, nhưng hành động của mình, giới luật của mình không giữ, thì cái hiểu đó chưa cứu được mình.

Tại sao tham hư danh trên ngữ giải, nhận thật họa nơi địa ngục, dối mình lừa người, cam bị chìm đắm? Đấy chỉ là bọn sủa ngông cuồng, thật đáng thương xót!

Những người hạng này tức chẳng chịu chăn.

Ngài đặt câu hỏi *tại sao tham hư danh trên ngữ giải*, nghĩa là tham hư danh trên lời nói, trên sự hiểu biết mà *nhận thật họa nơi địa ngục* tức là cái họa thật ở địa ngục. *Dối mình lừa người, cam bị chìm đắm.* Dối mình lừa người suốt một đời, cuối cùng bị xuống địa ngục. Như vậy là hay hay dở? Tưởng đâu nói cao nói giỏi là hay, nhưng nói cao nói giỏi đâu thoát khỏi được họa địa ngục!

Đấy chỉ là bọn sủa ngông cuồng, thật đáng thương xót! Ngài quở thật chẳng nể lời: Đấy chỉ là bọn sủa ngông cuồng, nghĩa là nói càn nói bướng giống như chó điên sủa bậy không có lẽ thật, không có giá trị gì. Thật đáng thương xót! Lời quở này cũng khá nặng, nhưng bệnh nặng thì phải có thuốc mạnh, thuốc yếu thì bệnh nặng khó lành.

Những người hạng này tức chẳng chịu chăn. Những người hạng như vậy thì không bao giờ chịu chăn trâu, tức là không chịu tu. Đó là hạng thứ nhất.

Chúng ta không chỉ nghe thôi, mà phải kiểm nghiệm lại, nhìn lại nội tâm mình, nhất là người tu, xem chúng ta có vướng những bệnh như vậy hay không. Nếu có thì phải trị ngay đừng để thành bệnh. Rồi nhìn lại những người cùng giới tu hành, thấy ai có bệnh như vậy thì ráng trị giùm, nếu trị không được thì chỉ thuốc giùm, chỉ thuốc không được thì chắp tay xá rồi lui chứ đừng có lý luận.

Hạng bị đọa thứ nhất, rơi vào cuồng vọng buông thả, còn hạng thứ hai là rơi vào chia chẻ.

2. Rơi vào chia chẻ mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Tổ sư nói: Phần nhiều người có thông minh, học chăm săn tìm nơi giáo điển, ghi chú chương cú, chấp vào tên giả pháp thân, chia chẻ rành mạch trên danh tướng, gom góp chỗ này, vá víu chỗ kia, suốt cả năm tháng. Mỗi người do tranh giành cái thấy của mình, mà không có chỗ sống thật. Thế nên phải biết, trẻ đói đi ngang qua hàng thịt, miệng nhai ngồm ngoàm, chỉ thêm lòng thèm khát, không giúp gì được bụng đói. Hạng người này chỉ lo nói thiền trên miệng, dù ghi nhớ chương cú, chỉ ôm lòng ngã mạn để lấn lướt người. Đây là hạng thô hạnh thứ nhất trong hàng tăng. Huống nữa, không có công phu tu hành chân thật, luống thêm khẩu nghiệp, rất đáng thương xót!

Kẻ như thế nên chẳng chịu chăn.

Rơi vào chia chẻ mà chẳng chịu chăn. Chia chẻ tức là học đạo mà cứ lo phân tích câu lời, lựa câu cho hay, lời cho khéo v.v... mà không chịu tu. *Vì sao? Tổ sư nói: Phần nhiều người có thông minh, học chăm săn tìm nơi giáo điển, ghi chú chương cú, chấp vào tên giả pháp thân, chia chẻ rành mạch trên danh tướng, gom góp chỗ này, vá víu chỗ kia, suốt cả năm tháng.* Cứ ngồi đó mà vạch quyển kinh quyển sách ra phân tích chia chẻ cái này thuộc về Tướng tông, cái kia thuộc về Tánh tông, phân chia nghe rành rẽ tưởng như mình thông minh tuyệt vời, nhưng sự thật chỉ là phân tích trên danh tướng

mà không chịu tu. *Mỗi người do tranh giành cái thấy của mình, mà không có chỗ sống thật.* Cho nên người này nói hoặc viết ra, người kia chống lại rồi thành bút chiến cãi qua cãi lại, rốt cuộc không chịu tu hành gì cả. Xét kỹ trên thế gian này hiện giờ chắc có những người như vậy. *Thế nên phải biết, trẻ đói đi ngang qua hàng thịt, miệng nhai ngồm ngoàm, chỉ thêm lòng thèm khát, không giúp gì được bụng đói.* Ngài dùng thí dụ nghe rất là đau. Trẻ đói tức là mấy đứa con nít đói bụng đi ngang qua hàng thịt thấy người ta ăn, nó cũng bắt chước nhai. Người ta ăn người ta no, còn nó nhai miệng không, không có thịt không có cá, có no không? Nó nhai miệng ngồm ngoàm, chỉ thêm lòng thèm khát không giúp gì được bụng đói. Thí dụ này cho chúng ta thấy người được món ăn, người ta ăn thì no, mình không được món ăn cũng giả bộ nhai thì làm sao no được!

Chư tổ ngày xưa, các ngài tu học đến nơi đến chốn, thấy được lẽ thật nên các ngài nói ra, giả sử có sửa những cái sai của kẻ khác, cũng là vì lòng chân thật, vì tâm từ bi. Còn chúng ta hiện giờ nói ra điều gì, nếu có ai chống lại thì nổi giận tranh luận, cũng nói rằng mình phá tà hiển chánh, song rốt cuộc rồi chỉ tăng thêm cái danh hão huyền thôi chứ không có thật.

Hạng người này chỉ lo nói thiền trên miệng, dù ghi nhớ chương cú, chỉ ôm lòng ngã mạn để lấn lướt người. Những người này nói thiền trên miệng, chứ không phải thiền ở trong tâm. Nói câu này dẫn câu kia, nói thuộc lòng nghe rất hay, đó là để lấn lướt người, thỏa mãn lòng ngã mạn của mình mà thôi. *Đây là hạng thô hạnh*

thứ nhất trong hàng tăng. Trong hàng tăng, đây là hạnh thô thứ nhất. *Huống nữa, không có công phu tu hành chân thật, luống thêm khẩu nghiệp, rất đáng thương xót!* Nói phá người này, chỉ trích người kia, dẫn kinh dẫn sách rất hay, nhưng chỉ có ngoài miệng chứ trong lòng thì không tu. Như vậy chỉ tăng thêm khẩu nghiệp, đó là hạng người rất đáng thương xót.

Kẻ như thế nên chẳng chịu chăn. Người như thế nên không chịu tu, cứ lo vạch kinh này sách kia tìm kiếm để phê bình chỉ trích thiên hạ, mà mình thì không tu. Đây là bệnh của hạng người thứ hai, rơi vào chia chẻ mà chẳng chịu chăn, bệnh này thuộc về bệnh đọa chứ không phải nhẹ.

3. Rơi vào si không mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Người xưa nói: Kẻ học đạo dòm thấy một chút pháp không, rồi nghe người tụng kinh, niệm Phật, lễ bái, thực hành các thứ hạnh, liền bảo: "Pháp lìa danh tự, nếu theo danh giả thuyết quyền, càng thêm hư vọng." Đây là hạng người trong tâm ngoài miệng trái nhau. Đâu chẳng thấy kinh Lăng-nghiêm nói: "Nếu ở trong định kia, các thiện nam thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm sáng tỏ, tự cho mình đã đủ, thì có một phần đại ngã mạn, bị ma nhập tâm phủ. Họ bảo, một niệm vượt qua ba vô số kiếp, trong tâm còn xem thường cả mười phương Như Lai, huống chi hàng Thanh văn, Duyên giác ở bậc dưới. Chẳng lễ tháp miếu, khinh thường kinh tượng, cho đây là đồng, vàng, gỗ, đất. Và bảo nhục thân là chân thường mà chẳng tự cung kính, lại đi sùng mộ gỗ đất, thật là điên đảo. Quả làm nghi lầm người sau vậy."

Phải biết, chấp không mà phá tướng như thế, đều là quyến thuộc của ma. Mặc cho tất cả đều không, sanh không, tử cũng không, nhưng vua Diêm-la chẳng không thì làm sao đây? Thật đáng thương xót!

Hạng người chấp không này tức chẳng chịu chăn.

Đến hạng người thứ ba:

Rơi vào si không mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Người xưa nói: Kẻ học đạo dòm thấy một chút pháp không, rồi nghe người tụng kinh, niệm Phật, lễ bái, thực hành các thứ hạnh, liền bảo: "Pháp lìa danh tự, nếu theo danh giả thuyết quyền, càng thêm hư vọng." Câu này chúng ta cần phải nghiệm xét. Hiện nay có một số người tu mắc bệnh này cũng khá nặng, do hiểu được một chút "không", rồi chấp cái "không" đó, cho nên gọi là "si không". Nghe ai tụng kinh, niệm Phật, lễ bái v.v... thì chê trách nói: Pháp lìa danh tự, nếu theo danh giả thuyết quyền, càng thêm hư vọng. Họ nói tất cả pháp là lìa danh tự, nếu theo danh giả thuyết quyền tức là thuyết tạm thì càng thêm hư vọng. Họ nói như vậy là để chê trách người tụng kinh, người niệm Phật và người lễ bái. *Đây là hạng người trong tâm ngoài miệng trái nhau.* Nghĩa là trong tâm thì không chịu tu mà ngoài miệng thì dẫn lời Phật dạy để chê người khác tu.

Đâu chẳng thấy kinh Lăng-nghiêm nói: "Nếu ở trong định kia, các thiện nam thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm sáng tỏ, tự cho mình đã đủ, thì có một phần đại ngã mạn, bị ma nhập tâm phủ. Họ bảo, một niệm vượt qua ba vô số kiếp, trong tâm còn xem thường cả mười phương Như Lai,

huống chi hàng Thanh văn, Duyên giác ở bậc dưới. Chẳng lễ tháp miếu, khinh thường kinh tượng, cho đây là đồng, vàng, gỗ, đất. Và bảo nhục thân là chân thường mà chẳng tự cung kính, lại đi sùng mộ gỗ đất, thật là điên đảo. Quả làm nghi lầm người sau vậy." Ngài Quảng Trí dẫn kinh Lăng-nghiêm để chứng minh cho lời ngài quở trách ở đây. Trong kinh Lăng-nghiêm, Phật bảo: *Nếu ở trong định kia, các thiện nam*, tức là người đang nhập định, *thấy sắc ấm tiêu* là phá được sắc ấm, *thọ ấm được sáng tỏ, tự cho mình đã đủ.* Mới phá được sắc ấm, qua đến thọ ấm thì cho mình đã đạt cứu cánh, *thì có một phần đại ngã mạn, bị ma nhập tâm phủ*. Vừa khởi tâm đại ngã mạn thì bị ma nhập trong tâm phủ, tâm phủ tức là tâm can lục phủ. Khi bị ma nhập tâm rồi thì:

Họ bảo, một niệm vượt qua ba vô số kiếp, trong tâm còn xem thường cả mười phương Như Lai, huống chi hàng Thanh văn, Duyên giác ở bậc dưới. Cho nên họ không lễ tháp miếu, khinh thường kinh tượng, cho đây là đồng, vàng, gỗ, đất. *Và bảo nhục thân là chân thường mà chẳng tự cung kính, lại đi sùng mộ gỗ đất, thật là điên đảo.* Họ bảo thân thịt của mình là thân thật, là thân Phật, mình phải cung kính. Còn những thân Phật bằng vàng bằng gỗ bằng đất là bằng các thứ bên ngoài, tại sao cung kính? Rồi khuyên người bảo đừng làm điều đó, cho làm như vậy là điên đảo. *Quả làm nghi lầm người sau vậy.* Những kẻ này làm cho người sau sanh ra nghi lầm không biết cái nào đúng cái nào sai. Đó là dẫn lời trong kinh.

Phải biết, chấp không mà phá tướng như thế, đều là quyến thuộc của ma. Mặc cho tất cả đều không,

sanh không, tử cũng không, nhưng vua Diêm-la chẳng không thì làm sao đây? Thật đáng thương xót! Mới học về lý Bát-nhã một chút mà phá tướng như vậy, đó là bà con của ma chứ không phải là thật. Nói rằng tất cả đều không, sanh không tử không, Niết-bàn không, Bồ-tát không, Thanh văn không, nhưng cuối cùng vua Diêm-la chẳng không, cho nên phải xuống dưới Diêm đài ngồi. Đó là những người đạt lý chưa đến nơi, tu hành chưa đến cứu cánh, mà tự sanh ngã mạn rồi khinh thường tất cả kinh tượng, khinh thường tất cả các quả vị Thanh văn, Duyên giác v.v... Những người này sai lầm, rồi dẫn người khác đến chỗ sai lầm. Thật đáng thương xót!

Hạng người chấp không này tức chẳng chịu chăn. Vì họ chấp không, cho nên đâu có chịu chăn trâu. Chúng ta ở đây học lý đạo, biết Phật nói các pháp không thật, nhưng tối nào cũng phải sám hối, cũng phải lễ Phật. Không phải cho các pháp không thật, rồi không làm gì cả, thì đó là chấp là bệnh. Bệnh thứ ba này thuộc về loại đọa, đọa địa ngục, cho nên nói *vua Diêm-la chẳng không.*

4. Rơi vào tùy duyên mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Người xưa nói: "Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, hồn nhiên mặc áo xiêm." Chỉ thuận theo thiên chân, muôn hạnh tự tròn đủ. Giở chân, hạ chân, cái gì chẳng phải là nghiệp thanh tịnh, cần chi nhiều thứ tạo tác?

Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, hồn nhiên mặc áo xiêm là dẫn lời của tổ Lâm Tế. Ngài ngộ đạo rồi, tâm không còn phiền não che lấp, không còn vọng tưởng lôi kéo, cho nên ngài mới nói tùy duyên. Còn chúng ta hiện giờ thì

vọng tưởng đầy ắp, phiền não tràn ngập, không có chỗ nào trống mà cũng nói tùy duyên! Tỷ dụ có nhiều Phật tử hỏi chúng tôi: Giả sử mình tu biết đạo chút chút rồi mình sống tùy duyên, nếu có người mời uống rượu, mà mình không uống thì không biết tùy duyên, thưa Thầy như vậy có uống được không? Thử nghĩ chúng tôi phải trả lời như thế nào? Nếu nói được, thì gặp rượu tùy duyên rượu, gặp cái gì tùy duyên cái ấy, thành ra tùy duyên đó là tùy duyên xuống địa ngục! Điều này rất quan trọng, vì đây là tôi nói một lẽ thật. Có một Phật tử không biết tu tới mức nào, khi đến gặp tôi thì mặt mày đỏ gay, tôi nghi chắc ông có uống rượu vì khi nói chuyện nghe mùi rượu. Ông nói chuyện về thiền, tôi bảo: "Đạo hữu tu thiền mà uống rượu sao?" Ông trả lời: "Thì tùy duyên mà Thầy." Tôi lắc đầu, đó là tôi gặp phải bệnh tùy duyên. Tôi mới gặp cư sĩ thôi, chứ chưa gặp các vị xuất gia.

Ngài Lâm Tế nói: "Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, hồn nhiên mặc áo xiêm", chữ tùy duyên này tôi thường nói: Đói ăn mệt ngủ, nghĩa là gặp duyên gặp cảnh thì phải sống linh động ngay nơi đó, đừng kéo dài bận bịu. Thí dụ như đói thì cứ ăn đừng đòi món này món nọ, đừng nghĩ cơm ngon cơm dở, mệt thì ngủ đừng nghĩ việc hôm qua hôm kia, đó là tùy duyên. Còn nói tùy duyên gặp rượu thì uống rượu, gặp tất cả cái gì đều làm theo hết mà gọi là tùy duyên thì chúng tôi cũng đầu hàng! Tùy duyên tiêu nghiệp cũ là những oan khiên những phiền não cũ do biết sống tùy duyên nên nghiệp cũ tiêu mòn. Hồn nhiên mặc áo xiêm, mặc áo một cách hồn nhiên, không nghĩ ngợi suy tính điều gì.

Chỉ thuận theo thiên chân, muôn hạnh tự tròn đủ. Nghĩa là phải sống đúng với tánh chân thật của mình thì muôn hạnh tròn đủ. Nếu được như vậy thì: *Giở chân, hạ chân, cái gì chẳng phải là nghiệp thanh tịnh, cần chi nhiều thứ tạo tác?* Chư tổ đã sống được với thiên chân, còn chúng ta đang sống với vọng tưởng mà làm theo các ngài thì e trật quá xa.

Lại bậc tiên đức nói: "Tức tâm tức Phật, đâu nhờ tu hành?" Hạng người này như con chó đuổi theo hòn đất, chẳng biết là lời nói nhất thời trong cửa tổ sư, nhân bệnh mà cho thuốc. Vì vậy nên biết "tùy duyên, mặc tình", chẳng phải là không làm gì. Nhận lầm cơ tổ, nắm đá sỏi cho là ngọc, thật đáng xót thương!

Hạng hiểu sai lầm này, tức chẳng chịu chăn.

Bậc tiên đức nói: "Tức tâm tức Phật (lời của Mã Tổ)*, đâu nhờ tu hành."* Chư tổ đã sống được chỗ đó, nên thấy ai có bệnh, các ngài tùy duyên phá chấp. Chúng ta lấy đó làm chỗ tu mà chưa thấy được lẽ chân, chưa sống được chỗ tâm cảnh như như, chúng ta lại nói theo các ngài, đó là giống như con chó đuổi theo hòn đất vậy. Thấy hòn đất người ném, nó chạy theo sủa, rốt cuộc không ra gì cả. *Vì vậy nên biết "tùy duyên, mặc tình", chẳng phải là không làm gì. Nhận lầm cơ tổ, nắm đá sỏi cho là ngọc, thật đáng xót thương!* Tùy duyên của các tổ không phải là không tu, tùy duyên là duyên nào tới đừng để cho tâm ý phải bận bịu rối rắm, duyên tới mình phải giải quyết một cách đơn giản, nhanh nhẹn cho nó an bình. Như vậy các ngài đã tu, tu trong cái tùy duyên. Còn chúng ta hiện giờ

không biết, lại chấp câu đó rồi việc gì cũng tùy duyên, rủ đâu làm đó, rủ chơi cái gì cũng chơi, tùy duyên như vậy còn hơn là những người ở ngoài đời thì còn gì là đạo lý, còn gì là tu hành.

Hạng hiểu sai lầm này, tức chẳng chịu chăn. Hạng người sai lầm này không chịu chăn tức chẳng chịu tu. Những người này nằm trong hạng đọa, tức là những cái nghĩ, những cái chấp sai lầm đó đều có thể đọa vào địa ngục.

5. Rơi vào dua nịnh theo quyền thế mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Chỉ vì chẳng biết xấu hổ, cứ lo khoe khoang tiếng tăm, quên mất cả đạo đức, bỏ bê phép tắc luật nghi, không còn gì là chừng mực, buông lung theo tình riêng mà đến nỗi như vậy. Đây nói hạng nịnh hót người quyền quý để khoe khoang mình thân những người thế lực cao sang mà tâm đạo đức không có, chẳng biết gì mực thước tu hành. Những người này chỉ dua nịnh theo quyền thế mà chẳng chịu tu.

Trái lại, họ chê người thật thà chất phác là quê mùa, và ca ngợi kẻ huênh hoang tự đắc là lanh lợi. Người hiền lành chất phác tu trên non trên núi thì bị chê là quê mùa, dốt nát. Còn người nói năng huênh hoang tự đắc thì ca ngợi là lanh lợi.

Do đó, cứ buông thả tình dục, chẳng biết hổ thẹn. Tự hay nịnh hót kẻ thế lực, nương gá nơi cửa quyền quý để mưu lấy tiếng tăm, lợi lộc. Thường thì hạng người này chẳng nhận rõ gốc đạo, đắm đuối nơi sông ái, biển dục, đành tự cam chịu chìm lịm. Một mai họa đầy phước hết, bị người trời chán bỏ, thầy bạn chịu lây.

Hạng người như thế nên chẳng chịu chăn.

Hạng người này nhìn lại cũng khá nhiều, *cứ buông thả tình dục, chẳng biết hổ thẹn. Tự hay nịnh hót kẻ thế lực, nương gá nơi cửa quyền quý để mưu lấy tiếng tăm lợi lộc.*

Hạng người này chẳng nhận rõ gốc đạo. Tức là họ không biết rõ gốc tu hành, gốc đạo đức như thế nào. *Đắm đuối nơi sông ái, biển dục, đành tự cam chịu chìm lịm.* Tức là chạy theo ái dục của thế gian để vùi đắm mình trong biển ái. *Một mai họa đầy phước hết, bị người trời chán bỏ, thầy bạn chịu lây.* Họa đầy ngập, phước hết rồi, khi ấy bị người trời chán bỏ, không ai bênh vực rồi phải mang họa.

Hạng người như thế nên chẳng chịu chăn. Năm hạng người kể trên là năm hạng người không chịu chăn trâu. Mà không chăn trâu thì đọa địa ngục, cho nên gọi là năm hạng tăng đọa. Nếu dùng mắt đạo đức nhìn sẽ thấy hiện tại không phải thiếu năm hạng đó. Mong rằng chúng ta không nằm trong số ấy, nếu nằm một trong năm hạng này thật là đáng buồn, phải ráng nhảy ra cho khỏi, đừng để kẹt trong đó.

Sau đây là năm hạng lười biếng. Năm hạng này chắc cũng khá đông.

6. Thân tuy xuất gia mà chẳng chịu an tâm vào đạo, lại thuận theo pháp rỗng, chỉ lo giữ gìn thân huyễn, trau chuốt dáng vẻ bề ngoài, biếng nhác mà chẳng chịu chăn.

Thuận theo pháp rỗng, chỉ lo giữ gìn thân huyễn. Thân này là thân huyễn lại thích săn sóc nó, tuy đi tu

mà muốn ăn mặc sang đẹp, để trau chuốt dáng bên ngoài, để gìn giữ thân giả dối. Rồi lười biếng, đến giờ tu thì ngồi ngủ gục, còn đi ra ngoài thì nói dóc quên thôi. Đó là hạng lười biếng đi theo pháp rỗng mà chẳng chịu chăn.

Vì sao? hòa thượng Thiên Như nói: Thời gần đây có một hạng xuất gia, tuy nói lìa tục, mà thói tục chẳng trừ. Trọn nói xuất trần mà duyên trần chẳng cắt đứt. Kinh giáo vốn không rõ biết, tham thiền lại chẳng nhận hiểu. Tâm vượn chạy mãi, ý ngựa ruổi rong, thành bầy thành đội, ồn ào cả ngày. Chẳng những luống hao của tín thí, cũng là chôn vùi tánh linh chính mình. Đến khi nhắm mắt, đường trước chẳng biết đi đâu, thật là uổng vào nơi cửa không, sống đã vô ích, chết lại lạc loài.

Bệnh này chúng ta ráng nghiệm lại coi mình có mắc hay không. Xét cho thật kỹ, nhìn cho chín chắn, nếu lỡ có mắc bệnh này thì phải sửa liền, đây là bệnh rất đáng thương. Đi tu là cốt làm gì? Đâu phải đi tu cốt để cho thân này đẹp đẽ, cốt để hưởng thụ sự sung sướng. Thế mà những người đi tu lại mắc kẹt ở đây, thì thật là dở.

Hòa thượng Thiên Như nói: Thời gần đây có một hạng xuất gia, tuy nói lìa tục, mà thói tục chẳng trừ. Lìa tục là sao? Trong kinh đức Phật nói: Người xuất gia cốt lìa thế tục tức là lìa ngũ dục lạc thế gian, nhưng khi vào đạo thì thói tục chẳng trừ, không bỏ nổi ngũ dục lạc. Phật nói người đi tu do chán ngũ dục mà xuất gia, nếu trở lại thọ dụng ngũ dục cũng giống như người chán đàm trong cổ khạc nhổ xuống đất, rồi tiếc liếm lại, nghe thật rợn cả người. Nếu muốn hưởng ngũ dục thì cứ ở thế gian,

làm được cái gì hưởng cái ấy, tại sao lại chán bỏ đi tu? Đi tu rồi trở lại thích ngũ dục thế gian chẳng khác nào khạc nhổ đàm xuống đất rồi liếm lại, có gớm không? Đây là lời Phật quở, lời tổ quở cũng như thế. Cho nên nói: *Trọn nói xuất trần mà duyên trần chẳng cắt đứt.* Thường khi đi tu là bỏ cha bỏ mẹ, cha mẹ có than khóc bao nhiêu cũng dứt khoát ra đi. Nhưng ít tháng sau lại nhớ muốn trở về thăm. Thế là sao? Đã muốn cắt đứt, mà cắt không đứt, muốn nối lại. Bây giờ vào Thiền viện, chúng tôi cắt ba năm không cho về. Đó là cắt giùm, nhờ vậy nên mới đứt, đứt thì mới làm được chuyện mình muốn làm.

Kinh giáo vốn không rõ biết, tham thiền lại chẳng nhận hiểu. Tu mà không hiểu kinh, không biết tham thiền, thử hỏi tu cái gì? Thế nên tu là phải hiểu kinh, phải biết thiền. *Tâm vượn chạy mãi, ý ngựa ruổi rong, thành bầy thành đội, ồn ào cả ngày.* Trong tâm đủ chuyện lăng xăng, chạy ngược chạy xuôi, thành bầy thành đội, ồn ào cả ngày. Thật ra nhiều khi trong chùa có năm bảy người mà chia thành đôi ba nhóm. Nếu rảnh việc xúm lại tán dóc, nói chuyện năm trên năm dưới, chuyện đời chuyện đạo, ồn ào cả ngày, mất hết thời giờ quý báu. Chúng ta tu phải làm sao cho tâm vượn và ý ngựa dừng, con vượn ngủ, con ngựa mệt nằm nghỉ, thì mình được thảnh thơi đôi chút. *Chẳng những luống hao của tín thí, cũng là chôn vùi tánh linh chính mình.* Để cho tâm vượn, ý ngựa ruổi rong thì có hai lỗi lớn. Sống nhờ của đàn-na thí chủ mà không chịu tu là uổng hao của tín thí và tổn phước, lại tánh linh chính mình sẵn sàng mà bị tâm vượn, ý ngựa che khuất không được hiện tiền.

Đến khi nhắm mắt đường trước chẳng biết đi đâu, thật là uổng vào nơi cửa không, sống đã vô ích, chết lại lạc loài. Đến khi sắp chết chẳng biết mình sẽ đi đâu, thật là uổng vào trong nhà đạo, sống chẳng có ích cho ai, khi chết lại bơ vơ không biết về đâu. Đó là nỗi khổ của người tu không ra gì.

Hạng người như trên, là vì cơm áo, vì cầu an vui. Xuất gia như vậy, thật đáng đau xót! Hạng người này đi xuất gia vì muốn vô chùa cho có cơm no áo ấm, cho có bạn bè nói chuyện cho vui. Nếu đi tu như vậy thì đáng buồn, đáng đau xót lắm, không có ý nghĩa gì cả. *Đâu chẳng biết kinh Bảo Tích nói: "Quán nơi thân có bốn mươi thứ lỗi lầm, hoặc nói nó là ngục tù tham dục, hằng bị phiền não trói cột, là hố nhơ nhớp, luôn bị các trùng rúc rỉa. Tợ nhà xí với năm điều bất tịnh. Như túi lủng với chín lỗ thường chảy ra. Rắn độc nóng giận dấy lên thì làm hại tâm và thương tổn tuệ mạng. Quỷ la-sát ngu si, chấp ngã kiến mà nhai nuốt trí thân. Giống như giặc dữ, cả thế gian đều muốn tránh. Đồng với chó chết, các Thánh hiền đều xa bỏ. Chẳng bền chắc như cây chuối, hòn bọt v.v... Vô thường như lửa nháng, điện chớp. Dù cho nó ăn uống mà trở lại thành thù địch. Thường đem đồ nuôi dưỡng mà không biết đền ơn v.v..."*

Trong kinh Bảo Tích dạy chúng ta quán thân tứ đại này có bốn mươi thứ lỗi lầm, nhưng ở đây chỉ dẫn một số thôi.

Hoặc nói nó là ngục tù tham dục, hằng bị phiền não trói cột. Thân tứ đại này chứa đầy tham lam ái dục

như dồn mình trong chốn ngục tù, hằng bị phiền não trói buộc. *Là hố nhơ nhớp, luôn bị các trùng rúc rỉa.* Thân này là cái hố dồn chứa toàn đồ nhơ bẩn. Thức ăn tuy thơm ngon khi chưa nhai nuốt, nhưng khi nuốt qua khỏi cổ thì thành nhơ bẩn, rồi dồn chứa trong thân thành hố nhơ nhớp. Ở trong đó luôn bị các trùng rúc rỉa, nó đục chỗ này khoét chỗ kia, nên nay than bệnh này, mai than bệnh nọ, có sướng ích chi đâu! *Tợ nhà xí với năm điều bất tịnh.* Thân này giống như nhà xí, nếu không khéo giữ gìn sạch sẽ thì cũng nghe hôi, vì nó chứa năm điều bất tịnh nhơ nhớp ở trong. *Như cái túi lủng với chín lỗ thường chảy ra.* Thân này như túi lủng với chín lỗ thường chảy ra, chín lỗ là hai con mắt, hai lỗ tai, hai lỗ mũi, cái miệng và ở phần dưới là chỗ đại tiện tiểu tiện. Nếu thân là quý thì chắc rằng chín chỗ đó ra toàn thứ tốt. Nhưng xem kỹ chín chỗ đó ra không có cái gì sạch tốt cả, như cáu ghèn, ráy tai, nước mũi v.v...., những thứ đó đều đáng gớm cả. Thân của chúng ta lẽ thật là như vậy, nó không ra gì. *Rắn độc nóng giận dấy lên thì làm hại tâm và thương tổn tuệ mạng.* Khi nổi giận thì mắt đỏ ngầu, miệng nói sai quấy gần như rắn độc cắn người, làm hại tâm và thương tổn tuệ mạng. *Quỷ la-sát ngu si, chấp ngã kiến mà nhai nuốt trí thân.* Giống như quỷ la-sát ngu si gặp cái gì cũng ham cũng thích, chấp ngã kiến mà hại trí thân. *Giống như giặc dữ, cả thế gian đều muốn tránh.* Ai thấy cũng sợ đều muốn tránh xa. *Đồng với chó chết, các Thánh hiền đều xa bỏ.* Đồng với thây chó chết, các Thánh hiền đến gần hôi quá chịu không nổi nên các ngài xa bỏ.

Chẳng bền chắc, như cây chuối, hòn bọt v.v... Vô thường như lửa nháng, điện chớp. Dù cho nó ăn uống mà trở lại thành thù địch. Thường đem đồ nuôi dưỡng mà không biết đền ơn v.v... Ngày nào cũng nuôi dưỡng cho ăn uống, mà nó đâu có chịu để mình bình yên. Nay đau bệnh này mai đau bệnh kia, nó trả ơn cho mình bằng cách đau bệnh bằng cách thành thù địch. Mình nuôi dưỡng nó mà nó không đền ơn, tới ngày cuối cùng nó tan rã, mình phải chịu khổ. Kiểm điểm lại thân này đâu có gì là quý. Thế mà chúng ta cứ lo tâng tiu săn sóc nó suốt ngày, săn sóc cái thứ đồ bỏ, nghĩ mình thật là khờ. Bởi vậy nhiều khi chúng tôi nói thẳng: Nếu thân này là mình thì khi chết khoảng đôi ba hôm mà để trần không chôn, thì lúc đó có ai dám gần không, dù những người rất thân với mình? Nếu để thêm chừng năm mười ngày thì chẳng những họ không dám gần mà cũng không dám ngó nhìn nữa. Thế thì cái tồi tệ đó lại là mình sao? Nếu nó là mình thì chuyện hết sức vô lý. Chúng ta có cái cao thượng, sáng suốt, thanh tịnh, bất sanh bất diệt mà không chịu tìm ra, lại bảo vệ giữ gìn cái tạm bợ bẩn thỉu nhớp nhúa... Vậy mình có khôn không? Thế mà tu rồi lâu lâu cũng quên, vì cái thanh tịnh kia không có hình tướng nên quên. Còn thân này có hình tướng, có cảm giác, biết ham thích cho nên chạy theo nó, chứ thật tình nó là đồ bỏ không có gì quý giá, chỉ tìm lại cái thật mình, cái đó mới là quý. Vì thế Phật từ bi thương xót chỉ dạy cốt cho chúng ta nhận biết được ngay nơi mình có cái quý đang ẩn trong cái nhớp, cũng giống như có hòn ngọc báu để trong thùng rác vậy. Lúc nào Phật cũng bảo chúng ta khéo ngay nơi thùng rác

mà tìm hòn ngọc, đừng giữ thùng rác, đừng cho thùng rác là quý. Nhưng lâu lâu chúng ta cũng nhớ thùng rác mà quên đi hòn ngọc quý, thật là đáng thương. Đến ngày thùng rác rã nát thành phân nhớp nhúa đem đổ đi thì đổ luôn cả hòn ngọc. Đó là chỗ Phật và chư Bồ-tát thương không nỡ bỏ chúng sanh. Thân này như đống rác có hoại đi cũng không đáng kể, nhưng rất tiếc là trong đống rác lại có hòn ngọc mà chúng ta không chịu moi tìm lấy ra. Cho nên Phật tổ luôn luôn khô môi, đắng miệng nói cho chúng ta nghe cốt để lượm cho được hòn ngọc, đừng có mê giữ thùng rác. Đó là điều thật, trong kinh chư Phật chư tổ đã nói, mà chính chúng ta khéo tu cũng biết rõ như vậy.

Điều đáng chê trách rất nhiều, khó nói đủ hết. Nếu chẳng xét kỹ lỗi lầm sâu nặng này, bèn lo bồi bổ giữ kỹ lấy nó. Những điều dở của thân kể không thể hết, nếu không chịu xét kỹ những lỗi lầm này, cứ lo bồi bổ giữ kỹ lấy nó thì chỉ luống công vô ích thôi. *Mê điều này, vì đó mà chẳng tiến tu thì sẽ thiếu kém cả hai trí và hạnh, mất cả hai lý và sự.* Ngay nơi thân này khéo tu thì được trí sáng, được hạnh thanh tịnh, biết tu thì thấu được lý, mượn sự mà hiển bày lý. Còn nếu không biết tu thì trí hạnh mất, lý sự quên. *Cần trước hết chán ghét, biết quấy, lửa ham muốn sẽ ngầm tiêu dứt. Nếu thiết tha đối trị tận gốc, thì cái chân thật vốn sẵn tự hiện.* Nếu chúng ta biết tu, biết thức tỉnh thì trước hết phải chán ghét thân này. Biết nó là quấy, là lỗi thì lửa ham muốn sẽ ngầm tiêu dứt. Bởi vì ham muốn là tham, mà tham cho cái gì? Thí dụ như thấy cái hoa đẹp mình tham

để cho mắt được ngắm; thấy cái gì thơm mình tham, để cho mũi được ngửi; thấy cái gì ngon mình tham, để cho lưỡi được nếm. Như vậy tất cả cái tham là vì thân này, mà thân này là đồ bỏ, là thùng rác. Nếu chúng ta coi thân này như thùng rác, tất nhiên những tham lam sẽ bớt. Bớt được lòng tham tự nhiên chúng ta cố gắng tu hành, tất sẽ trị được cái gốc mê lầm về thân, sẽ đi đến chỗ chân thật hiện tiền, tức là sẽ nắm được hòn ngọc quý trong tay. Đó là người sáng suốt biết tu. Còn lỗi lười biếng là do đi tu mà còn ham thụ hưởng.

Thường hạng này đều bởi bên trong không có trí sáng soi, bỏ gốc chạy theo ngọn, sáng chiều toàn theo những thứ động mà làm rối mất nguồn chân mờ đục nước tánh.

Hạng người như trên đây, hẳn chẳng chịu chăn. Nghĩa là hạng người này chẳng ưa chăn trâu.

7. Đuổi theo bám víu việc đời, ngày càng tinh chuyên, tâm động mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Kinh Pháp Cú Thí Dụ nói: "Như giấy gói hương, dây buộc cá." Vật vốn trong sạch, đều bởi duyên mà dấy thành tội phước. Bạn hiền minh thì đạo nghĩa ngày thêm đầy. Bạn ngu tối thì ngày càng gom tụ họa ương. Giống như giấy và dây, gần hương thì thơm, gần hôi thì tanh. Nó thấm dần trở thành thói quen, đều chẳng tự hay biết. Nên bậc tiên đức nói: "Dừng dừng dừng, kíp tu mau. Trời trong chẳng chịu đi, đợi đến mưa ướt đầu."

Hạng người trên đây, thuận theo bánh xe nghiệp, chính mình bỏ mất gốc đạo nên chẳng chịu chăn.

Đuổi theo bám víu việc đời, nghĩa là việc đời càng giỏi càng hay, thí dụ như người tu mà xã giao giỏi, tính toán làm ăn hay thì chuyên chạy theo những lợi nhuận bên ngoài mà không chịu tu.

Kinh Pháp Cú Thí Dụ nói: "Như giấy gói hương, dây buộc cá." Vật vốn trong sạch, đều bởi duyên mà dấy thành tội phước. Bạn hiền minh thì đạo nghĩa ngày thêm đầy. Bạn ngu tối thì ngày càng gom tụ họa ương. Giống như giấy và dây, gần hương thì thơm, gần hôi thì tanh. Như khi chúng ta vào tiệm mua trầm hương, người bán lấy giấy gói hương lại, khi đem hương về mở giấy ra, ngửi tờ giấy thì thơm. Còn khi ra chợ mua cá, người ta lấy dây cột cá lại, khi đem về mở dây ra, ngửi sợi dây thì hôi. Như vậy tờ giấy trước không thơm, do gói hương mà thơm; sợi dây trước không hôi, do cột cá mà hôi.

Trong kinh Pháp Cú, Phật nói thí dụ này để nhắc chúng ta điều gì? Chúng ta tu mà cứ đuổi theo việc đời, thấy ai làm ăn phát tài rủ rê, mình thích có tiền cũng bỏ vốn ra làm ăn, mua cái này sắm cái kia, làm ăn từ từ, lâu ngày thành quen giống như sợi dây cột cá. Người ta là người thế gian, mình là người xuất gia mà hai bên gần giống nhau, như con cá tanh, sợi dây cột nó cũng bị tanh. Còn nếu chúng ta tu mà gần thầy lành bạn tốt, gần thiện hữu tri thức như gần trầm hương, mình là tấm giấy trắng gói hương, một thời gian mở ra, giấy được mùi thơm. Gần người tu chân chánh có đạo đức, chúng ta cũng được thấm nhuần hương thơm. Thế thì hai bên, một bên đưa chúng ta tới cái hư dở, một bên đưa chúng ta tới cái hay tốt, đều là do gần gũi,

gần bên nào sẽ nhiễm bên ấy không nghi ngờ. Cho nên người tu mà ngồi lại tính lợi hại, tính làm ăn phát tài, đó là gần những người không tốt. Còn người tu mà khuyên nhắc phải dẹp bỏ phiền não, phải luôn luôn tinh tấn tu hành, đó là gần được những người tốt. Chúng ta phải biết nên gần ai và nên tránh ai để cho mình càng ngày càng trở thành người hay người tốt ở trong đạo.

Nó thấm dần trở thành thói quen, đều chẳng tự hay biết. Làm mãi thành thói quen coi như tự nhiên, chẳng cần biết gì nữa. *Nên bậc tiên đức nói: Dừng dừng dừng, kíp tu mau.* Tức là phải tu cho nhanh. Dừng cái gì mà dừng đến ba lần như vậy? Theo trong nhà thiền, dừng cái thứ nhất là dừng đừng chạy theo ngoại cảnh, dừng cái thứ hai là dừng đừng để căn duyên theo trần, dừng cái thứ ba là dừng đừng để cho thức lăng xăng. Ba lần dừng là dừng cảnh, dừng căn và dừng thức, ráng tu cho mau. *Trời trong chẳng chịu đi, đợi đến mưa ướt đầu.* Câu nói đơn giản mà thấm làm sao! Trời đang trong, cần đi thì cứ đi, đừng chần chờ không chịu đi, đến khi sửa soạn đi trời mưa ào tới thì ướt hết. Ý muốn nói khi còn khỏe mạnh còn sức lực, biết tu là hay mà không chịu tu, đến khi già lụm cụm mới nói tôi muốn tu quá, thì tu làm sao cho kịp. Bước ra ngoài gặp mưa ướt đầu, chạy không kịp nữa. Cho nên muốn tu thì phải tu cho sớm, biết tu là hay thì phải tu ngay, đừng có chần chờ, coi chừng tu không kịp. Như bây giờ nói chúng tôi muốn ra Thành phố, thấy trời trong thì cứ lên xe chạy đi hoặc là đi bộ ngay đi, tại sao cứ nhìn trời rồi ngồi nói dóc, muốn đi mà ngồi nói dóc mãi tới xế chiều trời chuyển mưa, rồi nói thôi

mưa rồi đi ra ướt đầu hết. Cũng như vậy, có nhiều người nghe Phật pháp biết hay muốn tu mà nói tu chưa được, còn bận nhiều việc để ráng ít năm, ít năm qua rồi cũng chưa xong việc, lại ráng thêm ít năm nữa, đến chừng ráng hết được nhìn lại thì đã già, hết cơ hội để tu. Ráng tu là người xuất gia phải nỗ lực tu gấp, còn người cư sĩ dù ở nhà cũng phải ráng tu cho khéo, không bắt buộc phải xuất gia vào chùa mới gọi là tu.

Hạng người trên đây, thuận theo bánh xe nghiệp, chính mình bỏ mất gốc đạo nên chẳng chịu chăn. Những người này bỏ quên gốc đạo bị nghiệp lôi đi nên không chịu chăn.

8. Đem Phật pháp làm theo tình đời, tâm động mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Nhân vì tài trí chẳng đủ, thấy biết chẳng sáng mà đến như thế! Hòa thượng Dụ hiệu Phật Trí nói: "Ngựa hay chạy nhanh mà chẳng dám thả chân bước càn, là nhờ dây cương kìm chế. Ý thức trôi nổi mà chẳng dám vin theo duyên, là nhờ sức giác chiếu." Than ôi! Đem Phật pháp làm theo tình đời, quả là kẻ ngoắt đuôi cầu xin thương xót. Đó là không có giác chiếu vậy.

Hạng người như trên nên chẳng chịu chăn.

Đem Phật pháp làm theo tình đời. Gần đây chúng ta có cái bệnh đem Phật pháp làm theo tình đời. Tình đời là luôn luôn xã giao qua lại. Những người giỏi xã giao ngoài miệng nói thế này mà trong bụng nghĩ thế kia. Họ nói không thật, như mình đen xấu mà họ khen là trắng đẹp. Nghe khen thì rất vui mừng nhưng sự thật không phải vậy, họ nói để được lòng thôi, đó là lối nói xã giao.

Người tu chúng ta cũng bắt chước, thấy Phật tử nào tới cũng khen dồn dập, rồi nói thế này thế kia cho họ vui thích, đó là đem Phật pháp làm theo tình đời. Ngoài ra còn nhiều chuyện khác kể không thể hết, có kể ra cũng đụng chạm mà thôi.

Nhân vì tài trí chẳng đủ, thấy biết chẳng sáng mà đến như thế! Do không đủ tài trí, không thấy biết sáng suốt, cho nên họ làm theo tình đời như vậy. Đối với người sáng suốt thì Phật tử đến chùa là vì đạo vì tu, chứ không phải đến chùa vì được cảm tình. Thí dụ như có một số vị rất khéo tổ chức, khi chùa hư muốn cất lại, bèn mời Phật tử đến thật đông, đãi cơm nước xong xuôi rồi tuyên bố: Chùa tôi hư, quý Phật tử nào phát tâm ủng hộ chùa thì đưa tay lên và hứa cúng bao nhiêu thì cho biết. Ngay bữa cơm đông đảo, người nào giơ tay hứa cúng năm chục triệu thì được vỗ tay hoan nghênh, và được ghi hạng nhất vào sổ vàng. Đó gọi là khéo léo theo tình đời. Còn với người chất phác vụng về, khi chùa hư thì báo tin cho Phật tử hay, quý vị nào muốn sửa lại chùa để thờ Phật để có chỗ kính lễ thì hùn với nhau làm. Nói nghe thật thà quá nên ít ai phát tâm, còn tổ chức khéo léo thì thiên hạ dễ phát tâm hơn, lẽ thật là như vậy. Thường tổ chức khéo là thuộc về tình đời. Những người quen làm như thế thì không còn thời giờ tu, cho nên không chăn.

9. Ngu điếc, giải đãi, biếng nhác cầu an mà chẳng chịu chăn. Vì sao? Chỉ vì tự phụ, tự bỏ nên như thế. Bậc tiên đức nói: "Chỗ tài năng chứa đựng của con người tự có lớn nhỏ, thật không thể dạy." Nên nói: "Giấy nhỏ chẳng gói được vật lớn, dây kéo nước ngắn chẳng thể múc được sâu.

Chim cú ban đêm vạch bắt bọ chét, thấy rõ từng sợi lông tơ, nhưng sáng ra thì mắt mờ chẳng thấy gò núi, vốn đã phân định rồi vậy." Người như trên là tự chấp cho mình đã đủ, nên không thấy trước thật xa. Sống đã không ích gì hiện tại, chết cũng không tiếng tăm về sau.

Nói chung, hạng người như thế nên chẳng chịu chăn.

Ngài kể người ngu điếc, lười biếng, giải đãi không chịu chăn. *Vì sao? Chỉ vì tự phụ, tự bỏ nên như thế.* Tức là vì tự phụ mình, tự bỏ mình nên chẳng chịu chăn. Rồi an phận trời sanh ai thế nào thì cứ thế ấy, có làm gì cũng không được. Họ dẫn lời người xưa nói: *Chỗ tài năng chứa đựng của con người tự có lớn nhỏ, thật không thể dạy.* Họ nói rằng mỗi người có một cái gì sẵn ở trong khó mà dạy được, nói một cách cố định như vậy. *Nên nói: Giấy nhỏ chẳng gói được vật lớn, dây kéo nước ngắn chẳng thể múc được (giếng) sâu.* Nói như vậy có chân lý hay không? Mới nghe thì thấy thật là chân lý. Nếu giấy nhỏ đâu có gói được vật lớn, sợi dây gàu ngắn làm sao múc được giếng nước sâu! Nhưng tại sao chúng ta không linh động, nếu giấy nhỏ thì lấy hai ba tờ ráp lại cũng gói được vật lớn, còn dây ngắn thì dùng hai ba sợi nối lại cũng múc được giếng sâu chứ gì. Đâu thể nói một cách cố định để rồi chán nản. Đây dẫn câu chuyện: *Chim cú ban đêm vạch bắt bọ chét, thấy rõ từng sợi lông tơ, nhưng sáng ra thì mắt mờ chẳng thấy gò núi, vốn đã phân định rồi vậy.* Con chim cú ban đêm vạch bắt được bọ chét vì mắt nó rất sáng, thấy rõ từng sợi lông tơ, nhưng ban ngày thì không thấy gò núi. Đó là nói nó chỉ thấy được ban đêm, còn ban ngày thì không thấy,

vậy là trời định rồi. Vốn đã phân định rồi vậy, đừng tính chuyện sửa sang hay xoay chuyển làm gì.

Đến đây mới kết thúc: *Người như trên là tự chấp cho mình đã đủ, nên không thấy trước thật xa.* Tự chấp cho mình đã đủ tức là tự mãn, tôi lỡ như vậy, thôi cam phận trời cho, không cần phải chuyển, không cần phải tu thêm gì nữa, nên không thấy được xa. Những người ấy *sống đã không ích gì hiện tại, chết cũng không tiếng tăm về sau.*

Có một số người gặp phải bệnh tự mãn, do biếng nhác mà tự mãn. Như không có giỏi mà bảo học thì không chịu học, lại nói: Số của tôi lỡ rồi, thôi cam chịu. Khi nghe đạo lý thì nghĩ rằng mình ngu, không hiểu thì nghe làm chi, thôi không cần nghe. Nếu bảo phải tu sửa những tật cũ thì nói: Tật cũ làm sao bỏ được, trời sanh như vậy rồi. Thế thì người đó còn gì nữa mà làm, còn gì nữa mà tu! Họ cứ cố chấp cái sẵn vậy không thể sửa được. Giống như chim cú không thể nào sửa cho mắt nó sáng lúc ban ngày, chỉ sáng ban đêm mà thôi, và lấy cớ đó để tự bào chữa, rồi an phận lười biếng của mình, không chịu tu, không chịu cố gắng. Thế nên trong chúng, nếu có ai khuyên điều gì thì nói: Thôi cái đó là mấy người thông minh làm mới được, còn mình ngu quá làm gì nổi. Đừng có nghĩ như vậy. Người thông minh làm được, mình ráng học ráng tu rồi cũng hết ngu, cũng làm được. Như cái giếng rất sâu, mình có sợi dây ngắn cột gàu múc nước không tới thì phải chịu khó kiếm thêm dây nối vào, rồi sẽ múc được nước. Cái gì do cố gắng rồi cũng thành công, còn nếu buông xuôi để thừa số mạng, thì đó là những người cầu an, trốn tránh, không cố gắng, nên chẳng chịu chăn.

10. Cờ bạc vô dụng, tụ nhóm thành bè thành lũ, biếng nhác nên chẳng chịu chăn. Vì sao? Chỉ mong lợi nhỏ trước mắt mà ôm lòng tính toán cẩu thả. Lại nói rằng, việc cầu đạo quá viển vông, chẳng bằng cầu lợi thực tế hơn. Do đó họ đua theo thói phù hoa, so đo nhỏ nhặt. Bởi vậy, không ai chịu toan tính trọn năm, huống là lo nghĩ đến sanh tử? Đó là lý do học đạo ngày càng tệ, pháp môn ngày càng xuống dốc.

Nói chung, hạng người như thế nên chẳng chịu chăn.

Ham chơi cờ bạc đánh đề, đánh số, họ nói rằng: "chùa hư rồi, tôi mua vé số, nếu trúng thì có tiền cất chùa", thấy rất thực tế, rất lo cho đạo. Nhưng mua vé số phải theo dõi xổ số, nếu trật thì buồn, mai mốt mua nữa, cứ như vậy mà rốt cuộc chạy theo cái bên ngoài không chịu tu hành. Thậm chí có những người tu mà buồn, bày ra đánh bạc ở trong phòng v.v..., như vậy thì còn gì là tu nữa? Họ lại có lý do nói rằng: *Việc cầu đạo quá viển vông chẳng bằng cầu lợi thực tế hơn.* Cầu đạo xa vời quá, bây giờ mình đánh bạc, nếu ăn thì có tiền sửa chùa, lợi này rõ ràng thực tế, còn đạo thì xa quá. Đó là lối nói để bảo vệ cái sai lầm của mình. *Do đó họ đua theo thói phù hoa, so đo nhỏ nhặt.* Vì thế họ chạy theo thói phù hoa, so đo tính toán nhỏ nhặt mà không chịu tu. *Bởi vậy, không ai chịu toan tính trọn năm, huống là lo nghĩ đến sanh tử.* Chuyện một năm họ còn không tính, huống nữa là nghĩ đến chuyện chết sống. *Đó là lý do học đạo ngày càng tệ, pháp môn ngày càng xuống dốc.* Vì không nghĩ đến chuyện chết sống cho nên càng ngày họ càng buông thả, tức là học Phật pháp ngày càng tệ, sự tu hành ngày càng xuống dốc.

Tóm lại, tất cả mười hạng người kể trên không chịu chăn, tức là không chịu tu. Chúng ta thử xét coi mình có dính vào hạng nào hay không? Nếu trong mười hạng mà không kẹt hạng nào, cũng là có phước lắm rồi. Chúng ta thấy ngài Quảng Trí "nói phá" tức là sát phạt những cái sai lầm, chỉ thẳng nói thẳng. Trong đạo, từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX này, ở Việt Nam, có những cái giống nhau, cái tệ cũng như cái hay. Cũng có người rất can đảm dám nói thẳng như ngài Quảng Trí. Những bệnh ngài kể ra đây, chúng ta thấy cũng có trong hiện tại.

Sau đây là phần kết thúc:

Mười hạng người trên đây, tuy nói là xuất gia mà không có hạnh dứt khỏi trần tục. Luống mang thân nam tử mà không có chí trượng phu. Nên tổ Quy Sơn nói: "Đáng tiếc một đời qua suông, gặp việc thì ngó vách." Chỉ vì trọn ngày lăng xăng, cả đêm mê mệt. Rơi vào hầm vô tri, ngồi trong ngục hắc ám. Chẳng thông suốt ý chỉ tức sự tức lý. Chỉ nhớ suông lời phá bệnh phá chấp. Người trí rất thương hại, kẻ ngu lại bắt chước theo. Đã thành lối mòn, muốn dứt bỏ nhanh đi càng rất khó! Vì vậy mới dẫn rộng ra.

Mười hạng người trên đây, tuy nói là xuất gia mà không có hạnh dứt khỏi trần tục. Luống mang thân nam tử mà không có chí trượng phu, ở đây tôi nói thêm: Luống mang thân nam tử và nữ nhân mà không có chí trượng phu, nếu chỉ nói thân nam tử thì thiên lệch quá. *Nên tổ Quy Sơn nói: "Đáng tiếc một đời qua suông gặp việc thì ngó vách."* Nghĩa là một đời qua suông, ai hỏi gì thì xây mặt vào vách, chứ không biết trả lời chi cả.

Chỉ vì trọn ngày lăng xăng, cả đêm mê mệt. Rơi vào hầm vô tri, ngồi trong ngục hắc ám. Chẳng thông suốt ý chỉ tức sự tức lý. Chỉ nhớ suông lời phá bệnh phá chấp. Người trí rất thương hại, kẻ ngu lại bắt chước theo. Những việc làm sai lầm mà cũng có người bắt chước. Gần nhất là việc đoán xăm coi tay coi tướng ở chùa, việc này có đúng không? Nhưng làm như vậy thì có bản đạo đông, cho nên người ta cũng bắt chước làm theo. Thậm chí người tu mà cũng lên đồng lên bóng, vậy mà cũng có người làm theo, miễn sao cho có bản đạo tới cúng nhiều là được. Do cái tệ của một người, mà những kẻ khác bắt chước theo. Vì vậy: *Đã thành lối mòn, muốn dứt bỏ nhanh đi càng rất khó*. Muốn dứt bỏ những cái tệ rất là khó. Như hiện giờ chùa nào cũng biết rằng xin xăm bói quẻ là không đúng lời Phật dạy, mà không ai dám bỏ ống xăm, vì *đã thành lối mòn, muốn dứt bỏ nhanh đi càng rất khó*.

Thâm tâm của Phật tổ đã bày rõ đủ hết đại ý kinh luận. Mong người chừa bỏ những chấp cũ, để sửa đổi điều sai quấy trước, mà đồng bước theo dấu vết của bậc tiên thánh còn để lại, và cùng chung lãnh nhận lời răn bảo của đức Phật. Như thế mới không khuyết tổn bản chí, khỏi cô phụ bốn ân, cùng nhau bước lên cửa giải thoát, và tiến vào đường thẳng tắt tu hành chân thật, thành tựu đạo nghiệp của chư Phật, đầy đủ đại Bồ-đề. Ngăn bít nẻo tà mà mở ra lối chánh, vững niềm tin mà nhổ bật gai chấp trước. Vượt bến khổ nơi ba cõi, vào nguyện hải Phổ Hiền. Qua cảnh lênh đênh nơi pháp giới, tiến vào thành lớn Niết-bàn.

Ngưỡng mong mắt Phật chứng cho chút lòng thành, và khắp vì người đương thời, xin kính dẫn tập này.

Đây là lời kết thúc của ngài Quảng Trí, ngài nói: *Thâm tâm Phật tổ* (tức là tâm Phật và tâm tổ) *đã bày rõ đủ hết đại ý kinh luận.* Trong đời đức Phật, từ khi thành đạo đến lúc nhập Niết-bàn, cuộc sống của ngài đủ chứng minh cho kinh luật mà ngài đã nói. Nghĩa là Phật dạy trong kinh như thế nào thì đời sống của ngài như thế ấy, ngài dạy luật như thế nào thì đời sống của ngài cũng đúng như vậy. Chư tổ cũng vậy. Cho nên kinh luật có đủ trong đời sống của Phật và tổ. Ngày nay chúng ta học kinh học luật cũng phải sống theo nếp đó. *Mong người chừa bỏ những chấp cũ, để sửa đổi điều sai quấy trước, mà đồng bước theo dấu vết của bậc tiên thánh còn để lại, và cùng chung lãnh nhận lời răn bảo của đức Phật.* Chúng ta lỡ làm những việc sai quấy thì nên chừa bỏ để tiến theo con đường Phật tổ đã dạy đã hành.

Như thế mới không khuyết tổn bản chí, khỏi cô phụ bốn ân, cùng nhau bước lên cửa giải thoát. Nếu chúng ta biết tu biết sửa đúng như lời dạy, như hình ảnh đức Phật và chư tổ, thì mới không làm thương tổn bản chí của mình, tức là xuất gia cầu giải thoát sanh tử, và cũng khỏi cô phụ bốn ơn: Ơn thầy tổ, ơn cha mẹ, ơn quốc gia, ơn đàn-việt. Rồi *cùng nhau bước lên cửa giải thoát.* Như vậy tu là để nâng đỡ dìu dắt nhau đi trên đường giải thoát, chứ không phải lôi kéo nhau trở lại đời phàm tục. *Và tiến vào đường thẳng tắt tu hành chân thật, thành tựu đạo nghiệp của chư Phật, đầy đủ đại Bồ-đề.* Tiến vào đường thẳng tắt tức là đi thẳng vào chỗ tu

trực chỉ nơi tâm mình, biết được từng niệm vọng tưởng, buông xả cho tâm trí thanh tịnh, dứt hết phiền não, thì đó là lối tắt tu hành. Khi thành tựu được đạo nghiệp rồi thì lúc ấy chúng ta sẽ đồng với chư Phật và đầy đủ được đại Bồ-đề.

Ngăn bít nẻo tà mà mở ra lối chánh. Những lối tà đã ngăn bít, mở được con đường chánh để người sau đi theo. *Vững niềm tin mà nhổ bật gai chấp trước.* Thấy được lẽ thật của Phật tổ chỉ dạy thì những chấp trước cũ mình nhổ sạch không còn. Như vậy mới thật là: *Vượt bến khổ nơi ba cõi, vào nguyện hải của Phổ Hiền.* Hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền rộng lớn như biển cho nên gọi là nguyện hải. Qua khỏi bến khổ của ba cõi thì mới vào được nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền. *Qua cảnh lênh đênh nơi pháp giới, tiến vào thành lớn Niết-bàn.* Qua khỏi cảnh trôi dạt trong cõi trần tục, chúng ta mới đến được thành Niết-bàn.

Ngưỡng mong mắt Phật chứng cho chút lòng thành. Ngài nói với tấm lòng thành, mong Phật chứng tri cho ngài. *Và khắp vì người đương thời, xin kính dẫn tập này.* Ngài nói đây là vì người đương thời, mà đến ngày nay chúng ta là kẻ hậu lai vẫn được nghe và vẫn quý kính lời ngài.

NÓI THẲNG VỀ MỚI ĐIỀU PHỤC

Một phép mới điều phục này, chính là bổn phận trong hàng tăng sĩ, chẳng can hệ gì đến việc thế tục. Theo Vĩnh Gia Tập nói: "Như muốn tu đạo, trước cần phải lập chí." Lại nói rõ về cách lập chí mộ đạo, phép thờ thầy, trình bày việc dạy dỗ theo khuôn phép, kế đến là trừ bỏ ý kiêu xa, để dừng vọng tâm quấy động. Rồi tiếp là làm sạch ba nghiệp, kiểm trách kỹ càng, răn giữ thân khẩu ý, khiến cho lỗi thô chẳng sanh, mới hay điều phục được thân tâm vậy.

Nguyên bởi, chân tâm không vọng, trí tánh sẵn sáng ngời, trong lặng nhiệm mầu không xen tạp; nhưng do vọng chợt khởi, thoạt đó liền mê mờ đánh mất tánh tinh nguyên, cái trong lặng bị dính khằn mà phát ra cái biết, nên chuyển trí thành thức. Vọng tâm ở trong thân gọi đó là thức. Tâm vốn không biết, do thức nên biết. Tánh vốn không sanh,

do thức nên sanh. Hạt giống sanh thân nảy mầm từ đó, rồi nở hoa hữu lậu, kết trái sanh tử. Người hiện nay vọng nhận trong tấc vuông (tâm) có vật sáng rỡ linh thông (chiêu chiêu linh linh), hồn nhiên cùng các vật đồng một thể, liền cho là nguyên thần ở đấy. Đâu chẳng biết, đây tức là thức thần tử tử sanh sanh, là chủng tử luân hồi kiếp kiếp. Nên hòa thượng Cảnh Sầm nói:

Người nay học đạo chẳng tỏ chân,
Chỉ vì từ trước nhận thức thần.
Vô lượng kiếp rồi gốc sanh tử,
Kẻ si gọi đó bản lai nhân.

Than ôi! Người đời đem kẻ tớ cho là chủ mà không hay biết, nhận giặc làm con mà chẳng thức tỉnh. Do đó Thế Tôn dạy người, trước đoạn dứt cội gốc vô thủy luân hồi. Cội gốc này đã đoạn dứt, thì các thức không chỗ nương, trả lại bản thể thường sáng tỏ từ thuở ban đầu của ta. Thế nhưng, đạo lớn thì mênh mông, phải tùy theo chỗ mà ra tay. Mới biết, muốn sửa vạt áo cho ngay bằng, hẳn phải kéo cổ áo lên. Muốn sửa lưới cho thẳng, cần lôi giềng lưới lên.

Trước kia, dưới cửa Tổ sư chỉ ra một con đường chánh tu hành, dạy người từ ngay đầu nguồn mà khởi công. Nếu đầu nguồn đã trong sạch, thì lý thật luôn luôn hiện tiền, thức và niệm tự nhiên ô nhiễm chẳng được. Ví như mặt trời đã lên cao giữa hư không, thì ma quái đều bặt dấu. Một pháp môn tâm địa này, chính là đạo của ngàn thánh xưa nay chẳng đổi.

Cho nên, trái với nó thì phàm, thuận với nó thì thánh, mê nó thì sanh tử bắt đầu, ngộ nó thì luân hồi ngừng dứt. Vậy muốn dừng luân hồi không gì bằng thể nhận "chí đạo". Muốn thể nhận chí đạo, không gì bằng quán chiếu bản tâm. Muốn quán chiếu bản tâm, cần mở rộng mắt rỗng soi xét. Luôn khiến cho trăng tỏ rọi sáng ngời, thường ở trong định mà trí tuệ chiếu soi. Luôn luôn giữ được trong chỗ thất tình chưa phát này. Luôn luôn bảo toàn được thể bát thức chưa nhiễm này. Thì, ngoài dừng các duyên, trong bặt các vọng. Gồm thu ánh sáng nơi mắt, lắng đọng âm vận nơi tai, điều hòa hơi thở nơi mũi, bịt kín khí vị nơi lưỡi, tay chân chẳng động. Khiến cho năm thức: mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, mỗi thứ trở lại căn của nó, thì năm thứ linh: tinh, thần, hồn, phách và ý, mỗi thứ yên nơi vị của nó. Trong hai mươi bốn giờ thường xem kỹ bên trong sự chạy rong của con trâu này, lẫn với thường lắng nghe ngược lại sự thuần thục hay buông lung của nó. Cả đến mọi cử chỉ hành động, niệm niệm chẳng rời nó. Cũng như, đi đứng nằm ngồi, tâm tâm luôn ở ngay con trâu này. Không thể một sát-na quên mất chiếu soi hay thoáng chốc trái nhau. Thần quang vừa phóng ra liền thu lại. Trong lúc vội vàng vẫn không tách rời. Thường ở ngay đây mà luôn để ý chiếu soi. Như ông Tử Tư nói: "chẳng thể rời trong giây lát", là đấy.

Lại, trước còn giữ nó để cho trống hết tâm kia. Kế quên nó để mở rộng cái lượng kia. Tùy chỗ, tùy thời đều tự tại vô ngại.

Song, người học chỉ cốt lo dẹp trừ sáu thức, thì càng nên rõ biết chỗ trước sau. Ý tuy là chủ soái của sáu thức, mà mắt chính là tiên phong của năm giặc. Nên bậc tiên đức nói: "Tâm là then chốt, mắt là giặc trộm." Muốn hàng phục tâm kia, trước phải thu nhiếp mắt kia. Bởi cây nỏ thì sự phát động ở tại bộ phận máy, tâm thì sự duyên dẫn ở tại mắt. Bộ phận máy chẳng động thì nỏ đứng yên. Mắt chẳng động thì tâm đứng yên. Phải biết, vọng niệm dấy lên từ thức căn, đối với cảnh mà thành vọng, chẳng phải có thật thể. Khi ở chúng sanh, thì trí yếu thức mạnh nên chỉ gọi là thức. Ngay khi ở Phật địa, thì trí mạnh thức yếu nên chỉ gọi là trí. Chỉ chuyển tên kia mà chẳng chuyển thể kia. Ban đầu thì một nguồn tâm rỗng rang trong lặng, rồi do "tri kiến lập tri", vọng trần sanh khởi, nên có vọng niệm. Nếu "tri kiến vô kiến, tư tức Niết-bàn", thì trí tánh chân thật thanh tịnh sẽ trở lại trong lặng nhiệm mầu, rỗng suốt trọn vẹn, ý niệm liền tiêu. Ý niệm đã tiêu, thì từ thức thứ sáu trở xuống, không thức nào chẳng đều tiêu hết. Tức là chỗ ngài Văn-thù bảo: "Một căn đã trở về nguồn, sáu căn trở thành giải thoát." Đã không sáu căn thì không sáu trần, đã không sáu trần thì không sáu thức. Đã không sáu thức thì không chủng tử luân hồi. Đã không chủng tử luân hồi, thì một điểm chân tâm của ta, đứng riêng không chỗ nương, rỗng rang, mênh mông, sáng rỡ, lặng trong, muôn kiếp thường còn, hằng không sanh diệt.

Đây là pháp chỉ thẳng tâm người, rất rõ ràng xác thật, chặt thẳng làm sao! Giản dị làm sao! Chỉ hay

chăm lo cội nguồn quán chiếu con trâu này, lâu rồi thì tự nhiên tâm không, mênh mông lóng đứng, lặng lẽ chẳng động, vắng bặt chẳng nghĩ, rỗng toang tâm mở, tỏ suốt thấy tánh. Đây là chỗ nói: Da mỏng da dày đều rớt sạch, một thể chân thật hiện tiền.

Công phu đến đây thì tự nhiên tinh thần sáng tỏ, trí tuệ thông suốt, tâm tánh linh thông, khắp được đại tự tại. Mới biết, tất cả chư thánh đều từ pháp môn tâm địa này, phương tiện mà vào, sẽ được thành Phật làm tổ, làm thầy trời người, phàm phu không thể chứng đến. Do người chẳng nhận biết tự tâm, nên kinh Phật nói: "Tất cả chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay mê muội điên đảo bản tâm chẳng tự giác ngộ, vọng nhận bốn đại làm thân, duyên lự làm tâm. Ví như bỏ đi trăm ngàn biển cả chỉ nhận lấy một hòn bọt nhỏ." Do đây trên mê thêm một lớp mê, trong vọng thêm một lớp vọng, theo cảnh mà lưu chuyển, để mắt sanh tình, muôn điều lấy bỏ, không lúc nào tạm rảnh. Đến nỗi khiến cho dấy lên mê lầm tạo nghiệp, lẩn quẩn trong sáu đường, chẳng ra khỏi được. Rốt cùng cái mờ mịt ban đầu (minh sơ) đều do cái lỗi một thoáng vọng mê chân vậy. Nên biết, ba cõi chỉ có tâm, kẻ mê thì ngoài tâm chạy tìm pháp, người trí thì thấy cảnh chính là tâm. Cảnh tức là cảnh của tâm, tâm tức là tâm của cảnh. Đối cảnh chẳng mê, gặp duyên chẳng động, năng sở làm thành lẫn nhau, một thể không khác. Nếu hay đạt cảnh chỉ là tâm, liền đó ngộ tâm thành đạo. Giác tột vọng niệm từ vô thủy, nhiếp thu cảnh trở về tâm, chân như ra khỏi trói cột (xuất triền),

lìa cấu nhiễm được giải thoát. Hằng hợp với thanh tịnh bản nhiên, thì chẳng còn sanh trở lại. Và núi sông, quả đất, mọi tướng hữu vi, như vàng ra khỏi quặng, trọn chẳng còn dính bụi đất. Dường như cây đã cháy thành tro, đâu có mọc cành lá lại nữa. Một phen được là được mãi, tột đến mé vị lai thoát hẳn cảnh giam giữ, ở mãi nơi cõi thánh vậy.

Song đại đạo Nhất thừa tối thượng này, nếu người căn khí lanh lợi, một nhảy liền thẳng vào đất Như Lai. Nếu người căn khí chậm lụt thì phải làm thế nào? Hẳn phải do công phu học từ dưới lên trên, thứ lớp dẫn vào pháp môn, mới có thể được. Khiến cho họ đi một bước tự có hiệu nghiệm một bước, lên một cấp tự có khuôn khổ một cấp. Đó cũng chính là ý đi xa thì từ gần, lên cao thì từ thấp. Nếu chẳng biết ra tay thực hành công phu vào cửa thì đâu hay chóng đến địa vị xong xuôi tột bậc. Nếu chưa thể tận tâm, thì đâu hay rõ tánh. Chưa thể minh tâm, thì đâu hay kiến tánh.

Nên biết, minh tâm chính là mái chèo trí tuệ trong biển sanh tử. Kiến tánh chính là thuốc hay trong bệnh phiền não. Nếu như sau khi được minh tâm kiến tánh rồi, lúc đó mới dùng cảnh giới trị sạch tự tâm, dùng tinh tấn làm cho tự tâm kiên cố, dùng nhẫn nhục làm cho tự tâm phẳng lặng, dùng giác chiếu làm cho tự tâm trong sạch, dùng trí tuệ làm cho tự tâm bén nhạy sáng suốt, dùng tri kiến Phật làm cho tự tâm mở bày, dùng bình đẳng Phật làm cho tự tâm rộng lớn. Nếu sáng tỏ được tâm này,

thì chóng vượt khỏi sanh tử, viên chứng Niết-bàn. Nếu mê mờ tâm này thì luân hồi mãi mãi, bỏ mất tánh chân, cho nên trọn chẳng ra ngoài tâm này. Nếu lìa tâm này thì không riêng có huyền diệu vậy. Về sau, dù có công phu thứ lớp, chẳng qua chính là thành tựu "cái ấy" mà thôi.

Những lời trên đây chính là phương pháp tu hành, là yếu thuật thành tiên chứng thánh, là cửa tròn đủ vào đạo, vào đức. Xưa ngài A-nan nhớ giỏi không sót điều gì (đa văn tổng trì) nhưng trải nhiều năm mà chẳng lên được thánh quả. Khi dừng duyên chiếu soi trở lại, liền chứng vô sanh. Bởi tâm phàm phu trọn ngày cứ chạy ra ngoài, thì mỗi lúc càng xa, càng trái đó thôi.

Là bậc học đạo, chẳng lo gì không thành tựu, chỉ lo chẳng siêng năng. Nếu hay ròng rặc và siêng năng, thì chưa có ai tham thiền mà chẳng ngộ. Giả sử lập chí chẳng vững, niềm tin đạo chẳng mạnh, sớm làm chiều lại đổi thay, mới đầu siêng năng đến giữa chừng thì buông nghỉ, thích trong chốc lát, lại chán với thời gian lâu dài. Như thế mà mong mỏi được cùng làm bạn với chư tổ, thật là ngông cuồng thay!

Một pháp mới điều phục này, tạm trình bày ít lời, để lại cho người đồng chí hướng soi rọi. Được vậy, mới mong chẳng rơi vào không, kẹt theo tà kiến, thì pháp môn rất là may lắm! Mà tôi cũng may lắm! Chỉ một bài điều phục trâu này, đại khái là như vậy, học giả cần biết rõ. Nói xong!

Giảng:

Tựa đề này là nói đến việc trước khi điều phục để vào mười mục chăn trâu của thiền sư Quảng Trí đời Lê.

Một phép mới điều phục này, chính là bổn phận trong hàng tăng sĩ, chẳng can hệ gì đến việc thế tục. Theo Vĩnh Gia Tập nói: "Như muốn tu đạo, trước cần phải lập chí." Lại nói rõ về cách lập chí mộ đạo, phép thờ thầy, trình bày việc dạy dỗ theo khuôn phép, kế đến là trừ bỏ ý kiêu xa, để dừng vọng tâm quấy động. Rồi tiếp là làm sạch ba nghiệp, kiểm trách kỹ càng, răn giữ thân khẩu ý, khiến cho lỗi thô chẳng sanh, mới hay điều phục được thân tâm vậy.

Đoạn này ngài nói có tánh cách nghiêng về người xuất gia. Ở đây ngài dẫn trong Vĩnh Gia Tập của thiền sư Huyền Giác, lời chỉ dạy cho người tu thiền. Muốn tu thiền được tăng tiến trước phải lập chí. Người muốn tu đến nơi đến chốn phải lập chí cho thật vững chắc, không phải sáng thì cần mẫn, chiều lại lơ là, hoặc tháng này siêng năng, tháng sau bê trễ v.v... Phải kiên trì lập chí thật vững thì trên đường tu mới có thể thành công được. Đó là điều căn bản của người mới tu. Thứ đến dạy cách *lập chí mộ đạo*, tức là kính trọng đạo pháp mà mình đang tu học, kế dạy *phép thờ thầy*. Người học đạo trước tiên phải có người hướng dẫn, người hướng dẫn đó là bậc thầy thì chúng ta phải kính quý như thế nào để xứng với công của người đã chịu khó khổ, chỉ dạy cho chúng ta tu đến nơi đến chốn. Do đó công ơn này cũng sánh bằng với công ơn của cha mẹ. Vì vậy phải biết cung kính quý trọng thầy, đó là phép thờ thầy. *Trình bày việc dạy dỗ theo khuôn phép.*

Nghĩa là người tu không phải chỉ biết học đạo, chỉ biết tu thôi mà phải có phương hướng, có cách thức để tu. Nói gần hơn là phải có thái độ có tư cách, chứ không phải tu rồi tự do tự ý muốn làm gì thì làm, mà phải sống có khuôn phép đúng theo luật lệ của người tu. *Kế đến là trừ bỏ ý kiêu xa, để dừng vọng tâm quấy động.* Chữ kiêu là kiêu căng, ngạo mạn; xa là xa xỉ, là tiêu phí không chừng mực, không điều độ. Đây dạy chúng ta phải dẹp bỏ ý kiêu căng xa xỉ để cho tâm được thấp, được nhẹ nhàng và không có những phí tổn vô ích đối với sự sống. Như vậy muốn dừng được vọng tâm quấy động thì trước phải lập chí cho vững, hướng với đạo, lúc nào cũng thành kính tôn thờ, kế là thờ thầy, sau là giữ khuôn phép và trừ bỏ ý kiêu xa. Đó là phần căn bản ở bên ngoài. Phần căn bản bên trong là:

Rồi tiếp là làm sạch ba nghiệp, kiểm trách kỹ càng. Luôn luôn kiểm tra trách cứ những điều dở, những thiếu sót của mình phải răn dè, nhắc nhở đừng để nó đi lệch, đi xa. *Răn giữ thân khẩu ý.* Luôn giữ ba nghiệp thân khẩu ý cho trong sạch. *Khiến cho lỗi thô chẳng sanh, mới hay điều phục được thân tâm vậy.* Người khéo giữ thân khẩu ý được yên tĩnh trong sạch thì không có những tội lớn, nhờ vậy mới điều phục thân tâm một cách dễ dàng.

Tóm lại, đoạn này ngài dạy người muốn tu thiền, chẳng những tu thiền mà tất cả các pháp tu giải thoát của Phật dạy, điều căn bản là phải lập chí cho thật vững, kính trọng thầy, giữ đúng khuôn phép của người tu và trừ bỏ những ý kiêu xa; đó là phần bên ngoài.

Bên trong về bản thân phải giữ gìn ba nghiệp thân khẩu ý cho trong sạch, như vậy bắt đầu điều phục tâm mới có kết quả tốt. Người tu nếu thiếu những điều kiện trên đây thì việc điều phục tâm khó thành công. Đó là lời dẫn chỉ dạy cho chúng ta chuẩn bị tiến vào đạo, chuẩn bị chăn trâu.

Nguyên bởi, chân tâm không vọng, trí tánh sẵn sáng ngời, trong lặng nhiệm mầu không xen tạp; nhưng do vọng chợt khởi, thoạt đó liền mê mờ đánh mất tánh tinh nguyên, cái trong lặng bị dính khằn mà phát ra cái biết, nên chuyển trí thành thức. Vọng tâm ở trong thân gọi đó là thức, tâm vốn không biết, do thức nên biết. Tánh vốn không sanh, do thức nên sanh. Hạt giống sanh thân nảy mầm từ đó, rồi nở hoa hữu lậu, kết trái sanh tử. Người hiện nay vọng nhận trong tấc vuông (tâm) có vật sáng rỡ linh thông (chiêu chiêu linh linh), hồn nhiên cùng các vật đồng một thể, liền cho là nguyên thần ở đấy. Đâu chẳng biết, đây tức là thức thần tử tử sanh sanh, là chủng tử luân hồi kiếp kiếp. Nên hòa thượng Cảnh Sầm nói:

Người nay học đạo chẳng tỏ chân,
Chỉ vì từ trước nhận thức thần.
Vô lượng kiếp rồi gốc sanh tử,
Kẻ si gọi đó bản lai nhân.

Đoạn này ngài chỉ thẳng cho chúng ta biết được gốc của sự tu. Bởi vì nơi mỗi người chúng ta đều có sẵn chân tâm, mà chân tâm tự nó không có vọng, cho nên chân tâm đứng về mặt sáng suốt gọi là trí tánh, nó sẵn sáng ngời không lúc nào mờ tối, trong lặng nhiệm mầu

không xen tạp. Như vậy diễn tả cho chúng ta biết nơi mỗi người ai cũng sẵn có chân tâm, chân tâm là tánh giác sáng ngời, trong trẻo, lặng lẽ, nhiệm mầu không có gì xen tạp. Trong lặng, sáng suốt là thể chân tâm của mỗi người, *nhưng do vọng chợt khởi, thoạt đó liền mê mờ đánh mất tánh tinh nguyên* của mình. Nghĩa là lỗi ban đầu từ thể tánh trong sáng rạng ngời, bỗng có một niệm dấy khởi, từ có niệm vọng khởi liền quên mất tánh sáng đó, nên đánh mất tánh tinh nguyên của nó là trong sáng sẵn sàng. *Cái trong lặng bị dính khằn mà phát ra cái biết.* Cái trong lặng sáng suốt đó do dính với niệm khởi mà thành ra có cái biết. Cái biết đây tức là cái phân biệt, *nên chuyển trí thành thức*. Cái tánh sáng sẵn trong tinh nguyên gọi là trí, cái khởi phân biệt gọi là thức. Sở dĩ có thức là vì cái tinh nguyên đó do dấy niệm làm mê mờ, nó dính khằn với ngoại cảnh, rồi sanh ra vọng thức. Như vậy từ trí biến thành thức. Đây giống như trong kinh Lăng-già định nghĩa thế nào là thức? Thức là cái phân biệt sanh diệt, trí là cái sáng suốt không sanh diệt. Trí ở đây là trí tánh, thức là thức tình phân biệt. Như vậy từ trí biến thành thức, nên nói:

Vọng tâm ở trong thân gọi là thức. Tâm vốn không biết, do thức nên biết. Tâm là cái trong sáng không phân biệt, nhưng vì có vọng khởi nó biến thành thức rồi có phân biệt, nên chúng ta gọi là biết. *Tánh vốn không sanh, do thức nên sanh.* tánh giác hay trí tánh là sáng suốt không sanh diệt, nhưng do dấy động thành thức nên có sanh có diệt. *Hạt giống sanh thân nảy mầm từ đó.* Nghĩa là từ có niệm thức phân biệt do đó mới có hạt giống

để sanh ra thân này. Như vậy từ có vọng thức là cái nhân để sanh tử, *rồi nở hoa hữu lậu, kết trái sanh tử* tức là nở hoa trong sanh diệt, vì hữu lậu là sanh diệt, nên kết thành quả là sanh tử. Do vậy nói đơn giản hơn, tất cả gốc sanh tử là từ vọng thức mà ra. Vọng thức là nhân để tạo nghiệp sanh tử. Vì vậy ngày nay chúng ta tu cốt làm sao lắng sạch vọng thức thì nghiệp sanh tử theo đó mà dừng. Không lắng dừng vọng thức thì nghiệp sanh tử liên tục không ngừng.

Người hiện nay vọng nhận trong tấc vuông (tâm) có vật sáng rỡ linh thông (chiêu chiêu linh linh), hồn nhiên cùng các vật đồng một thể, liền cho là nguyên thần ở đấy. Nghĩa là người thời nay tu, nhất là tập tu thiền khi thấy ngồi yên có cái tâm sáng ở trong thân, lầm cho tâm đó là tâm thể, nhưng sự thật nó là cái nguyên thần chứ chưa phải là tâm thể. Bởi vì tâm thể là tâm không giới hạn trong thân này, cũng không giới hạn trong hoàn cảnh nào, mà nó trùm khắp. Cho nên chúng ta chỉ thấy yên tịnh ở trong, tưởng đã đến nơi là sai. Yên tịnh ở trong chỉ là bước đầu. Theo kinh Lăng-nghiêm đây là mặt trăng thứ hai, chứ chưa phải là mặt trăng thật, nếu nhận lầm nó là sai.

Đâu chẳng biết, đây tức là thức thần tử tử sanh sanh, là chủng tử luân hồi kiếp kiếp. Đây là thức phân biệt, chứ chưa phải là tâm trong sáng thanh tịnh, đó là nhân của sanh tử luân hồi. Dẫn bài kệ của ngài Trường Sa Cảnh Sầm nói: *Người nay học đạo chẳng tỏ chân.* Tức là người thời nay học đạo không thấu suốt được chân tâm. *Chỉ vì từ trước nhận thức thần.* Chỉ vì lầm nhận thức thần

tức là cái yên yên ở trong làm tâm mình. *Vô lượng kiếp rồi gốc sanh tử.* Đó là gốc luân hồi sanh tử từ vô lượng kiếp. *Kẻ si gọi đó bản lai nhân.* Người si mê cho đó là người xưa nay, nhưng sự thật không phải vậy.

Trong đoạn này ngài chỉ thẳng cho chúng ta biết mỗi người ai cũng có cái chân tâm trong sáng, lặng lẽ, thanh tịnh sẵn có chứ không riêng người nào. Nhưng từ chân tâm thanh tịnh vừa dấy niệm khởi nên nó dính khằn với vọng trần phát ra cái biết, từ cái phân biệt gọi là thức, từ thức dẫn đi tạo nghiệp, liên kết vô số lần sanh tử, tử sanh. Vì vậy gọi là luân hồi muôn kiếp. Ngày nay chúng ta muốn tu để thoát khỏi sanh tử luân hồi, thì phải lóng lặng cái vọng thức đang liên kết với ngoại duyên để nó dừng lặng xuống. Do nó dừng lặng mới trở lại gốc của chân tâm. Khi trở lại được gốc chân tâm thì dòng sanh tử ngang đó mới dừng. Ngài bảo chúng ta đừng lầm nơi tâm mình có cái cũng sáng rỡ, cũng linh thông, nhưng cái sáng rỡ linh thông đó chỉ ở bên trong thân chưa phải là chân tâm. Nếu nhận lầm là chân tâm thì chỉ là nhận thần thức, nên cũng còn ở trong sanh tử chưa dừng. Đó là lối chỉ dẫn tường tận của ngài cho chúng ta thấy trên đường tu mình đã có sẵn cái gốc, nhưng do vọng thức tạo nên luân hồi sanh tử. Nếu khéo dừng vọng thức để trở về gốc là thoát ly sanh tử.

Than ôi! Người đời đem kẻ tớ cho là chủ mà không hay biết, nhận giặc làm con mà chẳng thức tỉnh. Do đó Thế Tôn dạy người, trước đoạn dứt cội gốc vô thủy luân hồi. Cội gốc này đã đoạn dứt, thì các thức không chỗ nương, trả lại bản thể thường sáng tỏ từ thuở ban đầu của ta.

Thế nhưng, đạo lớn thì mênh mông, phải tùy theo chỗ mà ra tay. Mới biết, muốn sửa vạt áo cho ngay bằng, hẳn phải kéo cổ áo lên. Muốn sửa lưới cho thẳng, cần lôi giềng lưới lên.

Đây là lời nhắc nhở chỉ dạy chúng ta phải tu như thế nào? Vì lâu nay chúng ta lầm nhận kẻ tớ cho là chủ, hay nhận giặc cho là con. Vậy hiện nay tất cả chúng ta có nhận tớ làm chủ, nhận giặc làm con không? Như chúng ta đã biết nơi mình có tâm chân thật, trong sáng, thanh tịnh không từng dấy động đó là chân tâm. Rồi từ vọng thức dấy lên duyên với ngoại trần, kết thành nghiệp tạo ra bao nhiêu kiếp luân hồi sanh tử liên tục không dừng. Như vậy chân tâm và vọng thức, hiện chúng ta đang nhận cái nào là mình? Nhận chân tâm là mình hay vọng thức là mình? Chắc mọi người đều nghĩ cái khôn ngoan, lanh lợi là mình, còn chân tâm trong sáng không dấy động thì không bao giờ mình nhận. Đó chính là chỗ chúng ta nhận giặc làm con. Như khi ngồi chơi dưới cội cây, trên tảng đá, bất thần không nghĩ suy, không phân biệt gì hết, thì lúc đó chúng ta thấy có mình không? Khi không phân biệt, không nghĩ suy chúng ta tưởng như mất mình, rồi bất chợt nhớ nghĩ đến việc gì lại cho là có mình.

Như vậy nhớ cái suy nghĩ, tính toán lại nói là mình hiện tiền, còn mất cái suy nghĩ tính toán lại cho là không có mình. Vậy cái suy nghĩ, tính toán đó là chủ hay tớ? Là tớ sao lại nói là mình, quên nó, vắng mặt nó nói là mất mình. Còn cái hằng sáng, tai nghe tiếng, mắt thấy hình dáng, da xúc chạm gió mát v.v...

nó hiện tiền mà không nhớ, chỉ nhớ có cái nghĩ suy; có nghĩ suy gọi là có mình, quên nghĩ suy gọi là mất mình. Như vậy rõ ràng chúng ta đã nhận tớ làm chủ, nhận giặc làm con. Đã nhận giặc làm con thì sự nghiệp đời mình tan nát không còn gì hết, không biết đến bao giờ mới dừng được. Vì vậy chúng ta tu là phải sáng suốt, giặc biết là giặc, tớ biết là tớ để nhận ra ông chủ hay con thật không bị lầm, đó là chúng ta giác. Nếu nhận giặc làm con, nhận tớ làm chủ là chúng ta mê. Mê, giác đã có sẵn ở tất cả mỗi người, nhưng chúng ta thích cái nào hơn, thích mê hay thích giác? Thường thường có suy nghĩ mới vui, không suy nghĩ thì buồn. Ngồi yên không suy nghĩ gì cảm thấy buồn quá, nên muốn có suy nghĩ để thả nó chạy đầu non, góc núi, thành này, thị kia, dạo khắp các nơi thì vui ngồi quên giờ, còn ngồi mà không cho nó nghĩ, sao thấy lâu quá thời gian dài thăm thẳm. Đó là do thói quen của chúng ta đã thuần rồi, phải cho nó chạy nó nhảy mới vui, nếu dừng lại cảm thấy buồn, như ù lì không có gì hay, gì vui hết. Nhưng không ngờ chính cái chạy nhảy đó là tướng hư dối sanh diệt, còn cái yên lặng trong sáng là cái thật của mình, chỉ cần chúng ta nhận ra nó thì bao nhiêu nghiệp sanh tử ngang đây được dừng. Nếu chạy theo cái lăng xăng sanh diệt thì chúng ta cứ tiếp tục trôi lăn trong sanh tử, mà sanh tử là khổ đau. Như khi chúng ta tắm biển, ở chỗ nước phẳng lặng không chịu vì buồn, thích đến chỗ có sóng để nhồi với sóng mới vui, đó là do con người không thích bình yên chỉ thích cái gì động, cái hơi nguy hiểm mới chịu. Thế nên nói chúng ta đang an lại cầu nguy. Vì vậy đời này sanh tử, đời sau lại tiếp tục sanh tử. Ở đây chúng ta tu cốt dứt hết sanh tử,

đó là nhân căn bản phải dừng sanh tử, nhưng các vị Bồ-tát có chịu dừng sanh tử không? Các ngài chưa chịu dừng sanh tử lại thích đi trong luân hồi. Như vậy đối với người tu là phải biết rõ gốc ngọn cho tường tận. Chúng ta tu là phải biết rõ mầm sanh tử phát xuất từ đâu, khi biết được mầm sanh tử phát xuất ở chỗ nào, rồi phải nhận trước khi mầm đó nảy ra, cái gì là gốc chân thật phải nhận ra cái gốc chân thật đó. Biết rõ nắm vững được gốc ngọn rồi, nếu không muốn sanh tử nữa thì mầm sanh tử chúng ta phải tiêu diệt, là dứt được gốc sanh tử. Nếu mầm sanh tử không tiêu diệt thì không dứt được sanh tử.

Như vậy người tu chúng ta có hai hạng: một là biết được nhân sanh tử rồi chán ngán muốn dứt sạch mầm để thoát ly sanh tử, tức là để giải thoát sanh tử; hai là cũng biết được nhân sanh tử và gốc trước khi chưa có sanh tử. Biết rõ sanh tử là ảo tưởng, hư dối không thật, lẽ ra phải dứt các mầm đó để được giải thoát, nhưng các ngài không chịu dứt. Không chịu dứt để làm gì? Để còn sanh tử, để lăn lộn trong sanh tử giáo hóa cho mọi người được thức tỉnh. Nếu các ngài biết được gốc sanh tử ở chỗ nào, rồi tiêu diệt nó để hết sanh tử, như vậy phần mình được yên, nhưng còn bao nhiêu người khác mê thì làm sao? Vì thế các ngài không dứt mầm sanh tử, vẫn nuôi sanh tử nhưng không mê lầm. Nghĩa là các ngài đi trong sanh tử, mà danh từ chuyên môn trong nhà Phật gọi nhập du hý tam-muội, hay dạo chơi trong chánh định, dạo chơi trong lục đạo luân hồi mà vẫn ở trong chánh định. Bởi thấy sanh tử là trò ảo hóa không thật,

không quan trọng và chúng sanh còn mê nên các ngài phải đi trong đó để đánh thức họ. Như vậy đi trong sanh tử có hai hạng người:

1/ Vì mê chạy theo vọng thức tạo nghiệp luân hồi nên tiếp tục đi trong sanh tử.

2/ Do biết sanh tử là hư dối, từ vọng thức mà ra, nhưng vì chúng sanh mê nên các ngài chấp nhận đi trong sanh tử với bản nguyện đánh thức mọi người được tỉnh, được giác để thoát ly sanh tử, đó là hạnh nguyện của Bồ-tát.

Như vậy trọng tâm của sự tu không phải chỉ một bề cầu giải thoát sanh tử mà có người gấp rút lo giải thoát sanh tử, nhưng cũng có người chấp nhận đi trong sanh tử. Tôi nói có nhiều khi người ta tưởng tôi tham. Tại sao tham? Bởi vì tôi muốn làm sao cho ai cũng được thức tỉnh, mà muốn được như vậy có phải tham không? Người ta chưa chịu tỉnh mà tôi muốn họ phải tỉnh tức nhiên là tham rồi. Vì muốn mọi người đều tỉnh nên lúc nào tôi cũng sẵn sàng nhắc nhở, khuyến khích cho họ tỉnh. Nhưng thế thường của con người là khi vô minh nhè nhẹ, phơn phớt, vừa nhắc liền tỉnh, nếu lúc vô minh dày quá khi nhắc thì tỉnh, qua cơn lại mê. Vì vậy đôi khi tôi thấy cũng hơi bận rộn. Nếu hiểu được đường lối mình chỉ chăm chú lo tu thì khỏe biết mấy, phần mình tự lo đâu có gì phiền hà. Còn biết được đường lối tu, không chịu lo tu, lo kêu người này, gọi người kia nhắc họ tỉnh, nhưng họ không tỉnh còn làm những điều lôi thôi làm mình cũng hơi buồn. Bởi vì nếu tôi không biết mỗi người

đều có hòn ngọc quý thì tôi không dại gì đi kêu đi chỉ. Nếu người ta không có, hoặc người đó không biết cũng như tôi không biết họ có hòn ngọc quý thì tôi kêu họ để chỉ cái gì. Ngược lại tôi biết người đó có hòn ngọc quý cũng như tôi có hòn ngọc quý, biết rõ không nghi ngờ. Nếu tôi biết rồi tự ráng phủi dẹp để lấy hòn ngọc, còn người khác biết có mà không chịu lấy, cứ lo chạy ngược chạy xuôi bỏ quên nó thì mình nghĩ sao? Trách nhiệm của mình thế nào, chẳng lẽ làm thinh để họ ôm hòn ngọc quý đi ăn mày lang thang, đành chịu vậy sao? Vì vậy tôi phải ráng nói ráng chỉ, dù họ có tin hay không tin cũng được, nhưng tôi có chỉ rồi thì lòng mới an. "Anh có hòn ngọc quý thật đó, tôi chỉ cho anh thấy rõ, còn chuyện tin hay không là quyền của anh." Tôi nói thật như vậy là bổn phận của tôi đã xong. Nếu tôi biết mà không chỉ để họ lang thang khổ sở là tôi ích kỷ không tròn bổn phận; đó là điều thứ nhất. Điều thứ hai là biết mọi người ai tạo nghiệp lành, nghiệp dữ đều được hưởng vui hoặc phải chịu khổ. Nhưng ở thế gian ai cũng sợ khổ, thích vui thì nỡ lòng nào mình để cho người ta tạo khổ mà phải đánh thức cho họ tìm cái vui. Vì vậy phải chỉ cho họ biết nhân nào đau khổ, nhân nào an vui để họ tránh khổ được vui. Biết mà không chỉ là mình cũng có tội, nên phải ráng chỉ. Đó là phần thông thường mà tôi sử dụng hằng ngày, còn phần thâm trầm hơn là nhận được hòn ngọc quý.

Bởi vậy tôi nghĩ đời tôi có lẽ chừng nào không đủ sức để nói nữa mới thôi, chứ đâu nỡ làm thinh. Vì biết rõ chắc chắn không nghi ngờ nên tôi phải ráng nói ráng chỉ, còn tin và làm theo hay không là quyền của mỗi người,

miễn sao nói được thì lòng tôi cảm thấy nhẹ đi phần nào. Nhưng đôi khi cũng có phản ứng ngược lại, là mình thấy hay thấy tốt, mà nói họ không nghe mình cũng hơi buồn, chứ lý đáng tôi nói ra là làm hết bổn phận rồi, nghe hay không là chuyện của họ. Đây là nhân việc của người xưa mà tôi nhắc đến việc hiện tại, như ngài Quảng Trí đã chỉ cho chúng ta thấy được nguồn gốc tường tận rõ ràng, ngài mới nói:

Thế nhưng, đạo lớn thì mênh mông, phải tùy theo chỗ mà ra tay. Đạo lớn mênh mông không thể nào chỉ ra hay diễn đạt cho người ta tường tận, nên phải tùy theo phương tiện mà mình ra tay được phần nào. Ví như biết cái áo lệch, nắm cổ áo kéo lên cho bằng, sửa cổ áo đó là chỗ ra tay. Giềng lưới không thẳng bị dùn hoặc chênh phải kéo lên cho thẳng cho ngay. Như vậy đạo quá lớn quá rộng, người ta không thể một sớm một chiều mà làm được, nên cái gì gần có thể làm được chỉ cho họ làm trước, còn cái thênh thang từ từ chỉ sau. Thế nên tôi nói có hai điều:

1/ Biết mỗi người đều có hòn ngọc quý nên phải chỉ cho họ, tôi mới an lòng. Nhưng nói họ lại không tin vì tự cho mình là kẻ bần hàn làm sao có ngọc quý được, nên nghe nói họ chỉ lắc đầu tưởng như là trò chơi.

2/ Vì biết họ thích vui sợ khổ, thôi thì dạy cho họ làm những việc tránh khổ để được vui trong đời này và những đời sau là tốt rồi. Như vậy điều gì sửa được thì sửa ngay giùm, chỉ những cái căn bản cho họ làm trước. Đó là phần thứ hai chỉ nghiệp thiện, nghiệp ác, nhân quả rõ ràng để cho người tu biết mà tránh cũng là điều tốt.

Trước kia, dưới cửa Tổ sư chỉ ra một con đường chánh tu hành, dạy người từ ngay đầu nguồn mà khởi công. Nếu đầu nguồn đã trong sạch, thì lý thật luôn luôn hiện tiền, thức và niệm tự nhiên ô nhiễm chẳng được. Ví như mặt trời đã lên cao giữa hư không, thì ma quái đều bặt dấu. Một pháp môn tâm địa này, chính là đạo của ngàn thánh xưa nay chẳng đổi. Cho nên, trái với nó thì phàm, thuận với nó thì thánh, mê nó thì sanh tử bắt đầu, ngộ nó thì luân hồi ngừng dứt.

Bởi vì người tu có khi đi từ những phương tiện này sang phương tiện khác, lần lần đến chỗ cuối cùng, còn đối với Thiền tông đi thẳng ngay đầu nguồn chứ không dùng phương tiện. Như câu chuyện tôi thường nhắc nhiều lần về việc tổ Đạt-ma chỉ cho tổ Huệ Khả, có phải đầu nguồn không? Thưa: Tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm. Nếu không phải chỉ thẳng đầu nguồn thì khi dạy nói: Ngươi niệm Phật đi rồi lần lần tâm ngươi an. Hoặc: Ngươi trì chú đi, rồi tâm ngươi sẽ an. Hay: Ngươi dùng câu gì đó để đàn áp cho tâm an. Còn ở đây tổ Đạt-ma bảo: Đem tâm ra ta an cho. Ngay cái bất an tìm lại nó ở đâu? Tìm một lúc nó mất tiêu. Như vậy tìm tận cùng cái bất an đó không nguồn gốc, không nơi chốn. Khi tìm lại không được, Tổ mới dạy: Ta đã an tâm cho ngươi rồi. Ngay cái bất an phăng tìm tận gốc nó không có, như vậy có phải là trở về gốc không? Đường lối tu của Tổ sư là chỉ thẳng tìm tận gốc. Chúng ta nói bất an thì cái gì là bất an? Là cái nghĩ suy tính toán làm cho mình bất an, là tâm mình phải không? Khi tìm lại tường tận không có gì hết là đi thẳng vào gốc,

không phải dùng một phương tiện nào để đè. Đó là ý ở đây nói *dưới cửa Tổ sư chỉ ra một con đường chánh tu hành, dạy người từ ngay đầu nguồn mà khởi công*. Như vậy chúng ta xét kỹ mọi tội lỗi tham sân si gốc từ đâu ra, cũng từ dấy niệm mà ra; dấy niệm nên có tham, sân v.v... Vì vậy muốn dứt tham sân si thì ngay niệm khởi phải dừng. Niệm khởi dừng thì tham sân si đâu còn. Đây cũng thẳng từ gốc mà dẹp, nên tôi nói là đi tận đến chỗ nảy mầm dẹp sạch nó hay bóp chết từ trong trứng nước không đợi nó thành hình. Đó là ý nghĩa chúng ta phải nhớ nắm vững để tu hành.

Nếu đầu nguồn đã trong sạch, thì lý thật luôn luôn hiện tiền, thức và niệm tự nhiên ô nhiễm chẳng được. Bởi thức và niệm không dấy khởi được thì làm gì có ô nhiễm, là trở về tâm thể thanh tịnh. Vì vậy ngài mới ví dụ: *Ví như mặt trời đã lên cao giữa hư không, thì ma quái đều bặt dấu.* Khi tâm mình không còn một niệm vọng thức dấy động, đó là mặt trời lên cao. Cho nên ngài Vô Ngôn Thông ngộ câu: Tâm địa nhược không, tuệ nhật tự chiếu. Nghĩa là đất tâm nếu không thì mặt trời trí tuệ liền soi. Không có niệm khởi, không có vọng thức thì mặt trời trí tuệ sáng lên rất rõ ràng, nên nói ma quái đều bặt dấu. Còn chúng ta ma quái hiện lên luôn luôn vì đất tâm còn bụi rậm um tùm, nên có chỗ cho nó ẩn núp.

Một pháp môn tâm địa này, chính là đạo của ngàn thánh xưa nay chẳng đổi. Cho nên, trái với nó thì phàm, thuận với nó thì thánh, mê nó thì sanh tử bắt đầu, ngộ nó thì luân hồi ngừng dứt. Thật đơn giản làm sao! Nếu trái với đất tâm trong sạch là phàm, thuận với nó là thánh.

Nghĩa là chúng ta trở về đất tâm thanh tịnh thì dòng luân hồi không còn nữa. Nếu quên nó đi, cứ nuôi vọng thức lăng xăng đó là gốc luân hồi sanh tử.

Vậy muốn dừng luân hồi không gì bằng thể nhận "chí đạo". Muốn thể nhận chí đạo, không gì bằng quán chiếu bản tâm. Muốn quán chiếu bản tâm, cần mở rộng mắt rỗng soi xét. Luôn khiến cho trăng tỏ rọi sáng ngời, thường ở trong định mà trí tuệ chiếu soi. Luôn luôn giữ được trong chỗ thất tình chưa phát này. Luôn luôn bảo tồn được thể bát thức chưa nhiễm này. Thì, ngoài dừng các duyên, trong bặt các vọng. Gồm thu ánh sáng nơi mắt, lắng đọng âm vận nơi tai, điều hòa hơi thở nơi mũi, bịt kín khí vị nơi lưỡi, tay chân chẳng động. Khiến cho năm thức: mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, mỗi thứ trở lại căn của nó, thì năm thứ linh: tinh, thần, hồn, phách và ý, mỗi thứ yên nơi vị của nó. Trong hai mươi bốn giờ thường xem kỹ bên trong sự chạy rong của con trâu này, lẫn với thường lắng nghe ngược lại sự thuần thục hay buông lung của nó. Cả đến mọi cử chỉ hành động, niệm niệm chẳng rời nó. Cũng như, đi đứng nằm ngồi, tâm tâm luôn ở ngay con trâu này. Không thể một sát-na quên mất chiếu soi hay thoáng chốc trái nhau. Thần quang vừa phóng ra liền thu lại. Trong lúc vội vàng vẫn không tách rời. Thường ở ngay đây mà luôn để ý chiếu soi. Như ông Tử Tư nói: "chẳng thể rời trong giây lát", là đấy.

Muốn dừng luân hồi không gì bằng thể nhận "chí đạo": Đây là một từ khác, chữ "chí đạo" này là từ của tổ Tăng Xán nói: "Chí đạo vô nan, duy hiềm giản trạch." Chí đạo tức là chỗ tột cùng của đạo, là chân tâm.

Muốn thể nhận chí đạo, không gì bằng quán chiếu bản tâm. Tức là soi sáng từng niệm, từng phút giây nó có chạy, có rong ruổi hay không? *Muốn quán chiếu bản tâm, cần mở rộng mắt rỗng soi xét.* Phải nhìn nó với tánh cách rỗng rang, không nên hẹp hòi kìm chế.

Luôn khiến cho trăng tỏ sáng ngời, thường ở trong định mà trí tuệ chiếu soi. Luôn luôn giữ được trong chỗ thất tình chưa phát này. Phải dùng trí soi sáng rõ ràng, không nên để định mà quên tuệ. Chỗ thất tình luôn luôn gìn giữ không cho dấy lên. Thất tình là: mừng, giận, sợ, yêu, buồn, ghét, muốn. Nghĩa là làm sao giữ không cho bảy thứ này dấy lên. Nếu tâm không dấy niệm thì có thất tình hay không? Nếu nó dấy niệm thì không niệm thương thì niệm ghét, không niệm mừng thì niệm giận. Vì vậy phải giữ được chỗ lặng yên của nó chưa dấy niệm thì thất tình không có.

Luôn luôn bảo toàn được thể bát thức chưa nhiễm này. Thì, ngoài dừng các duyên, trong bặt các vọng. Nếu giữ cho thất tình không dấy động, hay nói cách khác, chỗ không nhiễm tức là thức thứ tám không nhiễm thì ngoài dừng các duyên, trong bặt các vọng. Câu này nghe khó hiểu, các duyên bên ngoài làm sao dừng được. Mắt mình đang mở sáng có người đi qua là có duyên, nên chặn họ lại không cho đi qua mắt mình hay phải làm sao? Như vậy cảnh đến đi mình dừng nó bằng cách nào? Dừng không có nghĩa là trốn, đuổi, hay xây mặt vào vách không nhìn đến ai. Dừng các duyên có nghĩa là mọi cảnh, mọi duyên đối diện trước mắt mình không cho dính, kẹt. Người đi qua biết người, vật đi qua biết vật,

giống như gương cái nào hiện cái ấy, qua rồi thôi. Có người vật nào đi qua rồi còn dính bóng trong gương không? Còn gương mắt mình tại sao bị dính? Nó không có keo mà sao qua rồi lại dính? Đó là điều mà tất cả chúng ta tu phải khéo như cái gương trong sáng, người vật đến thì hiện hình, qua rồi thì mất bóng. Mắt chúng ta cũng phải như cái gương vậy. Như vậy chúng ta không trốn cảnh, không đuổi mọi sự vật đến với chúng ta mà cái khéo là người đến hiện người, vật đến hiện vật, qua rồi thôi đừng để dính nhiễm. Muốn không dính nhiễm thì khi người qua đừng vọng khởi về người, vật qua không vọng khởi về vật. Không vọng khởi thì không nhiễm. Nếu có người qua khen là đẹp, vật qua cho là xấu đó là dính rồi. Cho nên người thì biết người, vật thì biết vật, không có một niệm nào để phân biệt về người vật đó thì không có dính khằn; nếu có niệm phân biệt đây là đẹp, kia là xấu là có khằn dính. Vì vậy xấu hay đẹp qua rồi mà bóng cứ lảng vảng ở mình mãi làm mất thì giờ tu, hết chướng này lại sanh chướng khác. Lý đáng giờ ngồi thiền rảnh rang biết mấy, mọi sự việc ở ngoài đều gác qua một bên, đóng cửa thiền đường lại vô ngồi thì còn chuyện gì nữa đâu. Vậy mà có yên không? Bởi vì chúng ta tránh được duyên tiếp xúc bên ngoài, nhưng bóng dáng bên trong vẫn còn chưa mất hết; sở dĩ nó không mất là vì khi tiếp xúc với duyên mình vọng khởi phân biệt nhiều, từ vọng khởi phân biệt nên có dính mắc. Khi dính mắc rồi tuy cảnh ngoài không có, mà từ trong tâm bóng dáng hiện ra quấy nhiễu, làm mất thì giờ tu của mình. Vì vậy chúng ta tu phải làm sao đối cảnh, đối duyên mà tâm vẫn như như trong sáng không để cho dính mắc. Thế nên thiền sư Hương Hải có nói:

Nhạn quá trường không
Ảnh trầm hàn thủy
Nhạn vô di tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm.

Dịch:

Nhạn bay trong không
Bóng chìm đáy nước
Nhạn không có ý để dấu
Nước không có tâm giữ bóng.

Nghĩa là nhạn bay qua bóng chìm dưới nước, mà nhạn có ý để bóng, nước có ý lưu dấu lại không? Không, qua rồi mất, còn có ý thì có bóng có dấu. Vì vậy không dấy niệm thì ý không chen vào, còn dấy niệm thì ý mới chen vào được. Thế nên biết tu là làm sao trước cảnh duyên chúng ta không tiêu cực để trốn tránh, nhưng đừng để cho vọng thức quá lăng xăng, quá phân biệt rồi dính khằn, khiến cho sự tu bị thối thất. Được như vậy thì giờ ngồi thiền là giờ rất thánh thiện, nhàn hạ, thảnh thơi, khỏi phải dẹp bỏ gì hết. Lâu lâu tôi có nhìn lén những người ngồi thiền, có người ngồi rất tươi tỉnh, có người ngồi gục gặc đầu, có người nhăn mặt trông khổ sở lắm. Những hiện tượng đó là do ở trong đang có niềm vui hay có cái gì không được thảnh thơi thoải mái. Làm sao khi chúng ta ngồi thiền có nét mặt như ông Phật ngồi trên bàn, tươi vui cười mỉm trông thật nhàn hạ, còn ngồi bặm môi, trợn mắt, hay gục gặc đầu thật là khổ sở. Vì vậy chúng ta phải khéo tu làm sao cho có kết quả tốt thì sự tu mới được lợi ích thiết thực.

Gồm thu ánh sáng nơi mắt, lắng đọng âm vận nơi tai, điều hòa hơi thở nơi mũi, bịt kín khí vị nơi lưỡi, tay chân chẳng động. Khiến cho năm thức: mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, mỗi thứ trở lại căn của nó, thì năm thứ linh: tinh, thần, hồn, phách và ý, mỗi thứ yên nơi vị của nó.

Ở đây ngài chỉ cho chúng ta thấy rõ, khi ngồi thiền là *gồm thu ánh sáng nơi mắt, lắng đọng âm vận nơi tai*. Bởi vì người tu thiền có hai căn bén nhạy nhất là mắt và tai, nên khi ngồi phải thu ánh sáng trở lại mắt, không cho phóng chạy ra ngoài, thu âm vận nơi tai cho lắng đọng, *điều hòa hơi thở nơi mũi, bịt kín khí vị nơi lưỡi, tay chân chẳng động. Khiến cho năm thức: mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, mỗi thứ trở lại căn của nó.* Tức là nó y nguyên: Mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, mũi vẫn ngửi, lưỡi vẫn nếm bình thường nhưng không bị dấy động, không bị nhiễm nhơ bởi ngoại trần; đó là mình thu nó trở về. Nếu năm thức trở về được năm căn của nó thì ở đây ngài nói theo Nho là tinh, thần, hồn, phách và ý, còn chúng ta chỉ nói gọn là ý mới được yên nơi vị của nó. Như vậy trong năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân nếu không phóng ra thì ý không có cơ hội chạy, nên nó dừng được ý; còn năm căn phóng ra thì ý theo đó mà chạy. Như chúng ta đang ngồi thiền nghe có những tiếng người nói chuyện bên ngoài, nếu nghe mà mình không dấy niệm thì ý có chạy không? Còn nghe mà khởi nghĩ ai đó nói gì ở ngoài, lắng nghe rồi thì ý chạy lung tung. Như vậy gốc của sự tu là làm sao giữ năm căn mỗi cái phải ở ngay bản vị của nó, đừng để cho ý chen vào gây ra chuyện rối rắm bên ngoài.

Trong hai mươi bốn giờ thường xem kỹ bên trong sự chạy rong của con trâu này, lẫn với thường lắng nghe ngược lại sự thuần thục hay buông lung của nó. Như vậy chăn trâu là chăn bằng cách nào? Nghĩa là trong hai mươi bốn giờ giữ con trâu của mình (con trâu ở đây ngài nói là nơi sáu căn của mình) không cho nó chạy ra, trái lại phải nhìn thấu vô trong xem nó đang thuần thục hay buông lung để kìm chế nó. *Cả đến mọi cử chỉ hành động, niệm niệm chẳng rời nó. Cũng như, đi đứng nằm ngồi, tâm tâm luôn ở ngay con trâu này.* Khi đi đứng nằm ngồi lúc nào cũng chăn giữ sáu căn không cho nó chạy, không để nó dính với ngoại cảnh. *Không thể một sát-na quên mất chiếu soi hay thoáng chốc trái nhau.* Nghĩa là một phút, một giây cũng phải thấy biết rõ, không để cho nó tung hoành ra ngoài. *Thần quang vừa phóng ra liền thu lại. Trong lúc vội vàng vẫn không tách rời. Thường ở ngay đây mà luôn để ý chiếu soi. Như ông Tử Tư nói: "chẳng thể rời trong giây lát", là đấy.* Ở đây ngài dẫn theo Nho để làm chứng rằng người khéo tu dù theo Nho hay Phật đều phải khéo giữ gìn, không để cho nó buông lung dù trong một phút một giây.

Lại trước còn giữ nó để cho trống hết tâm kia. Kế quên nó để mở rộng cái lượng kia. Tùy chỗ, tùy thời đều tự tại vô ngại.

Đây ngài chỉ hai cách để giữ. *Trước còn giữ nó để cho trống tâm kia.* Giữ nó tức là giữ cho sáu căn đừng dấy niệm thì tâm mới trống rỗng, thênh thang. *Kế quên nó để mở rộng cái lượng kia*: Nghĩa là giữ cho sáu căn không dấy niệm tức là sáu căn được thanh tịnh.

Sau đó quên không còn kìm giữ sáu căn nữa thì tâm mình mới rộng thênh thang.

Tùy chỗ tùy thời đều tự tại vô ngại. Như vậy tùy chỗ tùy thời tâm mình không còn gì trở ngại hết.

Song, người học chỉ cốt lo dẹp trừ sáu thức, thì càng nên rõ biết chỗ trước sau. Ý tuy là chủ soái của sáu thức, mà mắt chính là tiên phong của năm giặc. Nên bậc tiên đức nói: "Tâm là then chốt, mắt là giặc trộm." Muốn hàng phục tâm kia, trước phải thu nhiếp mắt kia. Bởi cây nỏ thì sự phát động ở tại bộ phận máy, tâm thì sự duyên dẫn ở tại mắt. Bộ phận máy chẳng động thì nỏ đứng yên. Mắt chẳng động thì tâm đứng yên. Phải biết, vọng niệm dấy lên từ thức căn, đối với cảnh mà thành vọng, chẳng phải có thật thể. Khi ở chúng sanh, thì trí yếu thức mạnh nên chỉ gọi là thức. Ngay khi ở Phật địa, thì trí mạnh thức yếu nên chỉ gọi là trí. Chỉ chuyển tên kia mà chẳng chuyển thể kia. Ban đầu thì một nguồn tâm rỗng rang trong lặng, rồi do "tri kiến lập tri", vọng trần sanh khởi, nên có vọng niệm. Nếu "tri kiến vô kiến, tư tức Niết-bàn", thì trí tánh chân thật thanh tịnh sẽ trở lại trong lặng nhiệm mầu, rỗng suốt trọn vẹn, ý niệm liền tiêu. Ý niệm đã tiêu, thì từ thức thứ sáu trở xuống, không thức nào chẳng đều tiêu hết. Tức là chỗ ngài Văn-thù bảo: "Một căn đã trở về nguồn, sáu căn trở thành giải thoát." Đã không sáu căn thì không sáu trần, đã không sáu trần thì không sáu thức. Đã không sáu thức thì không chủng tử luân hồi. Đã không chủng tử luân hồi, thì một điểm chân tâm của ta, đứng riêng không chỗ nương, rỗng rang mênh mông,

sáng rỡ, lặng trong, muôn kiếp thường còn, hằng không sanh diệt.

Đoạn này ngài chỉ rất rõ ràng để chúng ta nhớ mà tu.

Song, người học chỉ cốt lo dẹp trừ sáu thức, thì càng nên rõ biết chỗ trước sau. Ý tuy là chủ soái của sáu thức, mà mắt chính là tiên phong của năm giặc. Như vậy người học chỉ lo dẹp trừ sáu thức nhưng phải rõ biết cái nào trước, cái nào sau. Ý tuy là chủ soái song con mắt mới là tiên phong của năm giặc. Chủ soái có bị lăng xăng rối loạn hay thành công là do tướng tiên phong dẫn đường. Như thấy hoa đẹp ở trước, mà mắt chúng ta không chú ý phân biệt thì chủ soái bên trong có quấy rầy lăng xăng không? Sở dĩ chúng ta bị quấy rầy là vì mắt vừa thấy hoa đẹp liền phân tích hoa đẹp làm sao... thì ý theo đó duyên nhiễm. Như vậy chủ soái là ý mà con mắt là tiên phong. Con mắt làm sao không cho nó dính? Trong nhà thiền thường nói là mở mắt như mù. Nghĩa là sao? Không phải đi đâu cũng bịt mắt lại không cho thấy gì hết mà mắt vẫn thấy biết tất cả nhưng không cái gì dính kẹt là có mắt như mù. Giả sử có mười người đi qua trước mắt chúng ta, ăn mặc quần áo sặc sỡ, nhưng mình không chú ý đến người nào hết. Khi họ đi qua rồi, giây lát sau nếu có ai hỏi, những người khi nãy vừa đi qua người nào đẹp, người nào xấu thế nào, mình sẽ trả lời ra sao? Không chú ý thì đâu thấy ai đẹp, ai xấu. Như vậy có mắt mà như mù, thấy như không thấy. Còn nếu chú ý người này ăn mặc hợp thời trang, người kia không hợp thì khi được hỏi đến liền phân tích thế này thế nọ,

là người có mắt sáng, là có thấy, còn không chú ý là có mắt như mù. Chúng ta phải giữ sao cho có mắt như mù thì tu dễ thành công, còn có mắt sáng quá tu cực khổ lắm. Đó là chỗ phải ngừa anh tiên phong trước để ông chủ soái được yên; nếu để anh tiên phong dẫn giặc vào nhiều thì ông chủ soái phải mệt.

Nên bậc tiên đức nói: Tâm là then chốt, mắt là giặc trộm. Then chốt là vật dùng gài cửa. Tâm là cửa gài ở trong, nhưng con mắt là giặc trộm, có chuyện gì nó liền cạy cửa, cho nên tâm mới động, mới dấy. Như vậy hai thứ đó liên hệ nhau. *Muốn hàng phục tâm kia, trước phải thu nhiếp mắt kia.* Nghĩa là làm sao đối với tất cả cảnh đừng để cho nó kẹt dính thì tâm dễ hàng phục, nếu để kẹt dính thì tâm khó hàng phục được. *Bởi cây nỏ thì sự phát động ở tại bộ phận máy, tâm thì sự duyên dẫn ở tại mắt. Bộ phận máy chẳng động thì nỏ đứng yên. Mắt chẳng động thì tâm đứng yên. Phải biết, vọng niệm dấy lên từ thức căn, đối với cảnh mà thành vọng, chẳng phải có thật thể.* Vì vọng niệm dấy lên là do mắt tai mũi lưỡi thân tiếp xúc với ngoại trần dấy niệm nên thành ra đối địch, chống chọi, phân biệt. Tuy đối địch nhưng nó không có thật thể.

Khi ở chúng sanh, thì trí yếu thức mạnh nên chỉ gọi là thức. Ngay khi ở Phật địa, thì trí mạnh thức yếu nên chỉ gọi là trí. Như vậy gọi là trí, là thức tùy ở địa vị. Ở địa vị mê của chúng sanh, cũng cái biết nhưng là cái biết của vọng tưởng phân biệt nên gọi là thức; còn ở địa vị Phật, cũng cái biết mà sáng suốt giác ngộ, nên gọi là trí.

Chỉ chuyển tên kia mà chẳng chuyển thể kia. Ban đầu thì một nguồn tâm rỗng rang trong lặng, rồi do "tri kiến lập tri", vọng trần sanh khởi, nên có vọng niệm.

Ngài dẫn kinh Lăng-nghiêm để thấy rõ ban đầu chỉ là một nguồn tâm rỗng rang trong lặng, nhưng do *tri kiến lập tri*, vừa có thấy biết liền khởi niệm phân biệt đó là lập tri, rồi *vọng trần sanh khởi, nên có vọng niệm*. Nếu *tri kiến vô kiến, tư tức Niết-bàn*. Nghĩa là mình thấy biết mà không thấy biết, như có người đi qua mình thấy biết, mà không có niệm phân biệt đó là không thấy biết. Nếu không thấy biết như vậy tức là Niết-bàn. Vậy Niết-bàn với sanh tử cách nhau bao xa? Chỉ là đối duyên, xúc cảnh mà khởi niệm đuổi theo phân biệt đó là sanh tử. Còn đối duyên, xúc cảnh mà không dấy niệm đuổi theo dính mắc, đó là Niết-bàn chứ không đâu xa.

Thì trí tánh chân thật thanh tịnh sẽ trở lại trong lặng nhiệm mầu, rỗng suốt trọn vẹn, ý niệm liền tiêu. Ý niệm đã tiêu, thì từ thức thứ sáu trở xuống, không thức nào chẳng đều tiêu hết. Nếu ý niệm tiêu thì sáu thức cũng theo đó mà tiêu. Vì vậy trọng tâm chúng ta tu là ở ý. Nếu ý lặng thì tất cả đều theo đó mà lặng hết. *Tức là chỗ ngài Văn-thù bảo: Một căn đã trở về nguồn, sáu căn trở thành giải thoát.* Đây lại dẫn kinh Lăng-nghiêm chỗ Phật dạy ngài Văn-thù chọn các căn viên thông.

Đã không sáu căn thì không sáu trần, đã không sáu trần thì không sáu thức. Đã không sáu thức thì không chủng tử luân hồi. Khi sáu thức không còn hoạt động, không còn tạo nghiệp nữa thì luân hồi cũng không còn.

Đã không chủng tử luân hồi, thì một điểm chân tâm của ta, đứng riêng không chỗ nương, rỗng rang, mênh mông, sáng rỡ, lặng trong, muôn kiếp thường còn, hằng không sanh diệt. Đến đây gọi là giải thoát sanh tử, là được giác ngộ hoàn toàn. Như vậy chúng ta tu là trở về cái sẵn của mình, chứ không phải ở đâu đem đến. Đã có sẵn nhưng vì chúng ta mê tức là quên, nay tỉnh lại dẹp bỏ những manh mối dẫn đi luân hồi sanh tử, để trở về nguồn bất sanh bất diệt, đó là gốc của sự tu.

Đây là pháp chỉ thẳng tâm người, rất rõ ràng xác thật, chặt thẳng làm sao! Giản dị làm sao! Chỉ hay chăm lo cội nguồn quán chiếu con trâu này, lâu rồi thì tự nhiên tâm không, mênh mông lóng đứng, lặng lẽ chẳng động, vắng bặt chẳng nghĩ, rỗng toang tâm mở, tỏ suốt thấy tánh. Đây là chỗ nói: Da mỏng da dày đều rớt sạch, một thể chân thật hiện tiền.

Ngài nói: *đây là pháp chỉ thẳng tâm người* tức là trực chỉ nhân tâm, *rất rõ ràng xác thật, chặt thẳng làm sao! Giản dị làm sao!* Bởi vì pháp này đi thẳng không quanh co, mà đã đi thẳng thì nó rất giản dị không phiền toái. Vì vậy nên ở đây nói chặt thẳng, giản dị. Như chúng ta ứng dụng tu đối với pháp Thiền tông chỉ thẳng nơi tâm mình, nên là chặt thẳng, cho thấy rõ tâm nào chân thật tâm nào hư dối, chúng ta không theo những vọng tưởng hư dối, đó là đơn giản vô cùng không có gì lạ ở bên ngoài.

Chỉ hay chăm lo cội nguồn quán chiếu con trâu này. Chúng ta tu là phải nhìn thẳng nguồn gốc để quán chiếu tường tận, mà quán chiếu cái gì? Quán chiếu con trâu này.

Như vậy con trâu này tức nơi tâm mình có những niệm dấy khởi chạy theo sáu trần, thì những niệm dấy khởi chạy theo sáu trần đó gọi là con trâu đi ăn lúa mạ của người. Ngay đó chúng ta dừng không đi theo, là chăm lo cội nguồn, chặn đứng ở nội tâm chứ không đợi nó dính với cảnh rồi mới chặn. *Lâu rồi thì tự nhiên tâm không.* Nghĩa là khi niệm khởi chúng ta không theo, tập như vậy lâu rồi tự nhiên tâm được an ổn nên nói tâm không. Không ở đây là không dấy niệm chứ không phải không ngơ. *Mênh mông lóng đứng.* Khi tâm lặng lẽ rồi thì nó không có chỗ nơi, không chừng mực nên nói nó mênh mông. Chỗ này có tu mới thấy rõ được. Khi chúng ta ngồi thiền mà nội tâm dấy khởi thì nó mênh mông hay gom lại một phần nhỏ? Thí dụ khởi nghĩ nhớ món đồ thì nó nhỏ bằng món đồ, nghĩ nhớ con người nó gom lại bằng con người, còn khi không nghĩ, không nhớ thì tâm không một chút giới hạn nào nên gọi đó là mênh mông, không chừng mực nào hết. *Lặng lẽ chẳng động.* Khi nó không dấy thì lặng, mà lặng thì không động. *Vắng bặt chẳng nghĩ, rỗng toang tâm mở.* Khi tâm lặng lẽ không nghĩ không tưởng thì nó vắng bặt, nó rỗng toang. Rỗng toang tức là mở rộng không có gì ngăn cách. *Tỏ suốt thấy tánh.* Nó sáng tỏ thấu suốt được bản tánh của mình nên thấy được tánh. Như vậy chữ thấy tánh này phải nghĩ làm sao mà thấy. Ví như tâm chúng ta cứ dấy động nghĩ chuyện này chuyện kia liên miên, thì lúc đó chúng ta chỉ biết việc nó nghĩ, theo việc nó nghĩ mà không thấy được bản tánh của tâm. Khi tâm lặng yên trong sáng mà mình hằng giác hằng tri, thì cái hằng tri hằng giác nhận rõ nó là bản tánh của mình.

Như vậy bỏ tâm sanh diệt chợt còn chợt mất, để nhận bản tánh sáng suốt hằng nhiên rỗng khắp, là bỏ một cái nhỏ để nhận một cái lớn. Nếu nhận niệm khởi là tâm mình là nhận tâm nhỏ, mà niệm khởi là tướng sanh diệt, là tâm tạm bợ. Khi niệm khởi lặng thì tất cả những lăng xăng đều yên tĩnh hết, lúc đó mới thấy tâm mình thênh thang, trong sáng hằng giác hằng tri, tâm mình vô giới hạn. Thế nên nói người học Phật là bỏ cái nhỏ để đạt được cái lớn hay bỏ cái giả để nhận chân cái thật của chính mình, chứ không phải của ai đem đến ban cho. Đó là một lẽ thật, chỉ khi nào tâm mình an định mới thấy rõ, nên nói tỏ suốt thấy tánh.

Đây là chỗ nói: Da mỏng da dày đều rớt sạch, một thể chân thật hiện tiền. Như người bị những lớp da bao bọc, che phủ, bây giờ những lớp da đó tan hoang rã rời, chỉ còn cái chân thật hiện tiền. Như vậy để thấy người tu Phật hay nói đơn giản hơn là tu thiền, không mong cầu cái gì xa lạ ở bên ngoài, mà chỉ cần gỡ những mối gút đang làm cho tâm xáo động mờ mịt, không cho dấy động nữa. Tâm không dấy động, không mờ mịt thì tự nhiên nó trong sáng. Từ tâm trong sáng mới nhận ra được thể chân thật của mình. Mọi ý niệm, mọi nghĩ suy dấy lên cứ che mờ, giống như da mỏng da dày đang phủ che cái chân thật ở trong. Bây giờ những thứ đó rã rời thì cái chân thật hiện tiền. Đó là để chỉ cho chúng ta biết tu đến lúc nào thành công, đến lúc nào đạt được kết quả, chứ không phải như nhiều người hiểu lầm tu cứ mơ màng, cứ trông đợi Phật tổ ban cho cái này cái kia, mà đây là lẽ thật quay về mình.

Công phu đến đây thì tự nhiên tinh thần sáng tỏ, trí tuệ thông suốt, tâm tánh linh thông, khắp được đại tự tại. Người tu đến chỗ tâm rỗng rang trong sáng thì tự nhiên tinh thần được sáng tỏ, trí tuệ được thông suốt, tâm tánh được linh thông, khắp được tự tại. Như vậy cái thông minh sáng suốt là do tâm phiền não vọng tưởng lóng dừng rồi cái trí tuệ sáng suốt hiện. Khi trí tuệ sáng suốt hiện là mình được đại tự tại. Vì thế việc tu là một lẽ thật chỉ quay lại mình để dẹp những mê mờ, đưa đến cái sáng suốt của chính mình, chứ không phải ai đâu xa khác.

Mới biết, tất cả chư thánh đều từ pháp môn tâm địa này, phương tiện mà vào, sẽ được thành Phật làm tổ, làm thầy trời người, phàm phu không thể chứng đến. Như vậy chúng ta mới biết rõ chư thánh, tức là các bậc từ bậc hiền lên bậc thánh đều từ pháp môn tâm địa này, phương tiện mà vào. Pháp môn tu thiền này cũng gọi là pháp môn tâm địa. Tại sao gọi là tâm địa? Tâm địa có nghĩa là đất tâm. Bởi vì tất cả cây cối, nhà cửa v.v... có cái nào ngoài mặt đất mà mọc, mà sanh được không? Như vậy tất cả muôn sự, muôn vật trên thế gian này đều tựa trên mặt đất. Cũng vậy tất cả pháp lành pháp dữ đều từ nơi tâm mà ra, chứ không cái nào riêng có. Mà đã từ tâm ra thì pháp tu trở về tâm gọi là tâm địa. Vì nó là chỗ sản sanh muôn pháp, mà trở về tức là dùng phương tiện mà vào. Đi vào bằng những phương tiện rồi sẽ được thành Phật làm tổ, làm thầy cả trời người, phàm phu không thể chứng đến. Bởi vì khi tu đến kết quả thành Phật thành tổ, thì lúc đó sẽ làm thầy cả trời người. Còn chúng ta hiện nay tu lại mong mỏi được chư thiên ủng hộ,

mà nếu chư thiên ủng hộ thì mình là bạn bè với chư thiên, chứ không được làm thầy, vì làm thầy thì không cần ủng hộ, cần ủng hộ thì không phải là thầy họ, có khi ngược lại. Cũng như có người đi cầu quỷ thần ủng hộ thì người đó là thầy của quỷ thần hay là đồ đệ của quỷ thần. Đây tôi nói một cách thông thường, như có ai mới tu hoặc tu ít ít đến với tôi thì họ nói: "Nhờ Thầy thương xót ủng hộ cho chúng con tu hành đến nơi đến chốn." Nếu tôi ủng hộ họ thì họ bằng tôi chưa? Chắc chưa. Nếu bằng thì chắc họ không phải xin ủng hộ. Cũng như vậy, nếu ai muốn được quỷ thần ủng hộ tức là bạn bè hay đàn em cháu của quỷ thần, còn ai muốn được chư thiên ủng hộ, đó là huynh đệ của chư thiên, có lẽ làm đệ là đúng hơn. Còn ở đây nếu chúng ta tu đến chỗ cuối cùng, là làm thầy của chư thiên nữa đó. Vì vậy nên khi Phật thành đạo thì chư thiên đến quy y thỉnh Phật về cung trời giảng pháp v.v... Như vậy có phải là thầy chưa? Như tổ Ưu-ba-cúc-đa khi bị các loài thiên ma đến phá, ngài chinh phục được rồi, thiên ma xin quy y, kính ngài làm thầy. Như vậy Phật tổ đều làm thầy của cả trời người, chứ không phải chỉ làm thầy cho người thôi. Bởi vậy trong lễ quy y có câu: "Quy y Phật không quy y thiên thần quỷ vật." Vậy mà hiện nay có nhiều người tuy đã quy y Phật rồi, nhưng thiên họ vẫn kính, thần họ vẫn thờ, quỷ họ vẫn nể. Như vậy những người đó chưa hiểu được giá trị thật của Phật, của tổ. Đó là chỗ chúng ta phải hiểu cho thật rõ. Không phải chúng ta ngạo mạn, nhưng vì đức Phật và chư tổ đủ khả năng để dạy bảo hướng dẫn cho chư thiên tu hành, thì chư thiên đối với Phật là đệ tử, chúng ta cũng là đệ tử Phật. Như vậy chư thiên với chúng ta

cũng không khác bao nhiêu, chỉ có phước hơn chúng ta thôi. Cũng như người giàu có quy y với thầy, người nghèo khổ quy y với thầy, tuy giàu, nghèo có khác nhưng cùng quy y một thầy, mà một thầy tức là đồng sư. Vậy điều vô lý là đồng sư mà trở lại quy y với họ. Bởi vậy chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa "thiên nhân chi sư" là thầy cả trời người là thế ấy. Giả sử kính trời còn khả dĩ vì phước cao hơn mình, còn quỷ thần mà kính thì thật là khó hiểu. Nếu nói quỷ chắc ít ai kính, chỉ sợ thôi, như những quỷ lang thang đói rét, gọi là ngạ quỷ, là quỷ đói. Còn thần đối trong nhà Phật gọi là đại lực quỷ, là quỷ có thế lực. Thí dụ ông tướng nào đó chết trận có thể họ hay phá phách người, nên gọi là thần nhưng nhà Phật cũng gọi là quỷ, chỉ là quỷ có thế lực. Nói như vậy để chúng ta hiểu rõ không còn lầm lẫn.

Do người chẳng nhận biết tự tâm, nên kinh Phật nói: "Tất cả chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay mê muội điên đảo bản tâm chẳng tự giác ngộ, vọng nhận bốn đại làm thân, duyên lự làm tâm. Ví như bỏ đi trăm ngàn biển cả chỉ nhận lấy một hòn bọt nhỏ."

Đây là đoạn dẫn trong kinh Lăng-nghiêm. Đoạn này khi học kinh Lăng-nghiêm tôi thấm thiết nhất. Bởi vì trong kinh Phật nói: "Tất cả chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay mê muội điên đảo bản tâm chẳng tự giác ngộ." Tất cả chúng sanh từ vô lượng kiếp là không biết bao nhiêu kiếp mà nói. Mê muội điên đảo bản tâm hay nói cách khác là đối với bản tâm mình mê muội, điên đảo. Bởi mê muội điên đảo bản tâm nên không tự giác ngộ, mà không tự giác ngộ rồi nhận cái gì làm mình?

- Vọng nhận tức là dối nhận bốn đại làm thân, duyên lự làm tâm. Có ai không nhận vậy không? Khi nói tới mình thì tự xưng tôi xưng ta, mà tự xưng tức chỉ cho thân tứ đại, thân tứ đại là tôi, là hình tướng lấy tứ đại làm mình, rồi duyên lự làm tâm tức cái nghĩ tưởng lăng xăng ở trong cho là tâm mình. Vậy tất cả chúng ta nhìn lại xem có người nào thấy khác không? Hay ai cũng thấy thân tứ đại là mình, tâm nghĩ tưởng lăng xăng là tâm mình? Như vậy là đã nhận lầm thân, nhận lầm tâm rồi. Bây giờ tôi nói thẳng, chỉ thẳng, thân tứ đại này do duyên hợp, nói gần là bốn thứ: đất, nước, gió, lửa. Sáng ngủ thức dậy sửa sang đôi chút rồi lo điểm tâm sáng. Điểm tâm là gì? - Đem một ít đất, một ít nước vào cho nó an ở trong. Đến trưa cũng đem một số đất nước dồn vô. Rồi chiều nếu nhè nhẹ cũng một ít đất nước vô nữa. Nhưng đem vô rồi nó có ở trong luôn không? - Phải cho ra. Cứ đem vô cho ra, đem vô cho ra, cái này đổi cái kia, cái kia đổi cái khác nữa, từ gió rồi đất, nước, lửa cứ thay đổi, thay đổi liên tục. Tuy thay đổi liên tục vậy mà thiếu nó mình không an. Đôi khi tôi cũng tức cười, có những lúc bận công việc hoặc đi đâu lỡ bữa, đói đi không muốn nổi, nếu ai cho củ khoai nhai vô một lúc lại đi nổi. Như vậy củ khoai là mình hay là gì mà sao nó có sức mạnh lạ thường vậy. Nếu mình là thật, mình là chủ thì có củ khoai hay không có củ khoai, mình cũng làm chủ, mình cứ đi, chứ sao thiếu nó mình đi không nổi. Vậy củ khoai có phải là mình không? Như vậy để thấy rõ tứ đại này nó không tự tồn tại mà phải nhờ tứ đại ngoài bồi bổ, thiếu sự bồi bổ cũng như cái máy thiếu xăng, thiếu dầu không thể chạy được.

Thân tạm bợ vay mượn mà mình chấp là thân mình, nhưng nếu thân này là thân mình có hai trường hợp: Như khi thân chúng ta trên da thịt bị ung nhọt, người ta cắt bỏ, vậy cái cắt bỏ ra còn là mình, của mình nữa không? Hoặc có một phần da thịt bị hư, cắt bỏ chúng ta có tiếc giữ nó lại để trong bình ngọc, bình ngà, vì cái đó là mình mà tiếc không, hay đem chôn cho rồi sợ nó hôi thúi chịu không nổi. Như vậy cái thật là mình nó phải ra sao chứ! Chẳng lẽ cái mình sao mà dở quá vậy! Cũng như thân này khi hơi ấm đã mất, con người lạnh dần rồi từ từ rã nát. Khi nó rã nát lúc đó, nếu mình làm khách đứng nhìn thây chết của mình, mình có gớm không? Cái mình đó sao tệ quá phải không? Hôi hám không ai chịu nổi, vậy mà ai cũng quý. Có người nào xem thường nó không? Chỗ này trong kinh Phật nói do mê muội, do điên đảo mới dối nhận làm thân mình, rồi tâm duyên lự làm tâm mình. Tâm duyên lự là tâm nghĩ tưởng lăng xăng. Khi ngồi thấy trong đầu nó nhảy cái này, nhảy cái kia đủ thứ ý, đủ thứ nghĩ, nhưng những ý nghĩ đó gốc từ đâu mà ra, hình dáng ra sao? Khi tìm lại thì nó mất tiêu. Cái nghĩ là bóng dáng không thật do duyên theo sáu trần mà có niệm khởi, nên cái duyên lự, nghĩ tưởng không thật có. Như vậy nhận thân không thật, tâm không thật là mình, thì mình thật hay mình không thật? Lấy cái không thật làm mình thì tự nhiên mình giả dối, chứ không thật được. Vì vậy khi nhận thân này là mình, nhận tâm duyên lự là mình thì đã quên mất cái tâm thể chân thật. Tâm thể chân thật là cái thể rộng lớn thênh thang mà quên, chỉ nhận một số tứ đại hợp lại và một ít duyên lự lăng xăng làm tâm mình, nên quên mất cái to lớn thênh thang kia.

Thế nên Phật dùng thí dụ: "Ví như bỏ đi trăm ngàn biển cả chỉ nhận lấy một hòn bọt nhỏ." Không nói trăm ngàn biển cả mà chỉ một biển cả thôi, thấy mặt biển thênh thang mà mình không nhận, chỉ nhìn hòn bọt nổi trên mặt biển cho là mặt biển. Người nhìn hòn bọt nói là mặt biển, thì người đó khôn thượng thặng hay ngu tột độ? Nhìn nhận hòn bọt cho là mặt biển, ai nghe cũng tức cười thôi, vì sao ngu một cách đáo để vậy! Chúng ta hiện nay nhận cái thân này, nhận cái suy nghĩ này là mình, cũng giống như người ngu nhìn trên mặt biển chỉ nhìn hòn bọt cho là biển. Cũng vậy biển cả thênh thang cũng như tâm mình thênh thang mà không nhận, lại nhận cái lăng xăng, nhận cái tướng sanh diệt tạm bợ cho là mình, như vậy mình có đáng thương không? Tại sao mình đáng thương? Ở đây dùng từ là mê muội, điên đảo, còn nói theo từ gọn của thế gian là ngu mê. Sao mình lại ngu mê đáo để vậy! Mình có cái rộng lớn, cái chân thật không chịu nhận, lại nhận cái tạm bợ giả dối như vậy. Đây Phật nói trăm ngàn mặt biển mà tôi chỉ nói một mặt biển thôi. Như ở Việt Nam chúng ta nhìn ra mé biển là biển Thái Bình Dương, chỉ một biển Thái Bình Dương so với hòn bọt thì sao, nó có thấm vào đâu không? Vậy mà hài lòng nhận một hòn bọt cho là biển thì hết tưởng nổi cái ngu của mình. Cũng như vậy cái tâm thể thênh thang mà người ta không nhận, lại nhận cái thân tứ đại với cái tâm lăng xăng này là mình, cũng tương tự như người ngu nhận hòn bọt làm mặt biển vậy. Như vậy xét kỹ chúng ta thông minh đến bậc nào rồi, nên Phật nói chúng sanh si mê là chỗ đó. Không phải Phật chê mình mà Phật chỉ trách mình

có cái quý không chịu nhận, lại nhận cái tầm thường nhỏ không đáng kể, đó là chuyện đáng thương, nên Phật nói pháp mãi là thế ấy.

Do đây trên mê thêm một lớp mê, trong vọng thêm một lớp vọng, theo cảnh mà lưu chuyển, để mắt sanh tình, muôn điều lấy bỏ, không lúc nào tạm rảnh.

Những câu này là câu trách. *Do đây* là do cái mê lầm trên đó mà *trên mê thêm một lớp mê, trong vọng thêm một lớp vọng*. Trên mê thêm một lớp mê, trong vọng thêm một lớp vọng là sao? Nhận thân này và tâm lự lăng xăng là mình, đó là mê rồi, nhưng bây giờ thêm một lớp mê nữa là cái gì, thêm một lớp vọng nữa là cái gì? Tức là *theo cảnh mà lưu chuyển*. Đã nhận thân này là thân mình thật, cái nghĩ suy là tâm mình thật, đó là đại mê rồi, mà còn chạy theo cảnh cho là đẹp là xấu, có phải thêm một lớp mê nữa không? Như vậy trên mê thêm một lớp mê, trong vọng thêm một lớp vọng. Rồi cứ suốt ngày theo cảnh mà lưu chuyển tức là theo cảnh mà trôi đi luôn luôn. *Để mắt sanh tình,* thấy cái gì cũng chú ý rồi khen cái này tốt, chê cái kia xấu. Như vậy suốt cả ngày bị cái đẹp xấu, khen chê phủ hết. Mình đã hư dối, tạm bợ nhận mình thật là ngu si rồi, còn cảnh cũng tạm bợ giả dối lại bị nó chi phối, lôi dẫn đi nữa. Như vậy có phải là si mê quá chừng không? Cho nên nói theo cảnh mà lưu chuyển, để mắt sanh tình, muôn điều lấy bỏ. Cái gì tốt muốn lấy, cái gì xấu muốn bỏ, cứ thế suốt đời lấy bỏ, lấy bỏ. Có được cái nhà, lâu lâu thấy nhà mình xưa cũ quá, muốn cất theo kiểu hiện đại mới thích, rồi theo cái mới bỏ cái cũ. Do đó từ nhà cửa, xe cộ cho đến ăn mặc cũng thế,

cứ như vậy mà *không lúc nào tạm rảnh* là suốt đời chạy theo nó nên không rảnh được.

Đây tôi nhắc lại một lần nữa. Bởi vì chúng ta đã mê lầm nhận thân tứ đại là mình, nhận tâm duyên lự làm tâm mình. Cả hai thân và tâm này đều hư dối, Phật ví dụ như nhận hòn bọt làm biển cả, là đã quá si mê. Đồng thời nhận cảnh bên ngoài cho là đẹp là xấu, rồi cứ chạy theo cảnh, suốt ngày suốt tháng, suốt năm. Mê thân, mê tâm, mê cảnh, ba bốn thứ mê đó rồi chạy mãi lưu chuyển không cùng, cho đến ngày tắt thở là xong một đời không biết quay trở lại, không biết thức tỉnh. Người như vậy thật đáng thương. Nếu chúng ta tỉnh thấy họ mê như vậy chắc thương lắm, tội nghiệp quá phải không? Cứ hụp lặn trên mấy lượn sóng, hết chụp bọt này, đến chụp bọt kia mà khổ sở. Mình đứng trên bờ thấy thật là đáng thương, vậy đó mà người ta vẫn hài lòng, vẫn thỏa mãn.

Đến nỗi khiến cho dấy lên mê lầm tạo nghiệp, lẩn quẩn trong sáu đường, chẳng ra khỏi được. Bởi chạy theo cảnh, đắm đuối theo cảnh nên mê lầm tạo nghiệp, mà tạo nghiệp rồi lẩn quẩn trong sáu đường luân hồi không ra khỏi được. Như vậy hết địa ngục lên ngạ quỷ, hết ngạ quỷ lên súc sanh, rồi lên cõi người, cõi trời, cõi a-tu-la, cứ nhào lên lộn xuống, chạy mãi không dừng được, lẩn quẩn trong sáu đường sanh tử luân hồi không ra khỏi được.

Rốt cùng cái mờ mịt ban đầu (minh sơ) đều do cái lỗi một thoáng vọng mê chân vậy. Cái gì là cái mờ mịt ban đầu?

Chỉ là một thoáng chút vọng khởi lên rồi quên cái chân, đó là gốc. Thế nên chúng ta tu thiền, vừa dấy niệm lên mình biết là đã che cái chân rồi. Nghĩa là nó vừa dấy lên là cái chân thật bị khuất. Vì vậy mới bảo buông bỏ vọng tưởng là chỗ đó, vì nó dấy lên là đã che mờ cái chân. Như tôi thường dụ, cái gương sáng mà vừa có tấm giấy hay vật gì đưa ngang qua là nó bị khuất sáng, nếu vật đưa qua liên tục mãi thì gương sáng không bao giờ thấy sáng. Chúng ta cũng thế, từ một niệm dấy lên làm cho cái chân bị mờ đi, là gốc tạo ra đủ thứ nghiệp luân hồi trong sáu đường. Ở đây tôi khuyên dạy tu là bỏ những niệm vọng tưởng dấy động che lấp cái chân, đó là dẹp cái ban đầu. Nếu tôi chỉ khuyên bỏ những lời nói ác, hành động ác để nói những lời lành, làm những việc lành, chưa phải là chỉ cái gốc. Việc đó là để chỉ chúng ta không tạo những nghiệp ác để đọa ba đường ác, tạo nghiệp lành để sanh nơi ba đường lành. Nhưng sanh nơi ba đường lành cũng ở trong vòng luân hồi, nên khi hết nghiệp lành lại rơi xuống dữ. Vì vậy, chưa phải là cứu cánh, muốn đến chỗ cứu cánh phải tìm tận cái ban đầu. Nhưng cái ban đầu là gì? Tức là một niệm vừa dấy lên làm che khuất chân tánh. Đó là việc chúng ta cần phải chú tâm gạt bỏ nó qua.

Nên biết, ba cõi chỉ có tâm, kẻ mê thì ngoài tâm chạy tìm pháp, người trí thì thấy cảnh chính là tâm.

Những câu này rất khó hiểu, nhưng thật ra đó là cái căn bản. *Nên biết, ba cõi chỉ có tâm.* Nghĩa là tam giới duy tâm, tại sao vậy? Vì tâm là cái biết. Thí dụ như núi rừng, cây cối, nhà cửa v.v... nó có, nhưng nếu không

có tâm mình thì nó có, có nghĩa gì không? Nó có, không ai biết nó thì nó có cũng như không có. Chỉ có tâm mới có thể biết được tất cả, mà biết được tất cả nên nó mới thành tất cả, đặt tên là núi, là rừng, là sông, là biển... Còn nếu không có tâm thì tất cả những cái đó có cũng như không có, là không có nghĩa lý gì hết. Cho nên từ tâm mà tạo thành nghiệp có ba cõi, cũng từ tâm mà biết ba cõi, không có tâm thì không biết. Vì vậy nên nói ba cõi chỉ có tâm. *Kẻ mê thì ngoài tâm chạy tìm pháp.* Người mê không biết quay về tâm mình cứ chạy ra ngoài tìm pháp này pháp kia.

Người trí thì thấy cảnh chính là tâm. Cho nên nói kiến sắc minh tâm, là thấy cảnh tức là tâm. Vì sao thấy cảnh tức là tâm? Như chúng ta đang ngồi đây nhìn ra kia thấy có cây thông, cây thông có phải tâm mình không? Nếu cây thông là tâm mình, có ai bẻ một nhánh mình có đau không? Những người ngoại cuộc không đau, chứ tôi đau, vì tôi trồng nên ai bẻ tôi đau. Vậy thấy được cây thông, biết được cây thông, nếu không có tâm thì thấy được, biết được không? Như vậy biết cây thông đó là tâm, nên nói thấy sắc tức là biết được tâm, chứ không có gì khác. Nếu không tâm thì làm sao thấy sắc, biết sắc, vì vậy nên nói kiến sắc là minh tâm. Nghĩa là thấy được hình tướng liền rõ được tâm, nếu không có tâm làm sao biết được hình tướng, thấy được hình tướng. Đó là những câu rất khó hiểu, nhưng khéo tu rồi sẽ nhận ra được lẽ đó. Nếu thấy sắc biết được tâm thì mình còn thấy sắc nào quan trọng không, vì cái nào cũng từ tâm mình hết thì còn gì nữa mà quan trọng.

Cho nên ở đây nói "người trí thấy cảnh chính là tâm". Cảnh nào cũng không ngoài tâm mình, nếu ngoài tâm mình thì mình không biết, mà mình biết thì không thể ngoài tâm mình được. Thế nên chỗ này đôi khi tôi nói có nhiều người thấy khó hiểu. Đây tôi nói như tôi thấy được cái ly thì cái ly có ngoài phạm vi cái thấy của tôi không? Nếu ngoài phạm vi cái thấy, tôi có thấy nó không? Nó cùng cái sức thấy của tôi, nếu ngoài sức thấy của tôi thì tôi đâu thấy nó, mà tôi thấy nó thì nó ở trong cái thấy của tôi. Vậy tôi thấy cái ly thì cái ly đó chính là tôi thấy, cái thấy của tôi trùm cả cái ly rồi. Đó là thấy sắc tức là thấy tâm, nghĩa là cái ly là sắc nhưng biết rằng cái sắc này không ngoài tâm mình, nếu ngoài tâm mình thì mình không thấy. Như vậy cả bầu trời, cả núi non mình đều thấy tới, không có cái nào ngoài mình hết, nếu ngoài mình thì mình không thấy, mình thấy thì không phải ngoài mình. Đó là cái thấy, còn cái biết nữa. Như chúng ta biết đến cung trăng, thì cung trăng có ngoài cái biết của mình không? Rồi tất cả những chỗ khác mình biết, thì cái gì mình biết được nó, nó không ngoài tâm mình. Thế nên cái thấy cái biết của mình đến đâu thì cảnh vật đó đều không ngoài tâm mình hết. Vì vậy nên hiểu tất cả sự vật không có gì ngoài tâm. *Cảnh tức là cảnh của tâm, tâm tức là tâm của cảnh.* Như vậy cảnh không ngoài tâm nên cảnh tức là tâm, mà từ tâm mình biết được cảnh cho nên tâm cũng tức là cảnh. Cảnh với tâm không rời nhau.

Đối cảnh chẳng mê, gặp duyên chẳng động, năng sở làm thành lẫn nhau, một thể không khác.

Đây là chỗ đặc biệt của người tu. *Đối cảnh chẳng mê* là sao? Tức là gặp cảnh mà mình không quên. Vậy không quên cái gì? Biết cảnh không ngoài tâm là không mê, còn thấy cảnh ở ngoài tâm đó là mê. Mà nếu thấy cảnh không ngoài tâm thì *gặp duyên chẳng động*, vì có cảnh nào, đẹp xấu gì cũng không ngoài tâm, thì dù đẹp cũng không dấy động, xấu cũng không dấy động, nên *gặp duyên chẳng động*. *Năng sở làm thành lẫn nhau.* Năng là mình, là tâm, sở là cảnh, hai cái đó làm thành lẫn nhau. *Một thể không khác.* Tâm cảnh không hai. Tôi thấy cái ly thì cái ly và cái thấy của tôi không hai phải không? Nếu là hai thì tách rời, mà tách rời thì không thấy, không biết. Như vậy là lối nhìn tường tận.

Nếu hay đạt cảnh chỉ là tâm, liền đó ngộ tâm thành đạo. Nếu người thấu suốt được cảnh chỉ là tâm, không có cảnh ngoài tâm, liền đó ngộ tâm thành đạo. Khi đó mới thấy tâm mình trùm khắp, nó không còn giới hạn như cái tâm suy nghĩ lăng xăng, như thân tứ đại này nữa. Như vậy thấy cảnh và tâm không hai là đạt đạo.

Giác tột vọng niệm từ vô thủy, nhiếp thu cảnh trở về tâm, chân như ra khỏi trói cột (xuất triền), lìa cấu nhiễm được giải thoát.

Giác tột vọng niệm từ vô thủy. Giác ngộ tột cùng tất cả vọng niệm từ vô thủy. *Nhiếp thu cảnh trở về tâm.* Nghĩa là tất cả cảnh đều thấy không ngoài tâm, tức là gom nó trở về tâm. *Chân như ra khỏi trói cột.* Như vậy tâm chân như không bị trói cột nữa. *Lìa cấu nhiễm được giải thoát.*

Sở dĩ chúng ta ngày nay nhiễm là nhiễm cái gì? Nhiễm tâm hay nhiễm cảnh? Hầu hết là nhiễm cảnh vì thấy cảnh có ngoài tâm, nên nói cảnh này đẹp, cảnh kia xấu, cảnh này mình ưa thích, cảnh kia mình không ưa v.v... Tất cả cái ưa thích hay không ưa thích đó gọi là cấu nhiễm, mà những cấu nhiễm mình biết không ngoài mình mà có, thì tự nhiên ưa cảnh là ưa tâm phải không? Vì nó không ngoài mình có, cảnh tức là tâm mà tâm cũng tức là cảnh, thì còn gì nữa mà phải theo cảnh, mê cảnh. Không theo cảnh, không mê cảnh thì cảnh làm gì trói buộc mình được, nên không bị sáu trần lôi kéo, mà sáu trần không lôi kéo thì mình được giải thoát sanh tử. Thật đơn giản! Như vậy cũng một cái nhìn, nếu nhìn thấy cảnh có ngoài mình, ngoài tâm thì dễ bị cảnh lôi cuốn. Còn thấy cảnh không ngoài tâm thì cảnh không lôi cuốn mình được. Nếu cảnh lôi cuốn thì dẫn mình đi luân hồi sanh tử, nếu thu nhiếp được cảnh là mình thoát ly sanh tử.

Hằng hợp với thanh tịnh bản nhiên, thì chẳng còn sanh trở lại. Nếu mình hợp với tâm thanh tịnh sẵn vậy thì chẳng còn trở lại sanh tử hay trần lao này nữa. *Và núi sông, quả đất, mọi tướng hữu vi, như vàng ra khỏi quặng, trọn chẳng còn dính bụi đất.* Nếu thấy tất cả cảnh đều không ngoài tâm, thì cảnh không còn gì để quyến rũ lôi cuốn tâm, mà không quyến rũ lôi cuốn tâm thì mọi cảnh không có gì làm dính bận hay làm mình rối loạn. Do đó cũng giống như vàng ra khỏi quặng là vàng ròng nên không còn dính bụi đất. *Dường như cây đã cháy thành tro, đâu có mọc cành lá lại nữa.* Được như vậy cũng giống như cây đã cháy thành tro thì không còn

mọc lên cành lá nữa được. *Một phen được là được mãi, tột đến mé vị lai thoát hẳn cảnh giam giữ, ở mãi nơi cõi thánh vậy.* Nếu ai nhìn người, nhìn vật đều biết không ngoài mình, không ngoài tâm mình mà có, thì người đó không bị cảnh lôi kéo, người đó sẽ được tự tại, được giải thoát. Và khi được một lần là được mãi không mất. Đó là lời giải thích rất sâu xa của ngài.

Song đại đạo Nhất thừa tối thượng này, nếu người căn khí lanh lợi, một nhảy liền thẳng vào đất Như Lai. Chỗ đại đạo Nhất thừa tối thượng này tức là thiền tông. Nếu người căn khí lanh lợi thì chỉ một cái nhảy là thẳng vào đất Như Lai, chứ không có cái nửa chừng. *Nếu người căn khí chậm lụt thì phải làm thế nào? Hẳn phải do công phu học từ dưới lên trên, thứ lớp dẫn vào pháp môn, mới có thể được.* Những người chậm lụt thì phải do công phu học từ dưới lần lần lên trên, cứ thứ tự mà vào pháp môn mới có thể được.

Khiến cho họ đi một bước tự có hiệu nghiệm một bước, lên một cấp tự có khuôn khổ một cấp. Đó cũng chính là ý đi xa thì từ gần, lên cao thì từ thấp. Đây chính là chỗ mà hiện giờ tôi có trách nhiệm phải hướng dẫn. Như nói về thiền tông có dạy chúng ta tu đếm hơi thở không? Đâu có, chỉ cần nhảy một nhảy liền thẳng vào đất Như Lai rồi. Còn bây giờ tôi dạy đếm hơi thở chỉ là phương tiện để đi từ thấp lên cao. Chỗ nhảy một nhảy liền vào, đó là trường hợp như ngài Huệ Khả khi được tổ Bồ-đề-đạt-ma bảo: "Đem tâm ra ta an cho." Ngài xoay lại tìm tột cùng không thấy, thưa: "Con tìm tâm không được." Tổ Đạt-ma bảo: "Ta đã an tâm cho ngươi rồi."

Ngay đó ngài biết được đường vào. Đó là chỗ nhảy một nhảy được vào, không cần dùng phương tiện. Nhưng chúng ta ngày nay, người đến học tu thiền mà nói như thế họ đâu biết sao mà tu. Vì vậy phải bắt họ ngồi nghiêm chỉnh đếm hơi thở, hít vô thở ra đếm một, hít vô thở ra đếm hai... lâu dần tâm họ mới yên. Rồi từ từ tiến lên bỏ pháp này chuyển sang pháp khác cho đến lúc nào đó niệm khởi không theo. Như vậy đi từ bậc từ bậc, nhưng trong đây có nói mỗi bậc đều có khuôn khổ của nó, có hiệu nghiệm của nó. Thí dụ như đếm hơi thở phải làm đúng phép đếm hơi thở, từ đếm hơi thở lúc ban đầu còn loạn, còn lăng xăng, nhưng lần lần được an định, hết loạn. Khi ấy có hiệu nghiệm là không quên số nữa, tức là có kết quả, từ có kết quả đó mới bước qua pháp khác. Như vậy từng bước từng bước đều có hiệu nghiệm, đều có kết quả, rồi đi thẳng vào mới được, chứ không phải ai cũng đều nhảy một cái là tới nơi hết. Cho nên phương pháp dạy đó cũng như chính là ý muốn đi xa thì phải từ gần, muốn lên cao phải từ thấp. Không có thần thông mà muốn leo lên chót núi thì phải từ dưới đất bằng đi từ từ lên, lên mãi rồi sẽ đến chót núi. Còn người có thần thông chỉ cần nhảy một cái đã đến chót núi, tỷ dụ như Tôn Ngộ Không chẳng hạn. Mình không thể bì khi thấy người ta nhảy một cái đã tới núi, còn mình phải đi từng bước từng bước dưới chân núi đi lên có tủi thân không? Tuy mình đi từng bước từng bước lên nhưng cuối cùng cũng lên đến chót núi, còn người nhảy một nhảy tới nơi thì cũng đến chót núi vậy thôi, khác nhau chỉ có nhanh và chậm. Dù cho chậm mà cố gắng đi cũng tới nơi, chứ đừng thấy người ta nhảy một cái,

còn mình đi lâu quá rồi buồn khổ, thất chí không nên. Phải tự hiểu, à, anh có thần thông cứ nhảy lên trước, tôi không thần thông cứ đi từ từ rồi cũng tới. Như vậy ai cũng làm được, chứ đừng thấy người ta thế ấy mình bì không nổi rồi thất chí, thối lui là không hay, không phải.

Nếu chẳng biết ra tay thực hành công phu vào cửa thì đâu hay chóng đến địa vị xong xuôi tột bậc. Nếu chúng ta không biết cách tu để tiến vào cửa, mà không vào cửa được thì làm sao đến được địa vị cứu cánh.

Nếu chưa thể tận tâm, thì đâu hay rõ tánh. Tận tâm nghĩa là sao? Thường chúng ta hay nói tận tâm tận lực, nghĩa là mình dùng hết sức, nhưng ở đây không phải vậy. Tận tâm là tột của tâm, tức là tất cả những tâm lăng xăng vọng tưởng hết sạch, khi đó mình mới rõ được tánh chân thật của mình. Nếu tâm lăng xăng chưa sạch, chưa tột thì tánh mình cũng không thấu rõ được.

Chưa thể minh tâm, thì đâu hay kiến tánh. Chữ tận tâm là một lối nói khác với minh tâm. Nếu mình chưa sáng được tâm thì đâu có thể thấy được tánh. Như chúng ta tu, nếu chưa biết cái nghĩ suy, cái tâm vọng lự là hư dối, thì chúng ta có thể nhận ra được bản tánh chân thật không? Cái hư dối, không biết nó hư dối thì không bao giờ nhận được cái thật. Vì vậy trước mình phải thấy rõ tâm hư dối, không lầm, không theo thì từ từ nó mới yên lặng, khi nó lặng thì tánh chân thật mới hiển bày. Cho nên nói "chưa thể minh tâm, thì đâu hay kiến tánh". Kiến tánh là phải thấy rõ được tâm rồi sau mới biết được tánh,

chứ không phải bước vào là liền thấy tánh. Thật ra nói tâm, nói tánh dường như hai mà không phải hai. Tâm có khi nó trùm cả tâm vọng và tâm chân, nên nói tâm mang cả hai mặt vọng và chân. Còn tánh là chỉ cho cái chân thật bất di bất dịch. Nếu nói thật trắng ra thì tâm là cái biết của mình, cái biết do suy nghĩ và cái biết tự nhiên, vì vậy nên nói tâm lẫn cả vọng và chân. Cái biết do suy nghĩ là cái biết lăng xăng trong đầu, còn cái biết tự nhiên là thấy người biết người, nghe tiếng đàn biết tiếng đàn, tiếng trống biết tiếng trống, v.v... cái biết đó không có suy nghĩ. Như vậy sáu căn mình đều có cái biết tự nhiên, rồi trong đó có cái biết suy nghĩ. Cái biết suy nghĩ đó gọi là vọng thức hay vọng tâm, cái biết này có lăng xăng, còn cái biết tự nhiên không lăng xăng. Có ai thấy cái biết tự nhiên này ra làm sao không? Nó có bóng có hình gì không? Nó không có bóng hình, còn cái biết suy nghĩ thì có bóng. Suy nghĩ về cây thì có bóng cây, suy nghĩ về con người thì có bóng con người. Cái biết tự nhiên không có bóng dáng nào hết, tự nó hiện tiền sẵn vậy. Cái biết suy nghĩ là cái bóng sanh diệt, vậy mà khi nói tâm là mình nhận cái suy nghĩ theo bóng đó, chứ không nhận ra cái biết tự nhiên. Vì vậy mà cái biết suy nghĩ là cái biết hư dối, không thật, còn cái biết chân thật không có bóng, bởi không có bóng nên nó thật, bởi không suy nghĩ nên nó không sanh diệt. Nếu nhận ra thì cái biết này là tánh, còn cái biết lăng xăng là cái biết trùm cả tâm và tánh hay là tâm chân tâm vọng ở trong đó. Cho nên nói tâm là kiêm cả chân vọng, nói tánh là chỉ cho cái tâm chân thật.

Tóm lại, đoạn này ngài muốn nói cho tất cả chúng ta hiểu rằng người tu thiền, đúng ra những bậc túc duyên đầy đủ, nghe một câu, một hành động của các thiền sư liền ngộ, liền thấy, cho nên nói "một nhảy liền thẳng vào đất Như Lai". Còn chúng ta ngày nay vì không đủ duyên nhiều đời nên phải đi thứ tự từ thấp lần lên. Nếu chúng ta có ý chí, có quyết tâm, thì chúng ta cũng đến nơi đến chốn được vậy.

Nên biết, minh tâm chính là mái chèo trí tuệ trong biển sanh tử. Kiến tánh chính là thuốc hay trong bệnh phiền não.

Hai câu này hết sức quan trọng.

Minh tâm chính là mái chèo trí tuệ trong biển sanh tử. Con thuyền đi trong biển sanh tử nếu không có mái chèo, đó là nói theo ngày xưa, còn bây giờ phải nói là nếu không có máy nổ thì sẽ bị sóng gió dồn dập, chắc không bao giờ đến được đích. Muốn đến được đích phải có mái chèo, mới chèo con thuyền đưa mình đi đến nơi tức là ra khỏi sanh tử. Như vậy minh tâm là thấy tột được lẽ thật của tâm mình, biết cái nào vọng cái nào chân, đó là cái gốc để đưa mình vượt ra khỏi biển sanh tử. *Kiến tánh chính là thuốc hay trong bệnh phiền não.* Ở trên là trong biển sanh tử, ở dưới là trong bệnh phiền não, lý đáng phải nói trong rừng phiền não, vì nói bệnh phiền não nó không hợp với chữ biển sanh tử. Kiến tánh chính là thuốc hay trong rừng phiền não. Bởi phiền não đối với chúng ta quá nhiều, nếu mình không kiến tánh thì không biết chừng nào mới sạch hết rừng phiền não này. Nếu phiền não không sạch thì không bao giờ chúng ta

thoát khỏi sanh tử. Như vậy muốn trị bệnh phiền não phải nhờ kiến tánh, muốn ra khỏi biển sanh tử phải nhờ minh tâm. Nhưng tại sao kiến tánh trị bệnh phiền não? Nếu tất cả buồn thương giận ghét là chúng ta, thì chúng ta sống với tâm nào? Nghĩa là nếu không có nghĩ tưởng suy tính thì đâu có buồn thương giận ghét. Buồn thương giận ghét là do cái nghĩ tưởng suy tính, đó là sống với tâm vọng. Bởi sống với tâm vọng nên chúng ta sanh ra tất cả các thứ phiền não. Ngày nay chúng ta kiến tánh tức là nhận ra được bản tánh hay nhận ra được tâm chân thật trùm khắp, thì chúng ta đâu có suy tính nghĩ tưởng nữa mà còn phiền não, cho nên mới trị được bệnh phiền não. Như vậy người tu muốn ra khỏi sanh tử thì nhờ minh tâm, muốn sạch hết phiền não phải nhờ kiến tánh.

Nếu như sau khi được minh tâm kiến tánh rồi, lúc đó mới dùng cảnh giới trị sạch tự tâm, dùng tinh tấn làm cho tự tâm kiên cố, dùng nhẫn nhục làm cho tự tâm phẳng lặng, dùng giác chiếu làm cho tự tâm trong sạch, dùng trí tuệ làm cho tự tâm bén nhạy sáng suốt, dùng tri kiến Phật làm cho tự tâm mở bày, dùng bình đẳng Phật làm cho tự tâm rộng lớn.

Ngài dạy sau khi chúng ta tu được minh tâm kiến tánh rồi, đừng nghĩ ngang đó là xong, mà còn phải *dùng cảnh giới trị sạch tự tâm.* Dùng cảnh giới trị sạch tự tâm là sao? Như ở trên đã nói, không có cảnh ở ngoài tâm, cũng như không có tâm nào ngoài cảnh, cảnh tức là tâm nên thấy cảnh tức là thấy tâm. Lúc đó tâm mình đâu có duyên lự mà làm cho phiền não, cho nên nói "dùng cảnh giới trị sạch tự tâm".

Dùng tinh tấn làm cho tự tâm kiên cố. Tuy rằng đã minh tâm kiến tánh mà vẫn phải tinh tấn để cho tâm càng kiên cố, chứ không phải nói minh tâm kiến tánh rồi đi nói dóc cho nhiều, thấy đó là tốt, là đủ rồi, mà phải luôn luôn tinh tấn. Nhưng tinh tấn không cũng chưa được mà phải *dùng nhẫn nhục làm cho tự tâm phẳng lặng*. Nghĩa là dù cho mình có minh tâm kiến tánh nhưng nếu có ai biết, họ muốn chọc phá chơi nên nói: "Thầy đó nói dóc chứ minh tâm kiến tánh gì, nói để lòe thiên hạ, lừa bịp thiên hạ vậy thôi." Nghe họ nói như vậy rồi mình dấy phiền não lên, tâm mình bị xáo động. Cho nên mặc kệ họ nói gì, chê gì mình vẫn nhẫn nhục bỏ qua hết thì tâm mình mới phẳng lặng, mới yên ổn. Nếu không khéo, tâm mình cũng sôi động lên rồi cũng phiền não. Như vậy tuy minh tâm kiến tánh mà vẫn phải "dùng nhẫn nhục làm cho tự tâm phẳng lặng".

Dùng giác chiếu làm cho tự tâm trong sạch. Như thấy cảnh, thấy người mà có những gì làm cho mình hơi bận rộn thì phải giác chiếu rõ ràng cảnh không thật, người không thật, không ngoài tâm mình có, luôn luôn nhắc như vậy khiến cho tự tâm mình trong sạch, không nhiễm, không nhơ. *Dùng trí tuệ làm cho tự tâm bén nhạy sáng suốt.* Lúc nào cũng dùng trí để quán chiếu, nhìn sự vật, không nên bỏ cho nó lu mờ. *Dùng tri kiến Phật làm cho tự tâm mở bày.* Phải nhận ra nơi mình có tri kiến Phật, mà thấy được mình có tri kiến Phật thì tâm mình càng mở bày, càng rộng. *Dùng bình đẳng Phật làm cho tự tâm rộng lớn.* Tâm Phật là tâm bình đẳng rộng khắp,

cho nên nhờ tâm bình đẳng này mà lần lần tâm mình càng mở rộng, không bị hạn cuộc.

Nếu sáng tỏ được tâm này, thì chóng vượt khỏi sanh tử, viên chứng Niết-bàn. Nếu người nào sáng tỏ được tâm này tức là tâm thênh thang rộng lớn bất sanh bất diệt, thì người đó chóng vượt khỏi sanh tử, đều viên chứng Niết-bàn, tức là tròn chứng được quả vị Niết-bàn. *Nếu mê mờ tâm này thì luân hồi mãi mãi, bỏ mất tánh chân.* Nếu người nào đối với tâm chân thật của mình mà mê mờ không biết, thì người đó phải luân hồi mãi mãi, người đó bỏ mất tánh chân thật của chính mình. *Cho nên trọn chẳng ra ngoài tâm này.* Rốt cuộc chẳng ra ngoài tâm này. *Nếu lìa tâm này thì không riêng có huyền diệu vậy. Về sau, dù có công phu thứ lớp, chẳng qua chính là thành tựu "cái ấy" mà thôi.* Nếu rời tâm chân thật của chính mình thì không có cái gì gọi là huyền diệu hết. Về sau dù công phu thứ lớp mình tu để tiến, nhưng rốt cuộc tiến đến chỗ cuối cùng chỉ là cái tâm này thôi chứ không có gì khác. Đó là chỗ rõ ràng.

Những lời trên đây chính là phương pháp tu hành, là yếu thuật thành tiên chứng thánh, là cửa tròn đủ vào đạo, vào đức. Đây tôi thấy ngài Quảng Trí nói rất rõ, nhưng lâu lâu ngài cũng thích tiên một chút, chứ lẽ ra thì thành Phật chứng thánh hay thành Bồ-tát chứng thánh, còn ngài nói thành tiên chứng thánh. Bởi ngày xưa ảnh hưởng đạo Nho, đạo Lão nhiều. Như vậy những lời trên đây tức là lời chỉ thẳng cho chúng ta đường lối tu thấu suốt tâm tánh, đó là yếu thuật cho mình thành Phật, thành tổ, là cửa tròn đủ vào đạo đức.

Xưa ngài A-nan nhớ giỏi không sót điều gì (đa văn tổng trì) nhưng trải nhiều năm mà chẳng lên được thánh quả. Khi dừng duyên chiếu soi trở lại, liền chứng vô sanh. Bởi tâm phàm phu trọn ngày cứ chạy ra ngoài, thì mỗi lúc càng xa, càng trái đó thôi.

Đến đây ngài nhắc chúng ta biết tu là phải quay lại, phải nhìn sâu tận ở nơi mình, chứ không nên chạy ra ngoài. Vì vậy ngài mới dẫn: *Xưa ngài A-nan nhớ giỏi không sót điều gì (đa văn tổng trì).* Như trong kinh diễn tả Phật thuyết pháp ngài A-nan nghe, giống như nước trong bình này rót qua bình kia, không rơi ra ngoài một giọt. Rót bình này bao nhiêu qua bình kia đủ bấy nhiêu không mất một giọt. Như vậy sức nhớ của ngài thế nào? Nghĩa là Phật nói bao nhiêu ngài nghe hết bấy nhiêu không sót một chữ nào. Vậy mà nhiều năm cũng không chứng được quả A-la-hán. Ngài thông minh thế ấy mà cũng không chứng quả là tại sao? Bởi vì cái đó chỉ nhận bên ngoài chứ không quay về mình. Đến khi Phật nhập Niết-bàn, ngài Ca-diếp mới đứng ra triệu tập năm trăm vị chứng quả A-la-hán đến, để đọc những lời Phật dạy kết tập kinh điển lần thứ nhất. Khi triệu tập lại, các ngài đồng ý cử A-nan nói lại những bài pháp của Phật. Chỗ này có người đã nghi, bởi vì nói rằng ngài A-nan thuyết lại những lời của Phật dạy từ đầu đến cuối, nhưng thật tình khi Phật thành đạo thì ngài A-nan mới sanh, tên là Khánh Hỷ, nghĩa là mừng. Vậy Phật thành đạo rồi đi thuyết pháp đã lâu ngài A-nan mới được theo, như vậy khoảng trước đó ngài A-nan không có mặt làm sao ngài nghe được. Nhưng trong kinh có câu chuyện thế này.

Khi chọn người làm thị giả thì lúc đó Phật đã yếu rồi, nên các vị đệ tử lớn mới đề nghị, nay Thế Tôn đã lớn tuổi, đi đứng một mình cũng khó khăn, phải có người giúp đỡ. Vậy phải chọn người làm thị giả. Khi ấy ngài Mục-kiền-liên, ngài Xá-lợi-phất đều xin Phật làm thị giả, nhưng Phật đều từ chối nói các ông có thể còn yếu hơn tôi nữa. Cuối cùng các vị đề nghị ngài A-nan làm thị giả thì Phật chịu. Phật chọn ngài A-nan làm thị giả, vì lúc đó ngài mới hai mươi lăm tuổi. Nhưng khi hỏi A-nan thì ngài không chịu vì ngài bảo tôi chưa thông suốt những gì Phật dạy. Nếu Phật muốn dùng tôi làm thị giả thì xin cho tôi năm điều chấp thuận tôi mới làm. Trong năm điều đó có một điều là những bài kinh đức Phật đã nói trước mà tôi chưa được nghe, nay xin Phật nói lại cho tôi nghe, tôi mới chịu làm thị giả. Vì vậy sau này những lời kinh mà Phật đã nói trước đều nhắc lại cho ngài A-nan nghe, nên khi kết tập mới đầy đủ, chứ mỗi người nhớ một ít thì làm sao gom lại hết được. Bởi lẽ đó là phương tiện ngài A-nan nghĩ đến việc kết tập kinh điển sau này nên ngài xin Phật có điều kiện. Chúng ta thấy đối với ngài A-nan là một con người thông minh mà tu đến khi Phật nhập Niết-bàn ngài chưa chứng quả A-la-hán. Như vậy chỉ nhớ lời Phật, không thể chứng được đạo, vì lời Phật ở ngoài mà mình nhớ, thì cái nhớ đó chỉ giỏi về văn tự chứ không thể chứng đạo. Khi các vị trong buổi họp đề cử ngài A-nan phải kết tập kinh, tức là thuật lại các bài kinh Phật đã nói ngài nghe và thuộc, nhưng có một số vị trong đó có ngài Ca-diếp không đồng ý. Bởi vì ngài A-nan lúc đó chưa chứng quả A-la-hán, nên không cho vào trong hội. Khi ấy ngài A-nan tủi quá, vì ngài thuộc hết

kinh Phật nói mà không được dự kết tập. Buồn quá, ngài đi vào núi trong một động ngồi thiền suốt đêm, đến khuya ngài chứng quả A-la-hán. Sáng ra tất cả những vị được dự họp vào trong hang núi Kỳ-xà-quật rồi đóng cửa hang lại. Ngài A-nan đến sau gõ cửa xin cho vào, ngài Ca-diếp trở ra nói, nếu ông chứng A-la-hán thì tự vào, cần gì phải mở cửa. Lúc bấy giờ ngài A-nan mới dùng thần thông để qua được cửa hang. Như vậy chúng ta thấy rõ trong hội kết tập lần đầu chỉ toàn là bậc A-la-hán, không có người phàm phu nào chen vào. Ở đây dẫn để thấy rằng dù bao nhiêu năm ngài A-nan theo Phật, học nhớ hết mà không chứng quả, chỉ một ngày đêm ngồi quay lại liền chứng A-la-hán. Như vậy mình thấy giá trị của người học và của người tu khác nhau chỗ nào. Bởi vì học là cái mình lượm lặt ở ngoài, mà tôi thường gọi là hữu sư trí, còn ngồi lại định tâm để trí vô sư phát ra, mà trí vô sư là trí chân thật cho nên chứng quả chứ không có gì lạ. Thế nên người ngồi tu cảm thấy như mình dốt, mà thật có dốt không? Nếu chứng quả thì đâu có dốt. Có ông Phật, hay A-la-hán nào không biết thuyết pháp không? Chỉ sợ tu không thành Phật, không chứng quả A-la-hán thôi. Nếu chứng quả A-la-hán hay thành Phật thì nói cái gì cũng thành pháp hết. Còn đi học, học mãi không biết bao giờ xong, học ông này rồi học ông kia, học triết đông lại sang triết tây, học đủ thứ, học suốt đời cũng không rồi, mà không chứng gì hết. Còn ở đây ngồi tu, chỉ cần quay lại tìm cho ra cái gì thật mình, tìm ra được cái đó thì chứng quả, mà chứng quả rồi nói cái gì cũng thành pháp cả. Như vậy cái nào gần hơn. Nói thế không có nghĩa là xúi đừng đi học.

Khi dừng duyên chiếu soi trở lại, liền chứng vô sanh. Chứng vô sanh là chứng A-la-hán. Ngài A-nan chỉ dừng duyên chiếu soi trở lại trong một đêm là chứng được A-la-hán. *Bởi tâm phàm phu trọn ngày cứ chạy ra ngoài, thì mỗi lúc càng xa, càng trái đó thôi.* Đó là điều đáng thương. Tâm phàm phu trọn ngày cứ chạy ra ngoài, còn chúng ta trọn ngày có chạy ra ngoài hay trọn ngày xoay vô trong. Nếu tăng ni thời nay không bắt ngồi thiền thì cũng khó mà xoay trở lại phải không? Vì vậy ở đây khắt khe một chút là bắt ngày đêm phải sáu giờ xoay lại. Giờ đó muốn thấy cũng không thấy gì, muốn nghe cũng không nghe được gì, buộc phải xoay lại để phản chiếu. Nếu còn chạy ra ngoài thì càng chạy càng xa, càng xa càng trái mất cái chân thật của mình, rồi không biết chừng nào biết quay lại, chừng nào thấy được chính mình mới là quan trọng.

Là bậc học đạo, chẳng lo gì không thành tựu, chỉ lo chẳng siêng năng. Câu này ngài khuyến khích người học đạo. Học đạo chẳng lo gì không thành tựu, mà lo chẳng siêng năng. Ở đây có cái bệnh muốn cho thành tựu, muốn làm sao được ngộ đạo, làm sao được chứng quả mà không chịu cố gắng tu. Như vậy mong muốn đó có hão huyền không? Cho nên điều căn bản là phải siêng năng, cần mẫn là trên hết. Phải siêng năng cần mẫn thì tất cả công phu tu hành để đạt đạo sẽ đến. Không siêng năng cần mẫn dù cho có mong mỏi cũng vô ích.

Nếu hay ròng rặc và siêng năng, thì chưa có ai tham thiền mà chẳng ngộ. Chúng ta phải nhớ câu này cho kỹ.

Giả sử lập chí chẳng vững, niềm tin đạo chẳng mạnh, sớm làm chiều lại đổi thay, mới đầu siêng năng đến giữa chừng thì buông nghỉ, thích trong chốc lát, lại chán với thời gian lâu dài.

Đây là nói bệnh của những người tu hiện nay. Lập chí thì chông chênh chưa vững, niềm tin đạo thì chẳng mạnh, chí không vững, tin không mạnh. *Sớm làm chiều lại đổi thay.* Sáng làm ra vẻ hăng hái lắm, tính ngày nay mình tu thật hay, tu thật giỏi. Nhưng sáng tính như vậy mà chiều ôm bồ đoàn lên rồi thôi kệ tu từ từ có gấp gì phải không? *Mới đầu siêng năng đến giữa chừng thì buông nghỉ.* Ban đầu thì siêng lắm, đến nửa chừng thì thả trôi.

Thích trong chốc lát, lại chán với thời gian lâu dài. Nếu tu chừng ba bữa đạt đạo thì hăng lắm, nhưng nói mười năm, hai mươi năm thì ngán quá, nên đó là một bệnh. Như vậy trên đường tu muốn thành công chúng ta phải ngược lại những điều này. Nghĩa là phải lập chí cho vững, niềm tin đạo phải cho mạnh, sớm chiều đều như một không đổi thay, mới đầu siêng cuối cùng cũng vẫn siêng, dù nói thời gian bao lâu cũng không chán. Được như vậy chúng ta sẽ thành công.

Như thế mà mong mỏi được cùng làm bạn với chư tổ, thật là ngông cuồng thay! Lời nhắc nhở này thật là quý giá để cho chúng ta tu. Muốn sánh vai với chư tổ thì chúng ta phải làm những điều ngược lại bệnh ở trên. Nếu mang bệnh đó mà đòi ngang hàng với chư tổ là điều ngông cuồng không bao giờ có.

Một pháp mới điều phục này, tạm trình bày ít lời, để lại cho người đồng chí hướng soi rọi. Đây ngài nói pháp mới điều phục này ngài tạm trình bày chút ít để người đồng chí hướng tu hành ráng soi lại cho kỹ. *Được vậy, mới mong chẳng rơi vào không, kẹt theo tà kiến, thì pháp môn rất là may lắm! Mà tôi cũng may lắm!* Nếu người nghe những lời trình bày này mà soi rọi được sáng tỏ, tu hành được tiến bộ thì mới không rơi vào không, không kẹt vào tà kiến. Không rơi vào không, không kẹt vào tà kiến thì pháp môn này rất là may lắm, mà tôi (ngài Quảng Trí) cũng may lắm, vì đã giúp đỡ và chỉ bảo cho người khỏi lạc lầm. *Chỉ một bài điều phục trâu này, đại khái là như vậy, học giả cần biết rõ. Nói xong!* Như vậy bài này chưa nói gì đến trâu, ngài chỉ phác họa cho chúng ta biết việc chuẩn bị điều phục trâu phải có những tư cách như thế này.

LUẬN THẲNG VỀ MỚI ĐIỀU PHỤC

Xét bởi, tình trần từ bao thuở, biển ái trong nhiều đời. Giống hệt hoa rêu bám vào kiếm, tựa bùn nhơ nuốt hòn ngọc; không có đá mài thì chẳng nhả ra, trừ bỏ bợn nhơ thì mới sáng soi. Muốn được tâm thanh tịnh, không gì hơn là sạch hết cấu uế. Người ngộ cần luôn giác quán, kẻ mê siêng gia công chiết phục. Còn như đối với gông cùm tham ái, cũng phải hết lòng miên mật suốt cả năm tháng. Nên Khổng Tử nói: "Khốn cùng mà chẳng chịu học, đây là hạng thấp kém vậy." Tất cả bậc hiền thánh đều xứng với tâm mà làm. Pháp tánh không bờ mé, biển hạnh khó đo lường. Vì vậy, hoặc trong một sát-na hành đủ vô số kiếp, hoặc hằng hà sa kiếp chưa hết một niệm. Đều bởi người có hiền ngu, căn cơ có lợi độn, mà ngộ có chậm mau vậy. Hoặc đã ngộ nhập thôi dứt quá sớm, trí chẳng vào tới đạo vi diệu, thì khó thắng nổi tập khí. Nếu một niệm chẳng hết sạch, tức là cội gốc sanh tử, sẽ bị gió nghiệp lôi đi,

trở lại vào trong bào thai thân sau. Như Tô Đông Pha là thân sau của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh trở lại làm Lỗ Công. Sau khi đã tạo nên cái nhân thì theo duyên mà lưu chuyển. Nên nói: "Đạo có tiêu mà không có lớn, nghiệp có thêm mà không có bớt." Hoặc kẻ có duyên sâu với Bát-nhã chẳng rơi vào ba đường dữ mà ra thai vào thai cũng rất khổ nhọc. Huống chi người thời mạt pháp hiện nay, căn khí phần nhiều thấp kém, nhân vì khó khổ mà đi xuất gia, phát tâm đã không chân chánh, công phu lại chẳng tinh thuần. Một phen tình cờ ở nơi cơ phong của Phật tổ hiểu biết được ngôn ngữ, hoặc ngộ được chỗ xưa nay thành Phật, chỗ ngay đó tức phải, chỗ ý thức nghĩ chẳng đến, ngôn ngữ nói chẳng kịp, chỗ tất cả chẳng thể được, tức cái chẳng thể được cũng chẳng thể được, đem hòa hội với câu nói của người xưa thảy đều tương tợ. Đã được cái hiểu tương tợ, liền tỏ vẻ lạ lùng nói: "Rong ruổi tìm kiếm đã thôi dứt, ta là đạo nhân vô sự." Biết được phiền não là huyễn, thì cứ buông tình để cho phiền não tự do. Biết được tu hành vốn không, liền thả ý để làm hư hỏng việc tu hành. Bảo rằng bố thí vốn không, trái lại bỏ bố thí mà giữ lấy keo kiết. Bảo rằng nhẫn nhục vốn không, trái lại thuận theo tình mà bỏ nhẫn. Hoặc nói đến giới thì nói: "Vốn không trì phạm, cần gì trọng trì mà khinh phạm." Hoặc nói đến thiền thì nói: "Vốn không định loạn, cần gì bỏ loạn mà giữ lấy định." Thuận theo tình ý, bàn luận có không. Hãy nói, lửa yêu ghét, khen chê vừa chạm đến liền bốc cao, gió sanh già bệnh chết

thổi nhẹ qua đã động, tranh nhân tranh ngã, nói phải nói quấy. Đến nỗi lấy tánh nóng làm khí phách, lấy ngã mạn làm thừa đương, lấy xảo quyệt làm cơ dụng, lấy vọng ngữ làm phương tiện, lấy buông lung làm du hý, lấy lời thô làm gỡ dính, ca ngợi kẻ phá giới luật không có công hạnh gì, khinh lờn bậc mẫu mực có thực hành. Chỉ nghiêng về một bên lý, nên đối với chỗ cùng huyền cực diệu (chỗ tột của đạo), không có dấu vết gì. Dứt bỏ sạch bên cửa thực hành, nên buông thả tâm ý, không còn quy củ. Miệng nói niệm Phật, tụng kinh, lễ lạy là Tiểu thừa chấp tướng; dạy người tu tập, còn chính mình thì ngồi chơi. Hoặc suốt năm chẳng lạy một vị Phật, chẳng một lần lễ sám hối, chẳng tụng một bộ kinh. Trái lại, những sách vở thế gian không cần thiết thì ghi chép, hạnh người tu không nên làm việc thế tục mà làm, xưng là bác học. Khinh rẻ quả Phật chẳng chịu tu, cũng không cần làm một chút điều lành. Khiến cho trẻ nhỏ hậu sanh ra vẻ thông minh, chỉ tìm kiến giải, vừa có chỗ hiểu biết liền cho là một nhảy thẳng vào, còn gì phải nói. Rồi ngông cuồng ngạo mạn, cống cao trừng trợn, miệng nói bừa bãi, thân không chọn bạn. Chẳng nghĩ đến tình dục thế gian vẫn đầy tràn không ngằn mé, thế nào lại dùng lời hoạt bát mà phá vỡ cửa nhân quả! Tự lầm làm lầm mọi người, đâu tránh khỏi bị chìm đắm. Nếu chẳng bị ma thâu nhiếp, nhất định phải đọa mãi nơi tam đồ, chịu cảnh núi đao rừng kiếm để đền lại cái nhân trước kia, và mang lông đội sừng để đáp trả cái quả sau đó.

Chớ nói "Ta là người đã giác xong, giải ngộ rồi, nghiệp không thể trói buộc." Nói nghiệp không thể trói buộc, chẳng phải nói có mà thành không, chính do không mà tự không. Sống đã theo cảnh liền động, khi chết làm sao chẳng theo nghiệp thọ sanh? Nên nói: Trước mắt một niệm hiện tướng sân, chính là hình ảnh con rắn dữ. Trước mắt một niệm hiện tướng tham, chính là giống nòi ngạ quỷ. Cái nhân niệm không hình tướng thì rất nhỏ, mà quả báo có hình tướng lại rất lớn. Sự nhỏ nhiệm của một niệm được giữ gìn trong ruộng thức, dù trải qua ngàn muôn kiếp vẫn không mất. Nên cổ đức nói: "Bậc hiền triết ngày trước chí to tát, tâm tinh thuần, xét lý miên mật không quên một thời khắc nào, ngầm thực hành thần linh cũng khó lường; sớm tối như đi vào vực sâu, đạp trên băng mỏng, hẹn kỳ chứng ngộ, thì tự nhiên đủ cứu được mình; trọng thật chẳng trọng rỗng, quý làm mà chẳng quý nói, đi qua có mà chẳng trụ có, thực hành không mà chẳng kẹt không; từ điều thiện nhỏ mà chứa thành công đức thù thắng nương cái nhân tí xíu mà được thành cái quả to lớn." Huống lại, người hiện nay vô minh phiền não hừng mạnh còn nguyên, mà muốn đem cái kiến giải tương tợ để làm tiêu hết nghiệp dữ kia, mong ra khỏi tam đồ, thật không có lẽ đó. Nhằm giúp cho hạng người này, chẳng thể lấy chút ít cho là đủ, thường theo như lời nói mà tu hành, trọn chẳng đuổi theo hạng thiền trên đầu môi.

Nếu đem chỗ thấy hiểu tương tợ mà lo nói cho sướng miệng, thì như trùng đục cây ngẫu nhiên

thành chữ, hay tợ con chim học nói rỗng, hoàn toàn không có ý nghĩa gì. Phiền não đã chẳng bớt, ngã mạn lại thêm cao. Đó là chấp bậy tà không, chẳng phải khéo đạt pháp thể. Huống một mạch sống nơi cửa ngộ hiện nay, tuy nói là chẳng dứt, mà bậc thiền học ở Trung Quốc như lúa, mè, tre, lau nhưng người được diệu ngộ có mấy người? Như nói từ đời Đường, Tống trước kia đến nay có vài ba vị cư sĩ tại gia, lối đi ngay thẳng đáng dùng để lưu thông pháp này. Song đã là cư sĩ thì chẳng đồng với hàng Sa-môn Thích tử, còn có giới luật giữ chặt mình, mới đem thân vào trong nhà lửa, đưa tâm vào biển phiền não. Còn họ tuy thông thạo việc đời, hoặc có kẻ bên trong loáng thoáng được một cửa vào, nhưng đạo lực rất cạn. Hoặc có kẻ giỏi tài văn chương, rất mực phong lưu như Hoàng Lỗ Trực, Bạch Lạc Thiên, Tô Tử Chiêm; học đạo như Hồ Khang Hầu, Trương Tử Thiều... đều được xếp vào Truyền Đăng. Nói chung nhóm người trên đây, chưa nói là được tất cả vô ngại. Huống nữa, với kẻ cuồng giải thời nay, kẹt danh chấp tướng, chính là phàm phu hữu lậu, nếu bài bác nhân quả, thì đúng là hạng ngoại đạo chấp không.

Hoặc có kẻ, tự mình chướng sâu tuệ cạn, thầy truyền dạy cho mà chẳng sáng, bị tà nhập đến tận xương tủy, bỏ mất chân thật.

Hoặc có kẻ, giới pháp sơ sài, cương thường lộn xộn, phạm đến những điều ngăn cấm.

Hoặc có kẻ, giáo lý chưa sáng tỏ, bàn bậy nghĩa sai lầm, rơi vào ngoại đạo.

Hoặc có kẻ, hạnh nguyện đều chẳng tu, mê mờ vào nẻo tà, đọa nơi chấp trước của ma.

Than ôi! Muốn cho người không mê lầm thật khó! Tôi tuy không phải người mẫn tiệp mà thật tình thương xót họ lắm! Song tôi cũng đành chịu vậy thôi! Người xưa nói: "Nắm tay kéo người đi chẳng được, chỉ người tự chịu đi mới tương ưng." Nên tổ Quy Sơn mở ý cho rằng: "Kính mong hãy dấy chí quyết liệt, mở lòng thông suốt, động dụng cần nhìn lên bậc trên, chớ chuyên theo hạng tầm thường. Đời nay phải quyết đoán ngay, toan tính chẳng do người khác." Hoặc chỗ phồn hoa, huyên náo phải tránh xa; hoặc chỗ quán rượu, lầu ca, chỗ ân nghĩa quen thuộc dạo chơi, chỗ thi đàn, văn xã, hơn thua chữ nghĩa, chỉ trích xưa nay, so sánh hay dở; hoặc chỗ đạo học giảng nói đâu đâu không ý nghĩa gì, chỗ nhà nghĩa giải đua tranh danh tướng, khoe khoang tiểu trí, chỗ cuồng giải về tông thừa, vọng bàn đốn ngộ mà xem thường giới luật, mỗi mỗi đều phải tránh xa. Vì sao? Vì những nơi đó làm cho rối đạo, cùng với ma khác gì. Tránh xa những chỗ như trên thì tất cả đạo nghiệp sẽ thành tựu xong.

Lại người xưa cũng nói: "Tất cả cơ ngộ, chẳng phải bạn lành thì chẳng phát được. Tất cả pháp ác, chẳng phải bạn lành thì chẳng ngăn dừng được." Như nhà Nho nói: "do văn mà gặp bạn, do bạn mà giúp cho lòng nhân", là ý đó. Ví như tánh gió tuy rỗng, từ rừng chiên-đàn thổi mùi hương tới, thì gió có mùi

thơm lạ; hoặc do thổi qua đám phân nhơ mà bay tới, thì gió liền hôi thúi. Với bạn thì cũng như vậy. Do đó người tu hành tìm bạn, phải phân biệt thật kỹ giữa nhơ và sạch: Một là bạn bè ở chốn rừng núi thảnh thơi, vì hay ngăn được tâm nóng bức. Hai là bạn bè giữ kỹ giới luật, vì hay lợt lạt về ngũ dục. Ba là bạn bè trí tuệ rộng lớn, vì hay ra khỏi bến mê. Bốn là bạn bè nhớ giỏi hiểu rộng, vì hay giải quyết những nghi ngờ nạn vấn. Năm là bạn bè sống yên vắng khắc khổ, vì hay nương nhờ để tiến thủ. Sáu là bạn bè khiêm hạ nhẫn nhục, vì hay làm tiêu mòn ngã mạn. Bảy là bạn bè lòng thẳng nói ngay, vì hay đè bẹp các lỗi. Tám là bạn bè dõng mãnh tinh tấn, vì hay thành tựu đạo quả. Chín là bạn bè xem nhẹ của cải ưa bố thí, vì hay phá lòng keo kiệt to. Mười là bạn bè nhân từ che trùm các vật, vì hay xô dẹp những chấp ngã nhân.

Nếu không có bạn trong sạch như thế, tức phải lui về ở một mình, tự lo cho xong đạo nghiệp. Dùng tượng Phật làm thầy, dùng kinh luận làm bạn, ngoài ra những kẻ đùa chơi khác, thà dứt tuyệt chớ kết giao. Như vào trong vườn, dù không có hoa đẹp, cũng chẳng trồng thứ cỏ hôi, không ích gì cho tâm thưởng ngoạn, chỉ luống thêm sự chán ghét thôi. Nên hòa thượng Vĩnh Minh nói: "Thân ở trong biển khổ, cậy có thiết La-hán. Đã ra khỏi biển khổ, thì bỏ bè lên bờ kia." Nên nói: "Nếu người bên trong mang thánh thai thì nói ra lời quả cảm, khác thường, lời nói không do dự."

Hoặc giả có người xem qua luận này, cho lời tôi nói là xác đáng, thì chóng nên ăn năn sửa đổi, sanh lòng rất hổ thẹn, phát đại dõng mãnh, tự nhận gánh vác lấy. Đời nay chẳng rõ xong, còn đợi đến bao giờ? Nên nói: "Từ phàm vào thánh chưa có ai chẳng tu mà được." Nếu muốn sáng được việc trên bổn phận, đời nay chẳng nhận lấy xong xuôi, thì hãy xem văn dưới đây, giải thẳng mười bài tụng rành rẽ cả đầu đuôi.

Giảng:

Xét bởi, tình trần từ bao thuở, biển ái trong nhiều đời. Giống hệt hoa rêu bám vào kiếm, tựa bùn nhơ nuốt hòn ngọc; không có đá mài thì chẳng nhả ra, trừ bỏ bợn nhơ thì mới sáng soi.

Người mới điều phục phải thế nào? Phải nhớ rằng: *tình trần từ bao thuở, biển ái trong nhiều đời*, chúng ta dính mắc với trần cảnh không biết từ bao giờ, lặn chìm trong biển ái không biết bao nhiêu kiếp. Như vậy tình trần biển ái làm đắm chìm chúng ta từ bao thuở bao đời. *Giống hệt hoa rêu bám vào kiếm, tựa bùn nhơ nuốt hòn ngọc; không có đá mài thì chẳng nhả ra, trừ bỏ bợn nhơ thì mới sáng soi.* Đây dùng thí dụ: Như cây kiếm bén để dưới sông dưới biển lâu ngày bị rêu bám vào, thì kiếm còn bén không? Như hòn ngọc sáng bị lấp dưới vũng bùn, thì ngọc còn sáng không? Cho nên tuy có kiếm bén, tuy có ngọc quý nhưng kiếm bén bị rêu bám, ngọc quý bị bùn phủ, thì đều không có giá trị. Cần phải có đá mài thì kiếm mới nhả hết rong rêu, cần phải gạt bỏ bùn đất thì hòn ngọc mới sáng. Cũng thế, người tu tuy nhận ra

nơi mình có tánh thật, có tâm chân, nhưng nếu không khéo tu, không khéo mài giũa thì tánh thật tâm chân giống như kiếm bén bị hoa rêu bao phủ, như ngọc quý bị bùn nhơ nuốt lấp.

Muốn được tâm thanh tịnh, không gì hơn là sạch hết cấu uế. Ở đây nói rất là cụ thể, nghĩa là cái thanh tịnh với cái cấu uế không có dung nhau. Nếu trong tâm đầy cấu uế thì không thanh tịnh. Muốn thanh tịnh thì phải sạch hết cấu uế. Cấu uế tức là tâm điên đảo vọng tưởng của mình. *Người ngộ cần luôn giác quán, kẻ mê siêng gia công chiết phục.* Người đã ngộ được bản tánh rồi, cũng cần phải luôn luôn giác quán, kẻ còn mê chưa ngộ thì phải siêng năng gia công chiết phục những vọng tưởng của mình. *Còn như đối với gông cùm tham ái, cũng phải hết lòng miên mật suốt cả năm tháng.* Bệnh tham ái của con người giống như gông cùm, nó xiềng xích không cho mình tự do. Muốn dẹp nó thì phải miên mật tu hành suốt cả năm tháng, nên ngài dẫn lời của Khổng Tử: *Khốn cùng mà chẳng chịu học, đây là hạng thấp kém vậy.*

Tất cả bậc hiền thánh đều xứng với tâm mà làm. Những bậc hiền thánh, tâm như thế nào thì các ngài ứng dụng thực hành đúng như thế ấy, gọi là xứng với tâm mà làm. *Pháp tánh không bờ mé, biển hạnh khó đo lường.* Pháp tánh của mọi loài chúng sanh thênh thang không bờ mé. Cho nên người tu phải dùng công hạnh nhiều như biển không thể lường được mới có thể phù hợp.

Vì vậy, hoặc trong một sát-na hành đủ vô số kiếp, hoặc hằng hà sa kiếp chưa hết một niệm. Đều bởi người

có hiền ngu, căn cơ có lợi độn, mà ngộ có chậm mau vậy. Có những vị đã làm Bồ-tát hạnh nhiều đời, cho nên khi ra đời chỉ trong chốc lát có thể hành đủ vô số kiếp. Có người hành vô số kiếp cũng chỉ bằng trong một niệm của người. Tại sao? Bởi vì người có hiền có ngu, căn cơ có lợi và độn, nên khi ngộ khi hành có chậm và mau. *Hoặc đã ngộ nhập thôi dứt quá sớm, trí chẳng vào tới đạo vi diệu, thì khó thắng nổi tập khí.* Đây ngài nói riêng những người đã ngộ đạo rồi, nhưng chưa sạch hết tập khí, mà ngang đó tự thấy mình đủ, nên thôi dứt quá sớm, tức là bỏ không hành công phu nữa. Thế nên trí chưa tới chỗ vi diệu, thì khó thắng nổi tập khí, bị tập khí lôi đi không làm chủ được. *Nếu một niệm chẳng hết sạch, tức là cội gốc sanh tử, sẽ bị gió nghiệp lôi đi, trở lại vào trong bào thai thân sau.* Người nào ngộ rồi mà thôi dứt quá sớm, trí không vào tới chỗ đạo vi diệu thì không chống đỡ nổi tập khí. Nếu trong tâm còn một niệm chưa hết sạch, đó tức là cội gốc sanh tử. Còn cội gốc sanh tử thì sẽ bị gió nghiệp lôi đi, trở lại vào trong bào thai thân sau.

Đến đoạn này, ngài dẫn:

Như Tô Đông Pha là thân sau của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh trở lại làm Lỗ Công. Sau khi đã tạo nên cái nhân thì theo duyên mà lưu chuyển. Nên nói: Đạo có tiêu mà không có lớn, nghiệp có thêm mà không có bớt.

Ngài giải thích: Nếu ngộ đạo mà chưa tới chỗ cứu cánh sạch hết muôn niệm thì cũng vẫn còn phải tái sanh. *Như Tô Đông Pha là thân sau của Ngũ Tổ Giới.*

Trong nhà thiền hay nói ông Tô Đông Pha đời Tống là thân sau của Ngũ Tổ Giới, tức là thiền sư Giới ở núi Ngũ Tổ[1]. Ngũ Tổ Giới ngộ đạo rồi mà chưa sạch niệm, cho nên phải tái sanh làm Tô Đông Pha.

Ông Tô Đông Pha làm quan nội hàn, tên là Tô Thức, tự là Tử Chiêm nổi tiếng văn hay đời Tống, sau ông cũng ngộ đạo và tu. *Thảo Đường Thanh trở lại làm Lỗ Công.* Thảo Đường Thanh tức là thiền sư Thiện Thanh ở Thảo Đường trở lại làm Lỗ Công. Thảo Đường Thanh sanh năm 1057, tịch năm 1142, hiệu là Thảo Đường tên là Thiện Thanh, nối pháp ngài Hối Đường Tổ Tâm dòng Lâm Tế. Ngài có để lại quyển Thảo Đường Thiện Thanh Hòa Thượng Ngữ Yếu.

Lỗ Công tên là Hoàng Đình Kiên, tự là Lỗ Trực, làm chức thái sử ở Sơn Cốc, ông viết văn rất hay. Sau ông gặp thiền sư Hối Đường, Hối Đường hỏi:

- Ông có nghe mùi thơm hoa quế chăng?

- Thưa nghe.

- Ta không giấu giếm ông gì cả.

Ngay đó ông chợt tỉnh ngộ.

Những sự tích này cho chúng ta biết rằng những vị tuy là thiền sư ngộ đạo, nhưng vì chưa sạch hết niệm cho nên còn phải tái sanh, người làm Tô Đông Pha, người làm Lỗ Trực. Các vị này đều là những người văn hay chữ tốt, ra làm quan, nhưng cuối cùng khi ngộ trở lại, cũng đều tu hành.

---

[1] Thiền Sư Trung Hoa tập 2.

Sau khi đã tạo nên cái nhân thì theo duyên mà lưu chuyển. Nghĩa là khi còn một chút nhân thì phải theo duyên để lưu chuyển. *Nên nói: "Đạo có tiêu mà không có lớn, nghiệp có thêm mà không có bớt."* Như vậy đạo không tăng trưởng mà nghiệp lại còn nguyên vẹn. *Hoặc kẻ có duyên sâu với Bát-nhã chẳng rơi vào ba đường dữ mà ra thai vào thai cũng rất khổ nhọc.* Đây nói những người tu hành có duyên với Bát-nhã, tức là đã có trí tuệ Bát-nhã, tuy chẳng rơi vào ba đường dữ, nhưng còn ra vào trong sanh tử thì còn phải khổ nhọc.

Huống chi người thời mạt pháp hiện nay, căn khí phần nhiều thấp kém, nhân vì khó khổ mà đi xuất gia, phát tâm đã không chân chánh, công phu lại chẳng tinh thuần. Ngài chê những người thời mạt pháp hiện nay, căn khí phần nhiều thấp kém, vì khó khổ mà đi xuất gia, tỷ dụ như vì thiếu cơm ăn áo mặc rồi chán vào chùa tu. Như vậy sự phát tâm đã không chân chánh, mà công phu lại chẳng tinh thuần, thì làm sao tu cho có kết quả!

Một phen tình cờ ở nơi cơ phong của Phật tổ hiểu biết được ngôn ngữ, hoặc ngộ được chỗ xưa nay thành Phật, chỗ ngay đó tức phải, chỗ ý thức nghĩ chẳng đến, ngôn ngữ nói chẳng kịp, chỗ tất cả chẳng thể được, tức cái chẳng thể được cũng chẳng thể được, đem hòa hội với câu nói của người xưa thảy đều tương tợ. Đã được cái hiểu tương tợ, liền tỏ vẻ lạ lùng nói: "Rong ruổi tìm kiếm đã thôi dứt, ta là đạo nhân vô sự." Thời mạt pháp hiện nay có người ngộ được những câu Phật tổ nói, họ thấy như vậy biết như vậy, và đem so sánh với lời người xưa thấy cũng đúng, liền nói: Phần rong ruổi tìm đạo tới đây

dứt nghỉ rồi, không còn tìm kiếm nữa. Ta là đạo nhân vô sự, thảnh thơi đi chơi. Bệnh đạo nhân vô sự này cũng thường gặp lắm!

Biết được phiền não là huyễn, thì cứ buông tình để cho phiền não tự do. Biết được phiền não là huyễn, thôi cứ mặc kệ, phiền não có gì quan trọng đâu! Nếu ai hỏi: "Sao Thầy tu mà còn phiền não", thì đáp: "Phiền não là huyễn mà!" Đó là thêm một bệnh. *Biết được tu hành vốn không, liền thả ý để làm hư hỏng việc tu hành.* Thấy đạo rồi nên biết được việc tu hành vốn không. Đứng về mặt thể tánh thì không thêm không bớt, làm gì có tu hành, cho nên nói tu hành vốn không. Rồi mặc tình thả cho ý mình chạy làm hư hỏng cả việc tu hành. *Bảo rằng bố thí vốn không, trái lại bỏ bố thí mà giữ lấy keo kiết.* Nói bố thí vốn là không, cái gì cũng không, rồi không bố thí mà giữ keo kiết. *Bảo rằng nhẫn nhục vốn không, trái lại thuận theo tình mà bỏ nhẫn.* Nói nhẫn nhục vốn là không, nhưng ai động đến thì nổi sân la lối.

Hoặc nói đến giới thì nói: "Vốn không trì phạm, cần gì trọng trì mà khinh phạm." Về giới luật thì nói rằng giới không có trì phạm, đã không trì phạm thì cần gì trọng trì giới, khinh phạm giới.

Hoặc nói đến thiền thì nói: "Vốn không định loạn, cần gì bỏ loạn mà giữ lấy định." Thuận theo tình ý, bàn luận có không. Hãy nói, lửa yêu ghét, khen chê vừa chạm đến liền bốc cao, gió sanh già bệnh chết thổi nhẹ qua đã động, tranh nhân tranh ngã, nói phải nói quấy. Đến nỗi lấy tánh nóng làm khí phách, lấy ngã mạn

làm thừa đương, lấy xảo quyệt làm cơ dụng, lấy vọng ngữ làm phương tiện, lấy buông lung làm du hý, lấy lời thô làm gỡ dính, ca ngợi kẻ phá giới luật không có công hạnh gì, khinh lờn bậc mẫu mực có thực hành.

Đoạn này ngài quở trách những người tu chưa tới mà cứ nói lý, bỏ hết tất cả công hạnh, miệng nói thì hay, nhưng gặp việc thì dở. Như vậy là tự mình đào huyệt chôn mình chứ không đi tới đâu, như nói: *vốn không định loạn, cần gì bỏ loạn mà giữ lấy định.*

Thuận theo tình ý bàn luận có không. Hãy nói, lửa yêu ghét, khen chê vừa chạm đến liền bốc cao, gió sanh già bệnh chết thổi nhẹ qua đã động. Nghĩa là tuy nói như vậy mà ai chê thì nổi giận, khi già bệnh chết tới thì hoảng hốt sợ hãi. Cái gì cũng nói không mà *tranh nhân tranh ngã*, nghĩa là tranh cãi để giành phần hơn về mình. *Nói phải nói quấy* là lối nói dối gạt chứ không có lẽ thật. *Đến nỗi lấy tánh nóng làm khí phách.* Nghe ai nói trái tai liền nổi nóng la lên, nói: "Tôi thẳng tánh lắm, thấy là nói, giận thì la chứ không có đè không có giấu. Ai nghe trái tai mà ráng nhịn ráng dằn là yếu, không thẳng tánh." Mới nghe dường như hay nhưng rốt cuộc lại là dở. *Lấy ngã mạn làm thừa đương.* Sống trong cuộc đời thì tự cao tự đại, không chịu nhường nhịn một ai. *Lấy xảo quyệt làm cơ dụng, lấy vọng ngữ làm phương tiện.* Hiện nay những việc này có rất nhiều. *Lấy buông lung làm du hý.* Là ăn chơi tự do. *Lấy lời thô làm gỡ dính.* Dùng những lời thô tháo để đáp lại câu hỏi của người cho đó là gỡ chấp phá chấp cho họ. *Ca ngợi kẻ phá giới luật không có công hạnh gì, khinh lờn bậc mẫu mực*

có thực hành. Khen kẻ phá giới luật, thong thả chơi bời, chê người mẫu mực tu hành.

Chỉ nghiêng về một bên lý, nên đối với chỗ cùng huyền cực diệu (chỗ tột của đạo), không có dấu vết gì. Dứt bỏ sạch bên cửa thực hành, nên buông thả tâm ý, không còn quy củ. Miệng nói niệm Phật, tụng kinh, lễ lạy là Tiểu thừa chấp tướng; dạy người tu tập, còn chính mình thì ngồi chơi. Dạy người phải tu tập, ngồi thiền, còn mình cho là xong rồi, thảnh thơi tự do. Đây là bệnh, cần phải nhớ thật kỹ.

Hoặc suốt năm chẳng lạy một vị Phật, chẳng một lần lễ sám hối, chẳng tụng một bộ kinh. Có những người tu khi được chút ít đạo lý, rồi cố chấp không chịu tu hành, lại tìm lý này lẽ kia để không tụng kinh lạy Phật, không ngồi thiền, mà cứ rong chơi tự do.

Trái lại, những sách vở thế gian không cần thiết thì ghi chép, hạnh người tu không nên làm việc thế tục mà làm, xưng là bác học. Bệnh này hiện giờ có rất nhiều trong nhà chùa. Những kinh điển thiết yếu cần học hiểu để tu thì không học, trái lại sách vở thế gian như tiểu thuyết hay những chuyện đâu đâu thì thích đọc. Những việc làm trong đạo thì không làm, còn những hạnh thế tục không nên làm thì làm, còn xưng là bác học, là người thông minh học rộng.

Khinh rẻ quả Phật chẳng chịu tu, cũng không cần làm một chút điều lành. Những người này coi thường quả Phật, nói rằng Phật hiện tại đây, đâu phải tìm cầu cố gắng, cho nên không nỗ lực tu, cũng không chịu làm những điều lành.

Khiến cho trẻ nhỏ hậu sanh ra vẻ thông minh, chỉ tìm kiến giải, vừa có chỗ hiểu biết liền cho là một nhảy thẳng vào, còn gì phải nói. Những kẻ hậu học chưa có hiểu gì, lâu lâu đọc một đoạn kinh, hoặc nghe một đoạn sử, nhận cho là đạo lý thấu đáo. Đem trình kiến giải, nói là đủ rồi, vậy thì nhảy thẳng vào không còn việc gì phải nói.

Rồi ngông cuồng ngạo mạn, cống cao trừng trợn, miệng nói bừa bãi, thân không chọn bạn. Tự cho mình đã hiểu được chút phần đạo lý, rồi ngông cuồng nói bậy làm càn, không kể gì là hạnh của người tu, là đức của người học đạo. Lại ngạo mạn coi thường tất cả hàng tôn túc. "Cống cao trừng trợn, miệng nói bừa bãi." Ai động tới thì trợn mắt làm dữ, không nói những lời đức hạnh, lại nói những lời thế tục làm cho ai nấy không muốn bàn chuyện với họ. Những người ấy lại không biết chọn bạn tốt để gần gũi cho nên hư thân một đời.

Chẳng nghĩ đến tình dục thế gian vẫn đầy tràn không ngằn mé, thế nào lại dùng lời hoạt bát mà phá vỡ cửa nhân quả! Bởi vì ở thế gian, tâm tham đắm dục lạc không ngằn mé, cho nên giành giật nhau, chém giết nhau không sợ tội lỗi. Thế mà lại bác nhân quả! Nếu con người còn hiểu biết nhân quả thì còn biết chỗ tu để tránh nhân dữ làm nhân lành, do đó mà tránh tội ác được phước lành. Nay nếu bác nhân quả thì còn gì để tu, còn gì để làm!

Tự lầm làm lầm mọi người, đâu tránh khỏi bị chìm đắm. Nếu chẳng bị ma thâu nhiếp, nhất định phải đọa mãi nơi tam đồ, chịu cảnh núi đao rừng kiếm để đền lại

cái nhân trước kia, và mang lông đội sừng để đáp trả cái quả sau đó. Những người bài bác nhân quả tự mình đã lầm, rồi làm lầm người khác, đâu tránh khỏi bị chìm đắm.

Lời ngài Quảng Trí răn nhắc rất là chí tình chí thiết. Tất cả chúng ta tu nếu không biết dè dặt, không biết bòn mót công đức thì sự tu hành dễ bị thối chuyển, dễ bị đổ ngã. Do đó khi phát tâm tu phải cẩn thận, lời lành thì nói lời dữ thì chừa, điều lành dù nhỏ cũng cố gắng làm điều dữ dù nhỏ cũng phải cố tránh, như vậy mới gọi là người biết tu. Trái lại nói những điều để phá lòng tin nhân quả của người làm cho người phải chịu tội lỗi đọa trong tam đồ, thì mình đã lầm, còn làm cho nhiều người khác phải lầm. Bởi vậy nên có câu chuyện tổ Bá Trượng kể lại: Một hôm tổ Bá Trượng thượng đường dạy chúng. Mãn buổi giảng, chúng ra hết, chỉ còn một ông già ở lại. Tổ hỏi: "Ông là người gì, sao không ra về?" Ông già thưa: "Con không phải là người, con là hồ tinh biến thành người. Thuở xưa con làm tăng tu ở núi này. Nhân có người hỏi: Người đại tu hành có rơi vào nhân quả không? Con đáp: Không rơi vào nhân quả. Do đó phải đọa làm thân chồn năm trăm kiếp."

Người đại tu hành tức là người tu hành cao, có rơi vào nhân quả không? Chỉ một câu đáp: "người tu hành cao không còn rơi vào nhân quả", mà phải đọa làm thân chồn năm trăm kiếp. Huống nữa là hiện đời này mình lại bài bác lý nhân quả thì đọa chừng bao nhiêu kiếp? Chắc cũng gấp đôi gấp ba lần! Cho nên chúng ta phải cẩn thận dè dặt chớ xem thường luật nhân quả.

Đây là lời răn nhắc những người tu, nếu có được chút ít phước đức, hiểu được một vài lý lẽ cao siêu của Phật, nhưng tập khí còn sâu dày, thì phải lặng lẽ cố gắng tu. Đừng bài bác nhân quả, rồi nói những lời cao xa mà khi ai động đến thì sân hận đủ điều. Không tụng kinh, không lễ Phật, rồi nói Phật ở trên bàn là Phật gỗ, Phật xi-măng, lại đem Phật thật của mình lạy Phật gỗ, Phật xi-măng, như vậy có phải tội không? Thử hỏi khi chúng ta lạy Phật là đem Phật thật lạy hay đem Phật giả lạy? Thật ra thân này là giả, đem thân giả lạy Phật giả thì có tội gì mà không lạy. Đó là do lười biếng rồi tìm cách nói cho hay để tín đồ nể mình là cao siêu, chứ sự thật đó là tội lỗi. Nhắc lại câu chuyện khi xưa, ngài Hoàng Bá một hôm vào chùa lạy Phật. Vị thư ký hỏi ngài: "Còn lạy Phật nữa sao?" Ngài bảo: "Phật mà không lạy thì lạy ai?" Vị thư ký nói: "Như vậy cũng còn chấp tướng." Ngài liền tát thư ký một cái. Chúng ta cứ nghĩ tu hiểu đạo rồi không cần lạy Phật, không cần ăn chay, không cần làm lành..., đó là sai lầm lớn. Dù chúng ta ngộ đạo tới đâu, nhưng lạy Phật vẫn lạy, ăn chay phải ăn, làm lành cố gắng làm, những điều phải điều tốt không bỏ một chút nhỏ nào, đó mới là người đạo đức thật. Còn người mới hiểu chút ít rồi nói càn nói bướng không chịu tu hành, đó là người lợi dụng lời của Phật của tổ, nói lý đạo cao siêu để che lấp lỗi lầm của mình, đó là tội lớn.

Chớ nói: "Ta là người đã giác xong, giải ngộ rồi, nghiệp không thể trói buộc." Đừng nói rằng ta đã giác ngộ rồi, nghiệp không thể nào trói buộc được.

Nói nghiệp không thể trói buộc, chẳng phải nói có mà thành không, chính do không mà tự không. Trong kinh có nói: Nghiệp không thể trói buộc những người đạt đạo. Tại sao? Ở đây mới giải thích: Chẳng phải nói có mà thành không, chính do không mà tự không. Nghĩa là không phải nghiệp trước có thật rồi sau do mình tu mà nghiệp biến thành không. Bởi vì nghiệp trước không có thật, cho nên nói chính do không mà tự không. Nghiệp từ đâu mà có? Từ ý niệm, mà ý niệm là thật có hay thật không? Thể của vọng tưởng, của niệm khởi, bản chất nó là không. Như chúng ta đang ngồi, bỗng nhớ chuyện hôm qua, nhìn lại xem cái nhớ đó ở đâu? Vừa nhìn lại thì nó tan mất. Như vậy cái nhớ đó, thể nó là có hay không? Nếu là có thì cái nhớ lại hiện cụ thể, đầy đủ. Nhưng nhìn nó thì nó mất tiêu, nó tan hoang. Thế thì thể của nó là không cho nên mới nói: Không phải trước có sau mới thành không, chính do thể nó là không cho nên nó tự không. Biết rõ thể của vọng tưởng là không mà vọng tưởng là nhân tạo nghiệp, nhân không thì quả cũng không. Nhưng nếu cái nhân không mà chúng ta theo nó, nuôi dưỡng nó thì thế nào? Ngài Khuê Phong nói: "Thể không mà thành sự." Vọng niệm là thể không, nhưng theo nó thì thành sự. Ví dụ như đang nói chuyện, vừa nghe ai kích bác mình một câu thì nổi giận ngay. Trước khi nghe kích bác niệm nổi giận có hay không? Nó không có. Nhưng sau khi nghe kích bác nó liền nổi dậy. Ngay khi ấy, chúng ta biết chiếu soi lại, nhìn nó một lúc thì nó tan, nó thành không. Nếu niệm giận vừa dấy khởi, chúng ta nghĩ phải trừng phạt người kích bác mình, tức thì miệng nói quấy, tay làm quấy.

Người ta không tha mình, người ta trừng phạt lại, thế là hai bên đều bị thương tích. Đó là thể không mà thành sự, tức là thành có mất rồi. Đây là chỗ chí yếu để chúng ta tu.

Tóm lại niệm khởi thể nó là không, song nếu chúng ta nuôi dưỡng theo nó thì nó thành sự, thành nghiệp. Nếu ngay khi niệm vừa khởi, chúng ta biết quán chiếu ngăn chặn thì nó mất, tức là thể không trở về không, thì không thành nghiệp. Như vậy để biết khi nổi giận chúng ta quán chiếu xem cái giận từ đâu có, tìm một lúc nó mất, thôi thì hòa, không làm gì ai không hại ai, thì không ai hại mình, mọi việc đều êm xuôi, đó là tu.

Tu lúc nào, tu làm sao? Ngày đêm ngồi thiền được sáu tiếng, sáu tiếng ngồi thiền là sáu tiếng tu, còn ngoài sáu tiếng ngồi thiền ra, ai động tới thì nổi giận gây sự, có phải là tu chưa? Đâu phải chỉ sáu tiếng ngồi thiền mới là tu, mà chính khi làm việc gì, đứng ở đâu, tiếp xúc với ai, lúc nào cũng là lúc tu. Vì biết tu cho nên những phản ứng hoặc giận hoặc thương hoặc ghét vừa dấy lên thì chúng ta chặn đứng liền, như thế mới dừng được nghiệp, đó mới thật là tu. Còn ngoài giờ ngồi thiền ra, gặp việc gì thì theo việc ấy, nghĩa là gặp việc giận thì giận, gặp việc thương thì thương, gặp việc ghét thì ghét, như vậy chưa phải là thật tu. Sáu giờ ngồi thiền là sáu giờ dụng công miên mật, ngoài ra tất cả giờ khác cũng phải tu, tuy có hơi yếu nhưng luôn luôn là phải tu.

Nếu là tu sĩ, như khi đi đường nghe ai nói nặng mình một câu, vừa muốn phản ứng cự lại, liền chặn ngay làm cho nó tiêu mất, đó là đang đi mà vẫn tu.

Còn Phật tử thì thế nào? Ngày nào ăn chay thì ngày đó tu, giờ nào tụng kinh niệm Phật thì giờ đó tu. Còn ngoài các giờ đó ra thì ai sao mình vậy, phải không? Nếu tu cách đó thì chắc Phật cũng lắc đầu. Trước bàn Phật thì rất trang nghiêm, lạy Phật tụng kinh rất thành kính, nhưng ra ngoài gặp ai nói trái tai thì nổi nóng la to. Như vậy trước bàn Phật là đệ tử Phật, mà ra ngoài nổi sân la ầm, lúc đó là đệ tử của ma mất rồi. Thế nên chúng ta tu chẳng những trong giờ tụng kinh niệm Phật, mà tu trong tất cả công tác hoạt động, một phản ứng nào vừa xảy ra ở nội tâm, chúng ta liền chặn đứng lại. Nhờ đó mà có thể tránh được những tai họa bất trắc và chúng ta được an ổn.

Với người tu, giờ nào cũng là giờ tu, người xuất gia tu rất chín chắn miên mật. Người tại gia tuy không tế nhị bằng, nhưng cũng phải tu, không nên nói rằng giờ nào rảnh niệm Phật tụng kinh là giờ tu, còn giờ làm ăn thì không tu được. Nếu làm ăn mà không tu thì tạo tội rất nhiều, tụng một thời kinh không biết có trôi hết tội không? Nếu có trôi chắc độ phân nửa, còn lại phân nửa mình phải lãnh chịu. Thế nên người Phật tử trong giờ rảnh rỗi tụng kinh niệm Phật, phải chí thành dồn tâm lực mà tu, để khi ra làm các công việc cũng nhớ tu, tránh lời nói dữ, tránh hành động dữ để không tạo nghiệp ác.

Sống đã theo cảnh liền động, khi chết làm sao chẳng theo nghiệp thọ sanh? Sống chạy theo cảnh nên tâm dấy động, thì khi chết nhất định phải theo nghiệp thọ sanh. Nếu tâm dấy động lành thì thọ sanh chỗ lành, dấy động dữ thì thọ sanh chỗ dữ, chứ không tránh khỏi được.

Nên nói: Trước mắt một niệm hiện tướng sân, chính là hình ảnh con rắn dữ. Trước mắt một niệm hiện tướng tham, chính là giống nòi ngạ quỷ. Cái nhân niệm không hình tướng thì rất nhỏ, mà quả báo có hình tướng lại rất lớn.

Trước mắt một niệm hiện tướng sân, chính là hình ảnh con rắn dữ. Trước mắt chúng ta dấy lên một niệm sân, đó là chúng ta hiện tướng sân, tức là hiện hình ảnh con rắn độc. Khi nổi sân lên thì cái gì cũng dám làm, dùng tay đánh, dùng miệng chửi, giống như rắn độc hại người, nên nói là hình ảnh con rắn dữ. *Trước mắt một niệm hiện tướng tham, chính là giống nòi ngạ quỷ.* Một niệm tham dấy lên hiện ra tướng tham, chính là giống nòi ngạ quỷ hay quỷ đói. Gặp thức ăn thì giành giật nhau cũng giống như những đứa trẻ ham ăn, khi cúng cô hồn xong liền nhào vào giành giật, đó là hiện tướng quỷ đói. *Cái nhân niệm không hình tướng thì rất nhỏ, mà quả báo có hình tướng lại rất lớn.* Như cái nhân khởi tham hay khởi nóng giận thì rất nhỏ, nó không hình tướng, nhưng nếu chúng ta theo nó thì tạo thành quả có hình tướng rất là lớn. Như nói tâm sân thì xuống địa ngục, tâm tham thì làm ngạ quỷ, đó là thấy xa. Giờ đây nói thí dụ gần hơn. Như có người đi chiếc xe đạp mới ra chợ, dựng xe đi mua thức cần dùng. Một chú nhỏ nhìn thấy chiếc xe đạp mới liền khởi niệm thích muốn lấy. Niệm thích đó không có lớn, nếu ngay đó mà biết chặn lại thì mọi việc êm xuôi, không có chuyện gì xảy ra. Nhưng vừa khởi niệm thích rồi nghĩ đi được xe đạp mới này thì sung sướng lắm, liền giật chiếc xe đạp chạy, người ta tri hô lên,

chú nhỏ bị bắt. Như vậy cái nhân khởi thích chiếc xe đạp rất nhỏ, nhưng khi bị bắt dẫn vô khám thì thành quả lớn, có thể bị ở tù. Cái nhân nhỏ chút xíu, nếu không chặn được thì thành quả rất to.

Cũng vậy, niệm sân khi mới dấy khởi, chỉ có chút xíu, nếu khéo điều hòa và tiêu hóa nó đi thì rất dễ, mọi việc đều êm xuôi. Nhưng nếu để nổi sân lên rồi miệng nói quấy tay làm quấy, thì người lỗ đầu người dập mũi, còn va chạm mạnh hơn nữa có khi người chết, người bị tù suốt đời. Như vậy để chúng ta thấy rằng, nếu đuổi theo cái nhân tham, cái nhân nóng giận thì tạo thành nghiệp, nhân thì nhỏ mà quả rất là to.

Sự nhỏ nhiệm của một niệm được giữ gìn trong ruộng thức, dù trải qua ngàn muôn kiếp vẫn không mất. Một niệm khởi xấu hay tốt, được nuôi trong ruộng thức của mình, tuy nhỏ nhưng rất khó tiêu hóa. Tại sao? Thí dụ như chúng ta có niệm ghét ai hay hờn ai, niệm đó không phải là lớn, nhưng nó được chôn trong ruộng thức của mình, cho nên năm mười ngày, hoặc đôi ba tháng sau, khi gặp lại người đó thì gương mặt mình không vui. Tại sao? Bởi vì cái nhân ghét hờn còn chôn ở trong ruộng thức, nên khi gặp lại người đó thì nó liền hiện ra nơi nét mặt, nơi cử chỉ. Nếu chúng ta không biết tìm cách tiêu hóa nó thì có khi chôn nó suốt cả đời trong ruộng thức.

Nên cổ đức nói: "Bậc hiền triết ngày trước chí to tát, tâm tinh thuần, xét lý miên mật không quên một thời khắc nào, ngầm thực hành thần linh cũng khó lường; sớm tối như đi vào vực sâu, đạp trên băng mỏng, hẹn kỳ

chứng ngộ, thì tự nhiên đủ cứu được mình; trọng thật chẳng trọng rỗng, quý làm mà chẳng quý nói, đi qua có mà chẳng trụ có, thực hành không mà chẳng kẹt không; từ điều thiện nhỏ mà chứa thành công đức thù thắng, nương cái nhân tí xíu mà được thành cái quả to lớn."

Người xưa nói: *Bậc hiền triết ngày trước chí to tát, tâm tinh thuần*, nghĩa là người tu hay là bậc hiền triết đều nuôi dưỡng ý chí to tát, "tâm tinh thuần" tức là tâm luôn luôn gạn lọc, lóng lặng cho tinh thuần. Chí thì to, tâm thì thuần, hai điều này rất quan trọng. *Xét lý miên mật không quên một thời khắc nào* là luôn luôn khi thấy nghe hoặc lúc dấy niệm đều xét tường tận không để nó lôi dẫn mình đi. *Ngầm thực hành thần linh cũng khó lường*. Người thầm lặng tu, thần linh cũng không biết. Người xưa tu mà không ai hay biết. Còn chúng ta hiện giờ tu mà hay khoe như nói hôm đó tôi ráng nhịn được, nếu không thì tôi tát tai người ấy rồi. Chúng ta tu mà làm được chút ít điều tốt thì khoe, còn làm điều xấu thì che giấu mất. Vì hay khoe điều tốt, tưởng như mình làm nhiều điều thiện nên không làm thêm nữa, còn giấu kín điều xấu không cho ai biết, nên cứ làm điều xấu hoài. Rốt cuộc suốt đời cộng lại thì điều xấu nhiều hơn điều tốt, kết quả là đi đường khổ, chứ khó đi đường vui.

Các ngài khi xưa tu mà quỷ thần còn không biết huống nữa là người thường. Các ngài tu *sớm tối như đi vào vực sâu, đạp trên băng mỏng, hẹn kỳ chứng ngộ, thì tự nhiên đủ cứu được mình*. Sớm tối như đi vào vực sâu, đi vào vực sâu bờ thẳm, lúc nào cũng phải cẩn thận nên không bị té. Các ngài tu cũng như vậy, sớm tối gì

cũng rất dè dặt, rất cẩn thận, làm một việc gì, nói một lời nào cũng dè dặt, không tạo buồn khổ cho người. Đạp trên băng mỏng. Ở các xứ lạnh, vào mùa đông, trên mặt hồ nước đóng thành băng. Chỗ nào băng mỏng thì người đi phải nhón chân cho nhẹ không dám đạp mạnh sợ băng lủng mình rơi xuống nước. Cũng như vậy, người tu lúc nào cũng dè dặt cẩn thận như đi trên băng mỏng, không để sót một lỗi nhỏ, không để sơ sẩy một chút lạc lầm, như vậy việc tu mới có kết quả, mới hẹn kỳ chứng ngộ, tu như vậy mới mong có ngày chứng ngộ. Thì tự nhiên đủ cứu được mình, chứng ngộ rồi mới cứu được mình.

Đoạn trên có nói những niệm được chôn sâu trong tâm thức rất khó diệt, nếu tu không cẩn thận, thiếu miên mật thì nó không tiêu được. Một niệm vừa mống lên là phải tiêu diệt ngay thì nó mới hết, còn thả cho nó tự do thì không bao giờ hết được.

Trọng thật chẳng trọng rỗng, quý làm mà chẳng quý nói. Trọng thật chẳng trọng rỗng, nghĩa là cần lẽ thật, chứ không cần những cái rỗng. Rỗng tức là cái tu ngoài miệng. Như mình tu sơ sơ mà gặp ai thì nói tôi lúc này miên mật lắm, không có phí thì giờ. Nhưng khách đi rồi thì ở đây giỡn chơi, đó là rỗng chứ không phải thật.

Quý làm mà chẳng quý nói, nghĩa là mình phải tu thật chứ không phải chỉ tu bằng ngôn ngữ, nói toàn những lời đạo đức thâm trầm mà không làm được gì cả.

Đi qua có mà chẳng trụ có, thực hành không mà chẳng kẹt không. Tất cả những sự vật hiện có chúng ta đều không dính không mắc, gọi là đi qua có mà chẳng trụ có.

Thực hành không mà chẳng kẹt không, nghĩa là đạt được lý không của Bát-nhã, biết rõ các pháp tự tánh là không, mà không kẹt vào chấp không. Thế là không dính có, chẳng kẹt không, tức là không mắc kẹt ở hai bên.

Từ điều thiện nhỏ mà chứa thành công đức thù thắng. Một việc thiện nhỏ xíu là cái có rất nhỏ mà chúng ta cũng vẫn làm chứ không dám bỏ qua, nhờ vậy lâu ngày tích lũy thành công đức lớn. *Nương cái nhân tí xíu mà được thành cái quả to lớn.* Từ một việc nhỏ mà chúng ta biết làm cho tốt, nghĩ cho tốt thì lâu ngày thành quả lớn.

Huống lại, người hiện nay vô minh phiền não hừng mạnh còn nguyên, mà muốn đem cái kiến giải tương tợ để làm tiêu hết nghiệp dữ kia, mong ra khỏi tam đồ, thật không có lẽ đó.

Ngài Quảng Trí quở: Huống lại, *người hiện nay* tức là người đương thời, *vô minh phiền não hừng mạnh còn nguyên* là vô minh phiền não lúc nào cũng hừng hực trong lòng, còn nguyên vẹn không thiếu một chút nào, *mà muốn đem cái kiến giải tương tợ để làm tiêu hết nghiệp dữ kia*, kiến giải tương tợ tức là cái thấy biết hơi giống giống, nói rằng hiểu vậy là hết nghiệp, đó là chuyện vô lý, *mong ra khỏi tam đồ, thật không có lẽ đó*, họ nghĩ rằng có được chút kiến giải rồi sẽ ra khỏi ba đường ác, địa ngục ngạ quỷ súc sanh, thật không có lẽ đó.

Nhằm giúp cho hạng người này, chẳng thể lấy chút ít cho là đủ, thường theo như lời nói mà tu hành, trọn chẳng đuổi theo hạng thiền trên đầu môi.

Nhằm giúp đỡ cho hạng người này, cho nên ngài bảo họ đừng thấy được chút ít cho là đủ, phải thường theo như lời nói mà tu hành, nói được thì phải làm được. *Trọn chẳng đuổi theo hạng thiền trên đầu môi* là đừng bắt chước theo những người nói thiền ở ngoài miệng, chỉ nói lý trên trời trên mây mà tu hành thì không ra gì, gặp rượu thì uống rượu, gặp thịt thì ăn thịt. Nếu có ai nói gì thì bảo: "Vậy chứ Tuệ Trung thượng sĩ đó, gặp cá thịt thì gắp cá thịt, gặp chay thì ăn chay, vậy có lỗi gì?" Như vậy là lấy sự việc của người xưa làm cái cớ để bao che cái tham lam mê theo dục lạc của mình. Những hạng người đó là hạng thiền trên đầu môi.

Qua đoạn này chúng ta thấy lời răn nhắc của thiền sư Quảng Trí rất là tha thiết. Không muốn để cho chúng ta khi tu có được chút ít công phu rồi tự hài lòng thỏa mãn chấp vào đó mà không chịu cố gắng đi cho đến nơi đến chốn. Trái lại do chấp mà trở thành bệnh, rồi nói những điều không đúng lẽ thật, làm những việc không đúng chân lý, mà tạo thành nghiệp chịu khổ. Cho nên ngài khuyên phải ráng sửa, ráng hành, chứ đừng bắt chước hạng thiền trên đầu môi.

Nếu đem chỗ thấy hiểu tương tợ mà lo nói cho sướng miệng, thì như trùng đục cây ngẫu nhiên thành chữ, hay tợ con chim học nói rỗng, hoàn toàn không có ý nghĩa gì.

Nếu chúng ta đem cái thấy hiểu tương tợ, tức là giống giống thôi chứ không phải thật, mà nói cho sướng miệng, khoe mình đủ thứ, thì giống như mấy con mối

ăn cây ngẫu nhiên thành chữ, chứ không có ý nghĩa gì. *Hay tợ như con chim học nói rỗng*, mình kêu cha, nó cũng kêu cha, nói mô Phật, nó cũng mô Phật, mình nói sao nó cũng nói lại như vậy. Dù cho nó có chửi mình cũng không giận, vì nó nói rỗng, hoàn toàn không có ý nghĩa gì cả. Nếu chúng ta chỉ nói mà không chịu tu thì dù có nói hay bao nhiêu cũng là vô nghĩa.

Phiền não đã chẳng bớt, ngã mạn lại thêm cao. Khoe hay nói giỏi thì phiền não ở mình không bớt mà ngã mạn lại thêm cao, vì thấy ta hơn người!

Đó là chấp bậy tà không, chẳng phải khéo đạt pháp thể. Người như vậy là người chấp bậy theo tà không tức là chấp không, chứ chẳng phải thấu suốt được pháp thể.

Huống một mạch sống nơi cửa ngộ hiện nay, tuy nói là chẳng dứt, mà bậc thiền học ở Trung Quốc như lúa, mè, tre, lau nhưng người được diệu ngộ có mấy người? Ngài nói rằng: Mạch thiền từ xưa mãi đến ngày nay liên tục không dứt. Những bậc thiền học ở Trung Quốc nhiều như lúa, mè, tre, lau nhưng được diệu ngộ có mấy người? Tu thì rất nhiều mà diệu ngộ không có bao nhiêu.

Như nói từ đời Đường, Tống trước kia đến nay có vài ba vị cư sĩ tại gia, lối đi ngay thẳng đáng dùng để lưu thông pháp này. Đời Đường đời Tống có nhiều vị cư sĩ tại gia tu cũng ngộ đạo đáng để truyền bá pháp thiền.

Song đã là cư sĩ, thì chẳng đồng với hàng Sa-môn Thích tử, còn có giới luật giữ chặt mình, mới đem thân vào trong nhà lửa, đưa tâm vào biển phiền não.

Theo cái nhìn của ngài Quảng Trí, dù cho cư sĩ tu được như vậy, nhưng đã là cư sĩ thì không đồng với hàng Sa-môn Thích tử, tức là những người xuất gia. Tại sao? Bởi vì người xuất gia còn có giới luật giữ chặt mình, nghĩa là luôn luôn lấy giới luật làm nền tảng bảo đảm cho mình không phạm lỗi, không gây tội. Có giới luật giữ chặt mình, mới đem thân vào trong nhà lửa, đưa tâm vào biển phiền não.

Ngài nói như vậy nhưng nhìn lại thì cũng phải dè dặt. Đúng ra, giới luật người xuất gia thì nghiêm nhặt hơn người cư sĩ tại gia. Cư sĩ tại gia giữ năm giới, còn người xuất gia tối thiểu cũng phải giữ mười giới. Như vậy người xuất gia giữ giới bằng hai người cư sĩ thì phải tu bằng hai hoặc bằng ba bằng bốn. Thí dụ người Phật tử giữ giới không được uống rượu, rượu mạnh không được uống, nhưng rượu nhẹ nhẹ như bia thì thỉnh thoảng cũng uống chút chút. Còn người tu sĩ giữ giới bằng hai thì cấm rượu mạnh, mà rượu nhẹ cũng phải cấm luôn. Thật ra người tu phải giữ giới luật, giữ đạo đức bằng năm bằng mười lần người cư sĩ mới hợp lý. Xuất gia rồi đâu có quyền bằng người cư sĩ, nhất định phải hơn thôi. Vì thế ngài Quảng Trí nói rằng hàng Sa-môn Thích tử còn có giới luật giữ chặt mình, mới đem thân vào trong nhà lửa, đưa tâm vào biển phiền não. Không biết hiện nay hàng Sa-môn Thích tử chúng ta có vào nhà lửa hay vào biển phiền não được không? Người cư sĩ không dám vào nhà lửa vì còn phải nuôi sống gia đình, không dám vào biển phiền não vì họ chưa hết phiền não. Còn người tu không có gia đình thì có thể hy sinh vào nhà lửa để cứu chúng sanh,

hoặc vào biển phiền não mà không sợ bị đắm chìm nếu mình đã sạch phiền não. Việc này đối với người tu khi xưa không biết thế nào, chứ hiện giờ thấy hơi khó.

Còn họ tuy thông thạo việc đời, hoặc có kẻ bên trong loáng thoáng được một cửa vào, nhưng đạo lực rất cạn. Hoặc có kẻ giỏi tài văn chương, rất mực phong lưu như Hoàng Lỗ Trực, Bạch Lạc Thiên, Tô Tử Chiêm; học đạo như Hồ Khang Hầu, Trương Tử Thiều... đều được xếp vào Truyền Đăng. Nói chung nhóm người trên đây, chưa nói là được tất cả vô ngại. Huống nữa, với kẻ cuồng giải thời nay, kẹt danh chấp tướng, chính là phàm phu hữu lậu, nếu bài bác nhân quả, thì đúng là hạng ngoại đạo chấp không.

Nói tóm lại, người cư sĩ và người xuất gia hai bên có khác, người cư sĩ tuy có hiểu, có được chút ít đạo lực nhưng chưa sâu, chưa lớn, còn người tu thì có lẽ cao hơn.

Đến đây ngài dẫn chứng những người văn chương tài giỏi như Hoàng Lỗ Trực, Bạch Lạc Thiên, Tô Tử Chiêm. Hoàng Lỗ Trực tức là Lỗ Công, Tô Tử Chiêm tức là ông Tô Đông Pha tôi đã giảng ở đoạn trước. Bạch Lạc Thiên là ông Bạch Cư Dị, tự là Bạch Lạc Thiên, sanh năm 772 tịch năm 846 đời Đường. Ông Bạch Cư Dị thâm hiểu về đạo cho nên sự tích của ông có ghi trong các quyển sách của nhà Phật như: Phật Tổ Thánh Ký, quyển 42, Phật Tổ Lịch Đại Thông Tải, quyển 15-16...

Ngài Quảng Trí dẫn thêm những vị học đạo như: Hồ Khang Hầu, Trương Tử Thiều.

Hồ Khang Hầu tức là Hồ An Quốc, sanh năm 1074 tịch năm 1138 tự là Khang Hầu, hiệu là Thảo Am cư sĩ. Người quê ở Sùng An, Kiến Ninh nay thuộc tỉnh Phước Kiến. Ông đỗ tiến sĩ niên hiệu Thiệu Thắng, từng nhậm chức thái học bác sĩ cấp sự trung thư xá nhân kiêm thị giảng Bảo Văn Các học sĩ. Khi mất được tên thụy là Văn Định. Ông từng tham thiền và được yếu chỉ nơi thiền sư Tú ở Thượng Phong.

Trương Tử Thiều tức là Trương Cửu Thành sanh năm 1092 tịch năm 1159 tự là Tử Thiều, người quê ở Tiền Đường thời Nam Tống, nay là Hàng Châu tỉnh Chiết Giang, hiệu là Hoành Phố cư sĩ. Vốn là đệ tử nhà Lý học đương thời. Đỗ tiến sĩ niên hiệu Thiên Hưng thứ hai, từng làm quan trứ tác lang phong chánh thiếu khanh, quyền Lễ bộ thị lang. Do phản đối nghị hòa với quân Kim, bị Tần Cối đày ra Nam An quận mười bốn năm. Sau khi Tần Cối chết, ông được trở về. Ông từng tham thiền và ngộ đạo với thiền sư Đại Huệ Tông Cảo.

Như vậy những vị này là những người văn hay chữ giỏi, tham thiền ngộ đạo có ghi trong sử. Nhưng với cái nhìn của ngài Quảng Trí cũng chưa phải là những người đến nơi đến chốn.

Hoặc có kẻ, tự mình chướng sâu tuệ cạn, thầy truyền dạy cho mà chẳng sáng, bị tà nhập đến tận xương tủy, bỏ mất chân thật. Có những người tu mà nghiệp chướng sâu dày, trí tuệ cạn mỏng, thầy có truyền dạy mà không thấu hiểu, bị những pháp tà đi sâu trong xương tủy, cho nên tu không đúng chánh pháp, bỏ mất cái chân thật.

Hoặc có kẻ, giới pháp sơ sài, cương thường lộn xộn, phạm đến những điều ngăn cấm. Có những người tu mà giới luật quá sơ sài, lại làm những việc tội lỗi, phạm đến những điều ngăn cấm trong giới luật.

Hoặc có kẻ, giáo lý chưa sáng tỏ, bàn bậy nghĩa sai lầm, rơi vào ngoại đạo. Những người tu không hiểu rõ giáo lý, bàn nghĩa sai lầm, rơi vào ngoại đạo.

Hoặc có kẻ, hạnh nguyện đều chẳng tu, mê mờ vào nẻo tà, đọa nơi chấp trước của ma. Có những người hạnh nguyện đều không chịu tu, mê mờ vào đường tà, đọa vào chỗ chấp trước của ma. Tóm lại đây đều là những người bệnh.

Than ôi! Muốn cho người không mê lầm thật khó! Tôi tuy không phải người mẫn tiệp mà thật tình thương xót họ lắm! Song tôi cũng đành chịu vậy thôi!

Than ôi! Muốn cho người không mê lầm thật khó! Muốn chỉ cho người tu đi đúng chánh pháp, đừng có mê lầm, thật là chuyện hết sức khó! *Tôi tuy không phải người mẫn tiệp mà thật tình thương xót họ lắm!* Ngài tự thấy mình không phải là người tài ba nhanh nhẹn, nhưng thấy kẻ sai lầm ngài rất là thương xót. *Song tôi cũng đành chịu vậy thôi.* Tuy là thương nhưng không biết làm sao! Mình dạy mà họ chẳng nghe, mình bảo mà họ không làm, vậy biết làm sao!

Người xưa nói: "Nắm tay kéo người đi chẳng được, chỉ người tự chịu đi mới tương ưng." Bây giờ vì thương, biết đường đó là lầm, nắm tay lôi họ bảo đừng đi, nhưng buông tay ra họ cũng trở lại đường đó nữa! Chỉ có cách là

người đó tự chịu đi mới tương ưng, nghĩa là họ tự biết lỗi đi đường đó là sai, rồi họ đi theo mình, như thế mới tương ưng, tức là mới thích hợp, mới được kết quả.

Nên tổ Quy Sơn mở ý cho rằng: "Kính mong hãy dấy chí quyết liệt, mở lòng thông suốt, động dụng cần nhìn lên bậc trên, chớ chuyên theo hạng tầm thường. Đời nay phải quyết đoán ngay, toan tính chẳng do người khác."

Đây là dẫn lời cảnh sách của tổ Quy Sơn. Mong cho mỗi tăng mỗi ni tu hành phải khởi chí quyết liệt, mở rộng tâm thông suốt, động dụng cần nhìn lên bậc trên, nghĩa là tất cả các hành động của mình đều bắt chước những người hơn mình, chứ đừng học theo những kẻ thua mình. Như ở trong chúng, chúng ta thích học theo người trên mình, hay học theo người dưới? Thí dụ người trên tu hành miên mật, ngày giờ rất khít khao. Còn một hai người dưới khi rảnh thì cười giỡn nói dóc. Kiểm tra lại coi chúng ta thích học theo người nghiêm chỉnh tu hành hay người đùa cợt ca hát? Ngồi yên tu có vẻ cực quá, lúc nào bị kìm chế bắt tu thì tu, buông ra thì nhập vào đám ca hát dễ hơn, bệnh của chúng ta là ở chỗ đó. Lý đáng chúng ta phải học với người trên, chứ không theo kẻ tầm thường. Nhìn theo người trên để học những điều hay thì nhất định chúng ta sẽ tiến lên. Còn nếu nhìn theo kẻ tầm thường thì chắc là đi xuống. Người trên ngoài giờ tu chánh, khi rảnh thì ngồi thiền, đó là người hơn mình. Còn người tầm thường, ngoài giờ ngồi thiền bắt buộc thì tìm chỗ vắng để cười giỡn nói dóc, chúng ta chớ nên bắt chước. *Đời nay phải quyết đoán ngay, toan tính chẳng do người khác.* Tổ Quy Sơn nhắc chúng ta tu, ngay đời này

phải quyết đoán cho xong, không để chần chờ kéo dài nhiều đời, toan tính chẳng do người khác mà chính chúng ta phải quyết định, chứ không cầu cứu với ai được.

Hoặc chỗ phồn hoa, huyên náo phải tránh xa; hoặc chỗ quán rượu, lầu ca, chỗ ân nghĩa quen thuộc dạo chơi, chỗ thi đàn, văn xã, hơn thua chữ nghĩa, chỉ trích xưa nay, so sánh hay dở; hoặc chỗ đạo học giảng nói đâu đâu không ý nghĩa gì, chỗ nhà nghĩa giải đua tranh danh tướng, khoe khoang tiểu trí, chỗ cuồng giải về tông thừa, vọng bàn đốn ngộ mà xem thường giới luật, mỗi mỗi đều phải tránh xa. Vì sao? Vì những nơi đó làm cho rối đạo, cùng với ma khác gì. Tránh xa những chỗ như trên thì tất cả đạo nghiệp sẽ thành tựu xong.

Đến đây ngài Quảng Trí giải thích thêm. Chúng ta cần phải tránh: một là chỗ phồn hoa đô hội, hai là chỗ huyên náo ồn ào. Kế đó là tránh quán rượu lầu ca, *chỗ ân nghĩa quen thuộc dạo chơi* tức là chỗ tiệc tùng đãi đằng bè bạn lâu ngày gặp lại. Cũng cần tránh chỗ *thi đàn, văn xã, chỗ hơn thua chữ nghĩa. Chỉ trích xưa nay* là chỉ trích người xưa người nay, ai mình cũng chê cũng chỉ trích, *so sánh hay dở* tức là so sánh người này hay người kia dở v.v... *Hoặc chỗ đạo học giảng nói đâu đâu không ý nghĩa gì.* Tức là giảng dạy đạo mà nói trên trời trên mây không đúng với nghĩa đạo. *Chỗ nhà nghĩa giải đua tranh danh tướng.* Là những người học kinh học sách rồi đem các danh từ ra chia chẻ theo danh tướng làm cho rối bời lên. *Khoe khoang tiểu trí* là khoe khoang trí thông minh của mình. *Chỗ cuồng giải về tông thừa, vọng bàn đốn ngộ mà xem thường giới luật.*

Những người tu thiền có những cuồng giải và cho rằng tôi ngộ nên không cần giữ giới luật gì cả. *Mỗi mỗi đều phải tránh xa.* Những nơi đó người tu phải tránh xa. *Vì sao? Vì những nơi đó làm cho rối đạo, cùng với ma khác gì.* Nghĩa là những nơi đó làm cho tâm mình bận rộn điên đảo, như vậy chúng ta cũng không khác gì ma. *Tránh xa những chỗ như trên thì tất cả đạo nghiệp sẽ thành tựu xong.* Biết tránh xa những chỗ đó thì dễ thành tựu đạo nghiệp. Bằng không tránh thì đạo nghiệp sẽ tan hoang.

Lại người xưa cũng nói: "Tất cả cơ ngộ, chẳng phải bạn lành thì chẳng phát được. Tất cả pháp ác, chẳng phải bạn lành thì chẳng ngăn dừng được." Người xưa có nói: Tất cả cơ ngộ nếu chẳng phải thiện hữu tri thức hướng dẫn thì khó mà ngộ được. Còn tất cả những pháp ác nếu không phải thiện hữu tri thức gần gũi để nhắc nhở thì cũng khó mà ngăn dừng được. Cho nên gọi thiện hữu tri thức là người bạn lành.

Như nhà Nho nói: "do văn mà gặp bạn, do bạn mà giúp cho lòng nhân", là ý đó. Do được nghe giảng giải về sách vở mà gặp được bạn lành. Do bạn lành giúp cho mình tăng trưởng lòng thương yêu, là lý do đó.

Ví như tánh gió tuy rỗng, từ rừng chiên-đàn thổi mùi hương tới, thì gió có mùi thơm lạ; hoặc do thổi qua đám phân nhơ mà bay tới, thì gió liền hôi thúi. Với bạn thì cũng như vậy.

Như gió có mùi gì? Nếu từ chỗ thơm thổi tới thì có mùi thơm, từ chỗ hôi thổi tới thì có mùi hôi. Gió nguyên không có mùi, miễn thổi qua chỗ nào thì nó mang mùi

của chỗ đó đi. *Với bạn thì cũng như vậy*. Khi trước chúng ta chưa huân tập cái tốt hay cái xấu. Nếu bây giờ gần được bạn lành thì chúng ta huân tập được cái tốt, gần bạn dữ thì chúng ta huân tập cái xấu. Thế thì bạn lành hay bạn dữ có tác dụng chuyển chúng ta từ xấu thành tốt hay từ tốt thành xấu. Ngài răn nhắc thêm:

Do đó người tu hành tìm bạn phải phân biệt thật kỹ giữa nhơ và sạch. Ngài chỉ bạn lành có rất nhiều hạng:

Một là bạn bè ở chốn rừng núi thảnh thơi, vì hay ngăn được tâm nóng bức. Hai là bạn bè giữ kỹ giới luật, vì hay lợt lạt về ngũ dục. Ba là bạn bè trí tuệ rộng lớn, vì hay ra khỏi bến mê. Bốn là bạn bè nhớ giỏi hiểu rộng, vì hay giải quyết những nghi ngờ nạn vấn. Năm là bạn bè sống yên vắng khắc khổ, vì hay nương nhờ để tiến thủ. Sáu là bạn bè khiêm hạ nhẫn nhục, vì hay làm tiêu mòn ngã mạn. Bảy là bạn bè lòng thẳng nói ngay, vì hay đè bẹp các lỗi. Tám là bạn bè dõng mãnh tinh tấn, vì hay thành tựu đạo quả. Chín là bạn bè xem nhẹ của cải ưa bố thí, vì hay phá lòng keo kiệt to. Mười là bạn bè nhân từ che trùm các vật, vì hay xô dẹp những chấp ngã nhân.

Một là bạn bè ở chốn rừng núi thảnh thơi, vì hay ngăn chặn được tâm nóng bức. Những người ở chốn rừng núi thảnh thơi, nếu chúng ta ở gần những bạn lành này thì họ có thể ngăn chặn được tâm nóng bức của mình.

Hai là bạn bè giữ kỹ giới luật, vì hay lợt lạt về ngũ dục. Những người khéo giữ giới luật, gần gũi những người bạn này chúng ta sẽ được họ nhắc nhở mà lợt lạt đối với ngũ dục thế gian.

Ba là bạn bè trí tuệ rộng lớn, vì hay ra khỏi bến mê. Những người bạn có trí tuệ rộng lớn luôn luôn nhắc chúng ta khéo tu để ra khỏi chỗ mê lầm, bước lên bờ giác.

Bốn là bạn bè nhớ giỏi hiểu rộng, vì hay giải quyết những nghi ngờ nạn vấn. Gần gũi được người hiểu rộng nhớ nhiều thì những gì chúng ta nghi ngờ đều được họ chỉ cho giải quyết không còn nghi ngờ nữa.

Năm là bạn bè sống yên vắng khắc khổ, vì hay nương nhờ để tiến thủ. Những người sống khắc khổ nơi vắng vẻ không có buông lung là người bạn tốt, gần họ thì càng ngày chúng ta càng tiến thêm.

Sáu là bạn bè khiêm hạ nhẫn nhục, vì hay làm tiêu mòn ngã mạn. Trong chúng nếu thấy người nào khiêm hạ nhẫn nhục thì chúng ta phải làm bạn thân, vì gần những người đó thì ngã mạn của mình lần lần tiêu mòn.

Bảy là bạn bè lòng thẳng nói ngay, vì hay đè bẹp các lỗi. Trong chúng có những người bạn lòng thẳng nói ngay, thấy cái gì dở thì rầy, thấy cái gì sai thì nhắc, không vị nể, cũng không bỏ qua. Gần những vị này lần lần những lỗi lầm của mình bị đè bẹp, bị sửa đổi hết.

Tám là bạn bè dõng mãnh tinh tấn, vì hay thành tựu đạo quả. Trong chúng có những người tu hành dõng mãnh tinh tấn, luôn luôn chuyên cần, nếu chúng ta gần gũi làm bạn với những vị ấy thì lần lần cũng được thành tựu đạo quả.

Chín là bạn bè xem nhẹ của cải ưa bố thí, vì hay phá lòng keo kiệt to. Ở trong chúng, người bạn nào coi nhẹ của cải, thích làm việc bố thí, gần được họ thì lâu ngày lòng keo kiệt của mình cũng hết.

Mười là bạn bè nhân từ che trùm các vật, vì hay xô dẹp những chấp ngã nhân. Những người bạn hiền lành nhân từ, đối với mọi người trong chúng, họ đều thương mến giúp đỡ, không phân biệt kia đây. Gần được họ lâu ngày thì phá được cái chấp ngã chấp nhân của mình.

Ngài Quảng Trí nhắc bảo chúng ta ở trong chúng tu hành phải lựa những người bạn lành trong mười hạng như vừa kể. Gần được những người này chúng ta dễ thành tựu đạo quả.

Nếu không có bạn trong sạch như thế, tức phải lui về ở một mình, tự lo cho xong đạo nghiệp. Nếu không chọn được bạn lành thì tốt hơn ở một mình cho yên. Như vậy thì hay, nhưng không khéo thành dở. Nếu không có người hơn mình, chỉ bằng mình hay dưới mình thì ở gần lâu ngày mình tuột xuống dốc. Cho nên người có ý chí thà ở một mình để giữ nguyên vị trí của mình, còn nếu người không có ý chí mà đi ở riêng một mình thì một thời gian sau ma dẫn đi lúc nào không hay. Đây là điều phải rất dè dặt.

Dùng tượng Phật làm thầy, dùng kinh luận làm bạn, ngoài ra những kẻ đùa chơi khác, thà dứt tuyệt chớ kết giao. Nếu trường hợp ở một mình thì phải dùng tượng Phật làm thầy, dùng kinh luận làm bạn, ngoài ra những kẻ đùa chơi khác, thà dứt tuyệt chớ kết giao.

Như vào trong vườn, dù không có hoa đẹp, cũng chẳng trồng thứ cỏ hôi, không ích gì cho tâm thưởng ngoạn, chỉ luống thêm sự chán ghét thôi. Như ở trong vườn nếu không trồng được hoa đẹp thì thôi, còn cỏ hôi thì trồng làm chi cho vô ích.

Nên hòa thượng Vĩnh Minh nói: "Thân ở trong biển khổ, cậy có thiết La-hán. Đã ra khỏi biển khổ, thì bỏ bè lên bờ kia." Nên nói: "Nếu người bên trong mang thánh thai thì nói ra lời quả cảm, khác thường, lời nói không do dự."

Ngài dẫn lời của hòa thượng Vĩnh Minh: Thân mình đang lang thang trong biển khổ, cậy có thiết La-hán tức là La-hán sắt. Nghĩa là nếu chúng ta đang ở trong biển khổ thì cần phải có ý chí quả cảm cũng như tượng La-hán sắt mọt mối không đục nổi. Thế nên, nếu chúng ta không có bạn bè, mà đang trong hoàn cảnh tu hành khó khăn, chúng ta phải lập chí vững chắc như thiết La-hán thì không cái gì phá mình được. *Đã ra khỏi biển khổ thì bỏ bè lên bờ kia.* Khi chúng ta ra khỏi biển khổ thì mới bỏ bè, vì đã đến được bờ kia. *Nên nói: Nếu người bên trong mang thánh thai, thì nói ra lời quả cảm, khác thường, lời nói không do dự.* Nếu chúng ta có được thai thánh ở trong rồi thì nói lời khẳng định, chứ không có do dự. Người nào còn nói do dự, dè dặt, đó là họ chưa có cái thật ở trong. Ngài bàn thêm:

Hoặc giả có người xem qua luận này, cho lời tôi nói là xác đáng, thì chóng nên ăn năn sửa đổi, sanh lòng rất hổ thẹn, phát đại dõng mãnh, tự nhận gánh vác lấy.

Đời nay chẳng rõ xong, còn đợi đến bao giờ? Nên nói: "Từ phàm vào thánh chưa có ai chẳng tu mà được." Nếu muốn sáng được việc trên bổn phận, đời nay chẳng nhận lấy xong xuôi, thì hãy xem văn dưới đây, giải thẳng mười bài tụng rành rẽ cả đầu đuôi.

Từ trước đến đây là phần Luận Thẳng Về Mới Điều Phục của thiền sư Quảng Trí, chứ chưa giải thẳng mười bài tụng tranh chăn trâu.

Qua bài luận này, chúng ta thấy rõ ngài Quảng Trí chí tình nói với người tu phải ráng tu cho chân chánh, đừng tu lừng chừng, đừng tu ở miệng mà không có trong lòng. Tu như vậy thì không đến đâu chẳng lợi cho mình, còn hại cho người khác, cho nên phải ráng tu cho đúng. Đồng thời phải ráng tìm bạn lành bạn tốt để nương cậy. Nếu không có bạn lành bạn tốt hơn mình thì phải lập chí cho vững, tu hành cho đến nơi đến chốn, như vậy mới thành tựu được kết quả tốt đẹp.

LUẬN GIẢI VỀ LỜI TỤNG TRANH CHĂN TRÂU

Tại kinh đô Việt Nam,
Tỳ-kheo Pháp Thông hiệu Quảng Trí
luận giải.

Phần II

- Vấn đáp về các tranh chăn trâu.
- Luận giải các bài tụng tranh chăn trâu của thiền sư Phổ Minh.
- Tổng luận về tướng viên giác tịch quang và thể chân không diệu hữu.

VẤN ĐÁP
VỀ CÁC TRANH CHĂN TRÂU

Sắp giải lời tụng tranh chăn trâu nên đặt câu hỏi đáp, bày ra đây để làm sáng tỏ.

Kính nghe, Tổ đạo mới hưng, phần diệu Bồ-đề làm đổi mới cả hai cõi. Ngọn chân phong riêng hiển lộ, pháp Đạt-ma đầu tiên mở mang ở phương Đông.

Ngưỡng trông Tổ đạo từ Tây sang, thầm bày ý chỉ riêng truyền. Cơ linh chợt gõ, tâm nguyên không vô thánh. Bẻ cành lau thẳng ra biển, chín năm ngó vách công đức cao vời. Chiếc dép trở về Tây, ngàn năm đạo hưng thịnh mãi mãi. Ân thấm khắp nơi, rừng thiền gánh vác vun bồi. Gương tuệ treo cao, nơi học địa càng mới thêm giác chiếu. Bởi Tổ đạo tùy nghi, lại thuận theo đời mà trọn lặng. Chẳng bỏ lòng từ, mới đến nơi đây, ai hay kiêng tránh?

Vả lại chánh pháp nhãn tạng là chỗ truyền bày của Phật tổ. Cửa lớn cam lồ, thật là chỗ ước mong của người học. Rộng tu nơi hệ quán, ai bảo là siêu phàm nhập thánh? Dứt sạch không dấu vết, xưa nay thông suốt cả đất trời. Ý chỉ của đức Phật chúng ta, khó lường khó nghĩ. Công của tự tánh, trọn vẹn thủy chung. Như tâm cấu nhiễm chẳng thôi dứt, thôi dứt tức Bồ-đề. Tâm nhơ sạch đã sáng tỏ, thì xưa nay chính là Phật.

Bởi Phật tổ tùy nghi lập giáo, nên những người tu trước, hoặc sau đều nhận được ân huệ. Song theo tánh tu thân để đạt đạo trong hoàn vũ. Vui với lý thiên nhiên biết rõ tánh mạng là thiền siêu vật ngoại. Khóa vàng chóng mở, thì không luận mình hay người đều giải thoát. Khối nghi đã vỡ, cần gì phải trù tính kia đây? Nên nói: "Về nguồn không hai lối, phương tiện có nhiều môn." Bởi tranh này chính là tranh chỉ thẳng, vốn vì hàng sơ cơ trung hạ mà lập bày; còn bậc căn khí Đại thừa trí bén, thì chẳng ở lời này.

Luận rằng:

Trong giáo bảo: Chỉ nhân gió cảnh thổi động, đến phải khiến cho sóng to nổi dậy. Sóng và nước tuy khác mà tánh nó thì không hai. Song nước hay chở thuyền, sóng thì hay lật úp thuyền.

Lại tranh chăn trâu này vốn lấy thức thứ sáu làm chăn, năm thức trước làm trâu.

***Hỏi*: Thế nào là chăn?**

***Đáp*: Chính như người học hay chuyển được thì thành diệu quan sát trí. Thấy sắc chẳng dính sắc, nghe tiếng chẳng phải tiếng, thơm hôi chẳng phân biệt, ngọt đắng chẳng khác, thô tế một thể, mà thành trí tự nhiên. Đó là nói thức thứ sáu là người chăn.**

***Hỏi*: Thế nào là dùng năm thức làm trâu?**

***Đáp*: Năm thức này, mỗi thứ đều có cái dụng của nó, mỗi thứ đều nương cái thể của nó, chỉ nhân vì căn bên trong, trần bên ngoài chợt gặp nhau mà sanh khởi, nên tội nghiệp từ đó dấy thành. Chính như người học hay chuyển thức thành trí, bèn thành công thành sở tác. Đó là gọi năm thức là con trâu.**

***Hỏi*: Có thấy biết gì mà ở trên tranh lại vẽ thêm tranh?**

***Đáp*: Dụng khởi từ nơi thể, thể đã thành lập, rồi sau dụng mới hiện hành. Cổ đức nói: Tâm vốn không, cảnh vốn tịch, phỏng theo lý thể thì sai mà không sai, căn cứ trên công dụng thì chẳng khác mà khác. Một hai đều vô ngại, mới vào cửa bất nhị. Thể dụng chẳng trái, mới đạp lên cảnh chân như. Chính tranh trên là thể, tranh dưới là dụng vậy.**

***Hỏi*: Thế nào là lúa mạ tốt?**

Đáp: **Đây là ngũ dục ở trong trần, nên nói là lúa mạ tốt.**

Hỏi: **Thế nào là dây thừng?**

Đáp: **Đây là giữ vững giới luật, nên là dây thừng.**

Hỏi: **Thế nào là roi vọt?**

Đáp: **Đây là chí khí cứng cỏi, nên là roi vọt.**

Hỏi: **Thế nào con trâu ban đầu đen?**

Đáp: **Đây là lâu ngày tắm nước trần cảnh, ô nhiễm với ngũ dục, nên là màu đen.**

Hỏi: **Thế nào là con trâu sau đó chóng trắng?**

Đáp: **Đây là màu chân thật sẵn vậy sờ sờ của con trâu trắng.**

Hỏi: **Thế nào là trước quên trâu?**

Đáp: **Đây là năm căn đã trở lại gốc ban đầu, nên là trước quên trâu.**

Hỏi: **Thế nào là người trâu đều chẳng thấy?**

Đáp: **Đây là tình phàm thánh hết sạch, năm uẩn đều không, lâu rồi về sau trí Bát-nhã tròn đầy, tâm cảnh cùng quên, nên người và trâu chẳng thấy.**

Hỏi: **Thế nào là tướng tròn xuất hiện?**

Đáp: **Trả lại cho ta bộ mặt thật xưa nay vậy.**

Chưa chăn có hai ý: chung và riêng. Chung là tất cả quý và tiện. Riêng là có tại gia và xuất gia.

Giảng:

Trong phần thứ nhất chỉ là những lời luận giải của ngài Quảng Trí trước khi vào đề, đến đây mới đi thẳng vào đề là Mười tranh chăn trâu. Ngài Quảng Trí trình bày rất rõ ràng thấu đáo chỗ thấy hiểu của ngài, chúng ta ứng dụng tu sẽ có kết quả tốt.

Sắp giải lời tụng Tranh chăn trâu nên ngài Quảng Trí đặt câu hỏi đáp để làm sáng tỏ.

Kính nghe, Tổ đạo mới hưng, phần diệu Bồ-đề làm đổi mới cả hai cõi. Ngọn chân phong riêng hiển lộ, pháp Đạt-ma đầu tiên mở mang ở phương Đông.

Mở đầu ngài Quảng Trí nói: Cung kính nghe được Tổ đạo. *Tổ đạo* tức là Thiền tông từ tổ Đạt-ma truyền sang. *Mới hưng* là mới được hưng khởi hay mới được hưng thịnh. *Phần diệu Bồ-đề làm đổi mới cả hai cõi* là phần Bồ-đề mầu nhiệm này làm đổi mới cả Ấn Độ cũng như Trung Hoa. Đức Phật dạy đạo giác ngộ rất là sâu mầu, nhưng lúc đầu ngài chỉ dạy các giáo lý nặng về phân chia đối đãi, còn phần sâu thẳm này ngài chưa nói rõ. Chỉ từ tổ Ca-diếp mãi đến tổ Đạt-ma, hai mươi tám vị tổ mới đem diệu Bồ-đề này làm cho hai nước Ấn Độ và Trung Hoa có một nguồn sinh lực kỳ đặc trong Phật pháp, vì vậy nói phần diệu Bồ-đề làm đổi mới cả hai cõi. *Ngọn chân phong riêng hiển lộ, pháp Đạt-ma đầu tiên mở mang ở phương Đông.* Ngọn gió chân được hiển bày thì tổ Đạt-ma là người đầu tiên đem pháp này truyền đến Trung Quốc ở phương Đông.

Ngưỡng trông Tổ đạo từ Tây sang, thầm bày ý chỉ riêng truyền. Cơ linh chợt gõ, tâm nguyên không vô thánh. Bẻ cành lau thẳng ra biển, chín năm ngó vách công đức cao vời. Chiếc dép trở về Tây, ngàn năm đạo hưng thịnh mãi mãi. Ân thấm khắp nơi, rừng thiền gánh vác vun bồi. Gương tuệ treo cao, nơi học địa càng mới thêm giác chiếu. Bởi Tổ đạo tùy nghi, lại thuận theo đời mà trọn lặng. Chẳng bỏ lòng từ, mới đến nơi đây, ai hay kiêng tránh?

Ngưỡng trông Tổ đạo từ Tây sang tức là Thiền tông từ tổ Đạt-ma ở Ấn Độ Tây Thiên Trúc truyền sang Trung Quốc. *Thầm bày ý chỉ riêng truyền* là thầm chỉ bày ý chỉ biệt truyền. Giáo ngoại biệt truyền gọi là riêng truyền. *Cơ linh chợt gõ, tâm nguyên không vô thánh.* Câu này mới nghe rất là khó hiểu. Tổ Đạt-ma khi đến phương Nam nước Trung Hoa, gặp vua Lương Võ Đế, Vua nghe Tổ đến liền cho người đón về triều. Khi Tổ vào triều, câu hỏi đầu tiên của nhà vua là: "Bạch Ngài, tôi đã từng cất chùa, độ tăng, cúng dường... như vậy có công đức nhiều ít?" Tổ trả lời: "Không công đức." Đó là tạt một gáo nước lạnh vào mặt nhà vua, Vua không vui mới hỏi tiếp: "Thế nào là đệ nhất thánh đế?" Tức là ở đây câu *tâm nguyên không*, nghĩa là tâm thể rỗng lặng, Tổ đáp ngay: "Thênh thang không thánh." Nói không thánh làm cho vua Lương Võ Đế thất vọng. Vua hỏi thêm: "Vậy đối trẫm là ai?" Tổ trả lời: "Không biết." Luôn ba câu đáp dường như là ba gáo nước lạnh tạt vào mặt nhà vua nên Vua không vui. Tổ biết cơ duyên không thuận, nhà vua không hiểu mình nên: *Bẻ cành lau thẳng ra biển,*

chín năm ngó vách công đức cao vời. Do đó ngài qua sông, nói cành lau qua biển nhưng thật ra là cành lau qua sông vì chỗ của vua Lương Võ Đế là đất Nam Kinh, ở gần bờ sông Trường Giang hay sông Dương Tử. Nay muốn sang phương Bắc, ngài đến bờ sông bẻ cành lau bỏ xuống làm như con thuyền đi qua sông. Ngài đi thẳng về phương Bắc đến chùa Thiếu Lâm, chín năm ngồi xây mặt vào vách.

Như vậy đoạn này diễn tả khi tổ Đạt-ma sang Trung Hoa, ngài muốn truyền bá câu châm ngôn: "Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật." Vua Lương Võ Đế tuy hiểu kinh rất giỏi, rành rẽ kinh Kim Cang, kinh Bát-nhã, nhưng qua lý này nhà vua không lãnh hội được, nên khi hỏi về công đức cất chùa độ tăng v.v... Tổ đáp không công đức, Vua thấy có một cái gì không ổn; Vua hỏi tiếp: thế nào là đệ nhất thánh đế, thì Tổ đáp rỗng thênh không thánh, đó là điều thứ hai không ổn; đến câu thứ ba: vậy đối trẫm là ai, Tổ đáp không biết. Một mạch ba câu, không câu nào nhà vua chấp nhận, cho nên Tổ biết duyên chưa đến, liền ban đêm lén bỏ cung vua qua sông đi về phương Bắc đến chùa Thiếu Lâm. Đến đấy Tổ biết cơ duyên độ người chưa đến, Tổ mới chín năm ngồi xây mặt vào vách. Sau Thần Quang đến và Tổ hướng dẫn cho ngộ đạo rồi trao y bát cho Thần Quang, đổi tên là Huệ Khả. Từ đó Tổ mới quảy một *chiếc dép trở về Tây, ngàn năm đạo hưng thịnh mãi mãi*. Tổ quảy một chiếc dép trở về Ấn Độ, nhưng ở Trung Hoa cả ngàn năm sau, đạo Tổ hay là Thiền tông vẫn hưng thịnh.

Ân thấm khắp nơi, rừng thiền gánh vác vun bồi. Ân đức của Tổ truyền bá, mọi nơi đều thấm nhuần, đều mang ân trọng. Trong rừng thiền, những người sau, các thiền sư đều là người gánh vác vun bồi. *Gương tuệ treo cao, nơi học địa càng mới thêm giác chiếu.* Gương trí tuệ của ngài chỉ cho mọi người nhận ra hiểu thấu chẳng khác nào gương sáng treo trên cao; mỗi người trên phương diện tu học tiến vào hàng học đạo cao siêu, càng ngày càng được lối đi sáng suốt, tỉnh giác chiếu soi rõ ràng. Đó là tán thán công đức của tổ Đạt-ma. *Bởi Tổ đạo tùy nghi, lại thuận theo đời mà trọn lặng.* Đạo Thiền là đạo tùy theo trình độ, tùy theo hoàn cảnh của mỗi nơi, đó là tùy nghi; lại thuận theo đời, nơi nào xứ nào cũng tùy theo tâm tánh những người nơi đó mà khéo uốn nắn, khéo hướng dẫn cho họ đều trở thành hoàn toàn thanh tịnh. *Chẳng bỏ lòng từ mới đến nơi đây, ai hay kiêng tránh?* Tổ muốn đem chánh pháp nhãn tạng truyền bá ở phương Đông, đó là lòng từ bi lớn lao của Tổ, nên ngài mới đến Trung Hoa. Như vậy Tổ là người có tấm lòng hy sinh cao cả, đem đạo truyền bá một nơi xa lạ, không ngại những khó khăn, nên nói ai hay kiêng tránh tức là không tránh né, không e sợ. Tổ xuống thuyền ra biển trải qua một thời gian khá dài mới đến Trung Hoa truyền đạo. Đó là chuyện hy hữu, phải là một con người can đảm kiên cường mới có thể làm được. Đây là phần tán thán công đức tổ Đạt-ma đối với thiền tông.

Vả lại chánh pháp nhãn tạng là chỗ truyền bày của Phật tổ. Cửa lớn cam lồ, thật là chỗ ước mong của người học. Rộng tu nơi hệ quán, ai bảo là siêu phàm

nhập thánh? Dứt sạch không dấu vết, xưa nay thông suốt cả đất trời. Ý chỉ của đức Phật chúng ta, khó lường khó nghĩ. Công của tự tánh, trọn vẹn thủy chung. Như tâm cấu nhiễm chẳng thôi dứt, thôi dứt tức Bồ-đề. Tâm nhơ sạch đã sáng tỏ, thì xưa nay chính là Phật.

Đến đây ngài Quảng Trí nói thẳng về Thiền tông, nói về chủ yếu của chánh pháp mà tổ Đạt-ma đã truyền sang Trung Quốc và các nước sau này. *Chánh pháp nhãn tạng* nói theo nghĩa thường, chánh pháp là pháp chân chánh, tạng là kho, nhãn tạng là kho tàng con mắt, tức là cái chánh pháp mà đức Phật chỉ cho tổ Ca-diếp, cũng như tổ Đạt-ma truyền sang cho tổ Huệ Khả. Chánh pháp nhãn tạng là kho con mắt của chánh pháp tức là cái gốc của sự giác ngộ, là chỗ truyền bày của Phật của tổ. *Cửa lớn cam lồ thật là chỗ ước mong của người học.* Cam lồ có chỗ đọc là cam lộ, lòng từ bi của chư Phật thường dụ như nước cam lồ. Chánh pháp nhãn tạng này đem chỉ dạy cho mọi người, là lòng từ bi mở rộng của Phật của tổ, nên nói cửa lớn cam lồ, tức là cửa lớn của từ bi, cũng là cửa lớn của chánh pháp. *Thật là chỗ ước mong của người học.* Ai học cũng mơ ước đến chỗ cứu cánh mà đây là pháp cứu cánh. *Rộng tu nơi hệ quán, ai bảo là siêu phàm nhập Thánh?* Trước khi tổ Đạt-ma sang, ở Trung Hoa những vị tu thiền đều dùng pháp quán chiếu hoặc là quán về tứ niệm xứ như các vị tu theo hệ A-hàm, hoặc quán các pháp là không theo hệ Bát-nhã v.v... Nhưng dù tu theo các hệ quán đó cũng chưa phải là siêu phàm nhập thánh, vì còn có chỗ cột tâm. Quán là phải quán chiếu, thí dụ như hệ Bát-nhã quán các pháp như huyễn,

lúc nào cũng thấy tướng huyễn hóa của các pháp mà không thấy được tướng chân thật, như vậy chưa phải là siêu phàm nhập thánh.

Dứt sạch không dấu vết, xưa nay thông suốt cả đất trời. Thiền tông là dứt sạch không còn hai bên, không còn huyễn cũng không còn thật, không còn có cũng không còn không, tức là dứt sạch hết không có dấu vết. Khi tâm mình không còn một vết nào thì đó là thông suốt cả đất trời. *Ý chỉ của đức Phật chúng ta khó lường khó nghĩ.* Thế nên chỗ đức Phật chú tâm lưu ý để dạy những đệ tử lớn là chỗ thật khó lường khó nghĩ. *Công của tự tánh trọn vẹn thủy chung.* Công của tự tánh tức của tánh giác mới thật là trọn vẹn thủy chung. Thủy là trước, chung là sau, nghĩa là tánh giác của chúng ta là một cái từ xưa mãi đến sau này không bao giờ đổi thay, không bao giờ sanh diệt nên nói là trọn vẹn thủy chung. *Như tâm cấu nhiễm chẳng thôi dứt, thôi dứt tức Bồ-đề.* Trong tâm chúng ta hiện nay có những thói quen cấu nhiễm. Cấu nhiễm là nhơ bẩn. Những gì là nhơ bẩn? Tham sân si là nhơ bẩn; ngã mạn, kiêu căng... là nhơ bẩn, tất cả đều là tâm cấu nhiễm. Phàm phu thì tâm cấu nhiễm chẳng thôi dứt, mà một khi thôi dứt tức là Bồ-đề, là giác ngộ chứ không có gì lạ, như để bàn tay úp, lật lại là ngửa. Đang nuôi dưỡng cấu nhiễm dụ như bàn tay úp, nay buông bỏ cấu nhiễm là như bàn tay lật ngửa lại, dễ hay khó? Xa hay gần? Cấu nhiễm cũng nơi đó, Bồ-đề cũng nơi đó, không có hai. Đó là mục tiêu, chủ yếu mà đức Phật và chư tổ chỉ cho chúng ta tu, tu là dứt sạch những cấu nhiễm, cấu nhiễm dứt thì Bồ-đề hiện.

Tâm nhơ sạch đã sáng tỏ thì xưa nay chính là Phật. Tâm nhơ, tâm sạch mình đã biết, đã thấy tường tận thì cái thấy tường tận tâm nhơ tâm sạch chính là tâm Bồ-đề, tâm chư Phật. Cho nên chúng ta đừng đi tìm Phật ở đâu mà chính chúng ta phải sạch hết những tâm đối đãi tức là tâm chấp nhơ, tâm chấp sạch đều thấu rõ tường tận thì Phật ngay chúng ta chứ không ở đâu xa.

Bởi Phật tổ tùy nghi lập giáo, nên những người tu trước, hoặc sau đều nhận được ân huệ. Song theo tánh tu thân để đạt đạo trong hoàn vũ. Vui với lý thiên nhiên biết rõ tánh mạng là thiền siêu vật ngoại. Khóa vàng chóng mở, thì không luận mình hay người đều giải thoát. Khối nghi đã vỡ, cần gì phải trù tính kia đây? Nên nói: "Về nguồn không hai lối, phương tiện có nhiều môn." Bởi tranh này chính là tranh chỉ thẳng, vốn vì hàng sơ cơ trung hạ mà lập bày; còn bậc căn khí Đại thừa trí bén, thì chẳng ở lời này.

Bởi Phật tổ tùy nghi lập giáo, nên những người tu trước, hoặc sau đều nhận được ân huệ. Đức Phật và chư tổ tùy theo hoàn cảnh, phương tiện mà lập ra giáo pháp chỉ dạy mọi người, nên những người tu trước hoặc những người tu sau đều nhận được ân huệ của Phật tổ. Như trong kinh A-hàm, đức Phật dạy tu thiền quán tứ niệm xứ là quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đức Phật nói rõ người nào nơi tứ niệm xứ, trụ tâm không dời đổi trong vòng bảy năm thì người đó sẽ chứng quả từ Tu-đà-hoàn đến cứu cánh trí hoặc A-na-hàm. Rồi Phật bớt dần xuống còn bảy tháng, bảy ngày bảy đêm nếu trụ tâm không dời đổi

nơi tứ niệm xứ thì sẽ chứng cứu cánh trí hoặc A-na-hàm. Vậy tu khó hay dễ? Bảy ngày không có nhiều, chỉ trong vòng bảy ngày thì chứng quả, chứ đâu có nói mười năm hai mươi năm, một kiếp hai kiếp. Nhưng chúng ta trụ tâm được không? Chỉ có khoảng một giờ mà nó còn chạy tứ tung, ngồi ngó xuống chăm chăm mà nó còn chạy ngược chạy xuôi, huống nữa là đến một ngày! Đó là nói về Thiền. Về Tịnh độ thì trong kinh dạy rất rõ: Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày cho đến bảy ngày niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nhất tâm bất loạn thì khi nhắm mắt được về cõi Phật. Nghĩa là hoặc một ngày, hoặc hai ngày... đến bảy ngày trụ nơi danh hiệu đức Phật A-di-đà không dời đổi, tức là không có niệm nào chen vào thì khi nhắm mắt nhất định được về cõi Phật. Như vậy cả hai cũng giống nhau, đó là phương tiện. Người thích niệm Phật thì dạy niệm Phật, người thích thiền quán thì dạy thiền quán, đều phải trụ tâm bảy ngày không dời đổi mới thành công. Nay tôi chỉ yêu cầu một giờ thôi, người nào một giờ mà tâm không dời đổi thì người đó cũng là khá rồi, là hàng thiện tri thức bậc nhất đó. Một giờ nghe gần quá, nhưng chưa hẳn trụ tâm nổi vì chúng ta quen chạy ngược chạy xuôi, chạy đông chạy tây, không biết chạy để làm gì! Nhiều niệm vô lý vô cớ mà cũng cứ nghĩ, đó là cái tâm dao động không làm chủ được. Nhưng khi chúng ta làm chủ được thì nó sẽ dừng lại rồi từ đó chúng ta mới có sức mạnh điều khiển hoặc dẹp được nó. Còn nếu chúng ta chạy theo nó thì suốt kiếp chạy theo tâm vọng tưởng. Vọng tưởng là nhân tạo nghiệp, chạy theo nó là chạy theo nghiệp, nên khi nhắm mắt nó dẫn chúng ta chạy hết chỗ này đến chỗ kia,

gặp chỗ đúng thì ở lâu, chỗ không đúng thì năm ba năm, hai ba tháng lại bỏ đi kiếm chỗ khác. Cứ như thế mà chạy nên nói nó dẫn chúng ta đi trong luân hồi, tức là trầm luân trong sanh tử. Nay muốn hết luân hồi thì phải làm chủ nó. Chuyện rất đơn giản. Tại sao chúng ta luân hồi? Vì vọng tưởng tạo thành nghiệp dẫn chúng ta đi, nay muốn dừng nghiệp thì chúng ta phải làm chủ vọng tưởng. Khi nào vọng tưởng lặng hết, chỉ còn một tâm sáng rỡ, thì lúc đó hết luân hồi, đó là giác ngộ là giải thoát, nói hơi to một chút thì đó là Phật. Như vậy việc tu dường như khó mà không phải khó, không phải khó tức là dễ, mà cũng không phải dễ. Phải là người gan dạ can đảm lắm mới làm mau, còn người nào nhút nhát yếu đuối thì không thể thành tựu. Đó là chỗ chân thật Phật tổ đã dạy. Dù cho quán tứ niệm xứ hay niệm Phật được nhiếp tâm đều có lợi ích.

Song theo tánh tu thân để đạt đạo trong hoàn vũ. Vui với lý thiên nhiên biết rõ tánh mạng là thiền siêu vật ngoại. Những pháp tùy nghi lập giáo là những pháp ai tu cũng đều có lợi ích. Nhưng ngay trong cõi đời này, chúng ta nhận ra bản tánh để tu ngay nơi thân mình. Sống với lý thiên nhiên, biết rõ tánh mạng, không phải là tánh mạng theo Nho, mà biết rõ được nơi mình có tánh giác bất sanh bất diệt. Đó là người tu thiền siêu vật ngoại, vượt ngoài tất cả các hiện tượng đối đãi sanh diệt. Đó là lối tu thiền cao siêu hơn cả, không phải tùy nghi lập giáo, mà là chỉ thẳng tâm tánh của chính mình. Nhận được tánh giác hằng nhiên bất sanh bất diệt, ngay nơi đó mình tu, thì đó là thiền siêu vật ngoại.

Khóa vàng chóng mở, thì không luận mình hay người đều giải thoát. Khóa vàng là dịch chữ kim tỏa, trong nhà thiền là chỉ chúng ta bị những vòng dây xích bằng vàng xiềng lại. Những dây xích bằng sắt, bằng chì, kẽm với dây xích bằng vàng xiềng mình thì chúng ta chịu cái nào hơn? Dây xích bằng sắt, chì, kẽm xem xấu quá, khổ quá, nếu xích bằng vàng thì khổ không? Người ta tưởng xích bằng vàng là đẹp vì con người thích những gì quý giá, nhưng thật ra xích bằng vàng mới là đáng sợ hơn. Ở thế gian người ta thường sợ những cảnh trái nghịch mà thích những cảnh tốt thuận. Người tu thì ngược lại. Thí dụ như có một Phật tử hâm mộ tu hành, nếu Phật tử đó bị anh em ghét bỏ, cha mẹ không ưa thì đi tu rất dễ. Gia đình không thương, đó là nghịch cảnh nhưng đối với sự tu hành lại rất là thuận. Trái lại có người thích đi tu mà cha mẹ thương không nỡ rời một ngày, anh em cũng quý trọng thì người đó rất khó đi tu. Đó là cái khóa vàng. Dây xích bằng kẽm, bằng sắt, bằng chì chúng ta sợ chúng ta tránh, còn khóa vàng thấy đẹp quá nên thích thành ra bị khóa lại mở không được. Nói thẳng, người tu khi vào đạo được thầy thương bạn quý muốn gì cũng được như ý, người đó tu khó tiến. Còn người tu bị những trận rầy quở, rồi phiền não v.v... mà vượt qua được thì tu mới tiến. Cho nên đừng đòi hỏi vào đạo phải được mọi điều như ý. Chính những điều bất như ý là cơ hội tốt để mình tiến lên, còn những việc như ý là những khóa vàng làm chúng ta dính kẹt mãi. Khóa sắt mở ra, được giải thoát là chuyện thường, khóa vàng mở chúng ta cũng được giải thoát. Người ta trói mình

bằng dây xích sắt hay trói mình bằng dây xích vàng thì hai cái khổ cũng giống nhau, vì đều là bị trói. Cho nên đây nói khi thoát được khóa vàng thì không luận mình hay người đều được giải thoát.

Khối nghi đã vỡ, cần gì phải trù tính kia đây? Nếu người tu thiền mà khối nghi nát rồi thì đừng nói là kia là đây, tức là không còn thấy hai nữa, đều đi tới giải thoát. *Nên nói: "Về nguồn không hai lối, phương tiện có nhiều môn."* Về nguồn là trở về cội gốc, nguồn chỉ là một thôi nhưng phương tiện thì dường như có nhiều thứ nên nói có nhiều môn. *Bởi tranh này chính là tranh chỉ thẳng.* Mười bức tranh chăn trâu là mười bức tranh chỉ thẳng theo tánh cách thiền tông. *Vốn vì hàng sơ cơ trung hạ mà lập bày.* Vì người tu còn bậc hạ căn, bậc trung căn nên lập ra để chỉ cho họ tu. *Còn bậc căn khí Đại thừa trí bén, thì chẳng ở lời này.* Ai thuộc về hạng thượng căn thượng trí Đại thừa thì nhìn liền hiểu khỏi cần phải học từng bức tranh. Vậy những bức tranh này dành cho người trung căn, hạ căn muốn tu thiền. Quý vị nhắm mình thuộc hạng nào? Nếu thượng căn thì xếp lại, nếu trung hạ căn thì phải học kỹ.

Luận rằng:

Trong giáo bảo: Chỉ nhân gió cảnh thổi động, đến phải khiến cho sóng to nổi dậy. Sóng và nước tuy khác mà tánh nó thì không hai. Song nước hay chở thuyền, sóng thì hay lật úp thuyền.

Giáo tức là kinh. Câu thí dụ này rất cụ thể, đây là dẫn trong kinh: *Chỉ nhân gió cảnh thổi động, đến phải*

khiến cho sóng to nổi dậy. Tâm thể nguyên là không động, do gió cảnh thổi mới động, gió cảnh là dụ cho cảnh bên ngoài. Như chúng ta đang yên, lòng mình bình thản sáng suốt, chợt có ai đi ngang chỉ mặt mình nói: anh là đồ ngu, thì lúc đó ra sao? Tâm đang yên phẳng lặng liền dấy lên. Nếu dấy nhẹ thì còn kháng cự được, dấy mạnh thì thốt ra lời, đến một lúc thành chửi nhau. Như thế chỉ có gió cảnh thổi đến một chút mà tâm đang bình thản liền dấy động, cái nóng giận dấy lên gọi là sóng. Từ gió cảnh thổi, sóng nổi lên nếu không hạn chế, không ngăn cản được thì nguy hiểm cho nên nói: *Sóng và nước tuy khác mà tánh nó thì không hai.* Lúc tâm bình thản là ví dụ như nước bằng phẳng ở mặt hồ, mặt sông hay biển. Rồi gió cảnh thổi liền nổi sóng, khi ấy sóng với nước là một hay là hai? Thể nó không hai, nhưng không thể nói nước là sóng vì nước đâu có từng lượn. Như vậy bản thân lượn sóng là nước, nhưng khi dấy lên từng lượn rồi thì thấy nước và sóng thành như hai. Tuy hai nhưng thể nó là một.

Song nước hay chở thuyền, sóng thì hay lật úp thuyền. Hai cái công dụng khác nhau, nước chở thuyền mà sóng làm lật úp thuyền. Vậy nước và sóng cái nào hại? Tâm đang phẳng lặng là dụ cho nước bằng phẳng. Nếu tâm phẳng lặng thì không hại mình hại người, chỉ gió cảnh thổi tới thì nổi sóng đùng đùng lên, đó là bắt đầu có hại. Sóng không phải từ đâu lại, cũng ngay trong tâm yên tịnh mà ra. Từ tâm yên tịnh dấy lên nóng giận buồn phiền, từ nóng giận buồn phiền tạo thành tội ác.

Như vậy chúng ta thấy rõ nếu tâm chúng ta luôn an tịnh thì chúng ta không tạo thành tội lỗi, không tạo khổ đau cho mình cho người. Chỉ vì những lượn sóng tham sân si dấy động nên tạo ra bao nhiêu thứ tội lỗi. Nếu người tu khéo giữ tâm bình thản an nhiên từ sớm đến chiều thì chắc đời mình ít tạo tội. Trái lại nếu tâm mình loạn động, nổi sóng ầm ầm thì ra cửa, vào nhà gặp ai cũng tranh cãi, cũng gây chuyện, không úp thuyền này thì cũng úp thuyền khác, sóng dậy thì hại người hại vật không tránh khỏi. Thế nên người tu chúng ta phải khéo dừng tâm loạn động gọi là sóng đó, để trở về tâm thanh tịnh tức là mặt nước bằng phẳng. Làm thế nào mà được người khen chúng ta vẫn thản nhiên, bị người chửi chúng ta cũng thản nhiên, như vậy cả ngày chắc là bình an vô sự. Nếu được người khen mình mừng vui, bị người chửi mình nổi giận, thì cả ngày dao động hoài, vì có người khen thật, có người khen dối để lừa gạt hoặc có người chê thẳng hoặc chê mỉa mai thành ra mình phiền não cả ngày. Như vậy cuộc đời có bình an hay không là tại tâm chúng ta có an hay không.

Phật tử đến chùa thắp hương lạy Phật, luôn khấn nguyện Phật gia hộ cho được bình an, mà không chịu hạ lượn sóng lớn trong tâm xuống. Sóng không lặng thì có bình an được không? Quý vị nên mỗi sáng thắp hương rồi hướng vào tâm mình, nguyện ngày nay tâm tôi được bình an, đừng nổi sóng gió. Như vậy bảo đảm hơn, còn nguyện Phật mà sóng trong tâm không dừng thì Phật làm sao cứu kịp? Vì thế người tu quay lại nhìn thẳng vào mình để tự giải quyết thì đó là sự thật,

còn cầu bên ngoài mà không chịu sửa mình thì đó là chuyện hư dối. Người tu thiền phải là người dám nhìn lẽ thật để quyết định một hướng đi, một đường lối tu hành, chứ không trông cậy ỷ lại vào ai cả. Đó là lời mở đầu ngài nói cho chúng ta hiểu.

Lại tranh chăn trâu này vốn lấy thức thứ sáu làm chăn, năm thức trước làm trâu. Ngài nói thẳng rất là dễ hiểu, chăn là thức thứ sáu, trâu là năm thức trước. Nay hỏi chúng ta chăn là chăn cái gì? Mắt thấy sắc đẹp xấu, tai nghe tiếng phải quấy, mũi ngửi mùi thơm hôi, lưỡi nếm vị ngon dở, thân xúc chạm vật thô mịn, chăn những căn đó. Nhưng thật ra là chăn năm thức của năm căn khi xúc chạm với năm trần. Mắt vừa thấy sắc đẹp xấu thì chăn đừng cho nó mến cái đẹp, ghét cái xấu. Mũi ngửi mùi thơm hôi thì chăn đừng cho nó thích mùi thơm, ghét mùi hôi. Lưỡi nếm vị ngon dở thì chăn đừng cho nó thích vị ngon, ghét vị dở. Nếu không, đến bữa ăn vừa cho một đũa cơm cùng thức ăn vào miệng, thấm vào lưỡi, vừa với lưỡi thì ăn xem có vẻ hăng hái còn không thì bất mãn, để chén xuống. Nếu là người có uy trong gia đình thì dằn chén rầy la. Đến lỗ tai nghe tiếng khen chê, chăn đừng cho thích tiếng khen đừng cho oán tiếng chê, cả ngày luôn luôn chăn mắt tai mũi lưỡi thân. Như vậy, gọi năm căn là con trâu. Năm căn của chúng ta có thích chạy không? Hẳn là rất thích. Thế nên đức Phật dạy các Tỳ-kheo đi ngó xuống cho mắt đỡ chạy, ở chỗ vắng cho tai ít nghe thì chăn đỡ nhọc một chút, chứ đi ra chợ ngó tứ phía thì chăn không nổi, khi về nhà nó cũng lồng lộn không chịu đứng yên.

Cái gì chăn? Ý nghĩ của chúng ta biết chăn, vì ý nghĩ có hai: ý nghĩ a dua theo năm căn và ý nghĩ chăn giữ năm căn. Ý nghĩ a dua theo năm căn là mắt vừa thấy sắc liền chạy ra phân tích sắc đẹp xấu, rồi khởi niệm khen chê; tai vừa nghe tiếng liền chạy theo phân biệt là tiếng khen hay chê rồi thương ghét v.v... Đó là người chăn a dua theo con trâu, trâu đi đâu nó cũng vui, cũng mặc kệ không lôi kéo trở lại, nên trâu ăn lúa mạ của người, bị người đánh đòn, bị người trói cột. Trong bài này nói cái ý ngăn chặn không cho năm căn tạo nghiệp gọi là chăn. Ý ngăn chặn là ý biết tu, còn ý a dua là ý chạy theo dục lạc chưa biết tu, chúng ta phải nhớ như vậy. Quý vị kiểm lại xem hiện nay mình có ý a dua theo năm căn hay là ý chăn giữ năm căn. Chỉ bao nhiêu đó đủ biết đạo đức của mình cao thấp. A dua theo là chưa có đạo đức, là phàm tục. Nếu a dua theo đôi chút thì còn đỡ, còn a dua theo trọn vẹn thì không thể dùng được nữa. Biết chăn giữ là bắt đầu quay về đạo đức, cho nên hiểu được chỗ này, nghiệm lại thì thấy rõ chúng ta đang là người tu hành tỉnh táo sáng suốt hay là người đang đắm theo ngũ dục lạc: sắc thanh hương vị xúc.

Tóm lại, để cho ý thức a dua theo năm căn đuổi theo ngũ dục, đó là đắm mê trần tục. Nếu biết chăn giữ không cho nó chạy theo ngũ dục, đó là quay về đạo đức, tức là gìn giữ, lôi con trâu trở lại không cho đi nữa. Hiểu được ý này thì vào trong bài mới hiểu được chỗ tu hành. Chăn là cái ý thức đạo đức tu hành, tức là chuyển ý thức trở về tu hành cho nên nó thành thằng chăn để chăn con trâu tức là năm căn.

Hỏi: Thế nào là chăn?

Đáp: Chính như người học hay chuyển được thì thành diệu quan sát trí. Thấy sắc chẳng dính sắc, nghe tiếng chẳng phải tiếng, thơm hôi chẳng phân biệt, ngọt đắng chẳng khác, thô tế một thể, mà thành trí tự nhiên. Đó là nói thức thứ sáu là người chăn.

Chính như người học hay chuyển được thì thành diệu quan sát trí. Người học chuyển được ý thức, chăn giữ năm căn thì ý thức trở thành diệu quan sát trí. Trong tám thức chuyển thành tứ trí thì ý thức biết chăn giữ trâu chuyển thành diệu quan sát trí. *Thấy sắc chẳng dính sắc, nghe tiếng chẳng phải tiếng, thơm hôi chẳng phân biệt, ngọt đắng chẳng khác, thô tế một thể, mà thành trí tự nhiên. Đó là nói thức thứ sáu là người chăn.* Nói thức thứ sáu chứ thật ra đó là dụng của trí rồi. Chuyển thức thứ sáu thành diệu quan sát trí, nó chăn năm căn, căn thứ nhất là thấy sắc chẳng dính sắc, căn thứ hai nghe tiếng chẳng phải tiếng, nếu nói chẳng kẹt với tiếng thì rõ hơn. Nói thơm hôi chẳng phân biệt thì không được. Thơm thì biết thơm, hôi thì biết hôi chứ không phân biệt thì mũi không còn dùng được. Đây nói chẳng phân biệt nghĩa là thơm hôi mình vẫn thản nhiên, vẫn tự tại. Ngọt đắng chẳng khác cũng không được. Ngọt mà không biết ngọt thì lưỡi đó không còn dùng được, nên những chữ này cũng còn giới hạn, chúng ta phải hiểu cho rõ. Ngọt đắng chẳng khác là không đòi thêm ngọt cũng không bớt đắng. Chúng ta thường ưa những gì ngọt bùi và không thích những gì cay đắng. Nhưng ở đời cũng có người thích cay đắng như trong bữa ăn

thiếu ớt thì không vui. Đây nói ngọt nói đắng là nói chung, ngọt là những thứ ngon, đắng là những thứ dở, lưỡi biết ngon mà không đòi thêm, biết dở mà không bảo bớt, đó là chỗ tu chân thật của chính mình. Thô là vật nhám cứng, tế là vật mịn nhuyễn. Thân cũng không đòi vật tế, ghét vật thô. Mà thành trí tự nhiên là đối với năm điều đó mình không ưa ghét, không dính mắc, thì được trí tự nhiên. Như vậy thức thứ sáu chăn năm thức kia hay năm căn kia không cho nhiễm ngũ dục, đó là thằng chăn ngừa con trâu.

Hỏi: Thế nào là dùng năm thức làm trâu?

Đáp: Năm thức này, mỗi thứ đều có cái dụng của nó, mỗi thứ đều nương cái thể của nó, chỉ nhân vì căn bên trong, trần bên ngoài chợt gặp nhau mà sanh khởi, nên tội nghiệp từ đó dấy thành. Chính như người học hay chuyển thức thành trí, bèn thành công thành sở tác. Đó là gọi năm thức là con trâu.

Năm thức là năm thức của năm căn. Đây nói rõ thức thứ sáu, nếu chúng ta mê thì nó là con khỉ, tạo thành nghiệp dẫn mình đi luân hồi. Trái lại nếu chúng ta biết chăn thì ý thức trở thành trí, gọi là diệu quan sát trí, nó chăn năm thức của năm căn không cho nhiễm ngũ dục, thì năm thức trước biến thành thành sở tác trí. Tại sao? Vì tự năm thức năm căn không biết tu. Mũi biết tu không? Nó ngửi thì cứ ngửi, thơm biết thơm, hôi biết hôi, nhưng thích mùi thơm, ghét mùi hôi là do thức ở trong hòa hợp với ý thức để phân tích thơm thế nào, đáng thích hay không, hôi thế nào, đáng ghét không v.v...

Ý thức hợp tác với tỹ thức thành ra tạo nghiệp. Nay ý thức ngăn đón canh chừng năm căn không cho dính với năm trần thì nó là diệu quan sát trí, năm thức của năm căn biến thành thành sở tác trí, nghĩa là do công dụng của ý thức chăn giữ mà năm thức trước trở thành trí chứ không phải tự nó tu. Hiểu như vậy nên đi đâu chúng ta cũng dùng trí để quan sát mắt thấy sắc có nhiễm không để gỡ, tai nghe tiếng có dính không để xóa cho sạch. Đó là ý thức chuyển thành diệu quan sát trí, ngăn ngừa không cho năm thức trước dính với ngũ dục, nên gọi là chăn trâu.

Nay hỏi ai chăn trâu dở chắc là đông lắm, còn hỏi ai chăn giỏi chắc chỉ có ít người, vì chúng ta là những chú mục đồng lười biếng cầm roi cầm dây mà trâu đi đâu cũng mặc. Nhiều khi chúng ta giống những chú chăn trâu dọc theo đường lộ, ngồi đánh đáo, đánh bài hoặc ngồi chơi mà trâu đi đâu cũng không hay. Những người mới tu cũng giống như vậy, cặm cụi lo việc này việc kia mà quên trâu đang làm gì chạy đến đâu, nhiều khi từ sáng đến chiều hỏi trâu đi đâu, trâu ra sao, trắng hay đen, đều không biết. Đó là mục đồng quá dở lại thêm tội lười. Thế nên việc tu là chăn trâu thì phải biết chăn cho đúng.

<u>Hỏi</u>: Có thấy biết gì mà ở trên tranh lại vẽ thêm tranh?

<u>Đáp</u>: Dụng khởi từ nơi thể, thể đã thành lập, rồi sau dụng mới hiện hành. Cổ đức nói: Tâm vốn không, cảnh vốn tịch, phỏng theo lý thể thì sai mà không sai,

căn cứ trên công dụng thì chẳng khác mà khác. Một hai đều vô ngại, mới vào cửa bất nhị. Thể dụng chẳng trái, mới đạp lên cảnh chân như. Chính tranh trên là thể, tranh dưới là dụng vậy.

Hỏi: Có thấy biết gì mà ở trên tranh lại vẽ thêm tranh? Khi xưa chỉ vẽ tranh dưới thôi, không có vẽ phần trên. Tranh dưới chúng ta thấy con trâu đen chạy, chú chăn cầm roi đuổi theo để dụ nó. Hình ảnh trên là gì? "Khoan hoài du ngoạn ẩm tửu" là trong lòng thích vui chơi uống rượu. Hình vẽ ba người đang ngồi uống rượu với nhau. Hình trên là lý để nói lên lẽ thật, hình dưới là sự, là hình ảnh tượng trưng tức là thí dụ cho chúng ta biết. Thế nên có người nghi hỏi: Có thấy biết gì mà ở trên tranh lại vẽ thêm tranh? Vì từ xưa đến nay chỉ có bức tranh con trâu đen chạy đi, chú mục đồng cầm roi và nắm cỏ nhử để kéo nó về.

Đáp: Dụng khởi từ nơi thể, thể đã thành lập, rồi sau dụng mới hiện hành. Tất cả dụng đều phát khởi từ thể, mà thể đã được thành lập rồi thì dụng mới hiện hành.

Cổ đức nói: Tâm vốn không, cảnh vốn tịch, phỏng theo lý thể thì sai mà không sai, căn cứ trên công dụng thì chẳng khác mà khác. Tâm vốn là không, cảnh vốn là tịch, có gì dính mắc đâu. Thế nào là không? Thế nào là tịch? Như chúng ta đến trước chùa nhìn cây tùng, cây tùng là cây tùng, nó không mời rủ mình, cũng không khoe tôi đẹp, anh kia xấu. Tâm chúng ta trước khi nhìn cây tùng cũng không có gì, nhưng nhìn một lúc,

ngắm nghía rồi khởi niệm cây tùng này đẹp. Từ khởi niệm cây tùng đẹp rồi thích, rồi có niệm mơ ước muốn trồng, đến niệm tìm chỗ xin hoặc mua. Nếu mua không có thì hôm nào lén cắt một cành về giâm, như vậy là trở thành ăn trộm. Cây tùng có quyến rũ chúng ta không? Nó là tịnh, nó như vậy thôi, không nói một lời, không dụ dỗ ai. Nếu thấy nó mà tâm mình vẫn lặng thì tâm không, nhưng vừa dấy niệm phân biệt liền ưa thích, từ ưa thích đi tới trộm cắp! Vậy lỗi ngay chỗ nào? Ngay chỗ dấy niệm phân biệt. Nay nhìn cây tùng mà không dấy niệm thì tâm mình vẫn không, cảnh vẫn tịch, chỉ vì dấy niệm mới sanh chuyện. Từ việc này xét ra việc ngoài thế gian cũng như ở trong đạo. Có những người cứ đổ lỗi cho nhau. Có trường hợp xảy ra, một người rất thích tu, gửi thư về tôi xin tập tu, nhưng vừa đến Thành phố chợt gặp một cô rồi tu không được. Khi gặp lại tôi người đó nói: "Tại cô này nên con tu không được." Cô đó đáp lại: "Tại anh chứ tại tôi sao?" Quý vị nghĩ tại ai? Nếu thấy cô đó mà đừng khởi niệm thì có chuyện gì mà "tại". Cô đó nếu thấy người này cũng không khởi niệm thì đâu có gì mà "tại". Nhưng người này dấy niệm thương người kia, người kia dấy niệm thương người này rồi trói buộc nhau, khi hỏi cứ đổ qua đổ lại, rốt cuộc là tại cái khởi niệm. Nếu thấy là thấy thì có chuyện gì mà "tại". Như có nhiều người tu một thời gian rồi ra đời, khi gặp lại, tôi hỏi: "Tại sao tu nửa chừng rồi bỏ cuộc, dở vậy?" Đáp: "Tại cô đó tìm đến xui con ra." Nếu mình đừng nói gì với cô ấy thì cô làm sao dám xúi? Thành ra người ta không thấy cái gốc của sự việc, nay học đây chúng ta mới thấy

gốc của sự việc là ở chỗ dấy niệm. Không khởi niệm thì cây là cây, người là người, tâm mình yên lặng thì đâu có chuyện gì. Thế nên đây mới nói tâm vốn không, cảnh vốn tịch. Đừng đổ cây này quyến rũ tôi khiến tôi đi ăn trộm, cây không quyến rũ ai, nó là nó, nó là tịch.

Phỏng theo lý thể thì sai mà không sai. Theo lý thể thì tâm cảnh tuy là hai mà nào có hai, vì cái không cái tịch đó là như nhiên, đâu có hai. *Căn cứ trên công dụng thì chẳng khác mà khác.* Nghĩa là tâm không cảnh tịch nhưng dấy niệm thì công dụng của nó từ không khác mà biến thành khác vì khởi niệm thương ghét v.v...

Một hai đều vô ngại, mới vào cửa bất nhị. Một và hai đều không ngại tức là tâm và cảnh đều không ngại, không dính mắc mới vào cảnh bất nhị. Ở chùa thường hay để ngoài cổng câu "Bất nhị môn", nhưng vào cửa bất nhị mà ai nấy đều nhị! Đó là tại không khéo giữ tâm, không khéo chăn tâm nên thấy cảnh thì khởi tâm, khởi tâm thì có đẹp có xấu, có khen có chê, có thơm có hôi, có ngon có dở v.v... Như vậy trong cái không hai mà thành hai thì đi vào nhị môn chứ không phải bất nhị nữa. *Thể dụng chẳng trái* là thể không rời dụng, cũng như sóng đâu có rời nước, *mới đạp lên cảnh chân như*, như vậy mới tiến lên được cảnh chân như. *Chính tranh trên là thể, tranh dưới là dụng vậy.* Tranh trên là chỉ cho thể, tức là lẽ thật, cũng là lý. Tranh dưới là dụng cũng là tượng trưng cho chúng ta hiểu biết để tu hành. Đây là trả lời tại sao ở dưới có bức tranh rồi trên lại vẽ thêm một bức tranh. Bức tranh này là do cái nhìn thấu suốt của thiền sư Quảng Trí lập ra.

Hỏi: Thế nào là lúa mạ tốt?

Đáp: Đây là ngũ dục ở trong trần, nên nói là lúa mạ tốt. Như vậy con trâu là tượng trưng cho năm thức trước hay là năm căn, còn lúa mạ tượng trưng cho ngũ dục. Năm căn và ngũ dục đuổi theo nhau.

Hỏi: Thế nào là dây thừng? Dây thừng là sợi dây mũi.

Đáp: Đây là giữ vững giới luật, nên là dây thừng. Dây xỏ mũi trâu là giới luật. Ở trong chùa, đối với tăng ni, giới luật là sợi dây mũi của con trâu. Tại sao? Phật dạy người tu phải giữ các giới không được phạm, chúng ta luôn luôn giữ giới cũng như sợi dây mũi giật con trâu lại đi cho đúng đường. Còn ai không giữ giới là giống như con trâu không có dây mũi, muốn chạy đâu thì chạy, nghênh ngang không lường được.

Hỏi: Thế nào là roi vọt?

Đáp: Đây là chí khí cứng cỏi, nên là roi vọt. Người biết tu khi thấy những cảnh trần tục mà có niệm quyến luyến liền tự mắng rầy: "Ngu si, đã tu sao lại còn có những ý nghĩ như vậy?" Tự quở mắng đó là ý chí cứng cỏi. Còn người ý chí yếu đuối, khi vừa khởi niệm quyến luyến cảnh trần tục, liền thả ý theo luôn. Như trong giờ ngồi thiền, nếu cứ nghĩ đông nghĩ tây, người cứng cỏi sẽ tự quở mắng: "Muốn xuống địa ngục sao?" Còn người yếu đuối thì đuổi theo vọng tưởng, một lúc nó sẽ dẫn mình đi xa.

Hỏi: Thế nào con trâu ban đầu đen?

Đáp: Đây là lâu ngày tắm nước trần cảnh, ô nhiễm với ngũ dục, nên là màu đen. Con trâu đen là chỉ cho

con trâu do tắm nước ngũ dục đã lâu nên đen. Người nào mê đắm chìm trong ngũ dục là con trâu đen, còn người không dính với ngũ dục là con trâu trắng. Nay hỏi con trâu quý vị đen hay trắng? Chắc đa số là đen, có trắng cũng chỉ vài đốm nhỏ thôi.

Hỏi: Thế nào là con trâu sau đó chóng trắng? Con trâu sau đó chóng trắng là tại sao?

Đáp: Đây là màu chân thật sẵn vậy sờ sờ của con trâu trắng. Cái đó là cái sẵn vậy, nó hiện tiền. Sờ sờ là hiện tiền. Con trâu nguyên không đen mà vì nó nhuộm màu ô nhiễm ngũ dục nên thành đen. Thể chân thật của trâu là trắng, thể đó là sẵn từ bao giờ, nó hiện tiền, vì vậy nếu chúng ta biết chăn, lôi đầu nó trở lại thì trâu đen chóng trở thành trâu trắng. Như vậy không phải con trâu đen, khi chăn nó chúng ta cạo hết lớp đen rồi phết lớp trắng vào, mà bản chất con trâu là trắng, chỉ vì nhuộm màu ngũ dục nên thành đen. Nay chúng ta gạt bỏ ngũ dục đi thì nó thành trắng chứ không có gì lạ. Cũng như vậy tâm chúng ta nguyên là thanh tịnh, vì năm thức, năm căn chạy theo ngũ dục nên nó trở thành ô trược. Nay chúng ta chăn giữ không cho thức căn dính với ngũ dục nữa thì cái ô trược không còn, tự tâm mình là thanh tịnh, không phải tìm thanh tịnh ở đâu, cũng không phải ai đem thanh tịnh đến cho mình, mà nó sẵn vậy, hiện tiền. Vậy chúng ta nhuộm trâu trắng thành trâu đen dễ hay tẩy trâu đen thành trâu trắng dễ? Lý đáng từ trâu trắng nhuộm thành trâu đen khó hơn, vì thể nó nguyên là trắng nay nhuộm thành đen là chuyện khó,

còn hiện giờ đã lỡ đen rồi chúng ta tẩy thành trắng thì mau hơn. Vậy tu dễ hay khó? Thể tâm mình nguyên thanh tịnh, do gió thổi động, nay chặn gió lại thì nó thanh tịnh, bất động. Như vậy đừng nghĩ tu là khó. Ai cũng có khả năng tu được, không ai là không có phần. Nhiều người nói: "Việc đó có vẻ tôi vô phần, không thể làm được." Lời nói thật vô lý, vì đó là chuyện mình có sẵn, nếu không có thì mới nói là vô phần. Thế nên tôi hay trách những vị đến hỏi: "Thưa Thầy xem căn con tu được không." Phải trả lời thế nào? Nếu muốn tu thì tu được, chứ không tu thì chịu, làm sao tôi coi được. Tôi nói tu được mà không chịu tu thì làm sao? Tự nó trắng rồi nhuộm thành đen, nay chỉ đừng nhuộm nữa, tẩy đi thì nó trắng trở lại. Chuyện đó ai không làm được? Chỉ muốn làm hay không muốn làm thôi, chứ không phải ai có phần, ai vô phần.

Hỏi: Thế nào là trước quên trâu?

Đáp: Đây là năm căn đã trở lại gốc ban đầu, nên là trước quên trâu. Đến chỗ trâu là trâu, người chăn là người chăn, không cần phải chăn nữa, đó gọi là quên trâu. Đây là năm căn đã trở về gốc ban đầu, tức là con trâu đã trở thành trắng rồi nên là trước quên trâu, tức là không cần phải ngó, không cần phải nhớ tới nó.

Hỏi: Thế nào là người trâu đều chẳng thấy? Tức là bức tranh thứ tám thứ chín.

Đáp: Đây là tình phàm thánh hết sạch, năm uẩn đều không, lâu rồi về sau trí Bát-nhã tròn đầy, tâm cảnh cùng quên, nên người và trâu chẳng thấy.

Không còn dính với cảnh, không còn khởi tâm, đó gọi là tâm cảnh đều quên nên không thấy có người, không thấy có trâu nghĩa là không có chăn, không có trâu.

Hỏi: Thế nào là tướng tròn xuất hiện? Tức là vẽ một vòng tròn trắng.

Đáp: Trả lại cho ta bộ mặt thật xưa nay vậy. Đó là trở về bộ mặt thật xưa nay của chính mình. Bộ mặt thật của mình không phải là bộ mặt ở ngoài mà là bộ mặt ở trong. Nghĩa là nội tâm nguyên trước không nhiễm không động nên thanh tịnh, nay bỏ được cái động, cái nhiễm thì trở về cái thanh tịnh trong sáng, đó là bộ mặt thật của mình chứ không có gì lạ. Đó mới là cái không sanh không diệt.

Tóm lại, ở đây ngài nói rất rõ ý nghĩa từng bức tranh để chúng ta thấy biết, nắm vững ý chánh không còn nghi ngờ.

Chưa chăn có hai ý: chung và riêng. Chung là tất cả quý và tiện. Riêng là có tại gia và xuất gia. Người chưa chăn nói chung là chỉ cho kẻ quý người tiện, tức là kẻ sang người hèn chưa biết chăn. Còn nói riêng thì nói người tại gia chưa chăn, người xuất gia cũng chưa chăn.

LUẬN GIẢI CÁC BÀI TỤNG TRANH CHĂN TRÂU CỦA THIỀN SƯ PHỔ MINH

Bài tụng 1

CHƯA CHĂN

Khoan hoài du ngoạn ẩm tửu

Chưa chăn

Âm:

Sanh nanh đầu giác tứ bào hao,
Bôn tẩu khê sơn lộ chuyển dao.
Nhất phiến hắc vân hoành cốc khẩu,
Thùy tri bộ bộ phạm giai miêu.

Tạm dịch:

Đầu sừng dữ tợn quá hung hăng,
Vượt suối băng rừng mãi xa dần.
Một mảnh mây đen ngang cửa động,
Ai hay bước bước phạm mạ non.

***Giải chung*:**

- Ngang ngạnh ngu dốt mà hay khoe khoang.

- Rong ruổi theo trần cảnh chẳng chịu quay đầu.

- Vô minh che phủ tâm, điên đảo chướng nặng.

- Mống tâm động niệm liền trái phép tắc.

***Luận rằng*:**

Chính tất cả hạng ngu dốt ngang ngạnh, tình như vượn ngựa, chẳng sống đúng theo pháp luật. Trên chẳng sợ lẽ trời, dưới chẳng tin địa ngục, trong tối chẳng sợ quỷ thần, ngoài sáng chẳng sợ phép nước, chỉ biết cậy mạnh hiếp yếu, nên nói rằng: "đầu sừng dữ tợn". Lại khoe khoang là anh hùng, bạo ngược ngu si, nên nói: "quá hung hăng". Lại còn kết bè làm ác, thành đội thành lũ, rong ruổi theo cảnh trần, nghiệp thức mênh mang, nên nói: "Vượt suối băng rừng mãi xa dần." Chỉ bởi vô minh

che lấp ruộng tâm, nên nói: "Một mảnh mây đen ngang cửa động." Do tham mà khởi sân, nhân sân lại khởi si, tạo nên mọi thứ tội lỗi, chẳng đoái nghĩ đến việc làm thương tổn người khác, nên nói: "ai hay". Nhưng lại đắm say ngũ dục, nên nói: "bước bước phạm mạ non".

Những lời giải thích trên đây, chính là thế gian kết chặt hắc nghiệp, tạo tác bao nhiêu tội lỗi sâu dày. Nếu người xuất gia thì chẳng như vậy. Nên trong thơ Hàn Sơn nói:

Thượng nhân tâm bén nhạy,
Một nghe liền biết diệu.
Trung lưu tâm thanh tịnh,
Nghĩ xét cho quan trọng.
Hạ sĩ chậm ngu si,
Cứng dày khó xé vỡ.
Đợi đến máu đầy đầu,
Mới biết tự trừ dẹp.
Xem kẻ cướp ban ngày,
Chợ búa người họp giết.
Thây chết bỏ như bụi,
Lúc này nói với ai?
Nam nhi đại trượng phu,
Một đao đứt hai đoạn.
Mặt người lòng dạ thú,
Tạo tác bao giờ dứt.

Đây là điều bậc tiên thánh khích lệ như thế, người có trí hãy ghi nhớ đó.

Giải riêng:

- Bỏ mất giới luật tình còn thô tháo.

- Đuổi theo danh lợi, chẳng hay tỉnh xét trở lại.

- Vô minh che phủ, quên mất chân tâm.

- Mống tâm động niệm liền trái phép tắc.

Luận rằng:

Cho nên dù có tuổi cao mà không có giới đức, bụng trống lòng cao, chẳng chịu gần gũi với bạn tốt. Chỉ biết cống cao, một mình ở một phương, tự ỷ lại nơi mình mà lấn hiếp người, nên nói "đầu sừng dữ tợn", lại hay ăn to nói lớn, phát ngôn bừa bãi, nên nói "quá hung hăng". Lại còn vin theo trần cảnh, đạo học sơ sài, chẳng hay chiếu soi trở lại, nên nói "vượt suối băng rừng mãi xa dần", lại không có trí tuệ quán xét, không có hổ thẹn, tà kiến thị phi, nên nói "một mảnh mây đen ngang cửa động". Trái lại, chẳng biết lo tính, bên trong không có thắng được niệm, miệng thì nói ra lời quấy, chẳng dính dáng gì đến kinh luật, ai ai cũng thế, kẻ kẻ đều như vậy, nên nói "ai hay". Như thế cho là phải, không ích gì với tâm đạo, đồng thời làm thương tổn thật đức, không trau sửa mình để tu tiến, cốt tam thường đầy đủ, nên nói "bước bước phạm mạ non".

Giảng:

Giải chung:

Đầu sừng dữ tợn quá hung hăng, là để chỉ những người *ngang ngạnh ngu dốt mà hay khoe khoang*.

Vượt suối băng rừng mãi xa dần là *rong ruổi theo trần cảnh chẳng chịu quay đầu*, chạy theo ngũ dục mãi mà không biết quay đầu trở lại.

Một mảnh mây đen ngang cửa động. Mây đen che cửa động tức là không biết đường trở về. Mây đen dụ cho vô minh che phủ tâm thức chúng ta nên điên đảo chướng nặng.

Ai hay bước bước phạm mạ non là nói *mống tâm động niệm liền trái phép tắc*. Mống tâm chạy hoài nên như trâu ngông cuồng chạy vào lúa mạ luôn. Con trâu quý vị hiền chưa? Thấy lúa mạ có chạy vào không? Nay kiểm lại mình, chúng ta cảm thấy xấu hổ vì con trâu mình không lương thiện, cứ chạy mãi vào lúa mạ người.

Luận rằng:

Chính tất cả hạng ngu dốt ngang ngạnh, tình như vượn ngựa, chẳng sống đúng theo pháp luật. Trên chẳng sợ lẽ trời, dưới chẳng tin địa ngục, trong tối chẳng sợ quỷ thần, ngoài sáng chẳng sợ phép nước, chỉ biết cậy mạnh hiếp yếu, nên nói rằng: "đầu sừng dữ tợn".

Tâm tình của chúng ta giống như con vượn, con ngựa. Hình ảnh đầu sừng dữ tợn là chỉ cho những người tâm như khỉ vượn, đã ngu dốt lại ngang ngạnh

không sống theo pháp luật, cho nên *trên chẳng sợ lẽ trời*, tức là lẽ thiên nhiên của trời đất. *Dưới chẳng tin địa ngục*, cho rằng không có địa ngục. *Trong tối chẳng sợ quỷ thần*, khi tối thì lén làm những điều sai quấy mà không sợ quỷ thần thấy biết. *Ngoài sáng chẳng sợ phép nước*, ban ngày đối với phép nước vẫn dối gạt người mà phạm những điều tội lỗi. *Chỉ biết cậy mạnh hiếp yếu* là ỷ mình mạnh hiếp người yếu, nên nói *đầu sừng dữ tợn*. Con trâu đầu sừng dữ tợn là con trâu hung dữ ngang ngạnh.

Lại khoe khoang là anh hùng, bạo ngược ngu si, nên nói: "quá hung hăng". Đã ngông cuồng rồi mà còn xưng anh hùng nữa nên gọi là quá hung hăng.

Lại còn kết bè làm ác, thành đội thành lũ, rong ruổi theo cảnh trần, nghiệp thức mênh mang, nên nói: "Vượt suối băng rừng mãi xa dần." Lại rủ nhau kết bè kết đảng làm những chuyện tội lỗi đó là ví dụ con trâu vượt suối băng rừng.

Chỉ bởi vô minh che lấp ruộng tâm, nên nói: "Một mảnh mây đen ngang cửa động." Một mảnh mây đen ngang cửa động là chỉ cho vô minh che lấp tâm mình.

Do tham mà khởi sân, nhân sân lại khởi si, tạo nên mọi thứ tội lỗi, chẳng đoái nghĩ đến việc làm thương tổn người khác, nên nói: "ai hay". Nhưng lại đắm say ngũ dục, nên nói: "bước bước phạm mạ non". Đối với ngũ dục con người say mê, không chịu dừng cũng giống như trâu chạy trong đám mạ, đám lúa của người, nó cứ bước tới ăn mãi không ngừng.

Những lời giải thích trên đây, chính là thế gian kết chặt hắc nghiệp, tạo tác bao nhiêu tội lỗi sâu dày. Tạo hắc nghiệp là tạo nghiệp đen tối tội lỗi nên dùng con trâu đen tượng trưng cho hắc nghiệp.

Nếu người xuất gia thì chẳng như vậy. Nên trong thơ Hàn Sơn nói:

Thượng nhân tâm mãnh lợi,
Nhất văn tiện tri diệu.
Trung lưu tâm thanh tịnh,
Thẩm tư vân thậm yếu.
Hạ sĩ độn ám si,
Ngoan bì tối nan liệt.
Trực đãi huyết lâm đầu[2]*,*
Thủy tri tự tồi diệt.
Khán thủ khai nhãn tặc,
Náo thị tập nhân quyết.
Thi tử[3] *khí như trần,*
Thử thời hướng thùy thuyết.
Nam nhi đại trượng phu,
Nhất đao lưỡng đoạn tiệt.
Nhân diện cầm thú tâm,
Tạo tác hà thời hiết.

---

[2] Bản khắc ở đây là chữ đầu (頭) nguyên bản *Hàn Sơn Tử thi tập* trong Gia Hưng tạng (CBETA 2009) là chữ ly (漓).

[3] Trong bản *Hàn Sơn Tử thi tập* là hai chữ "tử thi".

Dịch:

Thượng nhân tâm bén nhạy,
Một nghe liền biết diệu.
Trung lưu tâm thanh tịnh,
Nghĩ xét cho quan trọng.
Hạ sĩ chậm ngu si,
Cứng dày khó xé vỡ.
Đợi đến máu đầy đầu,
Mới biết tự trừ dẹp.
Xem kẻ cướp ban ngày,
Chợ búa người họp giết.
Thây chết bỏ như bụi,
Lúc này nói với ai?
Nam nhi đại trượng phu,
Một đao đứt hai đoạn.
Mặt người lòng dạ thú,
Tạo tác bao giờ dứt.

Đây là bài thơ ngũ ngôn của ngài Hàn Sơn. Ngài nói:

Thượng nhân tâm bén nhạy. Người bậc thượng thì tâm nhạy bén, khéo thấy khéo biết. *Một nghe liền biết diệu.* Chỉ cần nghe một câu kinh, một bài kệ, một lời hay, một lẽ phải liền biết điều hay, điều phải, sự mầu nhiệm của nó.

Trung lưu tâm thanh tịnh, Nghĩ xét cho quan trọng. Người bậc trung, tâm cũng còn khá, còn trong sạch,

muốn tu hành cho tốt là nhờ quán chiếu xem xét, đó là việc quan trọng. Người bậc trung phải nhờ khéo quán sát. Thí dụ thấy món vật quý, vừa khởi niệm tham liền quán nó là duyên hợp hư dối, không có gì thật, hoặc quán nó là vô thường, nay nó đẹp mới, thời gian sau nó sẽ cũ, sẽ hư xấu, mục nát, không có gì đáng quý.

Hạ sĩ chậm ngu si, Cứng dày khó xé vỡ. Người bậc hạ chậm lụt ngu si, họ chấp cứng, khó đập tan cái cố chấp của họ.

Đợi đến máu đầy đầu, Mới biết tự trừ dẹp. Đến khi tranh cãi với ai, người biết điều khuyên can cũng không nghe, để cãi một lúc rồi đánh nhau đổ máu, khi ấy mới biết đau, đó là kẻ ngu.

Ngài ví dụ: *Xem kẻ cướp ban ngày, Chợ búa người họp giết.* Như những kẻ đi ăn cướp ở chợ lúc ban ngày, người đang đông vầy mà vào ăn cướp, giết hại sanh mạng người.

Thây chết bỏ như bụi, Lúc này nói với ai? Chúng ta thường nói "bỏ như rạ". Khi ấy còn than trách gì nữa, còn gì mà khoe khoang. Đó là chỉ hạng ngu si.

Nam nhi đại trượng phu, Một đao đứt hai đoạn. Đến đây ngài khuyên: Chúng ta là nam nhi, là bậc đại trượng phu phải một đao cắt đứt liền, đừng để dây dưa. Nói nam nhi, tất cả đều là nam nhi, đừng mặc cảm nghĩ quý thầy mới là nam nhi, còn tôi là nữ nhi. Nam nhi đại trượng phu là chỉ người có ý chí mãnh liệt, người có khả năng mạnh mẽ thì một đao cắt đứt luôn. Tôi thường nói

khi tu thì dứt khoát tu, không lôi thôi, đó là cắt đứt. Biết chuyện nào là dở là xấu chúng ta cắt đứt luôn, đừng hối tiếc, như vậy mới là kẻ nam nhi trượng phu.

Mặt người lòng dạ thú, Tạo tác bao giờ dứt. Người nào trong lòng cứ ôm ấp những điều xấu ác, tức là lòng dạ thú, thì người đó tạo nghiệp không biết khi nào dừng, khi nào hết.

Đây là điều bậc tiên thánh khích lệ như thế. Tiên thánh là bậc thánh trước, tức là ngài Hàn Sơn, khích lệ chúng ta như vậy. *Người có trí hãy ghi nhớ đó.* Người có trí phải ráng nghe và nhớ.

Giải riêng:

Bỏ mất giới luật tình còn thô tháo, đó là câu thứ nhất nói về đầu sừng dữ tợn quá hung hăng.

Đuổi theo danh lợi, chẳng hay tỉnh xét trở lại là vượt suối băng rừng mãi xa dần.

Vô minh che phủ, quên mất chân tâm là một mảnh mây đen ngang cửa động.

Mống tâm động niệm liền trái phép tắc là ai hay bước bước phạm mạ non.

Đây là ngài nói riêng giới xuất gia. Người xuất gia mà bỏ mất giới luật, tình còn thô tháo thì người đó là con trâu còn đang chạy ngông, là đầu sừng dữ tợn quá hung hăng.

Người tu còn đuổi theo danh lợi, không biết tỉnh xét trở lại, đó là cứ từng bước vượt suối băng rừng mãi

xa dần. Lại người tu mà cứ ôm ấp vô minh, quên mất chân tâm cũng như một mảnh mây đen che cửa động. Còn người tu mà cứ mống tâm động niệm không dừng là trái với phép tắc trong đạo, là con trâu bước bước ăn mạ non lúa non của người.

Luận rằng:

Cho nên dù có tuổi cao mà không có giới đức, bụng trống lòng cao, chẳng chịu gần gũi với bạn tốt. Chỉ biết cống cao, một mình ở một phương, tự ỷ lại nơi mình mà lấn hiếp người, nên nói "đầu sừng dữ tợn", lại hay ăn to nói lớn, phát ngôn bừa bãi, nên nói "quá hung hăng". Ngài răn những điều này rất là tốt.

Lại còn vin theo trần cảnh, đạo học sơ sài, chẳng hay chiếu soi trở lại, nên nói "vượt suối băng rừng mãi xa dần". Học hành thì sơ sài mà không chịu quán chiếu.

Lại không có trí tuệ quán xét, không có hổ thẹn, tà kiến thị phi, nên nói "một mảnh mây đen ngang cửa động". Nghĩa là người tu mà không biết dùng trí tuệ quán chiếu rồi lại không biết hổ thẹn, thêm chấp tà kiến thị phi, đó là mây đen che cửa động.

Trái lại, chẳng biết lo tính, bên trong không có thắng được niệm, miệng thì nói ra lời quấy, chẳng dính dáng gì đến kinh luật, ai ai cũng thế, kẻ kẻ đều như vậy, nên nói "ai hay". Như thế cho là phải, không ích gì với tâm đạo, đồng thời làm thương tổn thật đức, không trau sửa mình để tu tiến, cốt tam thường đầy đủ, nên nói "bước bước phạm mạ non". Người tu thì tam thường bất túc, nhưng người tu ở đây lại tam thường cụ túc.

Tam thường cụ túc là ăn, mặc, ngủ đầy đủ: thích ăn nhiều, ăn ngon, mặc đẹp, ngủ nhiều, đó là từng bước phạm mạ non. Như vậy ngài răn rất thiết tha. Học các mục chăn trâu của thiền sư Quảng Trí, chúng ta thấy rõ việc tu hành của mình còn yếu ở điểm nào để ngừa đón, hay ở điểm nào để làm tăng trưởng thêm. Không phải chúng ta học cho biết nhiều hiểu rộng để khoe với người mà đây là để biết rõ lại mình, từng phút từng giây nhìn xem chúng ta đang như thế nào đối với sự tu hành, đó tức là chăn trâu. Vậy tất cả tăng ni cũng như Phật tử học để tu, biết rồi thì tu mới dễ, không biết thì tu rất khó. Như tôi đã nói con trâu nguyên là trắng nhưng vì đuổi theo ngũ dục nên nhuộm thành đen. Nay chúng ta tẩy cái đen đó đi. Những buổi học kinh, nghe pháp, những buổi tụng giới, sám hối là phương pháp tẩy cho con trâu trắng dần. Mỗi ngày mỗi tháng chúng ta đều tẩy thì lâu ngày con trâu nhất định trắng, sạch những nhơ nhiễm thì tự nó trắng. Đó không phải là việc khó mà là việc dễ, cố gắng thì được không nghi ngờ. Đây là lẽ thật tôi nhắc cho tất cả cố gắng.

Bài tụng 2

MỚI ĐIỀU PHỤC

Tĩnh lự - Mới chăn (sơ điều)

Âm:

Ngã hữu mang thằng mạch tỹ xuyên,
Nhất hồi bôn cạnh thống gia tiên.
Tùng lai liệt tánh nan điều chế,
Du đắc sơn đồng tận lực khiên.

Tạm dịch:

Ta có dây thừng xỏ mũi rồi,
Mỗi lần rong chạy quất thêm roi.
Xưa nay tánh dở khôn điều chế,
Vẫn được mục đồng ráng sức lôi.

***Giải thích*:**

- Giữ mình sống theo luật, khắc khắc chẳng sai lệch.

- Tâm động thì tình sanh, giờ giờ ghi nhớ kỹ.

- Sơ cơ còn yếu kém, hôn trầm tán loạn khó kìm chế.

- Phát tâm lập chí, dụng công hết sức mình.

***Luận rằng*:**

Ví như ngọc báu ma-ni to, thể tánh sáng sạch mà có dính bụi bẩn quặng nhơ. Nếu người dù nghĩ nhớ tánh báu, mà chẳng dùng các thứ phương tiện mài giũa thì trọn không trong sạch. Cũng như pháp chân như, chẳng dùng các thứ phương tiện huân tu thì cũng không được thanh tịnh. Đâu chẳng thấy, trong mười lực của Phật, hai lực to nhất: nhân nghiệp lực nên vào trong sanh tử, lại nhân định lực

nên ra khỏi sanh tử. Bốn câu tụng về "mới điều phục" này, ý đại khái là như trên.

Giảng:

Trong bài *Mới điều phục* này, chúng ta thấy trong bức tranh dưới hình ảnh chú mục đồng xỏ mũi trâu, lôi đầu nó lại, tay cầm roi để đánh nó. Còn bức tranh trên là một vị Sư đang tọa thiền hai tay kìm cứng lại, đó là hình ảnh mới điều phục. Theo tinh thần thiền sư Quảng Trí, ngài nói rằng hình dưới là sự, hình trên là lý. Nói theo hiện nay cho dễ hiểu hơn thì hình ảnh người mục đồng lôi mũi trâu trở lại là hình ảnh biểu trưng, còn hình ảnh vị Sư tọa thiền là thật lý. Như vậy mục đồng và con trâu là biểu trưng cho sự tu hành của chúng ta, chứ không phải là sự thật, sự thật là một nhà Sư ngồi thiền. Khi ngồi thiền đem hết sức mình chinh phục nội tâm đó là sơ điều. Trong tranh, chúng ta thấy hình ảnh chú mục đồng lôi trâu mà thương, cố sức lôi cổ nó, lại còn đưa roi lên chực quất vào mình nó.

Giải thích:

Ta có dây thừng xỏ mũi rồi. Ngài Quảng Trí giải thích: *Giữ mình sống theo luật, khắc khắc chẳng sai lệch.* Nghĩa là giữ mình sống đúng giới luật, một phút một giây cũng không để cho lệch lạc. Như vậy sợi dây thừng xỏ mũi trâu là dụ cho giới luật. Người tu phải lấy giới luật làm sợi dây cột, không cho mình ra ngoài phạm vi giới luật cho phép, tự kìm chế, không đi sai lệch. Trâu bị dây thừng xỏ mũi, nhờ sợi dây thừng mà điều được con trâu. Cũng như nhờ giới luật mà điều chế được sự phóng túng của người tu.

Mỗi lần rong chạy quất thêm roi. Khi lôi mũi mà trâu còn vùng vằng muốn chạy thì có cây roi sẵn để đánh. Roi đánh trâu là cái gì? Ngài giải thích: *Tâm động thì tình sanh, giờ giờ ghi nhớ kỹ.* Tâm vừa dấy niệm thì tình cảm theo một bên. Thế nên người tu từng phút từng giây luôn luôn nhớ vừa dấy niệm theo ngoại cảnh thì phải quở phạt rầy la, không cho nó chạy. Thí dụ vừa nghe ai nói làm việc gì đó sẽ có lợi nhiều, chúng ta liền nghĩ mình có khả năng làm việc đó. Vừa nghĩ như thế, chúng ta phải ngăn chặn lại, phải quở liền: "Ngu! Đi tu rồi mà còn tham lợi tham danh sao?" Niệm khởi liền dừng lại, đó là đánh một roi. Chứ không phải khi khởi nghĩ, chúng ta để một lúc nó sẽ dẫn mình chạy không biết bao xa. Vì vậy người tu luôn luôn phải có cái roi sẵn một bên để đánh nó trong trường hợp như vậy. Vừa dấy niệm chạy theo ngoại cảnh liền quở rầy không cho chạy, đó là ví dụ cho chú mục đồng cầm roi chực sẵn, trâu vừa muốn vùng chạy liền lôi đầu nó lại, quất một hai roi cho nó sợ.

Như vậy quý vị thấy trường hợp thứ nhất là lấy giới luật để kìm chế, trường hợp thứ hai là dùng lời răn nhắc để cảnh tỉnh.

Xưa nay tánh dở khôn điều chế. "Liệt tánh nan điều chế" là tánh hư dở khó mà điều chế. Ngài giải thích: *Sơ cơ còn yếu kém, hôn trầm tán loạn khó kìm chế.* Tánh dở là hôn trầm, là tán loạn. Trong giờ ngồi thiền hết hôn trầm thì sanh tán loạn, hết tán loạn thì trở lại hôn trầm. Hai việc đó lôi dẫn cho nên người ngồi thiền luôn mắc phải hai bệnh nặng này, hết ngó lên trời tức là chạy, thì đến gục xuống đất tức là hôn trầm, ít khi nghiêm trang nhìn thẳng. Đó là bệnh yếu dở mà người mới tu

luôn mắc phải, không ai tránh khỏi. Do đó phải tự răn nhắc, luôn luôn đừng để nó có sức mạnh lôi mình chạy theo. Nếu hôn trầm, để thiu thiu một lúc thì đi thăm bà con, rồi vui rồi buồn v.v..., trái lại nếu vừa hơi hôn trầm mình mở mắt ra, chỉnh đốn lại thì nó tan. Còn khi tán loạn mà để nó tán loạn thì ngồi ở trên ngọn núi này mà đi dạo hết thành phố Đà Lạt đến Vũng Tàu rồi thành phố Hồ Chí Minh... nghĩa là chạy khắp nơi. Thế nên khi hơi yếu, muốn buồn ngủ thì phải nhìn trừng lên để tan cơn buồn ngủ, còn nếu nó chạy tứ tung thì phải kìm chế lại, chú tâm vào một điểm hoặc là hơi thở, hoặc một hình thức quán chiếu nào để tâm dừng lại. Như vậy là khéo tu, là sức điều trị ban đầu của mình.

Vẫn được mục đồng ráng sức lôi là gì? Đó là nói người tu *phát tâm lập chí, dụng công hết sức mình*. Mục đồng gắng sức lôi là để biểu trưng người tu quyết tâm nhất định phải thắng con trâu, không để con trâu thắng mình, tức là nhất định phải thắng vọng tâm, thắng hôn trầm không để chúng lôi kéo mình. Như vậy thắng được bệnh hôn trầm, bệnh tán loạn là nhờ chúng ta quyết tâm lập chí cố gắng tột cùng mới thắng được. Còn những ai lơ là có thắng được không? Nếu chú mục đồng lơ là thì con trâu lôi chú chạy luôn. Người tu nếu trong trường hợp phát tâm tu mà bị bệnh hôn trầm, tán loạn làm rối, làm mất thì giờ thì phải quyết tâm, phải lập chí vững chắc, đừng vì những trở ngại đó mà thối tâm thì sẽ không đi đến đâu. Như vậy qua bài kệ và lời giải chúng ta thấy người tu không phải là kẻ yếu đuối, bất lực, không phải là kẻ bại trận mà phải là người thắng trận, người đầy đủ nghị lực. Vậy ai phát tâm tu cũng phải dũng mãnh tinh tấn

chứ không thể lừng chừng cho qua ngày hết tháng không đi đến đâu, đó là điều rất quan trọng. Nhìn hình ảnh người mục đồng chăn trâu, chúng ta thấy và biết được khả năng điều phục của mình là ở ngay nơi nội tâm.

Tôi lặp lại, ngài Quảng Trí dùng con trâu dụ cho năm thức trước. Năm căn (nhãn nhĩ tỹ thiệt thân) sẵn có năm thức luôn luôn chạy theo ngũ dục thế gian, tức là lúa mạ. Người chăn trâu là dụ cho ý thức, tức thức thứ sáu. Nhưng ý thức có hai mặt, ý thức mê phụ họa với năm thức trước để tạo nghiệp đó là chú mục đồng thả mặc trâu đi đâu thì đi. Còn ý thức tỉnh giác thì ngừa đón, chặn đứng những lỗi lầm không phụ họa cùng năm thức để tạo nghiệp, đó là chú mục đồng chăn trâu.

Như vậy qua bài kệ và hình ảnh, chúng ta đã thấy rõ bước đầu trên đường tu là dễ dàng hay khó khăn. Nhiều người ở ngoài nhìn vào Thiền viện thấy quý thầy quý cô tu có vẻ thảnh thơi nhàn hạ, không lao động nhiều, không phải bận rộn lo đói lo no nhiều, nhưng khi vào Thiền viện độ ba hôm là xá rút lui. Tại sao? Thấy thì dễ nhưng khi vào ngồi thiền hai tiếng đồng hồ, ráng lắm thì ngày đầu, đến ngày thứ hai có vẻ tê chân rồi, đến ngày thứ ba đi hết muốn nổi nên xin rút lui. Khi ấy mới thấm tu không phải dễ, chứ còn đứng ngoài thì thấy dễ quá, đâu có gì quan trọng. Quý vị thấy chúng ta điều phục ngoại cảnh tuy khó mà dễ. Ví dụ như trong sân mình có một gò đất, muốn san bằng thì chỉ tốn công cuốc chừng một buổi. Nhưng trong tâm chúng ta có những tạp niệm, chúng ta dẹp độ bao lâu mới hết? Thật là cay đắng, phá dẹp mãi mà không dứt. La nó thì nó mất, lơ là thì nó trồi lên. Đó là việc hết sức khó, nên thấy những người

điều phục tâm, bên ngoài dường như thảnh thơi nhưng bên trong thật là cay đắng. Chỉ có những người tu để mà tu thì mới thảnh thơi, còn tu thật tình muốn tiến đến chỗ chân thật thì rất khó, đòi hỏi chúng ta phải quyết tâm, phải dũng mãnh chứ không thể lơ là được, đó là điều thiết yếu. Nhìn chú mục đồng thì biết sự quyết tâm mãnh liệt của chú như thế nào. Con trâu với chú mục đồng ai mạnh ai yếu? Con trâu lôi ba bốn chú cũng được, nhưng đặc biệt nhờ có sợi dây thừng xỏ mũi cho nên tuy mạnh mà nó cũng phải thua. Cũng thế người tu vào đạo nhờ có giới luật, nguyện giữ giới luật là sức mạnh để điều phục nội tâm. Nếu không giữ giới thì không bao giờ điều phục nổi, như con trâu không sợi dây mũi thì dù ba bốn chú mục đồng cũng không làm gì được. Đó là lẽ thật người biết tu phải nhớ điều này.

Luận rằng:

Ví như ngọc báu ma-ni to, thể tánh sáng sạch mà có dính bụi bẩn quặng nhơ. Nếu người dù nghĩ nhớ tánh báu, mà chẳng dùng các thứ phương tiện mài giũa thì trọn không trong sạch.

Câu luận này rất là cụ thể, ngài nói rằng chúng ta có một hòn ngọc quý lớn, thể tánh nó là sáng suốt trong sạch nhưng nó có dính những bụi bẩn quặng nhơ. Biết hòn ngọc là sáng là sạch nhưng hiện tại nó đang dính bụi bẩn, đang ở trong quặng dơ, chúng ta phải làm gì cho nó được sáng sạch như trước? Nên nói *nếu người dù nghĩ nhớ tánh báu* tức là nhớ rằng hòn ngọc mình là quý, mà *chẳng dùng các thứ phương tiện mài giũa thì trọn không trong sạch*. Nếu nói ngọc tôi quý lắm, ngọc tôi là ngọc sáng trong, nhưng hiện tại nó đã dính bụi,

đã bị quặng nhơ mà nói ngọc sáng, sạch là đúng giá trị của nó không? Thế nên muốn được đúng giá trị của nó thì phải chịu khó mài giũa lau chùi cho hết bợn nhơ thì mới đúng giá trị của một vật báu. Dụ này để chỉ chúng ta ai ai cũng có tánh giác hằng sáng nhưng đang bị bụi phiền não bao phủ, bụi vọng tưởng che mờ. Biết như vậy chúng ta phải cố gắng lau chùi cho sạch bụi, làm sao cho các thứ che đậy nó phải tan hết thì tánh giác mới sáng suốt trong sạch. Nếu không thì dù có tánh giác nhưng muôn đời cũng ở trong tối tăm, đó là một lẽ thật. Biết mình có Phật tánh mà không chịu tu thì muôn kiếp vẫn là phàm phu. Trái lại nếu biết mình có tánh giác rồi nỗ lực tu hành thì lần lần chúng ta có giác, có tỉnh rồi một ngày nào đó được hoàn toàn sáng suốt, đó là toàn giác.

Cũng như pháp chân như, chẳng dùng các thứ phương tiện huân tu thì cũng không được thanh tịnh. Hòn ngọc dụ cho tánh giác, hay như ngài Quảng Trí nói là dụ cho pháp chân như. Ai ai cũng có chân như hay chân tâm. Nếu chúng ta không dùng các thứ phương tiện huân tu, tức là luôn luôn tu tập xông ướp cho thành công, thì không bao giờ được thanh tịnh. Như vậy chúng ta có Phật tánh, có chân tâm nhưng nếu chúng ta không chịu tu, không huân tập những điều tốt, đuổi dẹp những điều xấu thì không bao giờ tâm chân như được thanh tịnh.

Đâu chẳng thấy, trong mười lực của Phật, hai lực to nhất: nhân nghiệp lực nên vào trong sanh tử, lại nhân định lực nên ra khỏi sanh tử. Ngài Quảng Trí dùng hình ảnh mười lực (thập lực) của Phật, trong đó có hai lực to lớn là nghiệp lực và định lực. Nghiệp lực đưa vào sanh tử, định lực đưa ra khỏi sanh tử. Như vậy chúng ta càng

tạo nghiệp thì càng đi sâu trong sanh tử, trái lại chúng ta tu thiền định, định lực mạnh thì thoát ly sanh tử.

Thập lực là mười sức mạnh của trí tuệ Phật.

1. Tri giác xứ phi xứ trí lực. Xứ là chỉ chỗ đạo đức chân chánh, phi xứ là chỗ phi đạo đức. Trí lực của Phật biết rõ được chỗ đạo đức chân chánh, chỗ không phải là đạo đức.

2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực. Trí lực biết được nghiệp báo trong ba đời. Như vậy cái thứ hai này là điểm thứ nhất trong bài đã dẫn, nghĩa là do nghiệp lực mà đưa vào trong sanh tử. Phật biết nghiệp lực trong ba đời dẫn chúng sanh đi trong sanh tử.

3. Tri chư thiền giải thoát tam-muội trí lực. Trí lực biết người tu thiền được các môn tam-muội thì sẽ giải thoát sanh tử. Như vậy thì nghiệp dẫn mình đi trong sanh tử, thiền định đưa mình thoát ly sanh tử, đó là hai điều cụ thể. Ngài Quảng Trí chỉ dẫn hai điều này để chứng minh chúng ta do nghiệp dẫn đi trong sanh tử, mà muốn ra khỏi sanh tử là do thiền định.

4. Tri chúng sanh thượng hạ căn trí lực. Trí lực biết chúng sanh người nào thuộc về thượng căn, người nào thuộc hạ căn.

5. Tri chủng chủng giải trí lực. Trí lực biết các thứ hiểu biết của tất cả chúng sanh một cách rõ ràng.

6. Tri chủng chủng giới trí lực. Trí lực biết rõ các cảnh giới của các loài chúng sanh.

7. Tri nhất thiết trí sở đạo trí lực. Trí lực biết tất cả chỗ đến của tất cả chúng sanh, ai tạo nghiệp gì sẽ đến nơi nào.

8. Tri thiên nhãn vô ngại trí lực. Trí lực biết được thiên nhãn vô ngại.

9. Tri túc mạng vô lậu trí lực. Trí lực biết rõ túc mạng vô lậu.

10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực. Trí lực biết rõ đoạn dứt hết tất cả tập khí.

Tôi thường nói có tu là có tiến không nghi, thỉnh thoảng thấy người này người kia tiến tôi rất hoan hỷ. Nhưng bên cạnh sự tiến bộ đó còn một bệnh gọi là bệnh tập khí. Tập là sự huân tập lâu ngày, khí là hơi, hơi hám thôi chứ không thật nhưng rất là khó trừ. Thí dụ như có người tu hiểu đạo, một đôi khi được sáng lý đạo, đó là điều đáng mừng. Hướng dẫn người tu, dạy người tu mà mình tu được tỉnh táo sáng suốt là đáng mừng, nhưng cạnh niềm vui đó thỉnh thoảng cũng có cái buồn xảy đến. Trình với tôi thấy được thế này thế kia, nhưng khi huynh đệ nói trái ý thì tập khí sân cũng ùn ùn trỗi dậy. Như vậy đạo thì hiểu mà tập khí thì chưa trừ. Ví dụ như quý Phật tử tại gia đi nghe tôi giảng khá lâu rồi chắc chắn biết rõ cái gì là tội, cái gì là phước. Nếu bị ai chê cười hay nhục mạ, chúng ta gây cãi để hơn người hoặc là chửi, hoặc là đánh để cho họ phải sợ mình, thì việc làm đó là tội hay phước? Giành phần thắng bằng miệng chửi tay đánh, chống cự bằng sức mạnh bằng ngôn ngữ để hơn người, đó là tội vì gây thêm oán thù. Trái lại, nếu ai chê bai khinh miệt, mình ẩn nhẫn nhường nhịn bỏ qua, tâm mình vẫn an nhiên thì đó là phước vì gỡ hết oan khiên. Như vậy ai cũng biết, nhưng gặp cảnh bị người khinh bỉ nói nặng thì chắc ít ai dùng phước lắm, mà lại làm tội liền. Biết là tội

mà vẫn làm, biết là phước mà vẫn bỏ qua, đó là chỗ tôi gọi là tập khí. Biết thì biết mà sự huân tập lâu đời đã thành thói quen nên bỏ không được.

Chữ khí tôi nghĩ thật là hay, khí là hơi, cũng như khi chúng ta đi qua một nơi có mùi thơm, chúng ta nghe mùi thơm mà không thấy, không nắm bắt được. Cũng thế những tập khí tốt xấu sẵn trong chúng ta, nó dấy lên thì biết nhưng qua rồi nó trốn mất, không biết nó ở đâu, nhưng gặp việc thì nó xông ra. Như vậy tập khí không có hình tướng nhưng rất mạnh, rất đáng sợ. Vì thế tôi luôn nhắc tăng ni tu thì nỗ lực tu để chiến thắng phiền não, nhưng muốn cho viên mãn thì phải thắng đến chỗ tập khí phải vĩnh đoạn. Chúng ta thì tập khí tạm đoạn, khi nào tu thì lúc đó đoạn, quên tu thì nó trỗi dậy, đoạn không nổi. Như chúng ta đang bình thản thì cái thói quen nóng giận, tham lam đang nằm ở đâu? Không thấy, không biết nhưng gặp cái đáng tham là tham liền, gặp cái đáng giận là giận liền. Tôi nói đáng đây là nói theo thế tục, chứ người tu không có gì đáng tham, đáng giận cả. Cái chúng ta không thấy mà gặp duyên thì nó hiện ra đó là tập khí, vì thế tập khí rất khó trừ, tu đến chỗ giác ngộ viên mãn như đức Phật mới gọi là vĩnh đoạn tập khí, mới sạch các thứ phiền não, mới không còn rơi trong tam giới. Nếu tập khí còn, tuy nó không lôi mạnh thì nó cũng rủ nhẹ nhẹ rồi chúng ta cũng đi trong tam giới. Thí dụ như có người ghiền rượu nhiều năm, nay có ai khuyến khích bỏ rượu được khoảng đôi ba ngày, họ tưởng như thành công, nhưng giả sử có người dẫn họ tới quán rượu hay tiệc rượu, mời ngồi uống chơi, lúc đó mùi rượu còn hấp dẫn họ không? Nếu mùi rượu còn hấp dẫn

thì chưa chắc đã giữ được. Đó là tập khí mới tạm đoạn thôi, nên khi gặp duyên mạnh thì khó thắng nó. Nếu bỏ được mười năm hai mươi năm, lại quán rượu ngồi chơi, không còn bị mùi rượu hấp dẫn nữa, đó là vĩnh đoạn. Như vậy người tu đừng bao giờ tự hào rằng tôi thắng được sân, sân nhỏ thì thắng được, sân lớn thì thắng không nổi. Như người nói nặng nhẹ mỉa mai một hai câu thì bỏ qua được, nhưng nếu chửi ngay mặt thì bỏ qua không nổi. Đến tham cũng như vậy, nếu ai làm rớt cái bóp, mở ra thấy khoảng vài trăm ngàn thì trả lại cho người, đó là thắng được cái tham vì số tiền không quá nhiều. Nhưng nếu hôm nào gặp cái bóp ai rớt, mở ra toàn là kim cương thì không biết có đủ can đảm tìm người để trả lại không? Như vậy mới thấy việc nhỏ thì có thể mình thắng nhưng việc lớn chưa chắc đã thắng. Nói như vậy để quý vị dè dặt, nếu không, hôm nào huynh đệ nói nặng nhẹ vài câu mình nhịn được thì cho là mình hay lắm, thắng được sân, vì trong chùa có ai chửi ngay mặt đâu. Đến khi ra đường bị người chửi ngay mặt, khi đó thắng không nổi. Thế nên trên đường tu chúng ta phải cẩn thận tối đa, luôn luôn phải theo dõi, phải làm chủ, đừng để bất cứ việc gì lôi cuốn.

Kết thúc bài ngài nói: *Bốn câu tụng về "mới điều phục" này, ý đại khái là như trên.* Ý đại khái là như vậy, chỉ cần hình ảnh này chúng ta biết rõ thì chúng ta tiến bộ được trên đường tu.

Bài tụng 3

CHỊU PHỤC

Tĩnh lự - Chịu phép (thọ chế)

Âm:

Tiệm điều tiệm phục tức bôn trì,
Độ thủy xuyên vân bộ bộ tùy.
Thủ bả mang thằng vô thiểu hoãn,
Mục đồng chung nhật tự vong bì.

Tạm dịch:

Dần dà chịu phục hết chạy rong,
Lội nước xuyên mây bước bước tòng.
Tay nắm dây thừng không nới lỏng,
Cả ngày quên nhọc chú mục đồng.

***Giải thích*:**

- Như ngu tợ ngốc, động hay tịnh thể vẫn an nhiên.

- Dù vội vàng cũng chẳng rời, tập lâu mới thành tánh.

- Có thể quyết chí mà thêm một bước tinh tiến nữa.

- Sấn tới chẳng đoái đến thân, chuyên ròng nơi chí đạo.

***Luận rằng*:**

Như hòa thượng Dũng Tuyền bảo: "Ta bốn mươi năm ở trong ấy, còn có lúc chạy lọt." Hòa thượng Đàm Hối bảo: "Việc này rất chẳng dễ dàng, phải sanh lòng hổ thẹn mới được. Hổ thẹn là, hổ với bạn tốt, thẹn với bạn đạo. Nói rằng họ là người gì? Ta là

người gì? Mà ta không có hạt giống từ đời trước sao? Đại khái người tu hành cần có chí cao thượng, có tâm quyết liệt, lấy xuất thế làm bản hoài, lấy minh tâm làm cứu cánh. Sáng thì nghiên cứu, chiều thì tư duy, không có lúc nào nghỉ ngơi. Sau đó chẳng hay chẳng biết, bất chợt ngộ nhập." Nên nói: Đâu có Di-lặc trời sanh, Thích-ca ở dưới đất vọt lên, chẳng cầu mà tự đến, không làm mà tự thành. Bốn câu tụng "chịu phục" này, ý đại khái như trên.

Giảng:

Chịu phục tức là con trâu đầu hàng mình. Nếu học thì ba bốn mục cùng một lúc, nhưng tu thì không biết quý vị qua được giai đoạn thứ nhất chưa? Mấy mươi năm, lâu rồi mà chưa qua nổi giai đoạn thứ nhất thì thật là tội nghiệp! Đến bài tụng thứ ba quý vị thấy nhẹ nhàng thảnh thơi được một chút rồi.

Dần dà chịu phục hết chạy rong. Giữ trâu mà trâu không chạy nữa thì người chăn được thảnh thơi, nó đã:

Lội nước xuyên mây bước bước tòng. Tức là mình đi đâu nó theo đó, mình lội xuống nước thì nó theo xuống nước, mình đi xuyên qua mây thì nó cũng theo xuyên qua mây.

Tay nắm dây thừng không nới lỏng. Tuy nó chịu đầu phục nhưng sợi dây mũi mình cũng không dám buông.

Cả ngày quên nhọc chú mục đồng. Tuy vậy mà cả ngày tay roi, tay nắm dây mũi dẫn đi hoài chứ không dám nghỉ ngơi.

Giải thích:

Như ngu tợ ngốc, động hay tịnh thể vẫn an nhiên. Đến đây vị Thiền sư ngồi, mắt hơi nhìn xuống, hai tay để kín ở trong, không còn kìm. Hình ngài Quảng Trí vẽ rất có ý. Tranh trước thì hai tay kìm cứng, mắt ngó thẳng. Tranh này thì mắt ngó xuống, tay để trong áo, có vẻ nhẹ nhàng rồi. Khi ấy như ngu tợ ngốc, động hay tịnh thể vẫn an nhiên. Ai được như ngu tợ ngốc chưa, hay tu mấy năm rồi mà vẫn còn lanh lợi? Động hay tịnh thể vẫn an nhiên là dù chỗ động, dù chỗ tịnh thể cũng vẫn an nhiên. Đó là dứt chạy rong.

Dù vội vàng cũng chẳng rời, tập lâu mới thành tánh. Dù có khi lăng xăng nhưng trâu và mình cũng không rời nhau, phải tập lâu như vậy mới thành thói quen, mới thành tánh. Đó là *lội nước xuyên mây bước bước tòng.*

Có thể quyết chí mà thêm một bước tinh tiến nữa. Đó là *tay nắm dây thừng không nới lỏng.* Tuy nhiên còn phải tiến lên nên phải quyết chí nắm chặt dây mũi. Chú mục đồng cầm roi nhưng không đưa cao, giơ thẳng chực đánh mà tay co lại, để roi thong thả dựa trên vai, còn tay kia thì vẫn nắm chặt dây thừng không dám lơi lỏng. Đó là để nói rằng tuy đã điều phục được trâu nhưng vẫn cố gắng, vẫn nỗ lực tiến lên chứ không phải thảnh thơi dừng ngang đó.

Sấn tới chẳng đoái đến thân, chuyên ròng nơi chí đạo. Tức là *cả ngày quên nhọc chú mục đồng*. Người tu đến đây có vẻ được an nhàn, tất cả vọng tưởng đều có thể

thắng được, nhưng đừng ngỡ tới đó là xong, rồi thảnh thơi thong thả dừng ngay nơi đó mà phải nỗ lực, phải sấn tới để tiến đến chỗ chí đạo, tức là chỗ đạo tột cùng. Đọc đoạn này quý vị kiểm lại xem mình bước vào phần này chưa. Hình như ai cũng cảm thấy còn hơi xa, giai đoạn thứ nhất thì đang, giai đoạn thứ hai thì có vẻ hơi xa, mục thứ ba chưa bước tới, còn bảy mục nữa đi khoảng bao lâu? Vậy những kẻ tu mới được chút ít mà tự hào thì đó là người rất lầm lẫn. Chúng ta tu thấy như có tiến chút ít mà nhìn lại mục thứ ba dường như chưa có phần, bởi vì tôi thấy người nào cũng còn lanh quá, chưa như ngu như ngốc. Đã được như ngu như ngốc rồi mà còn quyết chí, còn sấn tới không dừng, huống là còn đang giai đoạn mới chăn mà dừng thì không biết nó lôi mình chạy tới đâu.

Luận rằng:

Như hòa thượng Dũng Tuyền bảo: Ta bốn mươi năm ở trong ấy, còn có lúc chạy lọt. Chạy lọt là tuột tay, sút dây thừng, con trâu chạy. Bốn mươi năm mà còn chạy lọt thì năm năm, mười năm nó chạy lọt hoài. Giữ đầu này nó chạy lọt đầu kia, đâu có yên.

Hòa thượng Đàm Hối bảo: Việc này rất chẳng dễ dàng, phải sanh lòng hổ thẹn mới được. Hổ thẹn là, hổ với bạn tốt, thẹn với bạn đạo. Nói rằng họ là người gì? Ta là người gì? Mà ta không có hạt giống từ đời trước sao? Nếu tu chưa ra gì thì phải khởi tâm hổ thẹn, tức là chúng ta đặt câu hỏi: Những huynh đệ của mình hay những hàng tiền bối là người gì? Ta là người gì?

Các vị đó tu được sao mình tu không được? Đặt câu hỏi để so sánh rồi cố gắng lên, nếu không có cái nhìn đó tức mình không biết hổ thẹn, rồi cứ tự mãn thì đó là bệnh. Ta không có hạt giống từ đời trước sao mà ta không tiến?

Đại khái người tu hành cần có chí cao thượng, có tâm quyết liệt, lấy xuất thế làm bản hoài, lấy minh tâm làm cứu cánh. Sáng thì nghiên cứu, chiều thì tư duy, không có lúc nào nghỉ ngơi. Sau đó chẳng hay chẳng biết, bất chợt ngộ nhập.

Quý vị nghe những câu này để nuôi dưỡng ý chí của mình. Ngài bảo: *Người tu hành cần có chí cao thượng*, nghĩa là chí vượt lên trên những việc tầm thường. Người tu phải có chí vì giải thoát sanh tử, vì độ thoát chúng sanh, vì làm mở sáng mắt trí tuệ, chứ không phải chỉ để có chút phước rồi đời sau tu nữa, mà phải có một cái gì siêu thoát cao cả hơn. *Có tâm quyết liệt*, nghĩa là phải quyết tâm chứ không phải làm chuyện lơ là cầm chừng, phải *lấy xuất thế làm bản hoài*, trong lòng luôn thấy cần giải thoát được sanh tử, chứ không phải tu mà chỉ lẩn quẩn trong dòng luân hồi. *Lấy minh tâm làm cứu cánh* tức là phải lấy việc mở sáng mắt trí tuệ (minh tâm kiến tánh) làm cứu cánh. Muốn được vậy thì sáng phải nghiên cứu, chiều phải tư duy, không có lúc nào nghỉ ngơi, tức là không khi nào rảnh rang thong thả chơi đùa. Nhưng hiện nay chúng ta như thế nào? Nhiều khi tu thì tu nhưng ngồi một mình cảm thấy buồn nên tìm đôi ba người họp lại nói chuyện cho đỡ buồn, thế thì khi ấy có tu hành cần mẫn không? Hay là ngồi gốc cây

rủ vài đồng nghiệp đánh cờ, để mặc trâu đi đâu thì đi? Hiện tượng này hiện nay dễ thấy lắm, thế mà nhiều người lại hài lòng, thật là điều đáng buồn. *Sau đó chẳng hay chẳng biết, bất chợt ngộ nhập.* Nghĩa là chúng ta tu cho đến khi nào tâm mình an nhiên tự tại, không nghĩ suy gì, bất chợt được ngộ đạo hay là bỗng dưng nhập được Phật tánh của mình.

Nên nói: Đâu có Di-lặc trời sanh, Thích-ca ở dưới đất vọt lên. Câu này trong kinh trong sách thường nói. Đức Thích-ca thành Phật là ngài đã tu nhiều đời nhiều kiếp rồi, đồng thời ngay đời hiện tại ngài cũng phải dày công khổ nhọc tu hành mới giác ngộ thành Phật. Đâu phải bỗng dưng sanh ra liền thành Phật, như ở dưới đất vọt lên xưng ta là Phật, ta là Bồ-tát. Còn đức Phật Di-lặc tương lai cũng tu nhiều đời nhiều kiếp rồi mới gọi là Bồ-tát nhất sanh bổ xứ, sau này thành Phật, đâu phải trời sanh ra thành đức Di-lặc. Vị nào cũng phải dày công tu tập nhiều đời mới được kết quả như vậy. Thế thì muốn thành Phật mà lại thảnh thơi chơi đùa thì thành Phật được không? Nếu chúng ta thảnh thơi vui chơi hoài thì chắc quả Phật để dành cho người nào chứ không phải cho mình. Tóm lại người tu cần phải có ý chí mãnh liệt, phải hiểu rõ đức Phật Thích-ca do nhiều kiếp tu hành cần mẫn, quyết tâm liều chết mới thành Phật, đức Di-lặc cũng tu hành nhiều đời mới thành Phật tương lai, không có việc bỗng dưng mà thành Phật.

Chẳng cầu mà tự đến, không làm mà tự thành. Không có việc không cầu mà đến, không làm mà thành,

nghĩa là tu sơ sơ rồi bỗng dưng thành Phật, chuyện đó hẳn không có. Nói tu thì ai cũng khẳng định tu để thành Phật, nhưng việc thành Phật là việc phải cần mẫn siêng năng, phải quyết tâm thì đa số lại thiếu những điều này. Thiếu cần mẫn thiếu quyết tâm mà nói thành Phật thì quả đó không phải quả thật. Vì vậy tất cả chúng ta phải ráng, nói được thì cố gắng làm cho được mới là quý.

Kết luận:

Bốn câu tụng "chịu phục" này, ý đại khái như trên. Ý đại khái là như vậy, tức là qua phần này đã nhẹ bớt rồi mà vẫn không có một phút giây lơi lỏng mới được.

Bài tụng 4

QUÀY ĐẦU

Tĩnh lự - Quày đầu (hồi đầu)

Âm:

Nhật cửu công thâm thủy chuyển đầu,
Điên cuồng tâm lực tiệm điều nhu.
Sơn đồng vị khẳng toàn tương hứa,
Du bả mang thằng thả hệ lưu.

Tạm dịch:

Dày công lâu mới chịu xoay đầu,
Tâm lực điên cuồng thuận thuận nhu.
Tuy vậy sơn đồng chưa dám thả,
Dây thừng vẫn nắm giữ chừng nhau.

***Giải thích*:**

- Càng lâu dụng công dần dần thuần thục.

- Hai ma hôn trầm, tán loạn cũng chịu phép dần.

- Công phu đến đây càng thêm tinh tấn hơn.

- Thầm thầm huấn luyện không thể có một chút buông lơi.

***Luận rằng*:**

Như kinh bảo: "Lý cần đốn ngộ, nương ngộ mà được tiêu. Sự chẳng phải chóng trừ, theo thứ lớp hết sạch." Nên tổ Quy Sơn nói: "Tuy được một niệm chóng ngộ tự tâm, vẫn còn có tập khí từ vô thủy chưa thể hết sạch ngay. Hẳn phải tinh tấn siêng năng mới hay trừ dẹp. Hơn nữa cần dạy y trừ sạch dòng thức trôi chảy hiện nghiệp. Song muốn tẩy sạch tâm lự, nhả cái cũ ra, thu cái mới vào, thì khoác

chiếc áo vi diệu thượng hạnh, nhấm mùi vị sâu xa đề-hồ. Được vậy, đại đạo cần hằng giờ tu hằng giờ chứng; trần duyên thì ngày càng hao bớt, ngày càng tiêu mòn." Nên ông Lý Văn Hòa có bài tụng:

Học đạo phải như người sắt,
Nắm thẳng đầu tâm liền chặt.
Vượt lên vô thượng Bồ-đề,
Tất cả thị phi chớ quản.

Bốn câu tụng "quày đầu" này ý đại khái như trên. Hòa thượng Tài ở Long Nha tụng:

Học đạo như dùi lửa,
Thấy khói chưa thể dừng.

Giảng:

Giải thích:

Càng lâu dụng công dần dần thuần thục. Như ngây như ngu rồi cứ cần mẫn tiến tu, càng lâu dần dần mới được thuần thục. *Dày công lâu mới chịu xoay đầu*, xoay đầu tức là được thuần thục.

Hai ma hôn trầm, tán loạn cũng chịu phép dần là *tâm lực điên cuồng thuận thuận nhu*. Hai ma hôn trầm và tán loạn lần lần chịu thua. Như vậy đến đây mới hết hôn trầm, tán loạn. Khi mới vào ngồi thiền, một phút khoảng năm ba mươi lần tán loạn, rồi lần lần hai ba phút giảm còn đôi ba mươi lần. Nếu có người hỏi tu khi nào hết tán loạn thì phải đáp thế nào? Hai tháng hay ba tháng? Tu đến khi nào tâm mình không chạy nữa

thì hết tán loạn chứ không biết nói chừng nào, không thể nói thời gian được. Khi bớt tán loạn, ví dụ như trăm phần nay giảm còn năm mươi phần thì chuyển qua hôn trầm, ngồi gục lên gục xuống. Đến khi hôn trầm cũng hỏi khi nào hết hôn trầm. Khi nào tỉnh thì hết hôn trầm chứ không nói lúc nào được, vì việc tu hành không đặt thời gian mà tùy hành động của chúng ta, hành động cần mẫn lâu ngày rồi tự nó thuần thục, chứ không có thời gian cố định. Thế mà có những người khuyên dạy tu, bảo là năm ba năm hay năm bảy tháng được cái này cái kia thì biết là tu thứ không thật, đừng ham. Là thật thì phải tận tâm lâu dài mới được thuần thục, mới được kết quả.

Chúng ta thường có mấy bệnh dễ bị thiên hạ lường gạt: thứ nhất là bệnh lười biếng, thứ hai là bệnh sợ hãi, thứ ba là bệnh hiếu kỳ. Vì lười biếng nên ai dạy tu thì hỏi độ bao lâu xong, nếu mau thì làm, lâu thì thôi. Vì sợ nên nghe nói lâu thì chán, sợ mệt làm không nổi và nói rằng tôi không có phần. Vì yếu đuối sợ làm không nổi nên khi nghe nói tu mau, có người trợ lực cho mình, cầu ai đó phụ thì không có gì nguy hiểm mà cũng không mất thời gian lâu nên ham. Vì hiếu kỳ nên khi tu mong có cái gì lạ chứ ngồi khẻ các vọng tưởng hoài thì buồn quá. Vọng tưởng khởi thì rầy quở, nó lặng mất rồi lại khởi... làm mãi sanh chán thấy không có gì lạ. Còn tu mà ngồi vài hôm thấy hào quang, thấy hình này ảnh kia mới bằng lòng. Thế nên những pháp tu hấp dẫn đó, người ta hay tạo điều kiện bắt mình dồn ép rồi phát ra tướng lạ, mình thấy có gì mầu nhiệm nên ham. Bệnh hiếu kỳ

dẫn người ta đến những lệch lạc trên đường tu rất nhiều. Vì vậy chúng ta phải nhớ đi sâu trong đạo lý đừng để lệch lạc, rồi tu thì tu theo Phật mà kết quả thành quỷ thành thần. Đó là cái khổ của người tu.

Công phu đến đây càng thêm tinh tấn hơn. Tuy hai ma thua rồi nhưng đừng tự mãn, mà phải tinh tấn hơn, cho nên nói: *Tuy vậy sơn đồng chưa dám thả*, tức là sơn đồng cũng chưa bằng lòng, chưa dám buông tay.

Thầm thầm huấn luyện không thể có một chút buông lơi, tức là *dây thừng vẫn nắm giữ chừng nhau*. Tuy mục đồng đi đâu trâu theo đó và nó cũng hiền hòa lắm rồi nhưng vẫn còn giữ dây thừng chứ không dám buông, không dám thả. Như vậy tu đến đây là đã thắng được ma hôn trầm, ma tán loạn, nhưng vẫn còn phải giữ dây thừng tức là còn lấy giới luật làm nền tảng. Nay có nhiều người tu công phu chưa ra gì, mà không cần giới luật thì hẳn là đi không đến nơi. Đến giai đoạn thắng được ma hôn trầm tán loạn mà công phu vẫn tinh tấn, giới luật vẫn giữ gìn mới là người thật tu. Còn được chút ít công phu rồi thả lỏng bất kể giới luật là hư hỏng. Như vậy mới mục thứ tư mà thấy đã xa mình rồi.

Luận rằng:

Như kinh bảo: "Lý cần đốn ngộ, nương ngộ mà được tiêu. Sự chẳng phải chóng trừ, theo thứ lớp hết sạch." Trong kinh Phật dạy người tu về lý thì cần đốn ngộ, tức là phải nhận phải ngộ cho mau, rồi nương nơi ngộ để tiêu trừ tất cả phiền não, chứ không phải ngộ rồi thôi. *Sự chẳng phải chóng trừ, theo thứ lớp hết sạch*, nghĩa là

về sự tức là hình thức cụ thể thì không phải trừ một lần là xong mà phải thứ lớp từ từ mới sạch được. Theo đường lối tu là như vậy, lý thì đốn ngộ mà sự phải tiệm trừ.

Nói lý đốn ngộ sự tiệm trừ nghe cũng khó hiểu, tôi giải thích rộng để hiểu cho kỹ. Nguyên văn chữ Hán là "lý tuy đốn ngộ, sự nãi tiệm trừ". Như hiện nay tất cả tăng ni cũng như Phật tử, những người thông minh và nghiệp chướng mỏng thì có thể nghe một câu Phật dạy hoặc một câu tổ nói, ngay đó nhận ra mình có Phật tánh, có tánh giác. Nhận ra được tánh giác gọi là nhận được lý, gọi là "lý tuy đốn ngộ". Sự là những hành động do thân khẩu ý tạo ra. Người đốn ngộ biết mình có tánh giác, tánh giác là cái siêu xuất, là quý báu, còn thân này là đồ bỏ. Thế mà chỉ cần đến buổi thọ trai, các mâm bên cạnh thì thịnh soạn mâm mình thì quá đơn giản với một ít rau luộc, muối tiêu thì lúc đó mình có thản nhiên vui vẻ ngồi ăn hay bỏ đứng dậy đi liền? Biết tánh giác là quý là cao thượng còn thức ăn là nuôi thân đồ bỏ này, thì ăn ngon ăn dở đâu có nghĩa gì, nhưng chỉ cần xử sự không công bình một chút thì đã khác rồi. Như vậy mới thấy sự phải từ từ chứ không phải nhận được lý rồi tất cả đều dứt liền. Chỉ cách xử sự hơi bất công mình đã chịu không nổi, huống là đánh đập hay làm những điều đau khổ. Như vậy lý thì đốn ngộ mà sự phải tiệm trừ, chứ không thể nhanh được.

Nên tổ Quy Sơn nói: "Tuy được một niệm chóng ngộ tự tâm, vẫn còn có tập khí từ vô thủy chưa thể hết sạch ngay. Tuy là chóng đốn ngộ tự tâm rồi mà những tập khí từ vô thủy chưa có thể hết sạch ngay.

Hẳn phải tinh tấn siêng năng mới hay trừ dẹp. Đây như ngài Đạo Minh nói: "Việc lớn chưa sáng như đưa ma mẹ, việc lớn đã sáng cũng như đưa ma mẹ", nghĩa là đã nhận được rồi mà vẫn phải siêng năng tinh tấn thì lâu ngày mới trừ dẹp được hết sạch.

Hơn nữa cần dạy y trừ sạch dòng thức trôi chảy hiện nghiệp. Nghĩa là giả sử có nhận ra được tánh giác sẵn có của mình rồi cũng tinh tấn tu, chừng nào dòng thức trôi chảy hiện nghiệp tức là dòng nghiệp thức đang trôi chảy ở trong phải lặng, phải sạch mới được. Khi tu, những niệm thô dấy động, chúng ta dẹp dường như trong thời gian ngắn, còn những nghiệp thức thầm lặng bên trong kéo dài rất lâu chứ không đơn giản. Vì vậy khi nào dòng nghiệp thức lặng, hết trôi chảy thì khi đó mới thảnh thơi.

Song muốn tẩy sạch tâm lự, nhả cái cũ ra, thu cái mới vào, thì khoác chiếc áo vi diệu thượng hạnh, nhấm mùi vị sâu xa đề-hồ. Được vậy, đại đạo cần hằng giờ tu hằng giờ chứng; trần duyên thì ngày càng hao bớt, ngày càng tiêu mòn.

Ngài Quy Sơn nói thêm: *Muốn tẩy sạch tâm lự* nghĩa là muốn tẩy sạch tâm suy nghĩ lăng xăng của mình thì phải *nhả cái cũ ra, thu cái mới vào*. Nay quý vị kiểm lại xem cái cũ nơi mình nhiều ít. Tất cả những tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến chứa đầy ở trong, chúng ta phải nhả ra từ từ, lại phải đem cái mới vào, đó là cái gì? Tức là lý Bát-nhã, quán các pháp không tự tánh, thấy các pháp như huyễn như hóa. Từ trước đến nay

chúng ta thấy thân thật, tâm thật, ngôn ngữ thật, đó là những thói quen mình đã huân chứa, nay phải nhả ra. Còn thấy thân duyên hợp hư dối, như huyễn như hóa, đó là cái mới phải đem vào. Lại phải *khoác chiếc áo vi diệu thượng hạnh*, tức là phải mặc chiếc áo thượng hạnh vi diệu. Thượng hạnh vi diệu là hạnh Bồ-tát quên mình vì chúng sanh, lúc nào làm việc gì cũng vì chúng sanh chứ không vì mình. *Nhấm mùi vị sâu xa đề-hồ*. Tức là phải uống mùi vị sâu xa đề-hồ. Đề-hồ là từ bi. Trên là hạnh vì người, kế là phải có tâm từ bi. Như vậy mới gần với đạo.

Được vậy, đại đạo cần hằng giờ tu, hằng giờ chứng. Giờ nào cũng là giờ tu, giờ nào cũng có thể chứng được. *Trần duyên thì ngày càng hao bớt, ngày càng tiêu mòn.* Ngày nay chúng ta tu mà trần duyên chưa hao cũng chưa mòn. Tại sao? Đi tu mà thích được thong thả, thích đi chơi, du lịch v.v... đó là trần duyên thêm hoài chứ không bớt, không mòn. Vì vậy người tu cần dẹp bớt làm sao cho tiêu mòn những trần duyên.

Tóm lại chúng ta tu muốn cho đạt kết quả tốt thì phải: Nhả cái cũ là chấp thật về thân tâm cảnh; thu lại cái mới là trí Bát-nhã, thấy các pháp như huyễn như hóa; mặc chiếc áo vi diệu thượng hạnh, chiếc áo phát tâm Bồ-tát nghĩ đến chúng sanh; nếm mùi vị từ bi, luôn mở lòng từ bi thương hết mọi người. Được như vậy thì càng ngày các trần lao càng giảm, càng tiêu mòn và mới gần với đạo, mới có thể chứng được đạo, chứ tu mà quá ích kỷ thì không gần đạo, cũng không chứng được đạo.

Ông Lý Văn Hòa có bài tụng:

Học đạo phải như người sắt,
Nắm thẳng đầu tâm liền chặt.
Vượt lên vô thượng Bồ-đề,
Tất cả thị phi chớ quản.

Học đạo phải như người sắt. Người sắt hiện giờ gọi là robot, nhưng đây nói như người sắt không phải người bằng sắt, vẫn là con người, vẫn là da thịt mà lòng như sắt đá.

Nắm thẳng đầu tâm liền chặt. Đầu tâm là tâm vừa dấy niệm, vừa có một niệm dấy lên liền dứt ngay không thương tiếc chút nào. Chúng ta hiện nay niệm dấy lên thì cũng hơi tiếc không nỡ chặt nên nó dẫn mình chạy. Thí dụ như khi đang ngồi thiền mà niệm xằng bậy dấy lên thì chúng ta liền chặt không thương tiếc, nhưng nếu nhớ lại câu kinh hay quá thì không nỡ chặt, tự bảo hôm qua mình không hiểu câu kinh đó, nay hiểu được hay quá, rồi ôn đi ôn lại đến hết buổi ngồi thiền. Như vậy có niệm chúng ta dám chặt, có niệm không dám chặt. Đây dạy phải gan dạ, nắm thẳng đầu tâm liền chặt, vọng tưởng vừa khởi là chặt liền.

Vượt lên vô thượng Bồ-đề. Nghĩa là phải vượt lên đến quả vị vô thượng Bồ-đề.

Tất cả thị phi chớ quản. Tất cả phải quấy đừng lưu tâm. Nếu tất cả phải quấy lưu tâm thì lên quả Bồ-đề được không? Nếu khi nào ở đây tất cả tăng ni đều thị phi chớ quản thì tôi được nhẹ. Đi chơi, cười hoài, không có

việc gì phải bận tâm. Dù một trăm người, hai trăm người chắc cũng thảnh thơi. Trái lại tăng ni còn thị phi hằng quản thì chắc là tôi mệt lắm. Mất ăn mất ngủ vì nay người này thưa, mai người kia kiện, phải xử hoài làm sao yên? Thế nên người tu quyết tâm thẳng lên quả vị Bồ-đề thì tất cả thị phi chớ quản, phải nhớ câu *chớ quản*. Nếu thị phi chớ quản thì có thiệt thòi không? Người ta nói hơn nói thua, nói phải nói quấy mình bỏ qua hết không dính trong lòng thì chẳng những không thiệt thòi mà còn được lợi là lên được quả vị Bồ-đề. Đó là cái công rất xứng đáng. Còn nếu kẹt vào thị phi thì không lên được quả Bồ-đề mà ngược lại phải đi xuống quả địa ngục. Như vậy chúng ta phải khôn ngoan sáng suốt, tu là để tiến lên chứ không phải tu là tuột xuống, phải nhớ như vậy. Thế mà thỉnh thoảng cũng có những người ưng tuột xuống.

Hòa thượng Tài ở Long Nha tụng:

Học đạo như dùi lửa,
Thấy khói chưa thể dừng.

Người học đạo giống như dùi lửa. Thuở xưa không có hộp quẹt máy, không có diêm quẹt thì người ta lấy cái dùi dùi trên thanh gỗ cho ra lửa. Khi dùi thấy khói là sắp ra lửa. Thấy khói rồi chúng ta nên dừng hay là khi nào lửa bừng cháy mới dừng? Cũng vậy tu có được chút công phu không phải là đủ mà phải đi cho đến kết quả viên mãn mới dừng, chứ dừng nửa chừng là không tốt.

Bài tụng 5

THUẦN PHỤC

Khinh an - Ngoan ngoãn (thuần phục)

Âm:

Lục dương âm hạ cổ khê biên,
Phóng khứ thu lai đắc tự nhiên.
Nhật mộ bích vân phương thảo địa,
Mục đồng quy khứ bất tu khiên.

Tạm dịch:

Dưới bóng dương xanh bên suối xưa,
Thả đi nắm lại tự do thừa.
Cỏ thơm mây biếc chiều nghiêng bóng,
Trâu thả đi về chẳng bận chăn.

***Giải thích*:**

- Nơi phồn hoa huyên náo hay cảnh sắc vắng vẻ.

- Chẳng bị vật làm lụy, đến đâu vẫn như nhiên.

- Trước mắt muôn ngàn sai khác, trong tâm chỉ một cảnh.

- Tâm tán loạn đã dừng, tùy thuận nơi định môn.

***Luận rằng*:**

Như hòa thượng Cao Phong bảo: "Một Pháp thuần phục này, ví như tay thiện xạ đưa tên bắn lên hư không, lại dùng mũi tên sau bắn vào đuôi mũi tên trước, mũi mũi nối tiếp nhau, mũi mũi đều trúng vào đuôi mũi tên, đầu đuôi giúp nhau, trên dưới xuyên suốt mà đứng yên trong hư không, qua một lúc lâu chẳng rơi xuống. Vốn là công phu tinh tấn thuần thục, quyết chẳng phải do sức thần đưa đến."

Nói về dụng công tu học cũng lại như thế. Phải biết, người công phu thuần thục thì kiệu xe từ ngàn dặm đến cũng chẳng đứng dậy, muôn thứ ma quấy rối chẳng quay đầu, là sao? Đây là việc ở trong tâm khẩn thiết. Bài tụng "Thuần phục" này, ý đại khái như trên.

Hòa thượng Kiếm Nam nói: "Từ khi biết được minh châu này, Thích Phạm Luân vương chẳng cần nữa."

Giảng:

Qua bài tụng chúng ta thấy mục thứ năm này là mục rất thảnh thơi.

Giải thích:

Dưới bóng dương xanh bên suối xưa. Ở dưới bóng dương, bên bờ suối cổ là nói *nơi phồn hoa huyên náo hay cảnh sắc vắng vẻ.*

Thả đi nắm lại tự do thừa. Thả ra hay nắm mũi giữ lại, sức tự do rất đặc biệt, không có gì ngăn trở. Con trâu đến đây không còn dây mũi, người mục đồng cũng không cần phải cầm roi để la hét nữa, trâu đã được hai phần trắng rồi. Người tu đến đây dù nơi yên tĩnh hay chỗ náo động vẫn được an nhiên tự tại, không vì chỗ ồn mà tâm xao xuyến. Như vậy để thấy sức tự tại rất đáng mừng, nên *chẳng bị vật làm lụy, đến đâu vẫn như nhiên*, nghĩa là đến chỗ nào mình cũng vẫn tự tại, không có gì trở ngại. Đến mục này, chúng ở đây được mấy người? Mục thứ nhất thì chắc có nhiều, mục thứ hai kiểm lại

là hơi ít, đến mục thứ năm này trăm người có lẽ chỉ được độ một hai. Chỗ này chỉ cho chúng ta thấy trên đường tu, đến đây chúng ta được an nhiên tự tại. Trước cảnh khó khăn trở ngại hay cảnh thuận tiện dễ dàng, hoặc trước chỗ ồn náo hay nơi yên tĩnh, tâm chúng ta luôn lặng lẽ trước sau như một, không xao xuyến, không đổi thay, đó là tự tại.

Cỏ thơm mây biếc chiều nghiêng bóng là tả buổi chiều mặt trời xế, ở đây có cỏ thơm hoa lạ v.v... Đó là nói *trước mắt muôn ngàn sai khác, trong tâm chỉ một cảnh*, trước mắt chúng ta dù có thiên sai vạn biệt mà trong tâm chỉ một cảnh như như không đổi dời. Như vậy dù cho hoa thơm cỏ lạ, mặt trời xế bóng, người mục đồng vẫn thản nhiên tự tại không vì cảnh vật mà tâm phải lay động.

Trâu thả đi về chẳng bận chăn. Trâu thả một cách tự tại không còn phải bận chăn giữ, đó là để nói *tâm tán loạn đã dừng* đã lặng, đến đây tùy thuận mà tiến tu không có gì ngăn trở. *Định môn* là lúc nào cũng được an định không có gì ngăn trở. Bốn câu thơ nói lên người tu đến đây đã thảnh thơi tự tại không còn có gì bận rộn ngăn trở nên hình ảnh chú mục đồng đến giai đoạn này không còn phải lo giữ gìn chăn kỹ trâu nữa.

Luận rằng:

Như hòa thượng Cao Phong bảo: "Một pháp thuần phục này, ví như tay thiện xạ đưa tên bắn lên hư không, lại dùng mũi tên sau bắn vào đuôi mũi tên trước, mũi mũi nối tiếp nhau, mũi mũi đều trúng vào đuôi mũi tên,

đầu đuôi giúp nhau, trên dưới xuyên suốt mà đứng yên trong hư không, qua một lúc lâu chẳng rơi xuống. Vốn là công phu tinh tấn thuần thục, quyết chẳng phải do sức thần đưa đến." Đây là nói do công phu cố gắng tu hành mà tâm được thuần thục. Ngài Cao Phong dùng hình ảnh bắn tên, một mũi tên bắn lên hư không, tên đó chưa rớt thì mũi thứ hai bắn đúng đuôi mũi thứ nhất, sức đẩy của mũi tên sau giữ cho mũi tên trước không rớt xuống, rồi mũi thứ ba bắn tiếp theo, cứ thế tiếp tục, mũi nào cũng cắm vào đuôi mũi trước, nhờ sức đẩy của mũi tên sau khiến mũi tên trước đứng yên trong hư không. Những mũi tên liên tục trong hư không là thí dụ cho sức tinh tấn của chúng ta. Sức tinh tấn sau nối sức tinh tấn trước, một mạch tâm hoàn toàn trống không thanh tịnh, sự thanh tịnh này do công phu cố gắng nỗ lực mới được yên tịnh lặng lẽ liên tục như vậy, đó là điều do sức nỗ lực chứ không phải bỗng dưng mà có.

Nói về dụng công tu học cũng lại như thế. Phải biết, người công phu thuần thục thì kiệu xe từ ngàn dặm đến cũng chẳng đứng dậy, muôn thứ ma quấy rối chẳng quay đầu, là sao? Người tu đến đây được thuần thục rồi thì dù cho có kiệu xe từ ngàn dặm đến cũng không đứng dậy. Thí dụ chúng ta ngồi thiền ở một tảng đá bên vệ đường, chợt có năm mười cỗ xe quan quyền đi qua. Thế thường nghe có quan quyền đi mà mình ngồi một chỗ thì có vẻ trơ trẽn quá nên phải đứng dậy chào hỏi cho đúng tư cách, nhưng ở đây dù có bao nhiêu cỗ xe đi mình cũng vẫn ngồi yên và dù cho có muôn thứ ma quấy rối cũng chẳng quay đầu. Nói ma thì hơi khó thấy, chứ giả sử như xe quan đi tới mình cũng không bận tâm,

đến những người ngỗ nghịch chọc phá mình cũng không bực bội. Trong hai trường hợp, bên thì sang quý quyền thế mình cũng không bị lay chuyển, bên thì phá phách trêu chọc mình cũng không bực bội. Hiện giờ chúng ta đến đó được chưa? Hay là nghe quan đi ngoài kia, trong này mình chuẩn bị trước? Còn người chọc phá thì mình bực bội la hét lại? Đó là điều thông thường. Đây muốn nói điểm đặc biệt của người tu khi đến chỗ thuần thục rồi thì được an nhiên, trước những cảnh như thế vẫn không bị rối loạn xao xuyến.

Đây là việc ở trong tâm khẩn thiết. Việc này là việc ở trong tâm do sức mạnh khẩn thiết tu hành mà đạt được chứ không phải ở đâu đến.

Bài tụng "Thuần phục" này ý đại khái như trên.

Hòa thượng Kiếm Nam nói: "Từ khi biết được minh châu này, Thích Phạm Luân vương chẳng cần nữa." Hòa thượng Kiếm Nam bảo: Từ khi nhận được nơi mình có hòn ngọc minh châu thì dù cho trời Đế-thích, trời Phạm thiên hay là vua Chuyển luân thánh vương mình cũng không cần nữa. Được hạt minh châu là đủ, tất cả những gì quý giá, những gì cao siêu ở bên ngoài không làm cho chúng ta phải xao xuyến loạn động. Đó là ý nghĩa của bài kệ nói về thuần phục. Những mục từ đây về sau, chúng ta học để khi tu đến đây thì biết mình đang ở vị trí nào, chứ thật ra hiện giờ ít người đến được chỗ này.

Bài tụng 6

KHÔNG NGẠI

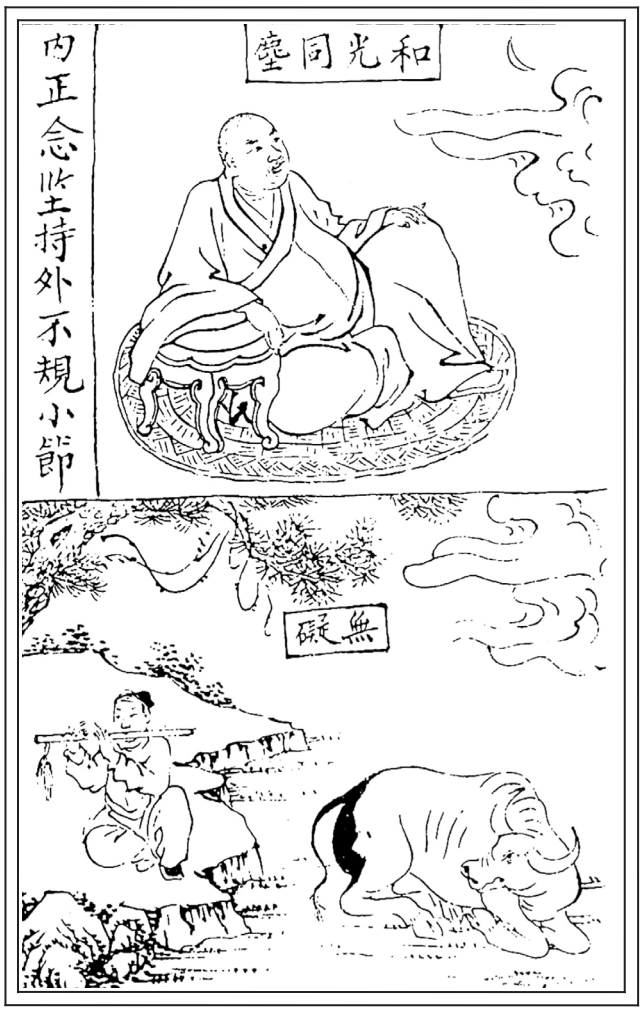

Hòa quang đồng trần - Vô ngại (vô ngại)

Âm:

Lộ địa an miên ý tự như,
Bất lao tiên sách vĩnh vô câu.
Sơn đồng ổn tọa thanh tùng hạ,
Nhất khúc thăng bình lạc hữu dư.

Tạm dịch:

Giữa trời yên ngủ có lo gì,
Roi vọt thôi dùng, chẳng nệ chi.
Dưới cội tùng xanh ngồi nhẹ nhõm,
Thăng bình một khúc quá vui đi!

***Giải thích*:**

- Mặc ý chìm nổi, tùy duyên phóng khoáng.

- Không ngông láo xa hoa, không câu nệ tiểu tiết.

- Lòng dạ thênh thang, mặc núi rừng, mặc thành thị.

- Không người tri âm, nhàn nhã chỉ tự biết.

***Luận rằng*:**

Như Tam Tổ bảo: "Chẳng theo duyên có. Chớ trụ không nhẫn. Một lòng bằng phẳng. Lặng yên tự hết." Nên Triệu Luận nói: "Do đó, thánh nhân nghĩ có mà chẳng có, ở không mà chẳng không. Bởi vậy hòa quang đồng trần, khắp giáp cả năm thú. Lặng lẽ mà đi qua, tự tại mà đi đến. Điềm đạm không làm mà không gì chẳng làm." Đây là bậc thánh nhân buông thõng tay vì người, quanh quẩn trong năm thú

để tiếp hóa chúng sanh. Dù qua lại mà không có tướng qua lại. Như ngài Phật Quả thì hồn hậu mà đoan trang. Ngài Diệu Hỷ thì rành mạch mà bao la không ngằn mé. Ngài Cao Phong thì đơn sơ mà tinh nghiêm. Ngài Huyễn Trụ thì tỏ rõ mà sáng ngời. Nên nói: Cửa sâu kín tuy mở, mà sự ứng hiện của bậc thánh chẳng đồng (bản), chẳng phải gốc xưa thì không do đâu hiện ra dấu nay (tích), chẳng phải dấu nay thì không do đâu hiển bày gốc xưa. Gốc xưa và dấu nay tuy khác, mà nghĩa không thể nghĩ bàn là một. Bốn câu tụng "không ngại" này, ý đại khái như trên.

Giảng:

Đọc bài tụng rồi nhìn lại bức tranh quý vị thấy con trâu đã trắng, chỉ còn một chút đen ở sau đuôi và luôn luôn ngó trở lại người mục đồng. Còn chú mục đồng thì không còn bận tâm chăn trâu nữa mà ngồi yên trên tảng đá vui chơi thổi sáo, ngắm hoa ngắm cảnh. Chăn trâu như thế này là thảnh thơi tột rồi, thảnh thơi như tiên không còn gì hơn nữa. Chúng ta tu đến được chỗ này là lúc rất thảnh thơi không còn bận bịu gì cả.

Giải thích:

Giữa trời yên ngủ có lo gì là để nói rằng đến chỗ này thì *mặc ý chìm nổi, tùy duyên phóng khoáng*, tùy duyên tự tại không có gì kìm chế, không có gì âu lo.

Roi vọt thôi dùng, chẳng nệ chi. Đến đây *không ngông láo xa hoa, không câu nệ tiểu tiết*. Ngông là ngông cuồng, láo là khoác lác. Không còn ngông cuồng khoác lác

xa hoa nữa mà cũng không câu nệ tiểu tiết. Hai điểm này kiểm lại thật kỹ mới thấy ý nghĩa rất hay, nghĩa là người tu khi chưa đến nơi mà học lóm được ở đâu đó rồi đem ra nói om sòm, đó là lối nói ngông, nói láo chứ không phải thật của mình. Chữ xa hoa chỉ cho khi nào cũng đem việc bên ngoài để khoe, cho rằng ta là đẹp là hay... Như vậy người tu đến chỗ vô ngại này không có tính cách học lóm để khoe khoang nói ngông cuồng, cũng không có làm bề ngoài để che mắt thiên hạ mà đó là chính mình được. Còn sự việc đến thì không câu nệ tiểu tiết, có những chuyện nhỏ không đáng, có thể không hợp với tư cách người tu nhưng cần thì vẫn làm chứ không câu nệ. Như một câu chuyện ở Nhật, có hai vị sư đi đến bờ suối, thấy một cô gái mặc kimono muốn qua suối nhưng không lội qua được, cô đứng bối rối không biết làm sao. Vị Sư giữ giới nghiêm ngặt thấy nhưng bỏ đi, còn vị Sư không câu nệ tiểu tiết thì nắm cô gái bỏ qua bờ suối bên kia rồi đi. Nếu nói theo trong đạo mà cố chấp thì đó là phạm giới, vì Tỳ-kheo không được nắm người nữ bỏ qua suối như vậy. Thế nên vị sư huynh không bằng lòng, tuy hai người tiếp tục đi nhưng vị sư huynh không nói tới người sư đệ nữa vì cho rằng sư đệ phạm giới. Đi một đỗi xa, người sư đệ thấy không khí có vẻ ngột ngạt quá mới hỏi: "Có việc gì mà sư huynh không nói chuyện với tôi?" Đáp: "Chú phạm giới mà nói chuyện gì!" Sư đệ đáp: "Tôi bỏ cô gái bên bờ suối còn Sư huynh mang cô gái mãi tới đây!" Vậy trong hai người ai là người thảnh thơi? Đó là để chỉ vì câu nệ tiểu tiết mà có thể có những chuyện đáng làm lại không làm.

Lại như trong trường hợp khác, khi đi đường lỡ có một thiếu nữ chóng mặt ngã quỵ trước mình mà không có ai ở gần đó. Là người tu thấy vậy mình bỏ đi hay là thế nào? Nếu bỏ đi thì không từ bi mà nếu đỡ cô dậy thì phạm giới. Trường hợp đó rất khó xử. Nếu là người đến chỗ vô ngại thì giải quyết dễ dàng. Còn đắn đo suy nghĩ, đó là còn có ngại, mà có ngại thì đừng làm. Nếu không còn đắn đo suy nghĩ, đó là vô ngại thì làm không có sao. Nhớ như vậy.

Dưới cội tùng xanh ngồi nhẹ nhõm. Nhẹ nhõm là gượng dịch vì vần trắc. Nghĩa là dưới cội tùng xanh ngồi rất thảnh thơi. Đây để nói *lòng dạ thênh thang, mặc núi rừng, mặc thành thị*, dù nơi núi rừng, nơi thành thị, tâm vẫn thảnh thơi tự tại không có gì ràng buộc, không có gì bận lòng.

Thăng bình một khúc quá vui đi. Nghĩa là người mục đồng hay người tu *không người tri âm, nhàn nhã chỉ tự biết*. Câu này nghe hơi lạ. Người tu không có người tri âm rồi nhàn nhã chỉ tự biết là thế nào? Mục đồng thổi sáo cho ai nghe? Chỉ có con trâu với chú thôi, nay không bận tâm chăn trâu, thảnh thơi thổi sáo chơi, thổi để mình thưởng thức chứ không phải thổi cho người khác nghe, nên nói không người tri âm. Vì tâm thảnh thơi tự tại nên nói *nhàn nhã chỉ tự biết*. Người tu đến đây thì có những điểm đặc biệt. Thường đối với cảnh bên ngoài, thấy cái gì hay đẹp chúng ta thích, hoặc nghe tiếng gì lạ, tiếng đùa cợt chúng ta cười, sự vui cười đó là do duyên với ngoại cảnh. Còn người tu đến đây tự tâm thanh thản nhẹ nhàng, lúc nào cũng thảnh thơi tự tại nên lòng vui,

vì thế những người tu có khi đi một mình, cười một mình thấy như không bình thường, nhưng thật ra đó là vui với tự tâm chứ không phải do người khác làm mình vui. Như vậy do tâm an nhiên tự tại nên tự vui, ví như chú mục đồng cầm sáo thổi một mình vui chơi chứ không có tri âm, không người bè bạn. Nếu ở Thiền viện mà người nào cũng vui được như thế thì vui mà không ồn. Còn đợi ba bốn người dụm lại nói chuyện rồi cười ồn lên mới vui là vui trong náo động. Nếu tâm thanh thản an nhiên đi đâu cũng mỉm cười là cái vui tự tại. Thế nên tôi thường nhắc tăng ni tu thế nào mà ai nhìn mặt mình thấy lúc nào cũng vui. Trong lòng thảnh thơi tự tại thì gương mặt nở nụ cười nhè nhẹ, lúc nào cũng cười chứ không bực bội, không có hai trạng thái: một trạng thái thì mặt mày âu sầu, một trạng thái thì đi đâu cũng nhìn xuống đăm đăm như tìm cây kim sợi chỉ rớt dưới đất. Trạng thái âu sầu thì rất thế tục, trạng thái nhìn đăm đăm dưới đất là trạng thái của người tu lúc trâu đang giật dây mũi chạy, nên phải chăm chỉ kìm giữ đến quên những người chung quanh. Còn đến giai đoạn như trên là không còn kìm giữ, cũng không có gì phải bận lòng, nên rất an nhiên tự tại.

Luận rằng:

Như Tam Tổ bảo: "Chẳng theo duyên có. Chớ trụ không nhẫn. Một lòng bằng phẳng. Lặng yên tự hết."

Những chữ này rất là khó. *Chẳng theo duyên có, chớ trụ không nhẫn.* Nhẫn là an trụ. Nói đơn giản là không theo duyên mà có, cũng chớ an trụ chỗ không,

nghĩa là không kẹt có, không mắc không. Có không đều không dính kẹt là chỗ này. Thế thường người đời khi luận bàn hoặc nói có hoặc nói không, nói có thì chấp có, nói không thì chấp không, thiên về một bên. Còn người tu đến chỗ này, tâm tự tại rồi thì hai bên có không đều không dính kẹt. *Một lòng bằng phẳng, lặng yên tự hết.* Chỉ còn một tâm thanh tịnh an lành tự hết, không có gì khác. Như vậy nếu tâm không còn kẹt hai bên, có không hơn thua v.v... thì tâm an nhiên tự tại, vui một cách hồn nhiên không căn cứ. Hiện giờ chúng ta thấy ở thế gian nếu không kẹt có thì kẹt không, không kẹt hơn thì kẹt thua, cứ như vậy mà tâm mình lăng xăng lộn xộn, không an ổn. Còn người tu đến chỗ này có không đều không dính mắc chỉ là một tâm yên tịnh lặng lẽ như như.

Nên Triệu Luận nói: "Do đó, thánh nhân nghĩ có mà chẳng có, ở không mà chẳng không. Bởi vậy hòa quang đồng trần, khắp giáp cả năm thú. Lặng lẽ mà đi qua, tự tại mà đi đến. Điềm đạm không làm mà không gì chẳng làm."

Đây dẫn Triệu Luận nói rằng: *Bậc thánh nhân nghĩ có mà chẳng có, ở không mà chẳng không.* Tại sao? Chúng ta chỉ cần nhớ lại câu thơ của thiền sư Đạo Hạnh, ngài nói: "Có không như trăng đáy nước." Trăng in đáy nước không thật có hay thật không. Đứng bên bờ hồ thấy hình ảnh mặt trăng hiện dưới đáy nước, chúng ta nói có hay nói không? Chỉ bóng mặt trăng dưới đáy nước cho người khác thấy là nói có, nhưng khi chỉ cho người thấy chúng ta phải kết luận đây là bóng mặt trăng,

bóng thì không phải không, nhưng nói có mà không có. Mặt trăng dưới đáy nước là bóng chứ không phải mặt trăng thật, như vậy nói là không, nói không mà chẳng phải thật không vì nó có bóng. Thí dụ bóng mặt trăng cho tất cả chúng ta hiểu rằng trên thế gian này với con mắt phàm tục thì mỗi việc mỗi hình tướng đều là thật, những gì xảy ra đều thật, còn những gì không xảy ra đều là không có. Có là thật có, không là thật không theo quan niệm của họ. Nhưng với con mắt thánh nhân thì cái có, cái không ở thế gian đều không có nghĩa thật. Tại sao? Duyên hợp mà có thì có không thật có, mà đã là duyên hợp thì có hình có tướng, nói không cũng không được. Cho nên có hình có tướng thì vẫn là có mà có trong thể không, nên nói có mà cũng là không. Bậc thánh nhân nhìn đời thấy các pháp đều do duyên hợp nên nghĩ có mà chẳng có, biết duyên hợp tánh không, các sự vật không có thể tánh nhưng duyên hợp thì có, cho nên ở chỗ không mà chẳng không. Do duyên hợp thì tạm có, duyên ly tán thì tạm không, hiểu được lẽ có không không thật như vậy mới hòa quang đồng trần.

Hòa quang đồng trần, quang là ánh sáng, trần là bụi. Như ánh sáng mặt trời rọi vào trong nhà, chúng ta thấy trong ánh sáng có bụi lăng xăng trong hư không. Nếu chỗ nào không có ánh sáng là không thấy bụi. Ánh sáng là ví dụ cho trí tuệ của bậc thánh, còn bụi bặm là ví dụ cho hàng phàm tục ở thế gian, nhưng ánh sáng là ánh sáng, bụi là bụi. Bụi không thể làm cho ánh sáng hoen ố, ánh sáng cũng không làm bụi tan nát, hai cái lẫn nhau mà cái nào ở phạm vi cái ấy. Thánh nhân

ở trong trần tục với phàm phu nhưng phàm phu là phàm phu, thánh nhân là thánh nhân, không phải vì ở chung với phàm phu rồi thánh nhân bị nhiễm, bị dính. Đó là để nói người được đạo đến chỗ tự tại vô ngại thì nói xa là đi trong các cõi, nói gần là lẫn lộn trong phàm tục, làm tất cả Phật sự mà không dính, không nhiễm, không bị cái phàm tục làm cho mất trí tuệ. Thế nên *khắp giáp cả năm thú*, tức là các vị này, nói thẳng là các vị Bồ-tát này, đi trong năm cõi để giáo hóa chúng sanh mà không bị năm cõi làm khổ hay làm cho nhơ nhiễm, lăn lộn trong luân hồi mà không bị cảnh luân hồi làm phải mang thêm nghiệp đen tối.

Lặng lẽ mà đi qua, tự tại mà đi đến. Qua một cách lặng lẽ, đến một cách tự tại. Lặng lẽ đi qua là khi tịch, tự tại mà đến là khi sanh, tức là tử sanh một cách an lành tự tại không phải bị nghiệp lôi, bị cảnh trần kéo.

Điềm đạm không làm mà không gì chẳng làm. Điềm đạm là an tịnh, không làm mà cái gì cũng làm. Không làm thì được ngồi không chứ đâu có làm gì, còn nếu cái gì cũng làm thì lăng xăng mãi chứ đâu có ngồi không được mà điềm đạm? Đây nói rõ người này, nhìn qua thấy như họ không làm gì nhưng thật ra cái gì họ cũng làm. Tại sao? Vì làm mà không bị cảnh chi phối cho nên làm mà không bực bội lo lắng, không sợ sệt, thấy họ bình an tự tại như không làm nhưng họ làm được nhiều việc. Họ không bồn chồn hấp tấp sợ sệt cho nên không làm mà làm được tất cả. Còn chúng ta có việc cần làm thì xôn xao, trong lòng lo lắng nghĩ tới

được mất hơn thua v.v... cho nên không bao giờ được điềm đạm, được an nhiên vì vậy thấy như làm thật nhiều. Có nhiều người lúc nào cũng than công việc đa đoan, mặt mày nhăn nhó, thấy như người đó làm nhiều. Có người đi đâu cũng bình thản vui cười thấy như không có chuyện gì. Chúng ta phải xét lại, đừng thấy người nhíu mày nhăn mặt than công việc đa đoan thì nói người đó lo nhiều làm nhiều, còn người thảnh thơi tự tại vui cười thì nói không làm gì cả, chưa hẳn như vậy. Có người thấy như lo lắm, tính toán lắm mà rốt cuộc không làm được gì hết, còn có người thảnh thơi tự tại mà vẫn làm được rất nhiều. Thế nên đối với người phàm tục, khi làm việc gì họ hiện tướng lăng xăng lo lắng như làm nhiều lắm. Còn đối với bậc thánh nhân thì các ngài ung dung tự tại thấy như không làm gì nhưng thật là các ngài làm cho tất cả chúng sanh.

Đây là bậc thánh nhân buông thõng tay vì người, quanh quẩn trong năm thú để tiếp hóa chúng sanh. Buông thõng tay nghĩa là thả tay đi thảnh thơi. Làm việc gì mà chúng ta chấp chặt đó là nắm, còn làm mà không chấp là buông. Như vậy làm tất cả mà không chấp một cái gì đó là buông thõng tay, đi đâu cũng không dính mắc. Còn làm mà bám chặt thì cả ngày luôn dính mắc không được an ổn. Các ngài buông thõng tay tức là không cố chấp, do không cố chấp nên mới đi quanh quẩn trong năm thú địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, trời để tiếp hóa chúng sanh, qua lại tự tại không dính mắc. Đối với chúng ta đừng nói là đi trong những con đường khó đó, giả sử như một người tu có chùa chiền, có đệ tử,

có lương thực no ấm mà bảo vào trong xóm đồng bào thiểu số cất một am tranh ở để giáo hóa họ thì có đi dễ dàng không? Vì mình đang có mà bảo bỏ cái có đó để đến một nơi không có gì hết thì không phải là việc dễ, huống là từ một vị thánh mà đi vào trong địa ngục, ngạ quỷ thì đó là việc quá nặng nề, thế mà các ngài đi qua lại trong đó để giáo hóa thì biết các ngài không chấp bất cứ một điều gì nên mới được như vậy.

Dù qua lại mà không có tướng qua lại. Như ngài Phật Quả thì hồn hậu mà đoan trang. Ngài Diệu Hỷ thì rành mạch mà bao la không ngằn mé. Ngài Cao Phong thì đơn sơ mà tinh nghiêm. Ngài Huyễn Trụ thì tỏ rõ mà sáng ngời.

Đây là thiền sư Quảng Trí dẫn các vị thiền sư ở Trung Hoa. Ngài Phật Quả tức là thiền sư Viên Ngộ Phật Quả, ngài *hồn hậu mà đoan trang*; ngài Diệu Hỷ tức là ngài Đại Huệ thì *rành mạch mà bao la không ngằn mé*, tức là phân tích rõ ràng mà lúc nào cũng có cái tâm bao la rộng lớn; ngài Cao Phong thì *đơn sơ mà tinh nghiêm*, ngài Cao Phong rất là đơn giản mà tinh nghiêm; còn ngài Huyễn Trụ thì *tỏ rõ mà sáng ngời*, lúc nào cũng rành rẽ sáng ngời.

Nên nói: Cửa sâu kín tuy mở, mà sự ứng hiện của bậc thánh chẳng đồng (bản), chẳng phải gốc xưa thì không do đâu hiện ra dấu nay (tích), chẳng phải dấu nay thì không do đâu hiển bày gốc xưa.

Ngài nói thêm cho rõ rằng: *Cửa sâu kín tuy mở, mà sự ứng hiện của các bậc thánh chẳng đồng*, nghĩa là

chỗ đi trong hoàn cảnh đặc biệt, hoặc hiện thân trong loài này hoặc trong chúng sanh kia, mà sự ứng hiện của các ngài không đồng. Chỉ ngay trong thế giới chúng ta hiện nay, như Lục tổ Huệ Năng nghe một câu kinh liền ngộ đạo thì ngài tu đã bao nhiêu đời rồi? Người ta gọi ngài là nhục thân Bồ-tát, vậy ngài có phước nhiều ít mà lại sanh trong gia đình nghèo khổ phải làm tiều phu đốn củi? Thường người sanh trong gia đình nghèo khổ là người ít phước, như phàm phu chúng ta ít phước, còn ngài là Bồ-tát làm sao ít phước được? Còn những vị vua thời đó, làm vua thì tự nhiên là có phước rồi, vậy tại sao nghe câu kinh mà không ngộ? Vậy ai có phước hơn ai? Đó là điểm mà chúng ta phải lưu tâm để thấy rằng các ngài khi đến chỗ tự tại rồi, lúc thì sanh làm người nghèo cùng khốn khổ phát tâm đi tu, khi thì sanh trong địa vị quan chức phát tâm đi tu, khi thì sanh ở địa vị vua rồi phát tâm đi tu, hạng người nào cũng có các ngài ứng hiện. Như vậy trong cửa sâu kín thì không có khác mà tùy nguyện các ngài hiện ra có khác. Đừng nghĩ người sanh trong hoàn cảnh thiếu thốn nghèo đói rồi đi tu là ít phước, có thể đó là sự ra đời để làm duyên độ sanh, có người sanh trong cảnh giàu sang rồi đi tu cũng là duyên độ sanh. Quan niệm của Bồ-tát là muốn cho người thế gian không có mặc cảm là chỉ có hạng người nào đó mới tu được, còn hạng người khác tu không được. Như vậy từ vua quan trí thức đến bình dân hạng nào tu cũng được, hạng nào cũng có thể giác ngộ thành Phật. Đó là trọng tâm của việc Bồ-tát giáo hóa. Thế nên ở đây nói rõ cho chúng ta thấy chuyện đến của các ngài có sai biệt,

đừng nghĩ mọi việc đều như nhau. Do đó tôi có ngạc nhiên về việc ở Tây Tạng các vị Phật sống ra đời rồi tịch, các đệ tử đi tìm vị tái sanh trở lại đưa lên địa vị Phật sống nữa, mà Phật sống ở một chỗ mãi, tôi ngạc nhiên ở điểm đó vì trong kinh Phật không cho phép chúng ta thấy như vậy, chỉ các Bồ-tát tùy chỗ ra đời để cảnh tỉnh chúng sanh ở một giai cấp nào, dù cao dù thấp, đi tu cũng đều có thể ngộ đạo thành Phật. Đó là tinh thần bình đẳng của Bồ-tát, nên ở đây muốn nói cho chúng ta hiểu như vậy.

Chẳng phải gốc xưa thì không do đâu hiện ra dấu nay. Không phải gốc xưa thì không có hiện hình thức ngày nay. Nếu ngày xưa tổ Huệ Năng chưa từng tu thì thời nay nghe một câu kinh có ngộ được không? Dĩ nhiên là đã tu nên thời nay nghe một câu kinh mới ngộ, đó là gốc xưa mới hiện ra dấu nay, chứ không phải bỗng dưng mà được. Thế nên tất cả việc làm của chư Bồ-tát, của các thiền sư đều từ gốc ban đầu tu hành sẵn rồi, nên sau tùy duyên sanh ra nơi nào, hạng nào cũng đều có hiện tượng sớm thức tỉnh để tu hành giáo hóa chúng sanh. *Chẳng phải dấu nay thì không do đâu hiển bày gốc xưa.* Nếu chúng ta không thấy được hiện tượng tổ Huệ Năng nghe một câu kinh mà ngộ thì chúng ta làm sao biết được ngài đã tu những đời về trước, nhờ ngài nghe một câu kinh mà ngộ, chúng ta biết ngài đã tu hành nhiều đời. Như vậy từ việc nay mà phăng lại gốc xưa, rồi từ gốc xưa mà hiện ra việc nay.

Gốc xưa và dấu nay tuy khác, mà nghĩa không thể nghĩ bàn là một. Trong cuộc sống này, hiện tượng ra đời

của các vị Bồ-tát thật là không thể nghĩ bàn. Chỗ không thể nghĩ bàn thì không có hai mà gốc xưa dấu nay thấy như có hai.

Bốn câu tụng "không ngại" này, ý đại khái như trên. Bốn câu tụng này ý nói như vậy, nghĩa là người tu đến chỗ vô ngại rồi thì trong cuộc đời này và những đời sau liên tục giáo hóa chúng sanh không ngăn ngại, dù ở hoàn cảnh nào hay nơi chốn nào cũng đều tự tại.

Bài tụng 7

BUÔNG MẶC TÌNH

Tuyền thạch tự ngu - Theo cuộc (nhậm vận)

Âm:

Liễu ngạn xuân ba tịch chiếu trung,
Đạm yên phương thảo lục nhung nhung.
Cơ san khát ẩm tùy thời quá,
Thạch thượng sơn đồng thùy chánh nùng.

Tạm dịch:

Sóng xuân bờ liễu lặng soi trong,
Khói nhạt xanh rờn với cỏ thơm.
Khát uống đói ăn không nghĩ nghị,
Sơn đồng trên đá yên giấc nồng.

***Giải thích*:**

- Nơi phồn hoa huyên náo, việc làm hằng ngày thường chẳng mê.

- Nơi cảnh sắc yên vắng, theo dòng nhận được tánh.

- Theo dòng nhận được tánh, trọn không tạo tác thêm ương họa mới.

- Hồn nhiên mặc áo xiêm, chỉ thuận với thiên chân.

***Luận rằng*:**

Như hòa thượng Vô Nghiệp bảo: "Người xưa sau khi đạt ý rồi, thì ở nhà tranh, thất đá, trong cái đỉnh gãy chân nấu cơm ăn, trải qua hai ba mươi năm, danh lợi chẳng màng, của cải vật báu chẳng dính niệm, quên hết người đời, ẩn dấu nơi núi cao

rừng thẳm, vua chúa gọi chẳng đến, chư hầu mời chẳng tới, trong dừng ý ngoài quên duyên, mà chuyên ròng nơi chí đạo." Như ngài Vĩnh Gia nói: "Thân nghèo đạo chẳng nghèo, nghèo ắt thân thường mặc áo vá, đạo ắt tâm đầy châu báu đeo." Tức cùng với Thích-ca, Di-lặc, Tịnh Danh, Bàng Lão chẳng thêm chẳng bớt, không hai không khác, đồng một mắt thấy, đồng một tai nghe, đồng một thọ dụng, đồng một ra vào, thiên đường địa ngục mặc tình tiêu dao, hang cọp cung ma ngang dọc tự tại, bay bổng hồn nhiên, hồn nhiên bay bổng. Có một bài cổ ngâm bốn câu nói:

Giữa trời làm nhàn khách,

Trong người làm tăng quê.

Cười ta ai đó mặc,

Hồn nhiên tự nhẹ bay.

Bài tụng "Buông mặc tình" này, ý đại khái như trên.

Giảng:

Chúng ta thấy trong bức tranh này con trâu hoàn toàn trắng, trâu hướng về mục đồng mà mục đồng thì nằm ngủ, không cần phải nhìn ngó, phải để ý tới nó. Đó là để nói Buông mặc tình, nguyên văn là Nhậm vận.

Giải thích:

Sóng xuân bờ liễu lặng soi trong là nói *nơi phồn hoa huyên náo, việc làm hằng ngày thường chẳng mê.* Ở chỗ gió xuân, bờ liễu là ở những chỗ vui thích mà vẫn có

cái soi sáng trong lòng chứ không quên, không mất. Đó là để tượng trưng những nơi phồn hoa huyên náo chúng ta làm việc hằng ngày, lăng xăng công kia việc nọ mà lòng thường không mê. Đây là chỗ đặc biệt, các Phật tử phải ráng tập, nghĩa là dù ở chỗ phồn hoa, chỗ huyên náo, mình làm việc hằng ngày mà thường không mê. Tôi giải nghĩa hai chữ mê và ngộ hay mê và tỉnh. Mê là quên mình chạy theo vật, tỉnh là nhớ mình không chạy theo vật. Như vậy mê và ngộ ở sát một bên. Chạy theo cảnh theo vật là mê, còn tự yên tự tỉnh là ngộ. Dù chúng ta có bao nhiêu công việc phải làm, nhưng làm trong tỉnh giác, dù chúng ta lăng xăng nhiều việc, tâm mình vẫn soi sáng chứ không mê.

Khói nhạt xanh rờn với cỏ thơm. Chỗ có khói nhạt và cỏ thơm xanh rờn là để nói *nơi cảnh sắc yên vắng, theo dòng nhận được tánh*. Trước cảnh khói mờ nhạt, cỏ thơm xanh rờn, cảnh đẹp đẽ tươi mát của vạn vật, mọi người đang say mê, chúng ta vẫn không quên mình, đó là theo dòng nhận được tánh, tức là nương nơi cảnh mà thấy mình. Thế nên trong nhà thiền dùng câu "kiến sắc minh tâm", thấy tất cả cảnh, tất cả vật mà sáng được tâm mình chứ không phải vì cảnh vật mà mình mờ tối.

Khát uống đói ăn không nghĩ nghị, nói lên rằng khi chúng ta *theo dòng nhận được tánh, trọn không tạo tác thêm ương họa mới*. Như vậy cuộc sống của chúng ta rất là tự tại, đói thì ăn khát thì uống, không còn nghĩ suy gì nữa, tâm luôn an nhiên thanh nhàn không bận rộn, đó là không tạo thêm nghiệp mới.

Sơn đồng trên đá yên giấc nồng, tức là chú mục đồng nằm yên trên tảng đá ngủ một giấc say sưa. Người tu đến đây thì *hồn nhiên mặc áo xiêm, chỉ thuận với thiên chân*. Hồn nhiên mặc áo xiêm tức là tự tại an nhiên không có gì phải bận rộn. Câu này chúng ta được nghe tổ Lâm Tế nói: "nhậm vận trước y xiêm", tức là mình mặc áo một cách hồn nhiên tự tại không phải bận nghĩ suy. Như vậy dù mình đang làm công tác mà tâm mình vẫn hồn nhiên tự tại, sống với thiên chân chứ không bị bên ngoài lôi kéo. Trâu lúc này không cần giữ, mục đồng chỉ nằm ngủ chơi, đó là hồn nhiên mặc áo xiêm. Như vậy người tu đến mục thứ bảy này là tự tại an nhiên không còn bận rộn theo cuộc sống bình thường. Nếu chúng ta tu chưa đến đây mà bắt chước chư Tổ, cũng hồn nhiên mặc áo xiêm thì được không? Đó là điều chúng ta phải khéo, mình tu phải biết mình đang ở vị nào, thứ lớp nào, nếu nói quá thứ lớp ngôi vị của mình thì không đúng. Thường thì người đến chỗ này, đói thì ăn khát thì uống, mình chưa đến mà cũng muốn đói ăn khát uống thì thế nào? Ví dụ như có người tu ở chùa Bắc tông ăn chay, nay bất chợt đến nhà Phật tử, đến bữa cơm trưa họ không có sắm sẵn thức ăn chay, họ có thức ăn mặn mời mình ăn, mình nói: "Đói ăn khát uống mà, chư tổ đã dạy như vậy, ai mời gì ăn nấy." Nói nghe cũng được phải không? Được mà đúng chưa? Như vậy để thấy điều mình tưởng như phải mà thật là chưa phải.

Luận rằng:

Như hòa thượng Vô Nghiệp bảo: "Người xưa sau khi đạt ý rồi, thì ở nhà tranh, thất đá, trong cái đỉnh

gãy chân nấu cơm ăn, trải qua hai ba mươi năm danh lợi chẳng màng, của cải vật báu chẳng dính niệm, quên hết người đời, ẩn dấu nơi núi cao rừng thẳm, vua chúa gọi chẳng đến, chư hầu mời chẳng tới, trong dừng ý ngoài quên duyên, mà chuyên ròng nơi chí đạo."

Thiền sư Vô Nghiệp dạy: Khi chúng ta tu mà đạt ý rồi, nay chúng ta gọi là giải ngộ, tức là nhận ra được mình có cái chân thật, thì ở am tranh thất đá, trong cái đỉnh ba chân gãy mất một chân nấu cơm ăn. *Trải qua hai ba mươi năm*, không phải là một hai năm, *danh lợi chẳng màng, của cải vật báu* tức là vàng bạc... không dính niệm. *Quên hết người đời, ẩn dấu nơi núi cao rừng thẳm, vua chúa gọi chẳng đến, chư hầu mời chẳng tới, trong dừng ý ngoài quên duyên, mà chuyên ròng nơi chí đạo.* Trong thì dừng ý, ngoài thì quên duyên, sống với chỗ đạo tột cùng.

Như ngài Vĩnh Gia nói: "Thân nghèo đạo chẳng nghèo, nghèo ắt thân thường mặc áo vá, đạo ắt tâm đầy châu báu đeo." Nguyên bài ca chữ Hán là:

Thật thị thân bần đạo bất bần,
Bần tắc thân thường phi lũ hạt,
Đạo tắc tâm tàng vô giá trân.

Tức cùng với Thích-ca, Di-lặc, Tịnh Danh, Bàng Lão chẳng thêm chẳng bớt, không hai không khác, đồng một mắt thấy, đồng một tai nghe, đồng một thọ dụng, đồng một ra vào, thiên đường địa ngục mặc tình tiêu dao, hang cọp cung ma ngang dọc tự tại, bay bổng hồn nhiên, hồn nhiên bay bổng. Nếu người nào sống được

như lời ca của thiền sư Vĩnh Gia thì tuy thân mình nghèo mà đạo không nghèo. Thân nghèo vì mặc áo vá, còn đạo không nghèo vì tâm chứa đầy của báu. Nếu thấy biết được như vậy là mình đồng với đức Phật Thích-ca, Phật Di-lặc, đồng với ông Duy-ma-cật, ông Bàng Uẩn không thêm không bớt, không hai không khác, đồng mắt thấy đồng tai nghe, đồng thọ dụng v.v... Tại sao? Vì nếu được tự tại như vậy thì chúng ta thấy cũng giống như Phật thấy, nghe cũng như ông Duy-ma-cật nghe... dù cho ra vào nơi địa ngục cũng được tiêu dao tự tại, dù cho trong hang cọp hay chỗ cung ma cũng vẫn dọc ngang không có gì sợ hãi kinh hoàng.

Có một bài cổ ngâm bốn câu nói:

Giữa trời làm nhàn khách,
Trong người làm tăng quê.
Cười ta ai đó mặc,
Hồn nhiên tự nhẹ bay.

Giữa trời làm nhàn khách tức là ở giữa bầu trời này làm một người khách nhàn nhã, thong thả tự do, không gì làm trở ngại. Nhưng tôi nhắc lại chữ "nhàn tăng, nhàn khách" để quý vị không lầm. Nhàn khách hay nhàn tăng có phải là ông tăng lười biếng không? Nhàn tăng là một vị tăng dù làm tất cả việc mà tâm vẫn thanh thản tự tại, chứ không phải là vị tăng ở không đi chơi hoài. Khách nhàn là trong lòng không bận bịu một việc gì, dù bên ngoài làm việc tay lấm chân bùn vẫn không e ngại.

Trong người làm tăng quê. Ngay nơi thân mình làm một vị tăng nhà quê, ăn mặc đơn sơ giống như người quê mùa nhưng trong lòng thì thảnh thơi, cũng như nghèo vì thân mặc áo vá nhưng giàu vì tâm có châu vô giá.

Cười ta ai đó mặc. Dù ai đó muốn cười ta bao nhiêu thì cười, khi ta bao nhiêu thì khi, không quan trọng.

Hồn nhiên tự nhẹ bay. Lòng vẫn hồn nhiên, nhẹ nhàng bay bổng không có gì trở ngại. Đó là tinh thần tự do tự tại trong giai đoạn này. Như vậy trong giai đoạn "nhậm vận" tức "mặc tình" không phải kìm chế, gìn giữ cố gắng nữa mà an nhiên tự tại theo cảnh theo tình mà giải quyết chứ không bận bịu. Thế nên tu đến đây thì xem rất là thảnh thơi, thấy như là người không có tài, không có giỏi gì, nhưng lại là người thảnh thơi tự tại, lòng không dính bận, không còn ràng buộc, không còn nỗ lực, chỉ an nhiên tự tại không lo buồn sợ hãi. Tất cả gì đến thì đến, đi thì đi không bận bịu nên hồn nhiên tự nhẹ bay.

Bài tụng "Buông mặc tình" này, ý đại khái như trên.

Bài tụng 8

CÙNG QUÊN

Đại hưu đại yết - Quên nhau (tương vong)

Âm:

Bạch ngưu thường tại bạch vân trung,
Nhân tự vô tâm ngưu diệc đồng.
Nguyệt thấu bạch vân vân ảnh bạch,
Bạch vân minh nguyệt nhậm tây đông.

Tạm dịch:

Trong mây trắng bạc trâu trắng bày,
Một thể vô tâm sẵn cả hai.
Mây trắng trăng xuyên mây bóng trắng,
Trăng trong mây bạc mặc đông tây.

***Giải thích*:**

- Cảnh và trí thầm hợp, một vị rỗng lặng.

- Cảnh và trí đều lặng, tâm lự an nhiên.

- Bên trong rỗng lặng mà ẩn có linh diệu sáng ngời. Bên trong linh diệu sáng ngời mà gồm có rỗng lặng.

- Sắc không, chiếu thể vốn đồng thời.

***Luận rằng*:**

Như người xưa nói: "Trúc biếc hoa vàng không cảnh khác, trăng trong mây bạc lộ toàn thân." Đây chính là con đường trọng yếu trở về nguồn. Hoặc người công phu đến chỗ này, càng thêm tinh tấn hơn nữa, sao cho đi mà chẳng biết đi, ngồi chẳng biết ngồi, chẳng chia đông tây, chẳng phân nam bắc, chẳng thấy có một pháp có thể xứng với tình,

in như chùy sắt không lỗ. Năng nghi sở nghi, trong tâm ngoài cảnh, cùng quên cùng chiếu, cái không không cũng không. Đến trong ấy thì, ngay chỗ giở chân hạ chân, rất kỵ đạp nhào biển cả, đá ngã Tu-di, xoay trở, cúi ngước luôn luôn chiếu cố, đụng hư tròng mắt Đạt-ma, chạm vỡ lỗ mũi Thích-ca, mọi cử chỉ hành động chẳng ra khỏi rừng Bồ-đề, ở mãi trong biển Hoa Tạng, rạng ngời không hạt bụi nào chẳng thấu đến, ngày ngày mặt trời đi qua vẫn bừng sáng, nhọc chi phải dùng tài biện luận hay giỏi để nêu cao, đâu nhờ thần thông để hiển bày. Nếu đi đứng nằm ngồi được như vậy, thì chạm mắt gặp duyên dù ứng dụng với ngàn điều sai khác, nhưng tánh chân như vẫn lặng trong chẳng động. Một bài kệ xưa Vân Môn nói:

Chỉ thử kiến văn phi kiến văn,
Vô dư thanh sắc khả trình quân.
Cá trung nhược liễu toàn vô sự,
Thể dụng hà phòng phân bất phân.

Dịch:

Chỉ thấy nghe này chẳng thấy nghe,
Đâu thừa thanh sắc đáng trình anh.
Trong kia nếu rõ toàn vô sự,
Thể dụng ngại gì phân chẳng phân.

Bốn câu tụng "cùng quên" này, ý đại khái như trên.

Ngũ Tổ nói:

Nhất Phật, nhị Phật, thiên Phật, vạn Phật,
Tổng thị tự kỷ vô biệt vật.
Tích niên thân chủng thiện căn lai,
Kim nhật y niệm đắc cừ lực.

Dịch:

Một Phật, hai Phật, ngàn muôn Phật,
Thảy là chính mình không vật khác.
Năm trước căn lành gieo sẵn rồi,
Ngày nay sức lớn hẳn liền đạt.

Thiền sư Hà Trạch nói:

Bản lai diện mục thị chân như,
Xá-lợi quang trung nhận đắc cừ.
Vạn kiếp mê đầu kim thủy ngộ,
Phương tri tự tánh tức Văn-thù.

Dịch:

Xưa nay mặt thật đó chân như,
Xá-lợi hào quang nhận được chừ.
Muôn kiếp mê đầu nay mới ngộ,
Mới hay tự tánh tức Văn-thù.

Giảng:

Đối với những người chưa nghe những mục trước mà nghe ngay mục thứ tám này thì thấy thảnh thơi lắm. Chúng ta tu thì đi từ những bước gần tiến dần đến những bước xa, tức là bắt đầu chúng ta phải cay đắng lắm

mới tiến được. Đến mục này xem như gần đến nhà nên mọi việc khó khăn đã vượt qua rồi, chỉ còn hiện tượng nhàn nhã thảnh thơi, nhìn trời nhìn mây chứ không còn khổ sở như trước. Thế nên quý vị mới tu hay là chưa được nghe từ đầu thì lấy làm lạ vì tu mà thảnh thơi quá không có gì khổ, nhưng người đã đi rồi thấy qua bao gian lao mới đến được bậc này. Tuy nhiên, thực tế mà nói, mục thứ tám này chắc cũng ít người đến được, nhưng nghe để biết để hiểu chứ chưa phải nghe đúng điều mình đang làm đang sống. Mười mục chăn trâu theo nhận xét của thiền sư Quảng Trí thì đến đây là rất thảnh thơi. Bài tụng gọi là Cùng quên nguyên văn là Tương vong, tức là quên nhau.

Giải thích:

Trong mây trắng bạc trâu trắng bày, giải thích là *cảnh và trí thầm hợp, một vị rỗng lặng*. Ngoài là ngoại cảnh, trong là trí. Cảnh và trí tới đây đã hòa hợp không hai, cho nên nói trong mây trắng bạc trâu trắng bày. Cả hai mây trắng trâu trắng lẫn với nhau không còn riêng rẽ nữa.

Một thể vô tâm sẵn cả hai, tức là *cảnh và trí đều lặng, tâm lự an nhiên*. Đến đây trí không còn chiếu cảnh, cảnh không rời trí, tâm lự an nhiên, nên nói một thể vô tâm sẵn cả hai. Ai tu đến chỗ vô tâm này thì thấy tâm, cảnh không hai. Đây dùng chữ trí, chỗ khác dùng chữ tâm, tâm và cảnh không còn hai nữa.

Mây trắng trăng xuyên mây bóng trắng, giải thích là *bên trong rỗng lặng mà ẩn có linh diệu sáng ngời,*

bên trong linh diệu sáng ngời mà gồm có rỗng lặng. Nghĩa là mây trắng và ánh trăng xuyên trong mây trắng, cả hai mây trắng và ánh sáng mặt trăng lồng bóng lên nhau nên không thấy cách biệt, vì vậy mà nói bên trong rỗng lặng mà ẩn có linh diệu sáng ngời, bên trong linh diệu sáng ngời mà gồm có rỗng lặng. Mây là cảnh, bóng trăng là trí, cả hai đều rỗng lặng không còn có dụng công chiếu phá nữa.

Trăng trong mây bạc mặc đông tây, giải thích là *sắc không, chiếu thể vốn đồng thời*, tức là sắc không, chiếu thể vốn đồng thời không có hai. Không phải rời sắc mà có không, không phải rời không mà có sắc, sắc không thể vẫn đồng.

Như vậy bốn câu kệ này cho thấy người tu đến chỗ trí (mục đồng) và cảnh (trâu), cả hai đã thầm hợp, đã an nhiên, không còn cách biệt, không còn dụng công chiếu soi hay gìn giữ, luôn luôn sáng ngời bên trong, không còn phân biệt đây là sắc, kia là không hay đây là cảnh kia là trí. Còn nói theo tranh này thì đây là chăn, kia là trâu, hai cái thầm hợp không còn cách biệt.

Luận rằng:

Như người xưa nói: "Trúc biếc hoa vàng không cảnh khác, trăng trong mây bạc lộ toàn thân." Đây chính là con đường trọng yếu trở về nguồn. Hoặc người công phu đến chỗ này, càng thêm tinh tấn hơn nữa, sao cho đi mà chẳng biết đi, ngồi chẳng biết ngồi, chẳng chia đông tây, chẳng phân nam bắc, chẳng thấy có một pháp có thể xứng với tình, in như chùy sắt không lỗ. Tôi giải thích cho quý vị dễ hiểu một chút. Nói đi đến chỗ không còn

thấy hai, tức là không còn chia cách riêng biệt nữa, người tới đây vẫn nỗ lực tinh tấn tu hành cho đến đi không biết đi, ngồi không biết ngồi, chẳng chia đông tây nam bắc. Đi mà không biết đi, ngồi mà không biết ngồi thì phải là người máy không? Không biết đi làm sao đi? Tức là đi có biết đi nhưng đi mà không nghĩ đến việc đi, ngồi không nghĩ đến việc ngồi, duyên tới thì đi, duyên đến thì ngồi chứ không nghĩ tính lo toan. Chúng ta đừng hiểu lầm nói như người máy đi ngồi đều không biết gì, đó là sai. Rồi cũng không phân chia đông tây nam bắc, vì đối với người này tâm lúc nào cũng an nhiên tự tại không dấy niệm khởi nghĩ nên lúc nào cũng thấy tâm cảnh như như, không có cái nghĩ lẩn quẩn bên trong.

Năng nghi sở nghi, trong tâm ngoài cảnh, cùng quên cùng chiếu, cái không không cũng không.

Năng nghi là người, *sở nghi* là cảnh. Trong tâm ngoài cảnh đều quên hết, cùng quên mà cùng sáng chứ không phải quên trong cái tối, nên nói *cùng quên cùng chiếu*, chiếu là soi sáng. Chúng ta thường hiểu lầm, khi nói tâm cảnh đều quên thì lại nghĩ lúc đó không biết gì, không biết tâm, không biết cảnh thì còn có cái gì để biết? Nhưng không phải như thế, tâm cảnh đều quên mà tri giác vẫn sáng ngời nên nói cùng quên mà cùng chiếu. Ví dụ như chúng ta có một phút giây đi hay ngồi, lúc đó chúng ta quên bẵng mình đang đi hay đang ngồi, nhưng mà mắt vẫn sáng, tai vẫn nghe chứ không phải không biết gì. Vì chúng ta không vận dụng tâm năng sở đối đãi do đó mà thấy như không có đi, không có làm. Rồi *cái không không cũng không*, không không là cái có mà chúng ta xét thấy là không, đó là không,

nhưng cái xét thấy không đó cũng không luôn, tức là không cả cái quán không nữa, như vậy mới là đến nơi. Nếu quán các pháp rỗng không, nhưng còn có cái quán không thì cũng chưa phải là hết nên nói không không cũng không.

Đến trong ấy thì, ngay chỗ giở chân hạ chân, rất kỵ đạp nhào biển cả, đá ngã Tu-di, xoay trở, cúi ngước luôn luôn chiếu cố, đụng hư tròng mắt Đạt-ma, chạm vỡ lỗ mũi Thích-ca, mọi cử chỉ hành động chẳng ra khỏi rừng Bồ-đề, ở mãi trong biển Hoa Tạng, rạng ngời không hạt bụi nào chẳng thấu đến, ngày ngày mặt trời đi qua vẫn bừng sáng, nhọc chi phải dùng tài biện luận hay giỏi để nêu cao, đâu nhờ thần thông để hiển bày.

Đoạn này nghe thật lạ lùng. *Đến trong ấy* tức là đến chỗ không cả cảnh sở quán và tâm năng quán thì ngay chỗ giở chân hạ chân, tức là mọi hành động, rất kỵ đạp nhào biển cả. Tại sao? Chúng ta giở chân hạ chân trên đường sao lại đạp nhào biển cả? Đây là nói khi người được tâm cảnh đều không thì diệu dụng không thể nghĩ bàn, giở chân mà biển cả cũng té nhào, đá một cái núi Tu-di cũng lăn. Đó là nói diệu dụng không thể nghĩ bàn, đừng tưởng đây là sự thật.

Xoay trở cúi ngước luôn luôn chiếu cố, tức là cúi ngước mình có thể đụng phủng tròng mắt của tổ Đạt-ma, gật đầu trúng lỗ mũi đức Phật Thích-ca, *mọi cử chỉ hành động không ra khỏi rừng Bồ-đề, ở mãi trong biển Hoa Tạng*. Những hành động đá ngã núi Tu-di, đạp nhào biển cả nghe còn ít tội lỗi, còn đụng phủng mắt tổ Đạt-ma, chạm vỡ mũi đức Phật Thích-ca có phải là mang tội

ngũ nghịch không? Nhưng đây là để nói rằng những bậc mà chúng ta hết sức cung kính hết sức quý trọng đều trở thành bình thường bên diệu dụng của người tu đến chỗ này. Vì người tu đến đây rồi đối với Phật, đối với tổ cũng gần kề nên xem như là bạn bè. Mà tất cả những cử chỉ xem như ngỗ nghịch đều không ra khỏi rừng Bồ-đề. Những hành động nghe thấy dường như trái đạo nhưng thật đều là trong đạo. Mọi cử động đều trong biển Hoa Tạng, tức là biển pháp thân.

Rạng ngời không hạt bụi nào chẳng thấu đến, tức là một vật nhỏ tí ti như hạt bụi cũng soi thấu. *Ngày ngày mặt trời đi qua vẫn bừng sáng, nhọc chi phải dùng tài biện luận hay giỏi để nêu cao, đâu nhờ thần thông để hiển bày.* Đạt đến chỗ thật này rồi thì mọi vận dụng đều là công dụng phi thường nên không cần biện luận cho hay, không cần thần thông cho giỏi mà đều hiện bày những việc bất khả tư nghì.

Nếu đi đứng nằm ngồi được như vậy, thì chạm mắt gặp duyên dù ứng dụng với ngàn điều sai khác, nhưng tánh chân như vẫn lặng trong chẳng động. Sống được đến đây rồi thì tất cả những gì đến với chúng ta, dù mọi ứng dụng của chúng ta có thiên sai vạn biệt, nhưng tánh chân như vẫn lặng trong chẳng động.

Chúng ta cho rằng hiện tại chúng ta khôn lanh biết chế tạo các vật là nhờ chúng ta suy nghĩ phân biệt, nên mới có công dụng làm những việc hay khéo, kỳ đặc. Nếu tu như lời Tổ dạy, tất cả tâm suy nghĩ lặng hết, lúc đó tâm an nhiên không suy không nghĩ thì khôn hay ngu? Quý vị nghĩ xem, như có người đến nói chuyện

với chúng ta, hết việc này đến chuyện kia liên miên, khi họ về mình nói người đó có vẻ lanh lợi khôn ngoan quá. Còn có người đến với chúng ta, ngồi ỳ ra đó không nói câu nào, một lát sau họ về mình nói người đó sao khờ quá, không biết ăn nói gì hết. Như vậy mình đánh giá người lanh lợi là khôn, người không nói năng gì là ngu. Lanh lợi là tâm họ khéo nhảy nhót chứ không phải tâm họ yên. Theo cái nhìn của thế gian thì ai lanh lợi, ai nghĩ suy bén nhạy thì người đó khôn, còn ai không nghĩ suy, tâm trong trẻo yên tịnh thì tưởng người đó khờ. Nhưng không phải, đối với đạo, tâm suy nghĩ của chúng ta là tâm duyên theo bóng ngoại cảnh, đó là bóng chứ không phải thật. Cái bóng mà còn khéo, có xảo thuật tạo nên nhiều việc động cả trời đất, huống nữa khi tất cả lặng xuống chỉ còn một tâm trong trẻo thênh thang sáng ngời, tâm đó khởi diệu dụng thì dụng đó không thể lường nổi. Thế nên trong bài mới dùng những chữ đạp nhào biển cả, đá ngã núi Tu-di v.v... để cho thấy rằng khi tu đến chỗ phẳng lặng rồi thì diệu dụng không thể đem những việc thế tình mà so sánh đối chiếu, vì nó vượt quá sức tưởng tượng của con người. Vì vậy chúng ta đừng ngại rằng mọi vọng niệm lặng xuống chúng ta sẽ ngu, mà chính phải ngại vọng niệm, "năn nỉ" nó lặng mà nó không chịu lặng, cứ trào ra hoài, đó mới là điều đáng ngại, chứ đừng ngại nó lặng rồi mình ngu.

Một bài kệ xưa Vân Môn nói:

Chỉ thấy nghe này chẳng thấy nghe,
Đâu thừa thanh sắc đáng trình anh.
Trong kia nếu rõ toàn vô sự,
Thể dụng ngại gì phân chẳng phân.

Ngài Vân Môn nói với chúng: Chỉ ngay nơi cái thấy nghe này mà không phải thấy nghe. Tại sao? Theo thế tình, thấy là thấy người thấy cảnh, nghe thì nghe âm thanh của sự vật, con người. Thấy người thấy cảnh là thấy theo duyên phân biệt, nghe âm thanh người vật cũng là theo duyên phân biệt. Cho nên người tu cũng thấy cũng nghe mà không phải thấy nghe. Tại sao? Một người thấy thì phân biệt nhanh nhẹn, nghe thì giải thích rõ ràng khéo léo, còn một người thấy thì thấy, nghe thì nghe không phân biệt nhanh nhẹn, không giải thích lanh lợi, hai người đó khác nhau không? Thí dụ tất cả đều thấy hoa hồng trên bàn, nhưng người thấy thì chê hoa hồng nhỏ không đẹp, còn người thấy hoa hồng chỉ là hoa hồng. Cả hai người cùng thấy nhưng một người thấy đẹp xấu, một người thấy chỉ thấy, cũng cái thấy mà hai bên khác nhau. Một thí dụ khác, một người nghe người ta nói câu gì liền theo đó suy nghĩ, còn một người nghe thì chỉ nghe không đuổi theo phân biệt. Cùng thấy cùng nghe mà một bên thì nhạy cảm thấy liền dính, nghe liền dính, một bên thấy thì thấy, nghe thì nghe, không dính mắc. Như vậy hai người đó quý vị thích người nào hơn? Nếu ù lỳ thì buồn quá, không nhạy bén, không nói gì, không có ý kiến gì làm cho người khác hứng khởi, còn người thấy liền nói đẹp xấu, phân tích đúng sai làm cho người nghe dễ hiểu, phấn khởi... Nhưng chính cái "phi kiến văn" đó mới đáng kể. Cho nên ngài nói:

Đâu thừa thanh sắc đáng trình anh. Không còn thanh sắc nào thừa để trình với anh, nghĩa là chỉ thấy nghe mà không thấy nghe thì tất cả thanh sắc ở thế gian không còn có cái gì để trình thêm với anh.

Trong kia nếu rõ toàn vô sự. Trong đó nếu rõ biết rồi thì hoàn toàn không có một việc gì.

Thể dụng ngại gì phân chẳng phân. Khi đó đâu còn chia đây là thể, kia là dụng mà phân biệt cái này cái kia cho rối rắm. Như vậy để nói lên ý nghĩa cùng quên, nghĩa là không còn đối đãi năng sở, phân chia tâm cảnh.

Bốn câu tụng "cùng quên" này, ý đại khái như trên.

Ngũ Tổ nói:

Một Phật, hai Phật, ngàn muôn Phật,
Thảy là chính mình không vật khác.
Năm trước căn lành gieo sẵn rồi,
Ngày nay sức lớn hẳn liền đạt.

Ngũ Tổ nói: Một Phật, hai Phật, ngàn muôn Phật, thảy là chính mình không vật khác. Nghĩa là một vị Phật, hai vị Phật, cho đến trăm ngàn muôn vị Phật, cũng là mình chứ không gì khác. Sao lạ vậy? Phật là Phật, mình là mình, tại sao tất cả Phật là mình? Phật là Phật, mình là mình, đó là thấy Phật ở ngoài. Còn nếu trăm ngàn Phật đều chính là mình chứ không vật nào khác thì đó là nói Phật của mình. Chúng ta tu thiền để đạt được chỗ gọi là ngộ đạo, tức là thấy được, nhận được ông Phật của chính mình, mà biết được ông Phật của chính mình mới là biết Phật thật. Như chúng ta vào chùa, có chùa thờ nhiều Phật, chùa thờ vạn Phật thì vạn Phật là Phật ở ngoài, Phật ngồi trên tòa thờ, không phải Phật thật. Còn Phật thật là Phật của chính mình tức là

tánh giác của chúng ta. Thế nên biết xoay lại nhận tánh giác của mình thì tất cả Phật đều hiện đủ trong đó. Vì tánh giác là đồng với chư Phật nên một tánh giác là trùm hết tất cả tánh giác, nó không khác vì đồng thể.

Năm trước căn lành gieo sẵn rồi, ngày nay sức lớn hẳn liền đạt. Năm trước siêng năng tu tiến được thành tựu thì năm này kết quả không còn ngờ vực gì nữa. Người tu không chịu tu thì không có kết quả, chứ nếu chịu tu thì nhất định có kết quả. Quý vị thấy mục thứ tám này bỗng dưng có hay là do từ mục thứ nhất, thứ hai lần lên? Tu từ mục thứ nhất thứ hai dần đến mục thứ bảy rồi mới sang mục thứ tám. Như vậy căn lành gieo trồng trước kia đến đây mới thành quả. Nhân đã gieo thì quả mới gặt được. Quả này sẵn từ những năm trước mình đã gieo nhân, chứ không phải bỗng dưng được quả. Ngày nay chúng ta tu cũng vậy. Như quý vị hiện giờ là Tỳ-kheo, đâu phải như thời đức Phật nói "Thiện lai Tỳ-kheo" liền rụng râu rụng tóc thành Tỳ-kheo, mà phải bao năm thọ Sa-di rồi thọ giới Tỳ-kheo mới thành Tỳ-kheo. Như vậy thành Tỳ-kheo cũng là từ cái nhân tu ở bậc Sa-di lần lên... Đó là để nói tất cả người tu mà đạt được quả có giá trị tương đương với chư Phật là do nhân từ ban đầu, mình đã gieo trồng nhiều đời nhiều kiếp chứ không phải bỗng dưng. Trong bài lấy quả nói trước rồi mới nói đến nhân. Một Phật, hai Phật, ngàn muôn Phật, thảy là chính mình không vật khác, đó là quả. Năm trước căn lành gieo sẵn rồi, ngày nay sức lớn hẳn liền đạt, đó là nhân, nghĩa là những năm trước đã gieo sẵn giống nên ngày nay mới được cái lực đặc biệt này.

Thiền sư Hà Trạch nói:

Xưa nay mặt thật đó chân như,
Xá-lợi hào quang nhận được chừ.
Muôn kiếp mê đầu nay mới ngộ,
Mới hay tự tánh tức Văn-thù.

Thiền sư Hà Trạch nói: Xưa nay mặt thật đó chân như. Chân như tức là mặt thật của mình xưa nay, là bản lai diện mục của mình. Nhiều người tu thiền nghe tổ nói phải nhận ra bản lai diện mục của mình thì hỏi: Bản lai diện mục trong kinh gọi là gì? Ngài giải thích đó là chân như. Chân như đó từ đâu?

Xá-lợi hào quang nhận được chừ, tức là mình nhận được ngay trong hào quang xá-lợi. Xá-lợi là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là linh cốt, nghĩa là cái xương linh. Xương phàm tục không quý, còn xương của Bồ-tát, của Phật thì quý nên gọi là linh cốt, tức là xá-lợi. Ngay trong hào quang của xương mà nhận ra được chân như chứ không phải tìm đâu khác. Thật ra ngay trong thân của Phật có chân như thì thân phàm của chúng ta cũng vẫn có chân như chứ không ở đâu xa.

Muôn kiếp mê đầu nay mới ngộ. Cả muôn đời chúng ta quên, mê tức là quên, chúng ta quên đầu của mình đến nay mới ngộ. Đây là dẫn ý trong kinh Lăng-nghiêm, Diễn-nhã-đạt-đa cầm gương soi mặt, nhìn trong gương thấy mặt mày đầy đủ, úp gương xuống thấy đầu mặt mất, ông hoảng hốt ôm đầu chạy la: "Tôi mất đầu." Vì cho đầu trong gương là đầu mình, khi úp gương xuống thì không thấy đầu nên nói mất đầu rồi ôm đầu chạy đó gọi là mê đầu. Dụ này tôi cho là hay đáo để,

quý vị nghiệm xem. Nhìn vào gương thấy đầu mặt mình, đầu mặt trong gương là bóng, mà cái thấy được nó không phải là bóng. Nếu cho bóng là mình thì khi không thấy nó mình tưởng mất mình. Hiện giờ khi ngồi thiền, niệm khởi chúng ta biết niệm khởi thì niệm là cái bị biết, vậy cái bị biết đó là mình chưa? Tôi thấy quyển sách, quyển sách không phải là tôi. Như vậy niệm khởi chúng ta biết, thì niệm khởi không phải thật mình mà cho là mình thì đó là quên đầu, tức là nhận bóng đầu trong gương mà quên cái đầu thật hiện có. Thế nên thấy vọng không theo là để biết đó là bóng không phải thật mình, nhưng thấy được nó thì cái thấy đó gần lắm rồi. Như vậy thấy vọng không theo, một ngày thấy một trăm lần vọng mình có lỗi không? Tại sao không lỗi? Nếu vọng lên mình theo nó thì có lỗi, còn vọng lên mình thấy nó thì không có lỗi. Cái giả chúng ta thấy biết nó giả là chúng ta đã nhận ra cái thật của mình thì đâu có lỗi. Cho nên Tổ nói: "Không sợ niệm khởi mà chỉ sợ giác chậm." Vọng khởi thấy biết thì lúc đó là người thật thấy bóng, thấy bóng không theo thì người thật đang hiện hữu, người thật hiện tiền. Nếu theo bóng thì quên người thật, đó là rõ ràng. Thế nên chúng ta ngồi thiền đừng sợ vọng khởi, chỉ sợ vọng lên mình chạy theo nó, nói chuyện đi chơi một lúc mới sực nhớ là mình bị vọng dẫn thì đó là lỗi, đó là đã quên đầu theo bóng. Còn vọng hiện ra thì thấy, một giờ ngồi thiền một trăm lần vọng cũng biết đủ một trăm lần, thấy rõ ràng từng vọng tưởng, thì đó là mình thắng chứ không phải bại, đó là cái thật đang hiện tiền. Hình ảnh này rất cụ thể để người tu nhận ra ngay nơi mình cái hư cái thật rõ ràng. Bóng là cái hư, nhận ra được bóng là cái thật. Niệm khởi chúng ta biết,

niệm lặng yên chúng ta cũng biết thì người đó đâu có vắng mặt, người đó đâu phải từ đâu đến mà đang hiện tiền, đó là điểm quan trọng. Biết được người đó, chúng ta mới ngộ được "đầu thật" của chúng ta.

Câu "muôn kiếp mê đầu nay mới ngộ" là muôn kiếp chạy theo bóng mà quên đầu, nay mới biết mình có cái đầu thật, mà biết được đầu thật thì lúc đó hết điên. Còn ôm đầu chạy la mất đầu, đó là còn điên. Mỗi chúng ta ai cũng có tánh Phật, nhưng có người nói tôi không thấy, tôi không có tánh Phật. Nói không có tánh Phật thì có điên chưa? Người điên như thế hẳn là nhiều lắm. Chúng ta có tánh Phật thật mà không nhận, lại chạy theo vọng tưởng rồi nói tôi không có tánh Phật, nói như vậy người biết sẽ nói là mình điên, còn người không biết thì không nói gì nên tưởng là mình nói đúng. Thế nên đây là chỗ rất thiết yếu để người tu phải cẩn thận. Tất cả chúng ta muôn kiếp quên đầu thật mà chỉ nhận bóng trong gương cho là đầu thật. Nay biết đầu trong gương là bóng thì nhận ra đầu thật, đó là ngộ được đầu. Hiện giờ quý vị ngộ được đầu chưa? Nhận được mình có đầu thật là ngộ đầu, còn nếu chỉ thấy bóng mà cho là đầu mình, đó là mê bóng. Khi nhận được đầu thật rồi:

Mới hay tự tánh tức Văn-thù. Khi đó mới biết rằng tự tánh mình tức là Đại trí Văn-thù. Văn-thù là tượng trưng cho căn bản trí. Như vậy mới biết mình có căn bản trí.

Bài tụng 9

SOI MỘT MÌNH

Giác thiên hoảng lộ - Riêng chiếu (độc chiếu)

Âm:

Ngưu nhi vô xứ mục đồng nhàn,
Nhất phiến cô vân bích chướng gian.
Phách thủ cao ca minh nguyệt hạ,
Quy lai du hữu nhất trùng quan.

Tạm dịch:

Con trâu vắng bóng mục đồng nhàn,
Một mảnh mây đơn núi chắn ngang.
Vỗ nhịp dưới trăng cao tiếng hát,
Trở về còn có một lớp ngăn.

***Giải thích*:**

- Lìa chấp y tha, chứng trí pháp không.

- Hoặc vi tế đã hết, lý tinh diệu chưa tròn.

- Mới được quê nhà thật tin chắc, trở lại nơi đầu bờ sanh tử.

- Việc vượt lên trên sanh tử cần biết rõ, trọn ở ngoài núi xanh.

***Luận rằng*:**

Đây chính là tâm rỗng rang chiếu soi một mình, chẳng ngăn ngại nơi đạo. Cũng như người huyễn, ngựa gỗ, tình thức đều không, mới hay thõng tay vào chợ, chuyển thân vào trong dị loại. Phải biết niềm vui này không phải là niềm vui của tình thức quên niệm không còn biết gì, mà chính là niềm vui của chân thật thanh tịnh vô vi. Cũng như trong

cửa Khổng, ông Nhan Hồi vui nơi ngõ hẹp mà chẳng thay đổi, ông Tăng Sâm ở đàn Vũ Vu ngâm vịnh mà trở về, đều mang được niềm vui chân không vô sanh này. Người xưa nói: Là nam là nữ thảy tu được, hoặc trí hoặc ngu đều có phần. Chỉ hay hồi quang phản chiếu, mới biết bản thể nguyên không. Nên nói: Một hòn ngọc sáng sủa sạch bụi thì linh đài chói rực tợ gương soi. Đồng tử sáng tỏ hết màng che, thì xem lại trời trong không có hoa. Bốn câu tụng "soi một mình" này, ý đại khái như trên.

Giảng:

Mục thứ chín là *Soi một mình*. Trong bức tranh dưới, chú mục đồng đứng chơi, giơ tay nhìn trăng nhìn mây. Còn hình trên là một vị tăng đến đây rồi thích quá vỗ tay cười. Hình ảnh vị tăng nói: "Nay mới giác ngộ trần lao là giấc mộng mà mình nhận được hạt châu." Trong áo nhơ nhận được hạt châu, tôi thường dụ là trong đống rác lượm được hạt châu nên rất vui thích.

Đến đây dưới bóng trăng thảnh thơi vỗ tay hát chơi. Tại sao được thảnh thơi? Vì đã làm mục đồng chăn giữ trâu mà đến đây trâu mất tiêu rồi, không còn trâu để chăn nên thảnh thơi ngó trời mây hát chơi. Đó là hiện tượng không còn bận tâm đối với cảnh, chỉ còn một trí độc lập không có gì ngăn trở lôi kéo nên nói là nhàn, gọi là độc chiếu tức riêng một mình soi.

Giải thích:

Con trâu vắng bóng mục đồng nhàn là *lìa chấp y tha, chứng trí pháp không*. Trong Duy thức cũng như

trong kinh Lăng-già nói ba tánh (tam tánh), tánh thứ nhất là biến kế sở chấp, tánh thứ hai là y tha khởi, tánh thứ ba là viên thành thật. Người chăn trâu tới chỗ trâu mất còn chăn thì lìa cái chấp y tha tức là lìa cái chấp y tha khởi, chứng được trí pháp không. Tu thì phải đạt hai trí nhân không và pháp không. Những người tu theo Thanh văn phá được ngã chấp tức là nhân không mà chưa phá được pháp chấp. Đến khi lìa được chấp y tha là phá được pháp chấp nên gọi là pháp không. Như vậy bậc tu hành đến đây đã lìa được chấp y tha, chứng được trí pháp không.

Biến kế sở chấp tánh là chỉ kẻ phàm phu mê muội không thấy được lẽ thật. Trong Duy thức học thường ví dụ như ban đêm chúng ta đi thấy sợi dây nuộc bỏ ngang đường, chúng ta tưởng là con rắn, đó là biến kế sở chấp tức cái chấp không có lẽ thật, chấp một cách sai lầm. Hoặc là thấy một gốc cây đen bên vệ đường, chúng ta nói là ma hoặc có người núp. Vì mê muội thấy không đúng lẽ thật, chúng ta chấp vào đó rồi sanh ra ý niệm sai lầm nên gọi là biến kế sở chấp tánh, đó là cái mê muội của phàm phu.

Đến bậc tu hành Bồ-tát đạo thì thấy tất cả pháp do nhân duyên tụ hội thành, không có một pháp thật, như kinh Kim Cang nói "tất cả pháp tức chẳng phải tất cả pháp". Tất cả pháp do nhân duyên họp là y tha, y là nương, tha là cái khác, vật khác. Mỗi sự vật thành tựu là từ các nhân khác họp lại thành chứ không phải một nên gọi là y tha khởi. Thấu đạt được lý nhân duyên, biết rõ các pháp không thật gọi là chứng trí pháp không,

chứng được trí thấy các pháp là không. Đó là đã vượt bực, không chỉ phá ngã chấp mà đi tới phá luôn cả pháp chấp. Đó là Bồ-tát hạnh, tiến khá cao rồi. Khi nào đến viên thành thật tánh thì mới hoàn toàn. Viên là tròn, tức là hoàn toàn thấy được sự thật của các pháp, không còn sai sót, không còn phân biệt quán chiếu gì nữa gọi là viên thành thật tức là đến chỗ tròn đầy đúng như thật. Như vậy mục thứ chín này là tương đương với bậc phá được chấp ngã chấp pháp, nhưng đây nghiêng về pháp chấp hơn.

Một mảnh mây đơn núi chắn ngang. Tuy vậy mà đến đây cũng còn có một mảnh mây chắn ngang núi, tìm đường về cũng còn chút trở ngại, nên giải thích *hoặc vi tế đã hết, lý tinh diệu chưa tròn*. Hoặc vi tế là mê lầm vi tế đã sạch nhưng chỗ tinh diệu chân thật chưa tròn đủ nên nói còn một chút mây chắn ngang chưa thấy được suốt ngọn núi.

Vỗ nhịp dưới trăng cao tiếng hát là *mới được quê nhà thật tin chắc, trở lại nơi đầu bờ sanh tử*. Đến đây là trở về tới quê nhà nên vui thích ca hát chơi. Nhưng chỗ này mới được thật tin chắc đây là quê nhà mình, mà trở lại nơi đầu bờ sanh tử là đến đầu của bờ sanh tử chứ chưa nhảy qua khỏi.

Trở về còn có một lớp ngăn là *việc vượt lên trên sanh tử cần biết rõ, trọn ở ngoài núi xanh*. Còn một lớp ngăn tức là phải nhảy vượt qua khỏi lớp ngăn mới ra khỏi sanh tử. Như vậy quý vị thấy đường tu dài thăm thẳm. Ví dụ như con đường này dài khoảng mười ngàn

cây số, thì chúng ta đi được bao nhiêu cây rồi? Ở đây có người giỏi chân, có người yếu chân, người nào đi được một ngàn cây chưa hay là mới được năm mười cây?

Luận rằng:

Đây chính là tâm rỗng rang chiếu soi một mình, chẳng ngăn ngại nơi đạo. Cũng như người huyễn, ngựa gỗ, tình thức đều không, mới hay thõng tay vào chợ, chuyển thân vào trong dị loại.

Tu đến chỗ này không còn cảnh để chăn giữ nữa, chỉ còn một mình tức là chỉ còn một trí soi sáng không ngăn ngại.

Cũng như người huyễn, ngựa gỗ, tình thức đều không, mới hay thõng tay vào chợ, chuyển thân vào trong dị loại. Tu đến đây là tâm như như nên giống như người huyễn, ngựa gỗ, như hiện nay chúng ta nói giống như người máy. Tình thức đều không là không còn tình thức phân biệt nữa. Khi không còn tình thức phân biệt mới thõng tay vào chợ. Ở đây ai có khả năng buông thõng tay vào chợ? Thế mà thỉnh thoảng thấy có một hai thầy ngồi quán rượu, nếu hỏi sao Thầy tu mà còn ngồi quán rượu, thì thầy đáp tôi thõng tay vào chợ mà! Thõng tay vào chợ mà tình thức chưa quên nên bị người cột tay! Đó là chỗ chưa biết sức của mình. Phải biết rõ tình thức đều không thì mới thõng tay vào chợ. Chuyển thân vào trong dị loại tức là đi trong các loài khác, nhưng nói gần là có thể đồng sự trong tất cả ngành nghề (một trong tứ nhiếp pháp của Bồ-tát hạnh) như có thể làm thợ mộc, thợ hồ v.v... mà không có gì chướng ngại.

Phải biết niềm vui này không phải là niềm vui của tình thức quên niệm không còn biết gì, mà chính là niềm vui của chân thật thanh tịnh vô vi.

Nay giải thích hai niềm vui. Niềm vui của chúng ta ngày nay là niềm vui của tình thức, tức là niềm vui của phân biệt. Vừa qua có quý vị bên Công giáo đến nói chuyện, khi sắp về quý vị hỏi tôi một câu: Thưa Thầy chư tăng ở đây có xem đá banh không? Tôi cười nói: Thích xem đá banh là thích sự hơn thua. Nếu bên ta thắng thì vỗ tay, bên ta thua thì buồn. Như vậy là chúng ta ham vui nơi sự được mất, sự thắng bại. Người được thì vui, người mất thì buồn, người thắng thì mừng, người bại thì khổ, đó là vui trong sự buồn khổ của người, người tu không thích điều đó. Tôi nói đối với chúng tôi thì chuyện vui đó "tào lao" lắm, chúng tôi không thích. Quý vị ấy đều cười. Như vậy niềm vui trong tình thức là vui của được mất hơn thua. Đó là niềm vui tạm bợ, vui cười đó rồi buồn đó, không phải vui chân thật. Còn niềm vui của người tu là niềm vui của tâm chân thật thanh tịnh. Sống với tâm thanh tịnh chân thật rồi, gương mặt tươi như mỉm cười mà không cười. Quý vị thấy tượng Phật có lúc nào buồn không? Niềm vui của người tu là như vậy. Còn vui cười ha hả thì một lát sẽ khóc. Đó là hai niềm vui khác nhau của đạo và của trần tục.

Cũng như trong cửa Khổng, ông Nhan Hồi vui nơi ngõ hẹp mà chẳng thay đổi, ông Tăng Sâm ở đàn Vũ Vu ngâm vịnh mà trở về, đều mang được niềm vui chân không vô sanh này. Người xưa nói: Là nam là nữ thảy tu được, hoặc trí hoặc ngu đều có phần. Chỉ hay hồi quang

phản chiếu, mới biết bản thể nguyên không. Người nam người nữ, kẻ trí người ngu đều tu được, không phân biệt ai, chỉ cốt là phải biết xoay lại chiếu soi chính mình. Do chiếu soi lại chính mình mới biết bản thể vốn không có tất cả tình niệm, ý niệm mà chỉ là một bản thể nguyên không.

Nên nói: Một hòn ngọc sáng sủa sạch bụi thì linh đài chói rực tợ gương soi. Một hòn ngọc sáng sủa không dính bụi để trên đài linh thì nó sáng soi khắp cả bốn phương.

Đồng tử sáng tỏ hết màng che. Đồng tử là con ngươi, con ngươi của mình sáng tỏ không có màng che. Nếu có màng che thì không sáng. *Thì xem lại trời trong không có hoa.* Không có hoa là không có hoa đốm. Khi mắt sáng không có màng che mới thấy trời trong không còn hoa đốm nữa. Nếu mắt bệnh thì nhìn ra ngoài trời nắng thấy hoa đốm lăng xăng. Người tu khi tâm sạch tất cả tình chấp điên đảo mới thấy được cái chân thật, mà thấy được cái chân thật là đến chỗ hoàn toàn trong sáng.

Bốn câu tụng "soi một mình" này, ý đại khái như trên. Như vậy bốn câu tụng nói rõ rằng tất cả chúng ta tu đến đây thì mọi việc đều được trong sáng, nhưng còn một chỗ cách, tức là mới tới đầu đường sanh tử chứ chưa nhảy khỏi mức sanh tử.

Bài tụng 10

DỨT BẶT CẢ HAI

Lìa danh lìa tướng - Dứt bặt cả hai

Mặt thật xưa nay trả lại ta.
Chỗ thân chưa có, một vầng trăng.

Bài tụng ở kinh Phật:

Chư Phật in như gương tròn lớn,
Thân ta giống hệt ngọc ma-ni.
Pháp thân chư Phật vào thân ta,
Thân ta thường vào thân chư Phật.

Âm:

Mặt thật xưa nay trả lại ta.
Chỗ thân chưa có, một vầng trăng.

Bài tụng ở kinh Phật:

Chư Phật in như gương tròn lớn,
Thân ta giống hệt ngọc ma-ni.
Pháp thân chư Phật vào thân ta,
Thân ta thường vào thân chư Phật.

Âm:

Nhân ngưu bất kiến yểu vô tung,
Minh nguyệt quang hàm vạn tượng không.
Nhược vấn kỳ trung đoan đích ý,
Dã hoa phương thảo tự tùng tùng.

Tạm dịch:

Người trâu chẳng thấy bặt hình tung,
Trăng sáng bao gồm vạn tượng không.
Ý tột trong kia cần hỏi đến,
Cỏ thơm hoa dại tự um tùm.

***<u>Giải thích</u>*:**

- Tâm và pháp cùng quên cùng bặt.

- Linh diệu sáng ngời dứt đối đãi, thể chiếu soi không nương tựa.

- Ý tột này đồng đạo mới rõ biết.

- Chứng nhập cảnh giới không thể nghĩ bàn.

***Giải riêng*:**

Rõ suốt năm ấm, ba độc nên nói: "Người trâu chẳng thấy bặt hình tung." Người và trâu đều chẳng thấy, chính là lúc trăng sáng, nên nói: "Trăng sáng bao gồm vạn tượng không." Trong tánh tịch diệt này, chẳng ở trên lời nói biện luận đến được, cần phải thân chứng mới được, cũng không thể dùng tình thức đo lường tới, nên nói: "ý tột trong kia". Người xưa bảo: "mây tan nước trôi chảy, lặng lẽ trời đất không", nên nói: "Cỏ thơm hoa dại tự um tùm."

***Luận rằng*:**

Đây chính là cảnh giới Viên giác, thầm hợp chân thể một vị không tịch. Một tin tức này, giả sử ngàn vị thánh ra đời, lại đầy đủ biện tài vô ngại cũng nói chẳng đến được. Buông ra một lối đi, lại nhằm trong cửa dựng lập giáo hóa; tạm nương lời nói hội lấy, thì gắng gượng mà nói đó. Đây là cảnh giới bậc đại nhân Văn-thù, Phổ Hiền, tất cả chúng sanh dù ở trong đó mà chẳng tự hay biết, những người Tiểu thừa cũng chẳng hay đến được. Cảnh giới này chẳng thánh chẳng phàm, cũng khó có thể thấy, nhưng chỉ ở trước mắt: núi cao biển rộng, bách ngắn tùng dài, cỏ thơm hoa dại, liễu biếc đào hồng, oanh ngâm nhạn hót... Suy theo đó thì, muôn tượng sum la, chạm mắt gặp duyên, thế giới núi sông đều đồng một thể, trọn không phải vật gì khác.

Như hòa thượng Khuê Phong nói: "Nhạt nhẽo rỗng lặng, nhiệm mầu tinh túy, chói rực sáng ngời,

không đi không đến, thầm hợp ba mé, chẳng trong chẳng ngoài, rỗng suốt cả mười phương, chẳng diệt chẳng sanh, bốn núi há có thể hại? Lìa danh lìa tướng, năm màu sao có thể che mờ?" Nên thể này là Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh, là cội nguồn phát khởi của tất cả thế giới. Bởi vậy, công phu của người học đã đến địa vị tột mức này thì, một phen được là được mãi, một phen chứng là chứng mãi. Nên gọi đó là "tâm không được đậu" thấy suốt mặt thật trước khi cha mẹ chưa sanh. Đến chỗ đại an lạc này, làm một việc vô vi vô sự này, chính là bậc đạo nhân chân thật xuất cách. Nên nói: Việc tham học một đời đã xong.

Bốn câu tụng "dứt bặt cả hai" này, ý đại khái như trên. Hàng hậu tiến phải biết rõ.

Giảng:

Trên bức tranh quý vị thấy ngài Quảng Trí nêu lên câu *nan danh nan trạng*. *Song dẫn* là hai cái hết. Hai bên để hai câu liễn:

Hoàn ngã bản lai chân diện mục,

Vị sanh thân xứ nhất luân minh.

Câu một là trả lại cái chân diện mục cho ta. Đến chỗ không còn trâu không còn chăn, chỉ một vòng sáng, đó là trả lại cái chân diện mục cho ta. Câu hai là một vầng trăng khi chưa sanh.

Ngài dẫn bài tụng trong kinh: *Chư Phật in như gương tròn lớn,* chư Phật như cái gương tròn lớn sáng rỡ không có chỗ nào bị bụi phủ.

Thân ta giống hệt ngọc ma-ni. Người tu đến mục thứ mười này, thân giống như hòn ngọc ma-ni chiếu sáng.

Pháp thân chư Phật vào thân ta, tức là thân Phật và thân mình lẫn nhau không hai.

Thân ta thường vào thân chư Phật. Thân ta vào thân chư Phật cũng không cách biệt.

Bài tụng thứ mười là Dứt bặt caả hai.

Giải thích:

Người trâu chẳng thấy bặt hình tung. Hình tung là hình và dấu vết, giải thích là *tâm và pháp cùng quên cùng bặt*. Người, trâu tượng trưng cho tâm và pháp, cả hai đến đây đều dứt hết, không còn dấu vết gì.

Trăng sáng bao gồm vạn tượng không, đó là *linh diệu sáng ngời dứt đối đãi, thể chiếu soi không nương tựa*. Như vậy đến đây tâm mình rỗng rang sáng suốt bao trùm muôn tượng, không còn một cái gì để gá nương.

Ý tột trong kia cần hỏi đến là *ý tột này đồng đạo mới rõ biết*. Ai muốn biết chỗ này thì chỉ có tu đến đây mới biết, chứ người đứng ngoài không bao giờ hiểu nổi.

Cỏ thơm hoa dại tự um tùm, tức là *chứng nhập cảnh giới không thể nghĩ bàn*. Cỏ thơm hoa dại, tất cả muôn cỏ hoa đều hiện pháp thân không còn gì là ngại ngùng. Đó là diễn tả chỗ đến của người tu.

Giải riêng:

Rõ suốt năm ấm ba độc nên nói "Người trâu chẳng thấy bặt hình tung". Đối với năm ấm ba độc đã thông suốt, nên nói người và trâu không còn thấy, không còn dấu vết gì.

Người và trâu đều chẳng thấy, chính là lúc trăng sáng, nên nói: "Trăng sáng bao gồm vạn tượng không." Khi không còn năng sở là tâm mình sáng ngời.

Trong tánh tịch diệt này, chẳng ở trên lời nói biện luận đến được, cần phải thân chứng mới được. Đến đây là phải tu, tu rồi mới thấy chứ không thể tưởng tượng suy luận mà được.

Cũng không thể dùng hình thức đo lường tới, nên nói: "ý tột trong kia". Người xưa bảo: "mây tan nước trôi chảy, lặng lẽ trời đất không", nên nói: "Cỏ thơm hoa dại tự um tùm." Mây tan thì nước trôi chảy, khi lặng lẽ thì trời đất rỗng không. Như vậy chỗ này tràn đầy những cái đẹp quý, những cái cao cả mà ai tới thì được thấy được biết, chưa tới thì nói không hết.

<u>Luận rằng</u>:

Đây chính là cảnh giới Viên giác, thầm hợp chân thể một vị không tịch. Một tin tức này, giả sử ngàn vị thánh ra đời, lại đầy đủ biện tài vô ngại cũng nói chẳng đến được.

Chỗ này gọi là cảnh giới Viên giác. Viên giác là giác ngộ tròn đầy, đây là chỗ lặng lẽ thầm nhận, thầm hợp chứ không diễn tả được, không thể trình bày cho người hiểu. Vì vậy mà nói rằng *giả sử ngàn vị thánh ra đời, lại đầy đủ biện tài vô ngại cũng không thể nói đến được*. Tại sao nói không được? Vì ngôn ngữ là đối đãi mà đây vượt khỏi đối đãi thì làm sao đem cái đối đãi diễn đạt cái không đối đãi được.

Buông ra một lối đi, lại nhằm trong cửa dựng lập giáo hóa; tạm nương lời nói hội lấy, thì gắng gượng mà nói đó. Chỗ không thể nói mà tạm lập lời nói để giáo hóa người thì lời đó cũng là gượng nói thôi.

Đây là cảnh giới bậc đại nhân Văn-thù, Phổ Hiền, tất cả chúng sanh dù ở trong đó mà chẳng tự hay biết, những người Tiểu thừa cũng chẳng hay đến được. Cảnh giới này chẳng thánh chẳng phàm, cũng khó có thể thấy, nhưng chỉ ở trước mắt: núi cao biển rộng, bách ngắn tùng dài, cỏ thơm hoa dại, liễu biếc đào hồng, oanh ngâm nhạn hót... Suy theo đó thì, muôn tượng sum la, chạm mắt gặp duyên, thế giới núi sông đều đồng một thể, trọn không phải vật gì khác. Chỗ này đặc biệt là khi người tu đạt đến đây rồi thì tất cả đều là cảnh giới Phật, như núi biển hay cây bách cây tùng, hoa dại liễu biếc v.v... cái gì chạm mắt đều là Bồ-đề, đều là Phật. Tại sao? Vì mê thì thấy cái gì cũng theo mê, còn ngộ thì thấy cái gì cũng theo ngộ. Khi mê nhìn Phật cũng thành mê, mà ngộ thì nhìn cỏ cây cũng thành ngộ chứ không phải khác. Quý vị thấy những người điên đảo, khi lạy Phật họ cũng điên đảo như thường. Còn người thanh tịnh thấy cái gì cũng thanh tịnh, lẽ thật là như vậy.

Như hòa thượng Khuê Phong nói: "Nhạt nhẽo rỗng lặng, nhiệm mầu tinh túy, chói rực sáng ngời, không đi không đến, thầm hợp ba mé, chẳng trong chẳng ngoài, rỗng suốt cả mười phương, chẳng diệt chẳng sanh, bốn núi há có thể hại? Lìa danh lìa tướng, năm màu sao có thể che mờ?" Chỗ này rất là phi thường, không có gì

ngăn trở nên bốn núi sanh già bệnh chết không hại nó được. Vì nó lìa danh tướng nên năm màu, có thể là năm dục cũng không làm mờ nó được.

Nên thể này là Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh, là cội nguồn phát khởi của tất cả thế giới. Bởi vậy, công phu của người học đã đến địa vị tột mức này thì, một phen được là được mãi, một phen chứng là chứng mãi. Nên gọi đó là "tâm không được đậu" thấy suốt mặt thật trước khi cha mẹ chưa sanh. Đến chỗ đại an lạc này, làm một việc vô vi vô sự này, chính là bậc đạo nhân chân thật xuất cách. Nên nói: Việc tham học một đời đã xong. Tâm không được đậu tức là tâm không cập đệ quy. Người tu hành đến đây là một đời đã xong.

Bốn câu tụng "dứt bặt cả hai" này, ý đại khái như trên. Hàng hậu tiến phải biết rõ. Như vậy bức tranh cuối này là chỗ cứu cánh trên đường tu. Đây là nói theo mười bức tranh chăn trâu của Đại thừa chứ không phải của Thiền tông. Qua mười bức tranh này chúng ta nhận rõ đường tu là một con đường dài vô hạn mà chúng ta phải nỗ lực, phải cố gắng. Nhưng nói đường dài vô hạn, quý vị sẽ ngán, sẽ ngại, nay tôi nói đường tu chỉ ở ngay trước mắt chứ không phải dài vô hạn nữa. Nó ngay trước mắt, quý vị có ngán không? Thế nên ngày xưa khi hỏi thế nào là chân tâm hay thế nào là Phật tánh, các thiền sư trả lời hết sức dễ dàng. Hỏi: "Phật tánh ở đâu?" Đáp: "Dưới gót chân ông." Gần thật là gần. Phật ngay ở dưới gót chân! Như vậy nói Phật ở xa cũng được mà ở gần cũng được. Tại sao nói Phật ở xa? Vì chúng ta mê, ở gần bên mà không thấy nên thành xa. Như nhìn vào gương

thấy bóng đầu trong gương cho là đầu mình rồi ôm đầu thật chạy la mất đầu, thì chạy đến bao giờ mới tìm được đầu thật? Muôn kiếp ngàn đời tìm không ra. Chỉ ngay nơi đó, biết trong gương là bóng, còn đầu thật mình đang ôm thì ngay đó gọi là ngộ. Ngay tại chỗ chứ có xa đâu, không cần bước một bước nào mà nhận được đầu. Thế nên người khéo tu thì ở trước mắt, còn người vụng tu thì ba a-tăng-kỳ. Đó là chỗ đặc biệt của nhà Phật, gần thì rất gần, mà xa cũng thật là xa. Quý vị muốn gần thì ráng đừng quên đầu chạy theo bóng. Còn ai biết bóng mà quên đầu thì thật là xa!

TỔNG LUẬN
VỀ TƯỚNG VIÊN GIÁC TỊCH QUANG VÀ THỂ CHÂN KHÔNG DIỆU HỮU

Là bậc một nhảy thẳng vào thì không phải nhọc roi vọt, lôi kéo về, mà trâu trắng vẫn sờ sờ sẵn vậy, chẳng rơi vào giai cấp, trong sát-na dứt bặt cả năng và sở. Vậy thì tranh vẽ trở thành món hàng ế, bài tụng thành là lời thừa, huống chi nói thẳng, bàn thẳng đấy ư! Nếu khiến nhóm người này xem qua, ắt phải một phen tức cười.

Trên lẽ thật mà luận thì, nói cũng chẳng được, nín cũng chẳng được, dù nói nín cả hai đều quên cũng không dính dáng gì. Tại sao? Vì quang minh của cổ Phật, phong thái của tiên đức, mỗi mỗi đều từ trong không ham muốn không nương tựa mà phát hiện ra. Hoặc vòi vọi cao vót trọn không thể bám víu. Hoặc bao trùm lẫn hợp trọn không thể nhìn thấy. Cuối cùng chẳng đóng cứng một chỗ,

chẳng ràng buộc ở hai đầu, không phải mà không gì chẳng phải, không quấy mà không gì chẳng quấy. Được cũng không chỗ được, mất cũng không chỗ mất. Chẳng từng cách ra một mảy lông, chẳng từng dời đổi một sợi tóc. Sáng ngời lối xưa chẳng thuộc nơi sâu mầu. Ngay mặt đem lại, nhưng thoáng đó liền qua mất. Ở vị chẳng chánh, đâu rơi vào đường tà. Chẳng đi giữa trời thênh thang, nào rơi vào lối nhỏ. Xoay đầu mà chẳng gặp, chạm mắt mà không đối diện, một niệm xem khắp, thênh thang rỗng lặng. Tông yếu này ngàn thánh chẳng truyền, chính ngay đó rõ biết, ngay đây vượt lên. Cần biết pháp thân không có hình tướng, chẳng thể đem âm thanh cầu. Diệu đạo không lời nói, chẳng thể đem danh tự hội. Dẫu cho vượt lên trên Phật tổ, vẫn còn rơi thềm bực, dù là nói diệu bàn huyền, trọn dính trên môi lưỡi vậy thôi.

Tướng tròn này, chính là diệu đạo nhất thừa tối thượng, bậc trí có thể đem thực hành, khi công đức đầy đủ liền vượt lên viên đốn, ánh sáng thanh tịnh soi khắp, cùng Phật không khác. Song tự tánh thanh tịnh liền là Phật Vô Cấu, tự tánh như như liền là Phật Tự Tại, tự tánh chẳng mê mờ liền là Phật Quang Minh, tự tánh kiên cố liền là Phật Bất Hoại, tất cả pháp thân chư Phật đều chẳng thể nói năng tột đến được, chỉ một chân tánh thôi. Tánh tức là tâm, tâm tức là Phật, như Phật xưa khi mới thành cũng không có hai thể. Chư Phật như tượng Phật đúc bằng vàng đã thành, chúng sanh như quặng vàng

chưa thành tượng. Như đã thành và chưa thành đều chia ra có trước sau, nhưng thể vàng thì thủy chung trọn không có sai khác. Nên kinh Viên Giác nói: "Đã thành vàng ròng rồi thì không trở lại làm quặng. Dù trải qua thời gian không cùng tận, tánh vàng vẫn chẳng hoại." Nguyên tánh vàng này người người cũng có, ai ai cũng đủ, cho đến chúng sanh trong cả mười phương đều có Phật tánh kim cang, trời đất vạn vật thì đều gồm đủ pháp thân Như Lai của chúng ta vậy. Nếu như người học tu hành thành tựu, đến địa vị này, mới rõ biết trời đất cùng ta đồng cội nguồn, muôn vật cùng ta đồng một thể, khắp pháp giới là Như Lai tạng, tột quả đất là thân pháp vương. Nơi mé chân thật vốn không sai khác, thành đạo cùng một lúc với chư Phật trong ba đời. Chân không vốn bình đẳng, mười sáu loài sanh đồng một ngày vào Niết-bàn. Phải biết pháp thân rất to lớn, hư không dù rộng cũng khó bao hết thể của nó. Nên chân tâm thật là vi diệu vậy. Quỷ thần cũng không ai lường được cơ của nó. Cùng tột mé vị lai là một ngày đêm, tận biển vi trần là một sát-na. Từ trước đến giờ không cái gì mà nó chẳng gom giữ hết. Nên Nhị Tổ nói: "Nguyên vẹn lành lặn thành cái ấy, đời đời kiếp kiếp chẳng đổi dời. Trời đất có hoại mà cái ấy chẳng hoại. Cái ấy vừa là chân ngã, vừa là chân như, vừa là chân thể, vừa là chân không, vừa là thật tướng, vừa là đạo tràng Bồ-đề, vừa là chân tịnh Niết-bàn, vừa là chẳng nhơ chẳng sạch, vừa là chẳng phải sắc chẳng phải không, vừa là tự giác thánh trí, vừa là pháp luân vô thượng,

vừa là diệu dụng của Phật, vui thích vô lượng. Cái ấy cũng vừa là nghiệp phiền não thanh tịnh, xưa nay rỗng lặng, vừa là tất cả nhân quả đều như mộng huyễn, vừa là sanh diệt đã diệt tịch diệt là vui, vừa là chân thể kim cang chẳng biến đổi chẳng hư hoại, vừa là nguyên thần từ vô thủy chẳng sanh chẳng diệt, vừa là chẳng thể đo lường, chẳng thể ca ngợi, chẳng thể nghĩ bàn, công đức không ngằn mé, vừa là pháp thân thanh tịnh, báo thân viên mãn, hóa thân thiên bá ức, Phật Tỳ-lô-giá-na."

Những người học đạo, nếu như hiện hành chưa đoạn, tập khí phiền não lại sâu đậm, ghé mắt sanh tình, chạm trần thành trệ, dù rõ xong ý nghĩa sanh tử, mà sức kia chưa đủ, chẳng thể chấp rằng: "Ta đã ngộ xong, phiền não tánh là không, nếu khởi tâm tu lại là điên đảo." Thế nhưng, tánh phiền não dù không, mà hay khiến thọ nghiệp. Nghiệp quả không tánh, mà cũng tạo nhân khổ. Khổ đau tuy hư dối, vậy mà khó nhẫn là sao? Nếu như bị chứng bệnh không thì thể bệnh toàn là không, đâu cần tới thầy thuốc và uống các thứ thuốc men? Nên biết là nói và làm trái nhau, hư thật có thể nghiệm thấy rõ. Chỉ lượng căn cơ, lực dụng, chẳng thể tự dối gạt mình. Xét niệm ngừa lỗi quấy, cần phải chín chắn. Nên nói: Muôn pháp do nơi tâm, tất cả ở tại ta. Trong rỗng, ngoài trọn chẳng thật. Trong tinh tế, ngoài trọn chẳng thô suất. Tâm phàm thì ba độc quấn chặt. Tâm thánh thì sáu thông tự tại. Tâm không thì một đạo thanh tịnh. Tâm có thì muôn cảnh dọc ngang.

Như hang trống đáp tiếng vang, nói to thì vang lớn. Tợ gương soi hình tượng, hình cong thì bóng nghiêng. Nên nói: Muốn ngoài được an hòa, chỉ bên trong cần yên tĩnh. Tâm rỗng rang thì cảnh vắng lặng, niệm dấy lên thì pháp sanh khởi. Nước đục thì sóng mờ, đầm trong thì trăng hiện. Yếu chỉ tu hành chẳng ra ngoài điểm này. Có thể nói: Chỉ nắm được tâm, lo gì chẳng xong vậy!

Giảng:

Sau khi giải thích về mười bức tranh chăn trâu, thiền sư Quảng Trí làm bài Tổng luận này.

Là bậc một nhảy thẳng vào thì không phải nhọc roi vọt, lôi kéo về, mà trâu trắng vẫn sờ sờ sẵn vậy, chẳng rơi vào giai cấp, trong sát-na dứt bặt cả năng và sở. Vậy thì tranh vẽ trở thành món hàng ế, bài tụng thành là lời thừa, huống chi nói thẳng, bàn thẳng đấy ư! Nếu khiến nhóm người này xem qua, ắt phải một phen tức cười.

Ngài nói mười bức tranh chăn trâu là phương tiện để hướng dẫn người tu từ thấp đến cao. Nếu *là bậc một nhảy thẳng vào* tức là nhảy thẳng vào vô sanh thì không phải roi vọt, nghĩa là không phải chăn giữ, rầy đánh hay lôi kéo mà con trâu trắng sờ sờ sẵn vậy. Như Lục tổ Huệ Năng một phen nghe liền ngộ, ngộ thì liền được. Cho nên với hàng một phen nhảy vọt lên thì trâu trắng sờ sờ. Không như chúng ta có lúc mở mắt thấy mà đi vẫn vấp như thường. Tại sao? Người mù vấp là phải, còn người có mắt sáng cũng vẫn vấp, là vì chúng ta

chưa phải là bậc một phen nhảy vọt liền tới chỗ vô sanh. Thế nên chúng ta phải đi từ từ, từng bước từng bước, gọi đó là tiệm tu.

Mười bức tranh chăn trâu là hình ảnh tiệm tu tức là tu từ thấp đến cao, chứ không có nhảy vọt. Chỉ có hàng nhục thân Bồ-tát thì một phen nghe liền ngộ, ngộ liền sạch tập khí. Còn phàm phu như chúng ta nghe thì có thể ngộ, nhưng tập khí chưa sạch phải dẹp từ từ.

Chẳng rơi vào giai cấp, trong sát-na dứt bặt cả năng và sở. Nghĩa là trong chốc lát năng sở đều dứt sạch. Năng là chủ hay là người, sở là khách hay là cảnh. Một phen ngộ rồi người cảnh không hai, cho nên không còn có năng sở đối đãi. Đã người cảnh không hai thì làm gì cần tới những bài tụng, những bức tranh vẽ này. Thế nên những người ấy thấy tu chầm chậm thì liền tức cười, còn chúng ta thấy chăn giữ con trâu của mình là cực khó. Đối với những bậc thiện tri thức thì chúng ta tu như thế này là còn thứ lớp, chưa phải là đốn ngộ triệt để.

Trên lẽ thật mà luận thì, nói cũng chẳng được, nín cũng chẳng được, dù nói nín cả hai đều quên cũng không dính dáng gì.

Nói cũng không được, nín cũng không được. Tại sao? Nói cũng không được vì chỗ chân thật mà dùng ngôn ngữ giả dối nói không thể đến. Nói cũng không được, nín cũng không được vì còn nói còn nín là còn hai bên chưa phải chỗ cứu cánh. *Dù nói nín cả hai đều quên*

cũng không dính dáng gì. Dù cho mình quên cả nói nín, thì cái chân thật cũng là chân thật, chứ không phải quên nói nín liền cứu cánh chân thật. Cho nên ở đây nói:

Tại sao? Vì quang minh của cổ Phật, phong thái của tiên đức, mỗi mỗi đều từ trong không ham muốn, không nương tựa mà phát hiện ra.

Chỗ *quang minh của cổ Phật* tức là chỗ sáng suốt của Phật xưa và *phong thái của tiên đức* tức là phong thái đẹp đẽ của các bậc đạo đức cao siêu trước kia *đều từ trong không ham muốn, không nương tựa mà phát hiện ra*. Còn chúng ta hiện nay tu thì ham mau thành Phật, muốn được thần thông, muốn được thành công v.v..., rồi nương tựa vào một hình ảnh, một câu nói hay một ý niệm. Còn cái quang minh sáng suốt của Phật xưa của thánh trước phát hiện được do không có lòng ham muốn, không có tâm nương tựa.

Hoặc vòi vọi cao vót trọn không thể bám víu. Hoặc bao trùm lẫn hợp trọn không thể nhìn thấy.

Vì chỗ đó vòi vọi, cao vót nên không nắm bắt được, không bám víu được. *Hoặc bao trùm lẫn hợp trọn không thể nhìn thấy*, nghĩa là cái chân thật bao trùm lẫn hợp ở trong cho nên không bao giờ chúng ta nhìn thấy.

Cuối cùng chẳng đóng cứng một chỗ, chẳng ràng buộc ở hai đầu, không phải mà không gì chẳng phải, không quấy mà không gì chẳng quấy.

Chỗ này nghe thật khó hiểu. Tôi cho ví dụ, như hư không và các sắc tượng như núi sông, nhà cửa, cây cối v.v..., những gì chúng ta nhìn thấy thì nói đó là sắc, còn cái rỗng không thì nói là không. Như vậy có chí lý chưa? Như thân này chúng ta nói là sắc, nhưng trong thân có cái không. Nếu bít hết không có cái trống không thì lỗ mũi làm sao thở? Lỗ tai không trống làm sao nghe? Như vậy trong thân tất cả cái có lẫn với cái không. Vì thế chúng ta không thể xác định ngoài sự vật có hư không, mà ngay trong sự vật đã có hư không, hư không lẫn trong sự vật. Như vậy nếu nói ngoài vật có không, ngoài không có vật thì cũng không đúng, cũng chưa chí lý. Chính trong hư không đã có vật. Thí dụ chúng ta nhìn trong hư không chỗ ánh nắng xuyên qua kẽ hở thì thấy bụi lăng xăng. Bụi là vật đã lẫn ở trong không. Rồi cái không cũng lẫn trong thân con người là vật. Thế nên không thể tách rời vật và không ra được, đó gọi là hàm dung hay bao trùm. Trong vật có hư không, trong hư không có vật, không và vật lẫn nhau nên gọi là lẫn hợp.

Tâm thể của chúng ta cũng vậy, nó lẫn với thân này, giống như hư không lẫn trong hình sắc, không tách rời, không chia hai ra được. Như vậy dùng từ nào nói cho chính xác? Nói nó có nói nó không, nói nó phải nói nó quấy, có được không? Nó không tách rời mà lẫn lộn chung hợp, cho nên nói một không được, nói hai không được, nói thế nào cũng sai, vì vậy mà nói không phải không quấy.

Được cũng không chỗ được, mất cũng không chỗ mất. Tại sao? Như hiện giờ, khi chúng ta chạy theo tâm nghĩ tính lăng xăng thì chúng ta quên mất tâm thể thanh tịnh. Nói quên mất mà có thật mất không? Chỉ là chúng ta không chịu nhìn nó nên gọi là quên, chứ nó không có mất. Nếu chúng ta dừng tâm nghĩ tính lăng xăng, không chạy theo nó nữa thì nhận ra được tâm thể thanh tịnh. Có phải là được không? Nó có sẵn, chỉ quên không chịu nhìn nó thì gọi là mất, nhìn lại thấy nó thì gọi là được. Mất được là một lối nói gượng gạo, không có lẽ thật. Cho nên nói: Được cũng không chỗ được, mất cũng không chỗ mất.

Chẳng từng cách ra một mảy lông, chẳng từng dời đổi một sợi tóc. Sáng ngời lối xưa chẳng thuộc nơi sâu mầu. Ngay mặt đem lại, nhưng thoáng đó liền qua mất.

Khi chúng ta quên nó thì nó có chạy đi đâu, có vắng lúc nào không? Đến khi nhận ra nó, nó có ở đâu tụ lại không? Không có di chuyển, không có tách rời một li một tí nào hết.

Sáng ngời lối xưa chẳng thuộc nơi sâu mầu. Cái đó sẵn có, lúc nào cũng sáng ngời, chẳng thuộc nơi sâu mầu, nghĩa là nó không phải là cái sâu xa mầu nhiệm, nó sẵn có vậy thôi. Thí dụ như chúng ta có vấn đề phải suy nghĩ, suy nghĩ việc này việc kia, gọi đó là tâm loạn tưởng. Đang khi suy nghĩ, cái hay thấy hay nghe của mình có tách rời, có ẩn náu ở đâu không? Nó cũng hiện tiền, không tách rời, không ẩn náu ở đâu hết,

nó không thiếu vắng một phút nào, mà sẵn sàng ở đó, sáng ngời lối xưa, không phải là chuyện sâu xa mầu nhiệm gì cả. *Ngay mặt đem lại, nhưng thoáng đó liền qua mất.* Ngay mặt tức là ngay trước mắt thì liền thấy, mà sơ xuất một chút là nó ẩn mất. Như vậy, nó rất là gần, mà cũng rất là xa. Thí dụ như cái hoa hồng trước mắt, có người nào không thấy chăng? Nhìn là thấy hoa hồng liền. Nhưng có người thấy, có người không thấy. Nhìn hoa hồng liền thấy hoa hồng, nhưng nếu nhìn hoa hồng để phân biệt đẹp xấu là không thấy hoa hồng, thấy đẹp xấu chứ không thấy hoa hồng. Thế thì nhìn hoa hồng chỉ là hoa hồng đó là thấy, là trước mắt. Đó là một lẽ rất đơn giản. Chúng ta phải nhớ như vậy thì mới thấy sự tu của mình. Tu thì nói phải dụng công cực khổ, chứ thật ra không có gì cực khổ, chỉ vì chúng ta điên đảo mà thành cực khổ. Ngồi lại đừng nghĩ cái gì khác thì nó hiện tiền chứ gì. Vì nghĩ nhớ chuyện khác nên nó không hiện tiền, rồi đè, kìm giữ thành ra nhọc sức. Nếu ngồi lại mà không nghĩ cái gì hết, thản nhiên tự tại thì nó hiện tiền, thật là đơn giản.

Ở vị chẳng chánh, đâu rơi vào đường tà. Chẳng đi giữa trời thênh thang, nào rơi vào lối nhỏ. Ở vị chẳng chánh tức là không phải ở đường ngay, thì nó đâu có ở lối cong, nghĩa là ngay để đối với cong, mà nó không ở ngay thì nó không ở cong. Nó không phải là thênh thang thì đâu có trái với nhỏ. Đây là để nói nó không phải là cái đối đãi, cái so sánh, cho nên nó không phải là ngay thì chẳng phải cong, không phải rộng lớn thì đâu phải nhỏ.

Xoay đầu mà chẳng gặp, chạm mắt mà không đối diện, một niệm xem khắp, thênh thang rỗng lặng.

Xoay đầu mà chẳng gặp, bởi vì nó ở ngay đó, cho nên quay đầu kiếm thì không gặp.

Chạm mắt mà không đối diện, vì nó hiện tiền cho nên gọi là chạm mắt, mà không phải là cái bên ngoài cho nên không phải đối diện. *Một niệm xem khắp, thênh thang rỗng lặng.* Chỉ một niệm thì khắp, một niệm không có sanh, không có nghĩ thì nó hiện tiền.

Tông yếu này ngàn thánh chẳng truyền, chính ngay đó rõ biết, ngay đây vượt lên. Cần biết pháp thân không có hình tướng, chẳng thể đem âm thanh cầu. Diệu đạo không lời nói, chẳng thể đem danh tự hội. Dẫu cho vượt lên trên Phật tổ, vẫn còn rơi thềm bực, dù là nói diệu bàn huyền, trọn dính trên môi lưỡi vậy thôi. Chỗ chân thật này tức là chỉ cho thể pháp thân, nó không có hình tướng. Vì không hình tướng nên không thể đem âm thanh mà cầu. Còn diệu đạo thì không lời nói, nên không thể đem danh từ mà hiểu. Dù nói lối tu đó siêu thoát vượt trên Phật tổ, vẫn còn thứ bậc. Dù nói hay bàn khéo cũng là ở trên môi lưỡi. Cái thật của nó là nó hiện tiền. Đây là thiền sư Quảng Trí muốn chỉ thẳng cho chúng ta biết nơi chúng ta ai ai cũng có cái chân thật mà chúng ta không khéo nhận, lại dùng cách này cách khác để phăng tìm cho ra. Nhưng càng phăng tìm nó càng mất. Chỉ có ai khéo dừng yên lại thì thấy ngay đó chứ không đâu xa.

Đến đây ngài mới giải thích về tướng thứ mười.

Tướng tròn này, chính là diệu đạo nhất thừa tối thượng, bậc trí có thể đem thực hành, khi công đức đầy đủ liền vượt lên viên đốn, ánh sáng thanh tịnh soi khắp, cùng Phật không khác. Theo cái nhìn của ngài Quảng Trí, tướng tròn này gọi là Viên giác, tròn là viên, sáng trong là giác. Ai thực hiện được tướng tròn này thì gọi là viên đốn, viên là tròn, đốn là chóng, chóng được tròn đầy, thì ánh sáng thanh tịnh soi khắp cùng Phật không khác.

Song tự tánh thanh tịnh liền là Phật Vô Cấu, tự tánh như như liền là Phật Tự Tại, tự tánh chẳng mê mờ liền là Phật Quang Minh, tự tánh kiên cố liền là Phật Bất Hoại, tất cả pháp thân chư Phật đều chẳng thể nói năng tột đến được, chỉ một chân tánh thôi.

Chúng ta tu là để nhận ra chân tánh tức là tánh thật sẵn có nơi mỗi người chúng ta. Chữ tánh là chỉ cái không sanh diệt, còn thân này là tướng sanh diệt. Nơi tâm mình có hai phần: tâm sanh diệt và tâm không sanh diệt. Tâm không sanh diệt gọi là tánh, còn tâm sanh diệt gọi là tâm hay thức. Vì vậy ở đây nói tánh tức là tâm, là chỉ cái tâm không sanh diệt.

Chúng ta thường nghe nói Phật Vô Cấu, Phật Tự Tại, Phật Quang Minh, Phật Bất Hoại v.v... Những vị Phật này ở đâu, từ đâu ra? Theo cái nhìn của thiền sư Quảng Trí, ngài nói:

Tự tánh thanh tịnh liền là Phật Vô Cấu. Nếu chúng ta khéo tu, nhận ra tánh thanh tịnh sẵn có

của mình, gọi là Phật Vô Cấu. *Tự tánh như như liền là Phật Tự Tại.* Nếu chúng ta đi đứng ngồi nằm mà tâm thanh tịnh như như, gọi là Phật Tự Tại. *Tự tánh chẳng mê mờ liền là Phật Quang Minh.* Nghĩa là tánh của mình hằng giác hằng sáng, gọi là Phật Quang Minh. *Tự tánh kiên cố liền là Phật Bất Hoại.* Tánh của mình không bị đổi dời sanh diệt nghĩa là kiên cố, gọi là Phật Bất Hoại.

Như vậy những vị Phật này đều có sẵn nơi tánh của mình. Như muốn thành Phật Vô Cấu, chúng ta phải sống với tánh thanh tịnh; muốn thành Phật Tự Tại, chúng ta phải sống với tâm thanh tịnh như như; muốn thành Phật Quang Minh, chúng ta phải sống với tánh hằng giác không mê; muốn thành Phật Bất Hoại, chúng ta phải nhận ra tánh kiên cố của chính mình. Tóm lại tất cả chư Phật mang nhiều tên khác nhau, nhưng những tên đó có sẵn trong tánh thanh tịnh sáng suốt của chính mình chứ không đâu xa.

Thế nên tu thiền là lắng hết mọi ý niệm lăng xăng. Ý niệm lăng xăng là dụ cho cấu bợn. Cấu bợn nhơ lặng hết, lúc đó sẽ thành Phật Vô Cấu. Thí dụ như cái khạp đựng nước đục lấy từ dưới sông. Muốn nước trong thì phải lóng phèn, cặn nhơ từ từ lắng xuống thì còn lại nước trong. Tâm chúng ta cũng vậy, nó cứ lăng xăng dấy động hoài, gọi đó là phiền não. Muốn tâm trở thành thanh tịnh trong sáng thì phải thế nào? Như nước đục muốn trong thì phải thế nào? Phải lóng phèn. Muốn tâm thanh tịnh thì phải ngồi yên lặng, tay chân không cử động để cho nó lặng, rồi chú ý nhìn nó, lần lần nó lắng,

lắng xuống hết nghĩa là mọi vọng tưởng điên đảo đều lặng hết thì tâm mình thanh tịnh, cũng như cấu bợn trong khạp nước lắng xuống hết thì nước trở thành trong sạch. Khi tâm thanh tịnh thì ngay đó thành Phật Vô Cấu.

Như vậy chúng ta tìm Phật ở đâu? Ở chính ngay nơi mình chứ không ở đâu xa. Đó là điều quan trọng của sự tu. Chúng ta tu mà cứ mơ ước thấy Phật, không ngờ khéo tu thì Phật hiện tiền.

Đây mới kết thúc lại:

Tánh tức là tâm, tâm tức là Phật. Tại sao? Tánh tức là Thể tánh không sanh không diệt, đó là cái biết, cho nên gọi là tâm, tâm đó không còn vọng tưởng mà hằng tri hằng giác, thì tâm đó là Phật, vì Phật là giác.

Như Phật xưa khi mới thành cũng không có hai thể. Như khi xưa đức Phật Thích-ca tu mới thành Phật, thì Phật mới thành đối với tánh giác sẵn có cũng không phải là hai. Đây cho thí dụ:

Chư Phật như tượng Phật đúc bằng vàng đã thành, chúng sanh như quặng vàng chưa thành tượng. Như vậy tượng Phật đúc bằng vàng đã thành, chúng ta thờ trên bàn, và vàng còn nằm trong quặng, thì hai loại vàng có khác nhau không? Nếu có khác là loại đã luyện lọc và loại chưa luyện lọc. Vàng đúc thành tượng là đã luyện lọc, bỏ hết cặn nhơ, gọi là vàng ròng. Còn vàng trong mỏ trong quặng thì chưa luyện lọc còn lẫn cát, nên chưa tinh thuần. Vàng trước khi lọc và vàng sau khi lọc, cả hai cũng đều là vàng cho nên ở đây nói:

Như đã thành và chưa thành đều chia ra có trước sau, nhưng thể vàng thì thủy chung trọn không có sai khác. Như vậy chư Phật như vàng đã lọc đúc thành tượng, chúng sanh như vàng còn ở trong quặng trong khoáng, tuy là vàng nhưng chưa lọc chưa thuần. Thể của hai cái không có khác, chỉ khác là có lọc và chưa lọc, có luyện và chưa luyện thôi. Lọc luyện là chỉ sự tu. Còn Phật trước Phật sau cũng là Phật, vàng trước vàng sau cũng là vàng. Biết như vậy, chúng ta tự thấy sung sướng, vì cách Phật không xa. Có nhiều người tu nói ráng lạy Phật, cầu nguyện để được sanh về đất Phật, làm tôi tớ Phật cũng vui rồi. Nhưng ở đây không cho chúng ta làm tôi tớ mà bắt phải tu, phải thành Phật. Vì Phật là giác, Phật có sẵn tánh giác, ngài lọc luyện hết phiền não, nên giác hoàn toàn. Chúng ta cũng có sẵn tánh giác nhưng bị phiền não xen lẫn, nên tánh giác không hiện rõ, vì thế mà làm chúng sanh. Nay chúng ta tu là lọc luyện cho phiền não lắng sạch để tánh giác thuần trong sáng thì thành Phật. Đây là chuyện rất gần không phải xa vời, là chuyện thật không phải tưởng tượng. Như vậy chư Phật như tượng Phật đúc bằng vàng đã lọc, đã thành tượng, chúng sanh như vàng chưa lọc còn trong quặng, chưa thành tượng. Như thế chúng ta không thua Phật ở tánh vàng mà thua Phật ở chỗ chưa lọc. Đó là lẽ thật.

Nên kinh Viên Giác nói: "Đã thành vàng ròng rồi thì không trở lại làm quặng. Dù trải qua thời gian không cùng tận, tánh vàng vẫn chẳng hoại." Trong kinh Viên Giác, Phật nói: Vàng khi đã lọc thuần rồi thì sau không thành quặng trở lại. Cũng vậy người tu

mà giác ngộ thành Phật rồi thì không sanh lại các phiền não. Còn chúng ta tu nay tỉnh mai mê, nay khá tốt đáng khen, mai lại xấu dở đáng trách, đó là một ngày tỉnh mà năm mười ngày mê. Có tu thì có tỉnh, nhưng tỉnh ít mê nhiều, cho nên còn phiền não.

Nguyên tánh vàng này người người cũng có, ai ai cũng đủ, cho đến chúng sanh trong cả mười phương đều có Phật tánh kim cang, trời đất vạn vật thì đều gồm đủ pháp thân Như Lai của chúng ta vậy. Nguyên pháp thân có sẵn trong mọi loài, không riêng gì người này có, người kia không.

Nếu như người học tu hành thành tựu, đến địa vị này, mới rõ biết trời đất cùng ta đồng cội nguồn, muôn vật cùng ta đồng một thể, khắp pháp giới là Như Lai tạng, tột quả đất là thân pháp vương. Nơi mé chân thật vốn không sai khác, thành đạo cùng một lúc với chư Phật trong ba đời. Chân không vốn bình đẳng, mười sáu loài sanh đồng một ngày vào Niết-bàn. Chỗ này rất khó, học Phật mà không giản trạch chỗ này thì dễ lầm lẫn. Nói rằng: Chư Phật cùng ta đồng nguồn, muôn vật cùng ta đồng thể, tất cả đồng là Như Lai tạng, đồng là thân pháp vương v.v... Như vậy chúng ta tu đến cuối cũng là nhập vào chỗ đó chung thành một khối phải không? Đồng một thể thì tất cả chư Phật tất cả chúng sanh ai tu rồi cũng thành một. Như thế có khác gì với người Công giáo tu rồi sẽ trở về với Chúa, có khác gì với người Bà-la-môn giáo tu rồi nhập vào Phạm thiên hay Brahma. Như vậy Phật giáo cũng không khác sao? Nhưng bên Công giáo

chỉ có Chúa là một, bên Bà-la-môn giáo chỉ có Brahma là một, còn bên Phật giáo thì Phật có vô số. Nếu nói tất cả trở về một thì làm người dễ hiểu lầm, cho nên trong kinh Viên Giác có dẫn một thí dụ có thể là rõ ràng nhất. Như trong cái nhà lớn có một trăm ngọn đèn đốt lên, thì ánh sáng của trăm ngọn đèn đồng một thể sáng, nghĩa là dù có một trăm ngọn đèn khác nhau nhưng ánh sáng trong nhà chỉ là một thể. Thể ánh sáng là một, nhưng tướng của đèn thì tới trăm. Vì thế khi một ngọn đèn dời ra khỏi nhà thì ánh sáng đi một phần. Ngọn đèn để nơi nào thì sáng nơi đó. Mỗi ngọn đèn đều mang ánh sáng của nó đi, nếu trong nhà chỉ còn một ngọn đèn thì vẫn sáng nhưng ánh sáng yếu đi. Thế nên nói ánh sáng chỉ là một, mà ngọn đèn thì tới trăm. Cũng vậy tánh giác của chúng ta với chư Phật là một, nhưng tánh giác Phật là của Phật, tánh giác mình là của mình, Phật Thích-ca là của Phật Thích-ca, Phật Di-đà là của Phật Di-đà, Phật Di-lặc là của Phật Di-lặc, mỗi vị là khác nhưng tánh giác không có khác. Nếu nói tánh giác đồng tức là đồng một khối thì có một ông Phật thôi, tại sao lại có vô số chư Phật? Như vậy chúng ta tu Phật không có nghĩa là tới chỗ cuối cùng trở về một. Nhưng ai cũng có tánh giác như nhau, tánh giác thì không hai, nếu hai thì không là Phật, nó đồng nhau. Cũng như đèn sáng thì cái sáng là đồng, mà ngọn đèn là khác, cũng thế thể giác là đồng mà con người là khác. Thế nên trong nhà Phật nói có vô số chư Phật, chứ không nói có một vị Phật. Hiểu như vậy thì không có lầm lẫn, nếu không thì chúng ta rất dễ sai lầm.

Phải biết pháp thân rất to lớn, hư không dù rộng cũng khó bao hết thể của nó. Nên chân tâm thật là vi diệu vậy. Quỷ thần cũng không ai lường được cơ của nó. Cùng tột mé vị lai là một ngày đêm, tận biển vi trần là một sát-na. Chân tâm thật là vi diệu, nó trùm khắp tất cả, những gì thuộc về thời gian, không gian, lớn nhỏ, dài ngắn đều không ngoài chân tâm.

Từ trước đến giờ không cái gì mà nó chẳng gom giữ hết. Nên Nhị Tổ nói: Nguyên vẹn lành lặn thành cái ấy, đời đời kiếp kiếp chẳng đổi dời. Trời đất có hoại mà cái ấy chẳng hoại. Cái ấy vừa là chân ngã, vừa là chân như, vừa là chân thể, vừa là chân không, vừa là thật tướng, vừa là đạo tràng Bồ-đề, vừa là chân tịnh Niết-bàn, vừa là chẳng nhơ chẳng sạch, vừa là chẳng phải sắc chẳng phải không, vừa là tự giác thánh trí, vừa là pháp luân vô thượng, vừa là diệu dụng của Phật, vui thích vô lượng. Như vậy đứng về mặt thanh tịnh thì gọi nó đủ tên, cái gì nó cũng trùm hết. Cái ấy là chỉ cho chân tâm.

Cái ấy cũng vừa là nghiệp phiền não thanh tịnh, xưa nay rỗng lặng, vừa là tất cả nhân quả đều như mộng huyễn, vừa là sanh diệt đã diệt tịch diệt là vui, vừa là chân thể kim cang chẳng biến đổi chẳng hư hoại, vừa là nguyên thần từ vô thủy chẳng sanh chẳng diệt, vừa là chẳng thể đo lường, chẳng thể ca ngợi, chẳng thể nghĩ bàn, công đức không ngằn mé, vừa là pháp thân thanh tịnh, báo thân viên mãn, hóa thân thiên bá ức, Phật Tỳ-lô-giá-na. Cái ấy không có tên cho nên có đủ thứ tên, tên gì nói cũng được, đều diễn tả nó được. Như vậy đoạn này là chỉ thật thể của tánh giác. Nó trùm khắp mà không thuộc về cái gì cả.

Những người học đạo, nếu như hiện hành chưa đoạn, tập khí phiền não lại sâu đậm, ghé mắt sanh tình, chạm trần thành trệ, dù rõ xong ý nghĩa sanh tử, mà sức kia chưa đủ, chẳng thể chấp rằng: "Ta đã ngộ xong, phiền não tánh là không, nếu khởi tâm tu lại là điên đảo."

Đến đây ngài răn nhắc chúng ta: *Những người học đạo, nếu như hiện hành chưa đoạn* tức là tham sân si còn đủ gọi là nghiệp hiện hành chưa đoạn, *tập khí phiền não lại sâu đậm, ghé mắt sanh tình, chạm trần thành trệ* nghĩa là vừa thấy cái gì liền dấy khởi phân biệt nói đẹp xấu. Như vậy, dù họ rõ xong ý nghĩa sanh tử, tức thấy được mình có cái thoát ngoài sanh tử, nhưng sức chưa đủ để thắng tập khí. Như có người lóe thấy cái chân thật, nhưng ai chọc tức thì nổi sân lên, mà lại bảo: Sân tánh nó là không, chấp làm gì, phiền não tánh nó là không, cần dẹp phiền não làm gì, đã thấy tánh là không nếu còn tu là thêm điên đảo. Hiểu thế ấy là bệnh.

Thế nhưng, tánh phiền não dù không, mà hay khiến thọ nghiệp. Nghiệp quả không tánh, mà cũng tạo nhân khổ. Khổ đau tuy hư dối, vậy mà khó nhẫn là sao? Bây giờ nói phiền não tánh không, nghiệp tánh không, nói cái gì cũng không. Thế nhưng phiền não tuy không mà nó có công dụng tạo nghiệp, để phải chịu khổ. Nếu nói khổ cũng hư dối, vậy tại sao nhẫn không được? Đau một chút thì rên, đói một chút thì than, ai nói trái ý thì giận. Đó là chỉ nói, chứ chưa thông, đây cũng là bệnh. Cho nên ngài nói thêm:

Nếu như bị chứng bệnh không, thì thể bệnh toàn là không, đâu cần tới thầy thuốc và uống các thứ thuốc men? Nếu chấp rằng nghiệp là không, phiền não là không v.v... thì bệnh cũng là không. Vậy khi bệnh tại sao tìm thầy xin thuốc uống? Đó là cái sai lầm của mình.

Nên biết là nói và làm trái nhau, hư thật có thể nghiệm thấy rõ. Như vậy, nói cái gì cũng không mà đau chịu không nổi, thì đó là lời nói và việc làm trái nhau. Đây cũng là sai lầm.

Đây tôi nhắc lại một lần nữa tánh nghiệp là không. Tại sao? Bởi vì nghiệp là từ thân khẩu ý, tức là thân miệng ý tạo nghiệp nhưng ý là chủ. Vậy ý ở đâu mà là chủ tạo nghiệp? Nếu mình quay lại soi thì nó là không. Nhưng tham sân si dấy lên thì có, mà có thì thành nghiệp. Thế nên nói nghiệp tánh không mà thành sự, nghĩa là tánh nó là không, nhưng theo nó thì thành sự, tức thành quả. Vì vậy chúng ta quán nghiệp là không thì được mà nói nó là không thì chưa được. Như chúng ta hiện còn phiền não thì không thể nói nó là không. Đó là để thấy rõ cái không thật ấy.

Chỉ lượng căn cơ, lực dụng, chẳng thể tự dối gạt mình. Người tu chúng ta phải xét lường kỹ căn cơ, lực dụng của mình tới đâu để lời mình nói cho hợp, cho đúng, chứ không nên tự dối gạt mình. Giả dụ như có người tu chợt sáng ra, biết mình có sẵn tánh giác bất sanh bất diệt, biết rõ không nghi, nhưng phiền não, sân si còn thì nên nói sao? Phải nói tôi là người có

con mắt sáng nhưng vì chân tôi yếu, tôi đi bị vấp té hoài. Chân còn yếu là để chỉ cho đạo lực của mình, tuy có thấy mà thực hiện chưa tròn, chưa đủ. Nếu mình còn yếu thì cần phải chống gậy, hay cần người dìu dắt cho khỏi té. Thấy đường mà đi không được, đó là bệnh của chúng ta. Thí dụ như ngồi một mình mà quán thì thấy ta không thật, người cũng không thật. Thế nhưng khi đối diện với người, nói chuyện một lúc thì thấy là thật. Đó là tuy có mắt sáng mà chân đi chưa vững. Cho nên cũng còn phải coi kinh, phải học đạo, nhắc tới nhắc lui để cho càng ngày càng vững thêm. Đừng nghĩ rằng mình thấy rồi, cái gì mình cũng có thể thực hiện được, thì không phải.

Xét niệm ngừa lỗi quấy, cần phải chín chắn. Chúng ta phải xem xét từng niệm khởi, ngừa từng hành động sai lầm, như thế mới gọi là người tu chín chắn.

Có nhiều người khi nói đạo lý thì rất hay, tưởng đâu họ là thánh rồi. Nhưng lâu lâu gặp chuyện thì tâm phàm nổi dậy. Tại sao? Tại vì thánh mới được một chớp sáng thôi rồi ngưng nên phàm trở lại, vì phàm còn lẫn lộn nhiều quá. Như vậy, người tu chúng ta phải xét biết mình thật rõ, cẩn thận xét từng ý niệm, chín chắn nhìn từng hành động lỗi lầm của mình.

Nên nói: Muôn pháp do nơi tâm, tất cả ở tại ta. Muôn pháp đều do tâm mình. Tất cả cái hay dở, tội phước cũng gốc ở chúng ta. Chính chúng ta là chủ để tạo nên thánh, là chủ để tạo nên phàm, chứ không có ở đâu khác.

Trong rỗng, ngoài trọn chẳng thật. Ở trong trống rỗng, ở ngoài cũng không thật.

Trong tinh tế, ngoài trọn chẳng thô suất. Ở trong được tinh tế, ở ngoài cũng không thô suất tức là cũng nghiêm trang.

Tâm phàm thì ba độc quấn chặt. Tâm thánh thì sáu thông tự tại. Ba độc tham sân si đeo chặt mình, đó là tâm phàm. Còn sáu căn của mình rỗng rang tự tại, không dính mắc, đó là tâm thánh. Vậy có cần hỏi thầy xem tâm tôi là phàm hay thánh? Không cần, chỉ nhớ ai bị tham sân si khắn chặt thì người đó là tâm phàm. Còn người nào sáu căn đối với sáu trần không dính mắc, đó là tâm thánh. Thấy, nghe, biết tất cả mà không dính mắc cái gì, thì không nói thánh tự nó cũng là thánh. Dù cho khoe tới bậc nào đi nữa mà tham sân si còn tiềm ẩn ở trong, đó là phàm. Phàm thánh rõ ràng không có ở đâu xa.

Tâm không thì một đạo thanh tịnh. Tâm có thì muôn cảnh dọc ngang. Tâm không là tâm rỗng, không có những ý niệm lăng xăng đó là đạo thanh tịnh. Còn tâm có tức là có cái này sanh, cái kia sanh, có cái này thật, cái kia thật thì muôn cảnh dọc ngang, đi đâu cũng gặp chướng.

Như hang trống đáp tiếng vang, nói to thì vang lớn. Tợ gương soi hình tượng, hình cong thì bóng nghiêng. Nên nói: Muốn ngoài được an hòa, chỉ bên trong cần yên tĩnh.

Những ví dụ này rất cụ thể. Như cái hang trống, ở ngoài la một tiếng thì nó dội lại một tiếng, tiếng vang không có khác. Hoặc cái gương soi hình, người đứng nghiêng thì thấy bóng trong gương nghiêng, đứng thẳng thì thấy bóng thẳng. *Nên nói: Muốn ngoài được an hòa, chỉ bên trong cần yên tĩnh.* Nghĩa là muốn ở ngoài được bình an thì bên trong cần yên tĩnh. Phải làm sao cho ở trong yên tĩnh? Nghĩa là nghe ai nói gì thì đừng nổi sân, khen cũng không quá mừng, chê cũng không tức giận thì người đó được bình an. Còn nếu khi được khen thì thích bị chê thì nổi giận, thì không bình an. Thế nên, ở trong mà không an thì ở ngoài không an được. Người tu cũng vậy, muốn cho cả ngày đi đứng qua lại đều bình an thì nghe ai nói cái gì hay cũng tốt, cái gì dở cũng bỏ qua, luôn giữ tâm không động trước cái đẹp xấu, hay dở... thì trong ngoài bình an.

Tâm rỗng rang thì cảnh vắng lặng, niệm dấy lên thì pháp sanh khởi. Khi tâm rỗng rang, không dấy niệm thì thấy cảnh nào cũng vắng lặng, cảnh nào cũng dễ thương. Còn niệm dấy lên thì pháp sanh khởi, tức là thấy người, thấy vật rồi dấy niệm khen chê, đó là pháp sanh khởi, đủ thứ bệnh sẽ hiện ra.

Nước đục thì sóng mờ, đầm trong thì trăng hiện. Nước đục thì khi lượn sóng nhồi lên cũng đục. Đầm nước trong thì trăng trên bầu trời hiện bóng rõ ràng. Cũng vậy, chúng ta muốn thấy bóng trăng, trước phải giữ cho đầm tâm của mình trong. Bóng trăng hiện là chỉ cho tâm mình khi trong sáng thì mọi hiện tượng đều hiện hình rõ ràng, không cần kiếm tìm ở đâu nữa.

Yếu chỉ tu hành chẳng ra ngoài điểm này. Có thể nói: Chỉ nắm được tâm, lo gì chẳng xong vậy! Nắm được tâm lo gì chẳng xong. Đây là tâm nào? Nắm được tâm tức là làm chủ được tâm lăng xăng của mình, bắt nó ngừng lặng thì nó phải ngừng lặng, được như thế thì việc gì cũng xong. Nếu để tâm lăng xăng làm chủ mình, thì việc gì cũng rối loạn. Còn nếu làm chủ được tâm lăng xăng thì cả ngày mình được thanh tịnh, đi đứng nằm ngồi đều thanh tịnh. Đó là gốc của sự tu, cốt làm chủ được tâm để tâm chúng ta lúc nào cũng được thanh tịnh.

TỔNG KẾT

Để kết thúc, tôi nhắc tổng quát về mười bức tranh chăn trâu để tất cả quý vị dễ nhớ và thấy được ý nghĩa thiết yếu trên đường tu hành. Mười tranh chăn trâu có nhiều bản khác nhau, đây là tôi căn cứ theo bản của ngài Quảng Trí. Có nhiều thiền sư đề cập đến mười tranh này, nhưng lời nói có vẻ mông lung, chưa xác định rõ cái gì là con trâu, cái gì là thằng chăn. Với ngài Quảng Trí, ngài xác định trâu là năm thức của năm căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân), còn thằng chăn là ý thức. Song cái nhìn của tôi có khác, tôi nhìn ý thức có hai mặt: ý thức tỉnh và ý thức mê. Ý thức tỉnh thì chăn mới được, còn mê thì nó phụ họa với năm thức của năm căn. Vừa thấy vật tốt liền khởi lòng tham, đó là ý thức mê, cho nên tôi thường nhắc tăng ni tu thì phải bỏ mê mà hằng tỉnh. Thế nào là mê, thế nào là tỉnh? Chạy theo sáu trần là mê, không theo sáu trần là tỉnh, rất là đơn giản. Như vậy chúng ta tu chỉ có tỉnh với mê. Mắt vừa thấy sắc mình tỉnh mình biết, không chạy theo sắc, tai vừa nghe tiếng thì ngăn liền, không chạy theo phân biệt tiếng dở tiếng hay... Đó là ý thức tỉnh ngăn đón không chạy theo năm trần nên gọi là chăn trâu. Trái lại nếu chạy theo năm trần thì đó là để cho trâu hoang chạy rong. Nhưng muốn được ý thức tỉnh để ngăn đón không phải là đơn giản, vì chúng ta sống với ý thức mê nhiều. Như thấy một người đi đường liền phân biệt nam hay nữ, tiếp nữa là đẹp hay xấu, rồi dễ thương hay dễ ghét. Đó là chúng ta đang mê. Còn nếu thấy người thì thấy người,

không thêm một niệm nào nữa, đó là biết ngăn đón không cho con trâu chạy hoang. Như vậy nói chăn giữ năm căn chứ thật ra là chăn giữ cái ý thức mê. Ý thức mê phụ họa theo năm căn mới có lỗi chứ năm căn không có lỗi. Vậy cái gì chăn giữ ý niệm mê? Tức là niệm tỉnh giữ ý niệm mê. Chăn trâu là chăn giữ ý niệm mê chạy theo năm căn dính với năm trần, chứ không phải chăn năm căn. Vì làm sao chăn năm căn? Bắt mắt nhắm, bắt tai điếc phải không? Hẳn là không. Mắt cứ thấy, tai cứ nghe có gì cần phải chăn, nhưng chăn là chăn cái chạy theo phụ họa, cái đó thuộc về ý thức. Đó là điều rất tế nhị. Như vậy chăn không cho ý niệm mê chạy theo năm căn để tạo nghiệp, đó là chăn trâu.

Chăn trâu có mười mục gồm mười bức tranh. Bức tranh đầu là *Chưa chăn* tức là chưa chăn giữ, như ở thế gian người ta ăn tiệc uống rượu chưa biết gì để tu hành, đây là hình ảnh ba người ngồi uống rượu nói chuyện chơi. Con trâu còn hoang, mục đồng mới đi tìm nó. Qua bức tranh thứ hai là *Mới chăn*, quý vị thấy cay đắng không? Mục đồng xỏ mũi được trâu rồi, tay thì nắm dây mũi lôi, tay thì cầm roi quất. Khi mới chăn thì nhọc nhằn vô kể. Một con trâu hoang chúng ta xỏ được mũi, nó mạnh mình yếu, nó cứ lôi đi, nhưng mình được ưu thế là có dây mũi và thêm cây roi. Như vậy người mới chăn phải có đủ hai điều kiện là dây mũi và cây roi mới trị nổi con trâu. Dây mũi là gì? Là giới luật. Cây roi là gì? Là quở trách. Nếu là cư sĩ thì năm giới là dây mũi. Thí dụ như người Phật tử muốn tu thiền, tức là muốn giữ cho tâm yên tĩnh, mà con trâu đang chạy thì phải có dây mũi,

nghĩa là giữ năm giới. Nếu muốn tu thiền mà làm việc ăn trộm thì tối ngồi thiền có yên không? Ngồi lo mưu tính đủ cách để đi lấy trộm thì đâu có an, khi trộm được rồi sợ bị bắt, lại phải tính mưu kế nữa nên cũng không an. Như vậy muốn an thì phải giữ giới. Mục thứ hai thật là cay đắng, vừa có dây mũi vừa có roi, nghĩa là giai đoạn đầu muốn chăn giữ cho ý niệm không chạy theo phụ họa với năm căn thì trước phải giữ giới luật và quở trách nó. Những mục kế, ở đây nói đơn giản quá, mới nỗ lực giữ mà đến bức tranh thứ ba thứ tư, chú mục đồng đi thảnh thơi, con trâu đi theo chú rồi, *Chịu phục*, *Quày đầu* dễ dàng. Thật ra từ mục thứ nhất đến thứ tư không phải đơn giản như vậy. Đến mục thứ năm thì mới được thảnh thơi, tức là đến *Thuần phục*, con trâu ngoan ngoãn rồi mục đồng mới thảnh thơi.

Trong phần tổng kết này tôi chỉ nói lên điểm then chốt. Mười mục chăn trâu, nếu người chăn quyết tâm tận lực chăn thì sẽ điều phục được trâu, sẽ thắng được trâu dù nó là trâu hoang. Khi thắng nó rồi, chúng ta từ chỗ nhọc nhằn dần dần tiến đến chỗ thảnh thơi. Như vậy trên đường tu, bước đầu ai cũng phải cay đắng, không ai bước vào tu mà thảnh thơi được. Chúng ta phải quyết tâm tận lực qua được sự cay đắng đó mới từ từ được thảnh thơi cho đến lúc trâu và chăn mất. Như tôi đã nói ý niệm mê thì chạy theo cảnh, ý niệm tỉnh thì ngăn đón không chạy theo. Hai ý niệm này trở thành chăn và trâu. Khi thuần rồi chỉ còn ý niệm tỉnh, ý niệm mê không còn, tức là con trâu mất chỉ còn thằng chăn nên cũng còn chăm chỉ ngó chừng. Còn ý niệm tỉnh là còn chỗ dụng công

xem xét cho đến cuối cùng ý niệm này cũng mất. Trâu mất trước rồi chăn mất sau mới thành một vòng tròn là tánh viên giác. Như vậy chúng ta tu lúc đầu là dùng tương đối, lấy cái tỉnh để dẹp cái mê. Khi mê hết còn lại cái tỉnh, cuối cùng tỉnh cũng lặng, lúc đó mới hoàn toàn viên giác, tức là giác ngộ tròn đủ. Như trong kinh dạy chúng ta tu đến chỗ không còn thấy trong có tâm, ngoài có cảnh tức không còn ngã và pháp... Khi đó mới viên mãn, giác ngộ tròn đầy. Vì vậy muốn đến giác ngộ viên mãn thì cả trâu và chăn đều mất, đó là theo hình ảnh ở đây.

Trở lại những bức tranh vẽ ở đây. Bức tranh đầu vẽ con trâu với thằng chăn có vẻ đặc biệt. Con trâu trong bức tranh thứ hai có vẻ hiền hơn con trâu trong bức tranh đầu, vì con trâu đầu đang là trâu hoang. Quý vị thấy từ con trâu hoang đó đến bức thứ hai con trâu tuy được xỏ mũi lôi cổ mà vẫn còn hung hăng. Bức thứ ba, con trâu trắng được cái đầu, thằng chăn cũng còn dây mũi còn roi, bức tranh thứ tư trâu mới có vẻ hiền lành nhưng vẫn còn dây mũi. Như vậy tu phải trải qua mục thứ năm, lúc đó mới thảnh thơi. Quý vị đến mục thứ mấy rồi? Nếu số một thì cay đắng lắm, ngồi tu mà khổ sở, mục thứ hai, thứ ba thì khá một chút. Thứ tư thì dễ chịu, thứ năm mới thảnh thơi, kéo chân lên ngồi liền thảnh thơi, hoặc đi tới đi lui cũng vẫn thảnh thơi, không còn phải nhọc nhằn canh chừng từng phút từng giây nữa. Như vậy chúng ta thấy có sự an lành thảnh thơi nào mà chẳng đổi bằng sự nhọc nhằn cay đắng không? Hẳn là không.

Ở thế gian, muốn thành một nhà cự phú thì cũng phải bao năm nhọc nhằn khổ sở mới gầy dựng nên sự nghiệp. Một người học trò muốn thành một vị quan giỏi để lo việc nước thì cũng phải cực nhọc học hành mấy chục năm. Người tu chúng ta cũng vậy, muốn chiến thắng được những ý niệm mê lầm theo thói quen ngàn đời thì cũng phải cay đắng, nhưng nếu quyết tâm thì có thể làm được. Đừng nghĩ tu khó quá rồi thả trôi thì sẽ không ra gì. Chúng ta biết trước mắt chúng ta là khó nhưng với quyết tâm tận lực, chắc chắn chúng ta sẽ thành công không nghi.

Như vậy tôi nói cho quý vị thấy tường tận rằng sự tu hành rất khó, song cái khó đó là để chúng ta thành công chứ không phải để chúng ta thối lui. Cư sĩ hay xuất gia đều có thể làm được nếu quyết tâm tận lực. Đồng thời chúng ta biết rõ rằng nơi mình có sẵn khả năng thành Phật, chỉ cần phải dẹp những thói quen mê lầm. Thói quen mê lầm ví dụ như bụi, như nước sơn phủ trên mặt gương. Gương vốn trong sáng, nay gương tối là do bụi phủ hay người ta đem sơn phết lên mặt gương. Chúng ta chịu khó lau mãi nó sẽ hết, nhất định nó sáng vì gương vốn sáng, bụi và sơn chỉ phủ bên ngoài, chúng ta cố gắng tìm mọi cách lau rồi nó sẽ sáng không nghi. Cũng như vậy tánh giác vốn sẵn có nhưng bị tập khí phiền não nhiều đời che lấp, nay chúng ta chỉ cần dẹp sạch phiền não tập khí thì tánh giác hiện tiền không nghi ngờ. Nếu quý vị làm được việc này mà không được sáng, tôi phải chịu thay tội cho quý vị tôi cũng chấp nhận, còn quý vị

không chịu làm thì lỗi đó tại ai? Thế nên chúng ta tu là một việc làm khẳng định thành công chứ không phải việc làm cầu may, không phải việc làm để làm chơi, bỏ phí một đời để làm chơi. Một đời là quý lắm, chúng ta phải làm sao cho có kết quả như điều mong ước, đừng thả trôi uổng cả một đời, sau trở lại không biết có gặp được duyên tốt như hiện nay không, nên phải ráng làm cho được. Đó là điều tôi nhắc nhở, mong tất cả quý vị ghi nhớ.